



**Phụ lục**  
**BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG**  
**VỀ DỰ ÁN LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (SỬA ĐỔI)**

STT	BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG, HỢP	Ý KIẾN THAM GIA	Ý KIẾN TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
I	Ý kiến các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ		
1	Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh	Nhất trí.	
2	Đài Tiếng nói Việt Nam	Nhất trí.	
3	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	Nhất trí.	
4	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	<p>- Đề nghị bỏ “<i>trả thay lương</i>” tại điểm c khoản 1 Điều 7 dự thảo Luật vì không có quy định nào về việc trả hàng hóa, dịch vụ thay cho lương.</p> <p>- Đề nghị bổ sung nhà trẻ, lớp mẫu giáo vào tài sản c định phục vụ cho người lao động tại điểm g Điều 13 dự thảo Luật để phù hợp với quy định tại Bộ luật Lao động 2019.</p>	<p>- Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn Luật thuế GTGT đã có quy định về giá tính thuế GTGT của hàng hóa đối với trường hợp doanh nghiệp trả thay lương cho người lao động, quy định này đã được thực hiện ổn định. Do vậy, đề nghị giữ như quy định hiện hành.</p> <p>- Tại khoản 4 Điều 146 Bộ Luật lao động quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động: <i>Giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.</i></p> <p>Tại dự thảo Luật chỉ quy định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ đối với tài sản cố định (TSCĐ) phục vụ trực tiếp cho người lao động. Đối với nhà trẻ, lớp mẫu giáo gián tiếp phục vụ cho người lao động (không được coi là TSCĐ của doanh nghiệp). Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p>
5	Bộ Nội vụ	<p>I. Về dự thảo Tờ trình</p> <p>I. Về sự cần thiết</p>	

		<p>- Cần làm rõ và đầy đủ hơn; đồng thời biên soạn lại các mục: cơ sở chính trị, cơ sở thực tiễn, sự cần thiết theo hướng rõ ràng và mạch lạc hơn.</p> <p>- Đề nghị bổ sung, làm rõ hơn nội dung tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện Luật thuế GTGT tại Báo cáo tổng kết thi hành Luật để đảm bảo cơ sở đề xuất các chính sách nội dung tại dự thảo Luật; đồng thời rà soát, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các quy định của pháp luật chuyên ngành.</p> <p><b>2. Về nguồn lực, điều kiện đảm bảo thi hành Luật sau khi được thông qua</b></p> <p>- Đề nghị báo cáo rõ về nguồn lực, điều kiện đảm bảo thi hành Luật sau khi được thông qua để không làm tăng thêm đầu mỗi tổ chức và biên chế.</p> <p>- Nội dung dự thảo Luật sửa đổi có giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hành chính, đề nghị có đánh giá thủ tục hành chính đối với các nội dung bổ sung về thủ tục hành chính.</p> <p><b>II. Về dự thảo Luật</b></p> <p>- Đề nghị rà soát bảo đảm không lồng ghép các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế vào dự thảo Luật.</p>	<p>- Hồ sơ dự án Luật đã hoàn chỉnh theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL).</p> <p>- Nội dung đề xuất sửa đổi dự án Luật đã được tiến hành tổng kết, đánh giá, kê thừa các nội dung tại Báo cáo nghiên cứu, rà soát Luật thuế GTGT; Tờ trình đề nghị xây dựng dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi). Báo cáo và Tờ trình lập đề nghị đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) đồng ý.</p> <p>- Tại dự thảo Tờ trình Chính phủ (Mục VII) đã có nội dung này.</p> <p>- Bộ Tài chính xin tiếp thu và sẽ có đánh giá tác động về thủ tục hành chính khi ban hành Thông tư hướng dẫn.</p> <p>- Tại dự thảo Luật không có quy định về tổ chức bộ máy, biên chế.</p>
6	Bộ Tài nguyên và Môi trường	<p>Đề nghị rà soát kỹ các nội dung của hồ sơ dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 và các văn bản pháp luật khác có liên quan để bảo đảm tính hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật, đúng thẩm quyền, minh bạch, rõ ràng, đơn giản, thuận tiện, không tạo cơ chế “xin - cho”, không phát sinh chi phí không đúng quy định cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.</p>	<p>Bộ Tài chính đã rà soát với Luật đất đai số 31/2024/QH15, các nội dung của dự thảo Luật đều phù hợp với Luật đất đai.</p>

7	Bộ Giao thông vận tải	<p>- Khoản 12 Điều 5 dự thảo Luật, đề nghị bổ sung loại tài sản là: tài sản kết cấu hạ tầng giao thông và sửa cụ thể như sau: “Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng (<b><i>bao gồm cả tài sản kết cấu hạ tầng giao thông</i></b>), cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội.”</p> <p>- Khoản 16, Điều 5 đề nghị bổ sung đối tượng là tàu cá Việt Nam, <b>tàu chuyên dùng tìm kiếm cứu nạn</b>, do đối tượng là tàu cá Việt Nam đảm bảo việc khuyến khích sử dụng cho đánh bắt thủy hải sản của ngư dân, góp phần khai thác, bảo vệ chủ quyền biển đảo; tàu chuyên dùng tìm kiếm cứu nạn đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước cho mục tiêu nhân đạo cứu nạn người bị nạn trên biển, do vậy cần thiết bổ sung 2 đối tượng này.</p> <p>- Bổ sung vào đối tượng không chịu thuế quy định tại Điều 5 của dự thảo Luật đối với “tàu biển được nhập khẩu để vận chuyển hàng hóa cho chủ tàu Việt Nam, thời gian áp dụng đến hết năm 2026”.</p>	<p>Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định 10/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ quy định:</p> <p><i>“Tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (sau đây gọi tắt là tài sản hạ tầng đường bộ) gồm: Công trình đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, nhà hạt quản lý đường bộ, trạm dừng nghỉ và các công trình khác phục vụ giao thông và hành lang an toàn đường bộ.”</i></p> <p>Theo đó, trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng giao thông được duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo và được xác định là công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng thì thuộc đối tượng không chịu thuế. Do vậy, không cần thiết bổ sung quy định này.</p> <p>- Mục đích quy định đối tượng ưu đãi đối với tàu đánh bắt cá xa bờ là hỗ trợ cho ngư dân. Đối với tàu chuyên dùng tìm kiếm cứu nạn sử dụng vốn ngân sách nhà nước (NSNN), do vậy, NSNN sẽ cấp đủ tiền thuế để trả khi mua tàu.</p> <p>- Theo cam kết WTO thì chính sách thuế không được phân biệt đối xử giữa hàng nhập khẩu và hàng sản xuất trong nước. Do vậy, việc quy định đối tượng không chịu thuế GTGT đối với tàu biển nhập khẩu để vận chuyển hàng</p>
---	-----------------------	---	---

		<p>- Khoản 17, Điều 5 đề nghị sửa: “<i>tàu thủy</i>” thành “<i>tàu thuyền</i>” ; thêm chữ <i>hoặc</i> vào cụm “<i>thuê của nước ngoài hoặc để sử dụng</i>”</p> <p>- Khoản 25 Điều 5 của dự thảo đề nghị nâng mức doanh thu từ một trăm năm mươi triệu đồng lên hai trăm năm mươi triệu đồng (tương đương khoảng 10.000 USD Mỹ)</p>	<p>hóa cho chủ tàu Việt Nam là chưa phù hợp.</p> <p>Tại khoản 17 Điều 5 Luật thuế GTGT quy định đối tượng không chịu thuế GTGT: <i>tàu bay, dàn khoan, tàu thủy thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp hoặc thuê của nước ngoài để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, cho thuê, cho thuê lại.</i></p> <p>Quy định này đã bao quát hết các trường hợp như thế xuất.</p> <p>- Tại Bộ luật hàng hải Việt Nam quy định về “tàu thuyền” (khoản 1 Điều 4), không có quy định về “tàu thủy”. Theo đó, tiếp thu thay cụm từ “tàu thủy” thành “tàu thuyền” để đồng bộ với pháp luật chuyên ngành.</p> <p>- Tại dự thảo Luật đã đề xuất nâng mức doanh thu của hộ, cá nhân kinh doanh từ 100 triệu lên mức 150 triệu. Mức đề xuất này căn cứ vào chỉ số lạm phát và tình hình thực tế (nếu căn cứ vào chỉ số lạm phát thì ngưỡng doanh thu tính thuế chỉ khoảng 130 triệu đồng, tuy nhiên để hỗ trợ hộ cá nhân kinh doanh, cá nhân kinh doanh Bộ Tài chính đã đề xuất nâng lên mức 150 triệu đồng). Việc nâng mức giảm thuế đối với hộ kinh doanh lên 250 triệu đồng sẽ ảnh hưởng đến số thu NSNN tại địa phương, nhất là các địa phương có số thu thấp. Bên cạnh đó, quy định này sẽ không khuyến khích các hộ, cá nhân kinh doanh chuyển sang doanh nghiệp (doanh nghiệp cứ phát sinh doanh thu phải nộp thuế GTGT). Theo</p>
--	--	--	--

		<p>- Điểm d, khoản 26 Điều 5 sửa thành: “d) Hàng hóa nhập khẩu ùng hộ, tài trợ, sử dụng cho hoạt động ứng phó sự cố thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, thảm họa dịch bệnh, chiến tranh theo quy định của Chính phủ.”</p> <p>- Đề đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà nước và doanh nghiệp, đề nghị sửa khoản 4 Điều 9 dự thảo Luật như sau: “Nếu cơ sở kinh doanh không xác định được theo từng mức thuế suất đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất bình quân của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở sản xuất, kinh doanh sản xuất, cung cấp hoặc được phép bán”.</p>	<p>đó, đề nghị giữ như mức đề xuất tại dự thảo Luật.</p> <p>- Tại khoản 3 Điều 3 Luật phòng, chống thiên tai quy định: “<u>Phòng, chống thiên tai là quá trình mang tính hệ thống, bao gồm hoạt động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai</u>”.</p> <p>Theo đó, đề xuất của Bộ Giao thông vận tải là thu hẹp phạm vi ùng hộ, tài trợ được áp dụng đối tượng không chịu thuế GTGT so với quy định tại dự thảo Luật. Đề khuyến khích hoạt động này, đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p> <p>- Đề xuất này chưa phù hợp vì thuế GTGT chỉ quy định 03 mức thuế suất là 0%, 5% và 10%, không có quy định về mức thuế suất bình quân. Theo đó, đề nghị giữ như quy định hiện hành.</p>
8	Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	<p>- Kiến nghị ban hành luật mới, thay thế các văn bản cũ.</p> <p>- Chưa thu hẹp nhóm thuế suất 5%, cần bổ sung tiêu chí của nhóm mặt hàng xếp vào nhóm thuế suất 5% và 10% và giải thích tại sao sửa đổi thuế suất của 1 số mặt hàng được chuyển sang nhóm 5% và 10%.</p> <p>- Cần quy định cụ thể ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý thuế GTGT.</p>	<p>- Tiếp thu, sửa tên dự thảo Luật thành Luật thuế GTGT.</p> <p>- Việc sửa đổi thuế suất của một số mặt hàng chuyển sang nhóm 5% và 10% để thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống thuế và mục tiêu thu hẹp nhóm thuế suất 5%. Bên cạnh đó, việc đề xuất sửa đổi và lý do sửa đổi đã được nêu chi tiết tại Thuyết minh kèm theo Tờ trình Chính phủ.</p> <p>- Đây là nội dung liên quan đến quản lý thuế, theo đó, không thuộc phạm vi của Luật này.</p>

9	Bộ Quốc phòng	<p>- Bộ Tài chính quy định đối tượng không chịu thuế GTGT: “Vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng an ninh” nhưng chưa xây dựng Danh mục vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng an ninh.</p> <p>- Khoản 18 Điều 5: Đề nghị sửa “Vũ khí, khí tài chuyên dùng” thành “Vũ khí, trang bị kỹ thuật” để phù hợp với dự thảo “Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp” thông qua kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV.</p>	<p>Qua tổng kết đánh giá thì việc xây dựng Danh mục rất phức tạp, khó khăn do Danh mục vũ khí, khí tài cơ bản Việt Nam chưa sản xuất được, phải nhập khẩu từ nước ngoài và cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, danh mục hàng hóa rất đa dạng, nhiều chủng loại và sẽ liên tục thay đổi phải cập nhật mới.</p> <p>Hiện nay, hàng năm Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phải xây dựng kế hoạch mua sắm vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ cho quốc phòng, an ninh và kế hoạch này phải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc do Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ. Pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định cơ sở miễn thuế nhập khẩu là căn cứ danh mục mua sắm hàng năm đã được phê duyệt. Do vậy, để phù hợp với thực tế và đảm bảo đồng bộ với pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p> <p>Hiện dự thảo Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp chưa được Quốc hội thông qua. Qua nghiên cứu dự thảo Luật thì có 02 loại vũ khí đã bao gồm: vũ khí trang bị kỹ thuật, vũ khí trang bị chiến lược và tại dự thảo không có định nghĩa thế nào là trang bị kỹ thuật. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật để bao quát hết các trường hợp.</p>
10	Bộ Thông tin và Truyền thông	<p>- Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét giữ nguyên “Dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích phổ cập theo chương trình của Chính phủ” thuộc đối</p>	<p>Việc quy định đối tượng không chịu thuế sẽ không còn phù hợp vì doanh nghiệp bỏ vốn đầu tư sẽ không</p>

tượng không chịu thuế giá trị gia tăng (sau đây viết tắt là GTGT) như Luật thuế GTGT hiện hành

Lý do:

+Nếu chuyển dịch vụ viễn thông công ích từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10% sẽ làm ảnh hưởng đến nguồn kinh phí hỗ trợ Chương trình VTCI và ảnh hưởng tới mức hỗ trợ cho các đối tượng được hỗ trợ dịch vụ VTCI là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ chính sách, các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (giảm mức hỗ trợ cho các đối tượng được hỗ trợ dịch vụ VTCI).

+ Việc chuyển dịch vụ bưu chính công ích từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang chịu thuế suất thuế GTGT 10% sẽ làm tăng giá cước dịch vụ bưu chính công ích thêm 10% so với giá cước hiện hành và ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí người dân phải chi trả.

- Đề nghị xem xét bỏ cụm từ “In-ter-net phổ cập” để đảm bảo thống nhất với Luật chuyên ngành vì theo Khoản 2, Điều 30, Luật viễn thông năm 2023: dịch vụ In-ter-net phổ cập thuộc dịch vụ viễn thông công ích.

- Đề xuất Ban soạn thảo bổ sung quy định “hàng hóa, dịch vụ ứng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh...theo chỉ đạo của Cơ quan quản lý Nhà nước” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:

Lý do:

+Việc miễn thuế GTGT là hỗ trợ trực tiếp đến người tiêu dùng cuối cùng là người dân. Miễn thuế GTGT đối với hoạt động viễn thông phục vụ phòng chống thiên tai, dịch bệnh, ứng cứu sự cố khẩn cấp ... sẽ giúp hỗ trợ người dân; giúp đỡ cho doanh nghiệp viễn thông, cũng như các doanh nghiệp thuộc các ngành nghề khác không gặp phải các vấn đề khó khăn liên quan đến các khoản thu nộp của Nhà nước khi thay mặt cơ quan quản lý Nhà nước cung cấp các dịch vụ miễn phí trong các trường hợp thảm họa, thiên tai,

được khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào. Do vậy, đối với doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ này sẽ phải phân bổ thuế GTGT đầu vào dùng chung.

Một số nước quy định thuộc đối tượng chịu thuế GTGT đối với dịch vụ bưu chính như: Úc, Chi lê, Nhật Bản, Niu-di-lân, Na uy. Hầu hết các nước đều quy định thu thuế GTGT đối với dịch vụ viễn thông.

Để đảm bảo công bằng với một số dịch vụ khác và phù hợp với thông lệ quốc tế và để thực hiện mục tiêu thu hẹp đối tượng không chịu thuế, đề nghị giữ như dự thảo Luật.

Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để ứng hộ, tài trợ của doanh nghiệp trong nước là hàng cho, biếu, tặng nên phải thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định. Do vậy, đề nghị thực hiện theo quy định hiện hành.

		<p>dịch bệnh.</p> <p>+Ngoài ra, các doanh nghiệp viễn thông đã thực hiện các nhiệm vụ nhằm hỗ trợ cộng đồng do Chính phủ chỉ đạo trong đó có hoạt động gửi tin nhắn phòng chống Covid-19, tuyên truyền về bầu cử, tuyên truyền về ngày hội sách Việt Nam, kêu gọi tiêu thụ vải thiều Bắc Giang, phòng cháy chữa cháy, phòng ngừa tội phạm về vũ khí và vật liệu nổ, ... Đây là các chương trình thực hiện miễn phí, không nhằm mục đích kinh doanh sinh lời mà thực hiện theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước nhằm mục đích tuyên truyền cung cấp thông tin tới người dân.</p>	
11	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	<p>- Đối với khoản 1 Điều 5: Đề nghị nghiên cứu bổ sung đối tượng “liên hiệp hợp tác xã”.</p> <p>Lý do: Theo các quy định tại khoản 8 Điều 4 và khoản 4 Điều 10 của Luật Hợp tác xã: Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân; có nghĩa vụ thực hiện quy định của pháp luật về thuế. Tương tự, đề nghị rà soát, bổ sung đối tượng trên vào điểm a khoản 2 Điều 12 dự thảo Luật.</p> <p>- Đối với khoản 25 Điều 5: Đề nghị bổ sung căn cứ tính toán, thuyết minh bằng các số liệu mang tính định lượng để làm rõ lý do quy định ngưỡng doanh thu hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, đảm bảo phù hợp với thực tế và khuyến khích kinh tế tư nhân, động viên các cá nhân, hộ gia đình làm giàu chính đáng, đồng thời không bỏ sót nguồn thu.</p> <p>- Đối với khoản 26 Điều 5: dự kiến quy định “Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết hồ sơ, thủ tục, tiêu chuẩn xác định đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng”. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Không quy định thủ tục hành chính trong thông tư.</p>	<p>Việc bổ sung quy định cần phải có đánh giá và rà soát đánh giá. Do vậy, ý kiến này sẽ được tiếp tục nghiên cứu trong quá trình xây dựng Luật.</p> <p>Tại dự thảo Luật đã đề xuất nâng mức doanh thu của hộ, cá nhân kinh doanh từ 100 triệu lên mức 150 triệu. Mức đề xuất này căn cứ vào chỉ số lạm phát và tình hình thực tế (nếu căn cứ vào chỉ số lạm phát thì ngưỡng doanh thu tính thuế chỉ khoảng 130 triệu đồng, tuy nhiên để hỗ trợ hộ cá nhân kinh doanh, cá nhân kinh doanh Bộ Tài chính đã đề xuất nâng lên mức 150 triệu đồng).</p> <p>Tại Điều 14 Luật Ban hành văn bản QPPL quy định những hành vi bị cấm: Quy định thủ tục hành chính trong</p>



Do vậy, đề nghị rà soát quy định nêu trên đảm bảo phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tương tự, đề nghị rà soát nội dung dự kiến quy định tại khoản 1 Điều 9 “Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục, hồ sơ và điều kiện áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu quy định tại khoản này”; khoản 2 Điều 13 “Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể về hồ sơ, thủ tục và điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào quy định tại khoản này” và khoản 9 Điều 14 “Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết điều kiện hoàn thuế đối với các trường hợp quy định tại Điều này”.

- Điều 8:

Để tạo thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị nghiên cứu quy định theo hướng xác định rõ các trường hợp đặc thù khác.

- Điểm đ khoản 1 Điều 13:

Đề nghị rà soát, bổ sung quy định đối với trường hợp kê khai, khấu trừ sai, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện. (đối chiếu với khoản 1 Điều 47 Luật Quản lý thuế: “*Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra*”.

thông tư, thông tư liên tịch, quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân, văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, trừ trường hợp được luật, nghị quyết của Quốc hội giao.

Do vậy, việc giao thẩm quyền hướng dẫn thủ tục hành chính tại Thông tư là phù hợp.

Thực tế có thể phát sinh các trường hợp đặc thù khác nên tại dự thảo Luật đã giao Bộ Tài chính quy định để đảm bảo linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo thu đúng thu đủ thuế vào NSNN.

Đối với trường hợp kê khai, khấu trừ sai thì tại Luật quản lý thuế đã có quy định nhưng chưa có quy định kê khai, khấu trừ đối với trường hợp doanh nghiệp bỏ sót hóa đơn. Do vậy, để tránh chồng chéo, đề nghị chỉ quy định đối với trường hợp bỏ sót hóa đơn chưa kê khai.

		<p>- Điều 14: Đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về hoàn thuế đối với trường hợp dự án đầu tư có phần vốn góp của Nhà nước (dự án PPP).</p> <p>Lý do: Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 31/2013/QH13, Luật số 106/2016/QH13) thì việc hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư không phân biệt dự án đầu tư có vốn của nhà nước hay không.</p> <p>Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc đối với các dự án PPP có một phần vốn đầu tư của nhà nước, một phần vốn đầu tư của doanh nghiệp không thuộc nhà nước. Một số dự án đầu tư không có thỏa thuận/quy định về việc xử lý số thuế giá trị gia tăng đầu vào tương ứng với tỷ lệ vốn tham gia của nhà nước nếu được hoàn thuế (phải nộp lại ngân sách nhà nước hay xử lý như thế nào). Luật Thuế giá trị gia tăng cũng không quy định rõ số thuế giá trị gia tăng đầu vào tương ứng với tỷ lệ vốn tham gia của nhà nước có thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư hay không.</p>	<p>Luật thuế GTGT quy định dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư phục vụ sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT được hoàn thuế GTGT (không phân biệt nguồn vốn NSNN, vốn vay, vốn của tổ chức, cá nhân). Đây là vướng mắc ở khâu quản lý. Do vậy, không cần thiết phải bổ sung vào dự thảo Luật.</p>
12	Thanh tra Chính phủ	<p>- Đề nghị rà soát quy định cụ thể hơn về vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho quốc phòng, an ninh; lưu ý trường hợp sản phẩm dân dụng được sử dụng là một trong những bộ phận để lắp ráp hình thành vũ khí, khí tài chuyên dùng (khoản 18 Điều 5).</p> <p>- Đề nghị cân nhắc nghiên cứu chính sách thuế phù hợp đối với hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân trong nước nhằm mục đích tài trợ, viện trợ phục vụ chống dịch, thiên tai, thảm họa... (khoản 19 Điều 5).</p>	<p>Hiện nay, hàng năm Bộ Quốc phòng, Bộ Công an phải xây dựng kế hoạch mua sắm vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ cho quốc phòng, an ninh và kế hoạch này phải được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc do Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ. Pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định cơ sở miễn thuế nhập khẩu là căn cứ danh mục mua sắm hàng năm đã được phê duyệt. Đối với sản phẩm dân dụng được sử dụng là một bộ phận được lắp ráp vào vũ khí, khí tài nếu không phải là vũ khí, khí tài được Thủ tướng phê</p>

		<p>- Đề nghị rà soát mức doanh thu của hộ, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế (khoản 25 Điều 5) đảm bảo linh hoạt, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội từng giai đoạn.</p> <p>- Đề nghị rà soát, quy định cụ thể về hoạt động kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khoán thuế để đảm bảo thống nhất khi thực hiện.</p>	<p>duyet hoặc Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng phê duyệt theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ thì thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo quy định. Do vậy đề không mở rộng đối tượng không chịu thuế GTGT và đảm bảo đồng bộ với pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p> <p>- Tại dự thảo Luật đã đề xuất nâng mức doanh thu của hộ, cá nhân kinh doanh từ 100 triệu lên mức 150 triệu. Mức đề xuất này căn cứ vào chi số lạm phát và tình hình thực tế (nếu căn cứ vào chi số lạm phát thì ngưỡng doanh thu tính thuế chỉ khoảng 130 triệu đồng, tuy nhiên để hỗ trợ hộ cá nhân kinh doanh, cá nhân kinh doanh Bộ Tài chính đã đề xuất nâng lên mức 150 triệu đồng).</p> <p>- Tại pháp luật về quản lý thuế đã có quy định cụ thể đối tượng nộp thuế theo phương pháp khoán (không có quy định theo hoạt động kinh doanh). Tại dự thảo Luật chỉ quy định phương pháp tính thuế (áp dụng đối với người nộp thuế và cũng không theo hoạt động kinh doanh của tổ chức, cá nhân).</p>
<b>II</b>	<b>Địa phương</b>		
1	Gia Lai	<p>- Bổ sung "Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt đã qua chế biến theo Danh mục và nội dung Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành" tại khoản 1 Điều 5 dự thảo Luật do có vướng mắc</p>	<p>- Luật hiện hành quy định: Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân</p>

		<p>trong khi xác định sản phẩm cụ thể đã qua chế biến hay chưa và Thông tư số 83/2014/TT-BTC ngày 22/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế GTGT theo Danh mục hàng hóa nhập khẩu Việt Nam sẽ bị bãi bỏ trong thời gian tới.</p> <p>- Sửa đổi “<i>khai</i>” thành “<i>xác định</i>” tại khoản 4 Điều 9 dự thảo Luật để thống nhất trong cả khoản 4.</p> <p>- Bỏ cụm từ “<i>trên giá trị gia tăng</i>” tại khoản 1 Điều 12 dự thảo Luật để phù hợp với quy định tại Điều 10.</p> <p>- Bổ sung thêm đoạn “<i>hoặc ngày giai đoạn đầu tư, hạng mục đầu tư hoàn thành</i>” tại đoạn thứ 3 khoản 2 Điều 14 dự thảo Luật để phù hợp với thời điểm hoàn thành của dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn, hạng mục đầu tư.</p>	<p><i>tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.</i></p> <p>Tại đề cương dự thảo Nghị định sẽ quy định chi tiết các hình sơ chế thông thường. Hiện nay, hệ thống ngành sản phẩm của Việt Nam do Thủ tướng ban hành không có quy định về sản phẩm sơ chế thông thường, do vậy, việc sửa đổi như đề xuất là chưa phù hợp..</p> <p>- Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Luật.</p> <p>- Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Luật.</p> <p>- Ý kiến chỉnh sửa về câu chữ, không làm thay đổi nội dung nên đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p>
2	Bình Định	Nhất trí.	
3	Lai Châu	Đề nghị rà soát, đối chiếu với quy định tại Điều 59 Luật ban hành VBQPPL (sửa đổi bổ sung năm 2020) để hoàn thiện hồ sơ dự án Luật.	Nội dung này đã được rà soát và thực hiện đúng quy định của Luật ban hành VBQPPL.
4	Hà Nam	Nhất trí.	
5	Lạng Sơn	Nhất trí.	
6	Ninh Thuận	Nhất trí.	
7	Quảng Ngãi	<p>- Đề nghị đưa đối tượng hộ cá nhân có doanh thu dưới ngưỡng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT sang nội dung đối tượng miễn (giảm) thuế.</p> <p>- Đề nghị miễn thuế GTGT cho hộ, cá nhân kinh doanh có doanh thu dưới 300 triệu đồng/năm.</p>	<p>- Luật thuế GTGT không có điều khoản quy định về miễn, giảm thuế. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p> <p>- Tại dự thảo Luật đã đề xuất nâng mức doanh thu của hộ, cá nhân kinh doanh từ 100 triệu lên mức 150 triệu. Mức đề xuất này căn cứ vào chỉ số lạm phát và tình hình thực tế (nếu căn cứ</p>

- Cần quy định rõ hơn đối với số tiền phí để lại của tổ chức thu phí có thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hay không.

vào chỉ số lạm phát thì ngưỡng doanh thu tính thuế chỉ khoảng 130 triệu đồng, tuy nhiên để hỗ trợ hộ cá nhân kinh doanh, cá nhân kinh doanh Bộ Tài chính đã đề xuất nâng lên mức 150 triệu đồng). Việc nâng mức giảm thuế đối với hộ kinh doanh lên 300 triệu đồng sẽ ảnh hưởng đến số thu NSNN tại địa phương, nhất là các địa phương có số thu thấp. Bên cạnh đó, quy định này sẽ không khuyến khích các hộ, cá nhân kinh doanh chuyển sang doanh nghiệp (doanh nghiệp cứ phát sinh doanh thu phải nộp thuế GTGT). Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.

- Tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP quy định: “3. *Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, .... Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí*”.

Về cơ bản, các khoản phí hiện hành do cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp cung cấp tổ chức thu phí. Riêng 02 khoản phí dịch vụ do Nhà nước cung cấp (phí sử dụng đường bộ, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh

		<p>- Đề nghị sửa cụm từ “nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây” thành “nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng (trừ dịch vụ duy trì vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố)” để tránh vướng mắc khi áp dụng và để thể hiện rõ mục đích chuyên dịch vụ duy trì vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố từ đối tượng không chịu thuế GTGT thành đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 10%.</p> <p>- Đề xuất quy định thống nhất cho cả doanh nghiệp, hợp tác xã và <b>tổ chức khác</b> có doanh thu dưới một tỷ đồng thì áp dụng phương pháp trực tiếp, trừ trường hợp tự nguyện đăng ký phương pháp khấu trừ.</p>	<p>hoạt) nhưng giao doanh nghiệp thu hộ. Thực chất tiền phí để lại cho doanh nghiệp là khoản tiền Nhà nước trả cho doanh nghiệp để tổ chức thực hiện thu phí (thực hiện theo cơ chế đặt hàng, giao kế hoạch theo quy định tại Nghị định số 130/2013/NĐ-CP) và số tiền phí để lại không lớn (chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của doanh nghiệp) nên tại các văn bản thu phí đã quy định số tiền được để lại hạch toán vào doanh thu chung của doanh nghiệp và thực hiện khai, nộp thuế theo quy định.</p> <p>Nếu không quy định số tiền được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí thì tổ chức thu phí phải hạch toán riêng khoản thu này và cơ quan nhà nước phải thực hiện quy trình lập, giao dự toán, quyết toán tiền phí được để lại tương tự như cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Điều này, không phù hợp với cơ chế tài chính của doanh nghiệp.</p> <p>- Nội dung quy định tại dự thảo đã đảm bảo chặt chẽ, theo đó, không cần thiết phải bổ sung như đề xuất.</p> <p>- Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Luật đã có quy định đối tượng nộp thuế theo phương pháp trực tiếp: “<u>Tổ chức khác</u>, trừ trường hợp đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế quy định</p>
--	--	--	---

- Tại điểm c khoản 2 Điều 12 quy định về doanh thu để tính thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp cần quy định rõ hơn nội dung liên quan đến “*tổng số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn bán hàng*” là doanh thu đã bao gồm thuế GTGT hay chưa bao gồm thuế GTGT để thống nhất với quy định về giá tính thuế tại điểm a khoản 1 Điều 7.

- Về khấu trừ thuế:

+ Nếu cho phép người nộp thuế (NNT) có doanh thu thuộc trường hợp không tính thuế được khấu trừ thuế GTGT đầu vào thì cần sửa đổi như sau: “... theo tỷ lệ % giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng, hàng hóa dịch vụ không tính thuế so với tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra.”, đồng thời bổ sung cho phép NNT chỉ có hoạt động kinh doanh (HĐKD) hàng hóa thuộc đối tượng không tính thuế có số thuế GTGT đầu vào trên 300 triệu được hoàn thuế.

+ Nếu không cho phép NNT chỉ có HĐKD hàng hóa không tính thuế theo khoản 1 Điều 5 thuộc đối tượng hoàn thuế GTGT đầu vào thì cần quy định rõ số thuế GTGT tính vào giá vốn hàng hóa, nguyên vật liệu, NNT không thực hiện kê khai khấu trừ thuế đầu vào.

tại khoản 2 Điều 11 của Luật này”. Do vậy, không cần thiết phải bổ sung vào dự thảo.

- Tại khoản 2 Điều 12 dự thảo Luật quy định: “*Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp theo doanh thu bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu*”. Doanh thu để tính theo phương pháp trực tiếp là tổng số tiền ghi trên hóa đơn bán hàng. Do vậy, đề nghị giữ như hiện hành.

- Luật thuế GTGT hiện hành quy định thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh hàng hóa thuộc đối tượng không phải tính nộp thuế được khấu trừ toàn bộ. Tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) dự kiến sẽ quy định doanh nghiệp được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo.

- Luật thuế GTGT hiện hành quy định thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh hàng hóa thuộc đối tượng không phải tính nộp thuế được khấu trừ toàn bộ. Tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) dự kiến sẽ quy định doanh nghiệp được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết. Vì vậy, đề nghị giữ như hiện hành

		<p>+ Cho phép NNT khai hóa đơn GTGT đầu vào bị sót vào kỳ phát hiện sót trước khi cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế, đồng thời giá trị hàng hóa, dịch vụ của hóa đơn bị sót được kê khai phải phù hợp với doanh thu theo chuẩn mực kế toán.</p> <p>- Đề xuất sửa đổi <i>“Đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào đủ điều kiện khấu trừ nhưng không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được tính vào nguyên giá của tài sản cố định hoặc hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp”</i> tại điểm e khoản I Điều 13 dự thảo Luật.</p>	<p>Theo quy định của pháp luật về thuế TNDN thì chi phí phải phù hợp</p> <p>- Theo quy định của pháp luật thì doanh nghiệp đủ điều kiện khấu trừ sẽ được khấu trừ nên không có trường hợp đủ điều kiện khấu trừ mà không được khấu trừ. Mặt khác, theo quy định của Luật thuế GTGT thì điều kiện để được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT gồm: Hóa đơn chứng từ hợp lệ; chứng từ thanh toán qua ngân hàng, trừ hóa đơn dưới 20 triệu.</p> <p>Theo quy định của pháp luật về thuế TNDN thì khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p><i>a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật. Đối với hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, trừ các trường hợp không bắt buộc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật.</i></p> <p>Do vậy, đề nghị thực hiện theo quy định hiện hành và không cần thiết phải bổ sung vào dự thảo Luật.</p> <p>- Pháp luật thuế GTGT hiện hành (Nghị định số 209/2013/NĐ-CP) quy</p>
--	--	--	--



- Quy định trường hợp khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với ô tô 16 chỗ ngồi trở lên để phục vụ đưa đón người lao động tại điểm g khoản 1 Điều 13 dự thảo Luật.

- Đề nghị cân nhắc khi bổ sung quy định trường hợp cơ sở kinh doanh sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% có phát sinh doanh thu chịu thuế suất 10% (chiếm tỷ trọng rất nhỏ) hoặc có phát sinh thu nhập khác thì có thuộc trường hợp được hoàn thuế không để không bị vướng khi thực hiện.

- Đề xuất không thay đổi quy định về việc không hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký để đảm bảo việc hoàn thuế cho dự án đầu tư thực hiện đúng các quy định của Luật Đầu tư.

định: Đối với tài sản cố định là ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống (trừ ô tô sử dụng cho vào kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, kinh doanh du lịch, khách sạn) có trị giá vượt trên 1,6 tỷ đồng thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào tương ứng với phần trị giá vượt trên 1,6 tỷ đồng không được khấu trừ.

Xe ô tô chở người từ 16 chỗ trở lên là xe kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa nên đề nghị giữ như dự thảo.

- Để không mở rộng phạm vi hoàn thuế GTGT thì dự thảo Luật chỉ quy định hoàn thuế GTGT đối với cơ sở chỉ sản xuất, cung ứng dịch vụ chịu thuế GTGT 5%. Đối với cơ sở kinh doanh vừa sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ 5% và 10% thì sẽ bù trừ được số thuế GTGT đầu vào của hoạt động 5%. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.

- Quá trình thực hiện cũng phát sinh nhiều vướng mắc trong việc xác định vốn điều lệ tại thời điểm hoàn thuế do quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật doanh nghiệp. Đồng thời, có trường hợp tại thời điểm lập đề nghị hoàn thuế, cơ sở kinh doanh chưa góp đủ vốn điều lệ nhưng đến khi cơ quan thuế ban hành Quyết định hoàn thuế thì cơ sở kinh doanh đã góp đủ vốn

		<p>- Đề nghị quy định điều khoản chuyển tiếp đối với dự án đầu tư mở rộng đề nghị hoàn thuế thời điểm Luật thuế GTGT (sửa đổi) có hiệu lực hiện đang vướng chính sách chưa được giải quyết hoàn thuế.</p> <p>- Đề xuất bổ sung quy định về “tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng” hoặc sửa đổi khoản 9 Điều 14 dự thảo Luật như sau: “9. Cơ quan thuế chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng (hồ sơ đầy đủ thành phần, kê khai đầy đủ nội dung theo quy định của Luật quản lý thuế) ...”</p> <p>- Đối với dự án đầu tư đã được hoàn thuế đúng quy định nhưng bị chấm dứt hoạt động khi chưa hoàn thành, chưa phát sinh doanh thu chịu thuế GTGT theo quy định hiện hành thì NNT phải nộp lại số thuế GTGT đã hoàn.</p>	<p>điều lệ, dù điều kiện hoàn thuế theo quy định nên lại đáp ứng điều kiện hoàn thuế theo quy định. Vì vậy, để cải cách thủ tục hành chính, đề nghị giữ như dự thảo.</p> <p>- Theo quy định của Luật ban hành VBQPPL thì văn bản được áp dụng kể từ ngày có hiệu lực. Đối với trường hợp hồ sơ lập đề nghị hoàn thuế trước ngày Luật có hiệu lực thì hành thì thực hiện theo VBQPPL tại thời điểm đó. Do vậy, đề nghị không hướng dẫn chuyển tiếp đối với trường hợp này.</p> <p>- Tiếp thu hoàn thiện dự thảo theo hướng: Khi thực hiện công vụ hoàn thuế hoặc kiểm tra, thanh tra hoàn thuế, công chức thuế được loại trừ trách nhiệm hình sự trong trường hợp người nộp thuế cung cấp thông tin, tài liệu, số liệu không trung thực, không chính xác mà tại thời điểm thực hiện hoàn thuế hoặc thời điểm kết thúc hoạt động kiểm tra, thanh tra hoàn thuế, công chức thuế không thể biết hoặc không thuộc trách nhiệm phải biết về tính trung thực, chính xác do người nộp thuế cung cấp và công chức thuế đã tuân thủ đúng các quy định pháp luật về thuế giá trị gia tăng và pháp luật quản lý thuế, đã tuân thủ đúng quy định, quy trình về quản lý rủi ro hoàn thuế giá trị gia tăng.</p>
--	--	--	--

		<p>- Đối với Doanh nghiệp (DN) chế xuất/DN trong khu phi thuế quan khi bán hàng hóa, dịch vụ cho DN nội địa hoặc thực hiện gia công hàng hóa cho DN nội địa thì các cơ quan Thuế đang hiểu và trả lời cho DN khác nhau, dẫn đến việc áp dụng chính sách cũng chưa thống nhất. Cần bổ sung quy định rõ hơn chính sách thuế GTGT cho đối tượng này.</p>	<p>- Pháp luật về thuế GTGT hiện hành (Thông tư số 130/2016/TT-BTC) đã có quy định hoàn thuế GTGT, thu hồi tiền hoàn thuế GTGT đối với một số trường hợp, tại dự thảo Nghị định chi tiết đã có quy định về hoàn thuế GTGT đối với trường hợp dự án đầu tư đã được hoàn thuế đúng quy định nhưng bị chấm dứt hoạt động khi chưa hoàn thành, chưa phát sinh doanh thu chịu thuế GTGT theo quy định hiện hành thì NNT phải nộp lại số thuế GTGT đã hoàn.</p> <p>Ý kiến này đã được tổng hợp vào dự thảo Nghị định trình kèm hồ sơ dự án Luật nên không bổ sung vào dự thảo Luật.</p> <p>- Luật thuế GTGT hiện hành quy định tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa phải nộp thuế GTGT. Theo quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu thì quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa giữa khu phi thuế quan với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p>Đây là vướng mắc trong quá trình thực hiện, không vướng về chính sách thuế nên đề nghị giữ như dự thảo.</p>
8	Thái Nguyên	Nhất trí.	
9	Hà Nam	Nhất trí.	
10	Quảng trị	Đề nghị thống nhất nội dung quy định tại khoản 1 Điều 14 dự thảo Luật như nội dung Tờ trình Bộ Tài chính, đồng thời bổ sung vào khoản 1 Điều 14 quy định về trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh có sản xuất, cung ứng nhiều loại hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT vừa 5% và 10% nếu có số thuế GTGT đầu vào	Để không mở rộng phạm vi hoàn thuế GTGT thì dự thảo Luật chỉ quy định hoàn thuế GTGT đối với cơ sở chỉ sản xuất, cung ứng dịch vụ chịu thuế GTGT 5%. Đối với cơ sở kinh doanh

		chưa được khấu trừ hết của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% từ 300 triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý được hoàn thuế GTGT.	vừa sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ 5 % và 10% thì sẽ bù trừ được số thuế GTGT đầu vào của hoạt động 5%. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.
11	Phú Thọ	<p>- Đề nghị bỏ nội dung "...e) Dịch vụ bưu chính, viễn thông" tại khoản 1 Điều 9 do tại điểm b khoản 1 Điều 9 đã quy định cụ thể tên các dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0% nên các trường hợp loại trừ tại khoản 1 Điều 9 không cần thiết phải đưa vào.</p> <p>- Đề nghị nghiên cứu sửa đổi thành: "1. Phương pháp khấu trừ thuế được quy định như sau:" tại khoản 1 Điều 11 dự thảo Luật để đồng nhất tên gọi của phương pháp tính thuế này.</p> <p>- Đề nghị nghiên cứu sửa đổi thành: "3. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ, ..." tại khoản 3 Điều 12 dự thảo Luật do nội dung khoản thuế trong Luật quản lý thuế chỉ quy định cho hộ kinh doanh không áp dụng cho đối tượng "hoạt động kinh doanh". Đối với cụm từ "hộ, cá nhân kinh doanh" đề nghị chuyển thành "hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh" theo Luật Quản lý thuế.</p>	<p>- Tại dự thảo Luật chỉ quy định dịch vụ xuất khẩu chỉ gồm 03 dịch vụ có tên cụ thể tại dự thảo. Theo đó, tiếp thu ý kiến này, hoàn thiện dự thảo theo hướng bỏ các dịch vụ không áp dụng mức thuế suất 0% quy định tại khổ đầu khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật.</p> <p>- Tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo.</p> <p>- Tại dự thảo Luật đã quy định: Người nộp thuế khác theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Do vậy, đã bao quát hết các trường hợp như kiến nghị nên đề nghị giữ như dự thảo.</p>
12	Hà Tĩnh	<p>- Đề nghị xem xét, điều chỉnh khoản 4 Điều 14 dự thảo Luật như sau: "4. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng khi giải thể, phá sản có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết". Lý do: Để phù hợp với Điều 60, Điều 70 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 (số thuế giá trị gia tăng nộp thừa của các cơ sở kinh doanh sẽ thực hiện theo quy định tại Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14).</p> <p>- Đề nghị quy định rõ các trường hợp cụ thể do cụm</p>	<p>- Thực tế vẫn phát sinh trường hợp cơ sở kinh doanh nghiệp có số thuế nộp thừa nên để bao quát hết các trường hợp đề nghị giữ như dự thảo.</p> <p>- Tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo để thống</p>

		<p>từ “<i>chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chi qua sơ chế thông thường</i>” tại khoản 1 Điều 5 dự thảo Luật và cụm từ “<i>chưa qua chế biến</i>” tại điểm d khoản 2 Điều 9 dự thảo Luật có sự trùng lặp, khó hiểu trong quá trình áp dụng.</p> <p>- Đề nghị sửa nội dung tại điểm b khoản 26 Điều 5 dự thảo Luật thành “<i>tài sản di chuyển trong định mức theo quy định của pháp luật có liên quan</i>” để đảm bảo đồng bộ với các quy định của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Luật Hải quan.</p> <p>- Đề nghị sửa lại phạm vi của tàu khai thác thủy sản tại điểm g khoản 2 Điều 9 để đảm bảo chính xác do căn cứ tại Điều 48 Luật thủy sản và khoản 1 Điều 42 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP thì vùng biển Việt Nam được phân thành 03 vùng khai thác thủy sản bao gồm vùng ven bờ, vùng lộng và vùng khơi.</p> <p>- Đề nghị xem xét không liệt kê mà quy định tương tự khoản 2 Điều 16 đối với khoản 1 Điều 16 theo hướng “<i>Chính phủ quy định, hướng dẫn thi hành những nội dung được giao tại Luật</i>”.</p>	<p>nhất với quy định tại điểm d khoản 2 Điều 9 với khoản 1 Điều 5.</p> <p>- Tại đoạn cuối khoản 26 Điều 5 dự thảo Luật đã có quy định: <i>Định mức quy định tại khoản này được thực hiện như định mức được miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.</i> Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo.</p> <p>- Tại dự thảo đã quy định: tàu khai thác thủy sản vùng khơi, vùng biển. Theo đó, vùng biển đã bao gồm các vùng như ý kiến tham gia nên đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p> <p>- Việc quy định như dự thảo để đảm bảo đúng quy định của Luật ban hành VBQPPL.</p>
13	Đà Nẵng	<p>- Đề nghị sửa nội dung tại khoản 1 Điều 5 thành: “<i>Doanh nghiệp, hợp tác xã mua sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chi qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào</i>” do doanh thu này không tính thuế nhưng vẫn phải kê khai vào Tờ khai thuế GTGT.</p> <p>- Đề nghị sửa quy định tại khoản 7 Điều 5 thành: “<i>7. Nhận chuyển quyền sử dụng đất của Nhà nước</i>” do có một khoản chênh lệch giữa giá đất tại thời điểm chuyển nhượng với giá đất tại thời điểm nhận chuyển</p>	<p>- Tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo</p> <p>- Theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Luật thuế GTGT thì chuyển quyền sử dụng đất thuộc đối tượng không chịu</p>

		<p>quyền sử dụng đất; phần giá trị chênh lệch này chịu thuế GTGT, không phù hợp với bản chất quy định tại khoản 7 Điều 5 Luật thuế GTGT là: chuyển nhượng quyền sử dụng đất không chịu thuế GTGT.</p> <p>- Đề nghị sửa đổi tại điểm b khoản 1 Điều 13 dự thảo Luật: "<i>b</i>)... <i>Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ % giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế</i>" do nội dung này đã được quy định tại Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015, vì vậy, đề xuất bổ sung thêm nhằm luật hóa quy định đã được thực hiện ổn định.</p> <p>- Đề nghị sửa đổi tại điểm d khoản 1 Điều 13: "<i>d</i>) ... <i>thì được kê khai, khấu trừ bổ sung vào kỳ tính thuế bị sót trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế</i>" để phù hợp với nguyên tắc thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào thì được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó; phù hợp với nguyên tắc khai bổ sung hồ sơ khai thuế quy định tại Điều 47 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14.</p> <p>- Đề nghị sửa quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13: "<i>b</i>) ... <i>dưới hai triệu đồng</i>" để thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, góp phần ngăn chặn gian lận trong việc khấu trừ, hoàn thuế.</p> <p>- Đề nghị sửa quy định tại điểm g khoản 1 Điều 13 theo hướng nêu rõ việc khấu trừ đối với tài sản cố định là ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống. Đề</p>	<p>thuế GTGT (không phân biệt đối tượng chuyển nhượng). Ý kiến đề xuất sẽ phân biệt đối tượng chuyển nhượng và bó hẹp hơn so với quy định hiện hành.</p> <p>- Tiếp thu hoàn chỉnh dự thảo</p> <p>- Đề thuận lợi cho việc kê khai, khấu trừ đối với hóa đơn bị bỏ sót, đề nghị giữ như dự thảo.</p> <p>- Mức đề xuất 5 triệu đồng tương đương với mức chi tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước theo quy định hiện hành. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo.</p> <p>- Tại dự thảo Luật đã giao Chính phủ quy định cụ thể việc khấu trừ đối với tài sản cố định là ô tô chở người từ 9</p>
--	--	--	--

		<p>nghị bổ sung mức không chế về giá trị đối với ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống khi khấu trừ thuế GTGT đầu vào.</p>	<p>chỗ ngồi trở xuống. Tại dự thảo Nghị định trình kèm hồ sơ dự án Luật đã có quy định cụ thể đối với trường hợp này.</p>
14	Đồng Nai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề nghị chuyển đối tượng Chuyển quyền sử dụng đất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (được quy định tại khoản 7 Điều 5 Luật thuế GTGT) sang đối tượng chịu thuế GTGT vì hoạt động này có giá trị gia tăng lớn.</li> <li>- Đề nghị sửa quy định tại khoản 22 Điều 5 dự thảo Luật thành: "<i>Vàng nhập khẩu dạng thỏi, miếng chưa được chế tác thành sản phẩm mỹ nghệ, đồ trang sức hay sản phẩm khác ở khâu nhập khẩu</i>".</li> <li>- Đề nghị rà soát quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 dự thảo Luật do trường hợp "<i>chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng</i>" được áp dụng mức thuế suất 5%. Tuy nhiên, mặt hàng này chưa được quy định rõ theo Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, gây khó khăn trong việc xác định thuế suất thuế GTGT.</li> <li>- Đề nghị quy định điểm d khoản 1 Điều 13 theo hướng kê khai khấu trừ vào kỳ có sai sót vì ảnh hưởng đến các ứng dụng rủi ro hóa đơn điện tử.</li> <li>- Đối với điều kiện khấu trừ thuế GTGT hàng nhập khẩu: đề nghị bỏ quy định thanh toán không dùng tiền mặt.</li> <li>- Đề nghị bổ sung quy định khấu trừ thuế GTGT đầu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Theo quy định tại Điều 53 Hiến Pháp thì đất đai là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Theo đó, quy định chuyển quyền sử dụng đất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT là phù hợp.</li> <li>- Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.</li> <li>- Tiếp thu, tổng hợp với dự thảo Nghị định theo hướng giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng.</li> <li>- Đề thuận tiện cho người nộp thuế trong việc kê khai, khấu trừ thì đề nghị giữ như dự thảo Luật.</li> <li>- Điều kiện về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt để khuyến khích thanh toán qua ngân hàng, đồng thời hạn chế gian lận. Do đó, đề nghị giữ nguyên như dự thảo.</li> <li>- Việc kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào phải trên cơ sở hóa đơn GTGT đầu vào của cơ sở kinh doanh nào thì cơ sở kinh doanh đó kê khai. Do đó,</li> </ul>

		vào tại chi nhánh thụ hưởng nhưng do công ty mua sắm tập trung.	kiến nghị này chưa phù hợp.
15	Thừa Thiên Huế	<p>- Đề nghị sửa tiêu đề thành: “<i>Luật thuế giá trị gia tăng</i>” do tại khoản 2 Điều 15 có quy định: “<i>2. Luật này thay thế Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12,...</i>”.</p> <p>- Đề xuất không bổ sung quy định trường hợp hoàn thuế này tại khoản 1 Điều 14 dự thảo Luật: “<i>1... Cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý thì được hoàn thuế giá trị gia tăng</i>” vì trường hợp cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%, nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết, thì thực hiện kê khai hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế của thu nhập doanh nghiệp, từ đó giảm được số thuế phải nộp ngân sách nhà nước. Do đó, quy định hiện hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh mặt hàng chịu thuế giá trị gia tăng 5%.</p> <p>- Đề nghị sửa khoản 2 Điều 14 thành: “<i>2. Cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư (dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng) theo quy định của pháp luật đầu tư (bao gồm cả dự án đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc nhiều hạng mục đầu tư, trừ trường hợp dự án đầu tư không hình thành tài sản cố định) đang trong giai đoạn đầu tư hoặc giai đoạn, hạng mục đầu tư thuộc dự án đầu tư đã có giai đoạn, hạng mục đầu tư phát sinh doanh thu hoặc dự án tìm kiếm, thăm dò, phát triển dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong giai đoạn đầu tư mà chưa được hoàn thuế thì cơ sở kinh doanh thực hiện bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt</i></p>	<p>- Tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo</p> <p>- Theo Luật thuế GTGT hiện hành thì cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT 5% thì chỉ được khấu trừ thuế GTGT đầu vào dẫn đến có trường hợp luôn phát sinh số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ qua nhiều kỳ. Vì vậy, doanh nghiệp kiến nghị quy định này gây khó khăn về vốn, do đó, đề nghị giữ như nội dung quy định tại dự thảo Luật.</p> <p>- Tại dự thảo Luật đã có quy định: “<i>Ngày dự án đầu tư hoàn thành hoặc ngày giai đoạn đầu tư, hạng mục đầu tư hoàn thành là ngày phát sinh doanh thu của dự án đầu tư hoặc ngày phát sinh doanh thu của hạng mục, giai đoạn đầu tư (đối với dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn, hạng mục đầu tư) nên đã bao quát hết cả trường hợp “giai đoạn, hạng mục đầu tư thuộc dự án đầu tư đã có giai đoạn, hạng mục đầu tư phát sinh doanh thu”.</i></p>



		<p><i>động sản xuất kinh doanh đang thực hiện (nếu có). Sau khi bù trừ nếu số thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng”</i></p> <p>vi thực tế trong thời gian vừa qua, phát sinh các dự án đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc nhiều hạng mục đầu tư; mỗi giai đoạn, hạng mục đầu tư đều hình thành tài sản cố định. Tuy nhiên, khi một giai đoạn, hạng mục đầu tư phát sinh doanh thu, thì các giai đoạn, hạng mục đầu tư còn lại dù vẫn đang trong giai đoạn đầu tư nhưng không được thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng. Việc quy định cụ thể hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư trong trường hợp này sẽ giúp người nộp thuế và cơ quan thuế thực hiện đúng, hiểu thống nhất khi triển khai áp dụng; đồng thời khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, góp phần nuôi dưỡng nguồn thu ổn định cho ngân sách nhà nước.</p>	
16	Bắc Kạn	Nhất trí.	
17	Quảng Ninh	<p>- Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5 như sau:</p> <p><i>“1. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thú y sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.</i></p> <p><i>Các sản phẩm qua sơ chế thông thường là sản phẩm mới được làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, xay, xay bỏ vỏ, xát bỏ vỏ, tách hạt, tách cọng, cắt (bao gồm cả băm dăm gỗ), ướp muối, bảo quản lạnh (ướp lạnh, đông lạnh), bảo quản bằng khí sunfuro, bảo quản theo phương thức cho hóa chất để tránh thối rữa, ngâm trong dung dịch lưu huỳnh hoặc ngâm trong dung dịch bảo quản khác và các hình thức bảo quản thông thường khác.</i></p> <p><i>Doanh nghiệp, hợp tác xã mua sản phẩm cây trồng,</i></p>	<p>- Dăm gỗ là sản phẩm đã qua chế biến từ sản phẩm cây trồng, rừng trồng. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p> <p>Tại dự thảo Nghị định trình kèm hồ sơ dự án Luật đã có quy định cụ thể các hình thức sơ chế thông thường nên đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p>

*rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường để bán hoặc để sơ chế thông thường (đối với sản phẩm chưa sơ chế) sau đó bán ra cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp bán cho đối tượng khác thì phải kê khai, tính nộp thuế GTGT”*

Lý do: Luật hóa khái niệm về sơ chế thông thường đã được quy định và thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật. Đồng thời bổ sung rõ thống nhất đảm gỗ là sản phẩm cây trồng, rừng trồng chỉ qua sơ chế thông thường (do sản phẩm này chỉ qua khâu tách vỏ gỗ và băm, cắt thành lát mỏng, chưa chế biến thành sản phẩm khác); Quy định rõ cả trường hợp mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt về sơ chế bán ra cũng thuộc trường hợp không phải khai và nộp thuế (tránh hiểu nhầm chỉ áp dụng quy định trên trong khâu thương mại). Từ đó, khắc phục vướng mắc hiện nay về hoàn thuế xuất khẩu đảm gỗ do mặt hàng đảm gỗ đang được xếp vào sản phẩm đã qua chế biến thành sản phẩm khác (nhóm mặt hàng chịu thuế 10%).

- Đề nghị bổ sung “Trường hợp bán cho đối tượng khác thì phải kê khai, tính nộp thuế GTGT” để phân định rõ trường hợp phải khai, tính nộp thuế, tránh có các cách hiểu khác nhau khi áp dụng văn bản Luật.

- Đề nghị sửa đổi bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 5: “4. Sản phẩm là thức ăn chăn nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thức ăn thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản” để Thống nhất cách hiểu chi theo loại sản phẩm, không theo mục đích sử dụng.

- Đề nghị sửa đổi quy định tại khoản 12 Điều 5: “12. Hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo

- Nội dung này đã được quy định tại dự thảo Nghị định trình kèm hồ sơ dự án Luật.

- Ý kiến chỉnh sửa câu chữ không làm thay đổi nội dung, do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.

- Ý kiến chỉnh sửa câu chữ không làm thay đổi nội dung, do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.

(chiếm từ 50% tổng số vốn sử dụng cho công trình trở lên) đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội.” do đối tượng chịu thuế/ không chịu thuế là theo loại hàng hóa, dịch vụ, không theo hoạt động.

- Đề nghị bổ sung khoản 13 Điều 5: “13. Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật. Trường hợp các cơ sở dạy học các cấp từ mầm non đến trung học phổ thông có thu tiền ăn, tiền vận chuyển đưa đón học sinh và các khoản thu khác dưới hình thức thu hộ, chi hộ thì tiền ăn, tiền vận chuyển đưa đón học sinh và các khoản thu hộ, chi hộ này cũng thuộc đối tượng không chịu thuế” đề luật hóa quy định hiện hành mới chỉ hướng dẫn ở Thông tư.

- Đề nghị sửa đổi quy định tại khoản 25 Điều 5: “25. Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm năm mươi triệu đồng trở xuống; tài sản của tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng bán ra; hàng dự trữ quốc gia do cơ quan dự trữ quốc gia bán ra; ~~các hoạt động~~, dịch vụ thu phí, lệ phí theo pháp luật về phí và lệ phí” do đối tượng chịu thuế/ không chịu thuế là theo loại hàng hóa, dịch vụ, không theo hoạt động.

- Đề nghị bổ sung tại điểm c khoản 1 Điều 7: “ c) Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, biếu, tặng cho, trả thay lương là giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng không (0).

Cơ sở kinh doanh không phải kê khai, tính thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng nội bộ” để thống nhất và đơn giản việc khai thuế trong trường

- Thuế GTGT thu trên hàng hóa, dịch vụ, hoạt động thu hộ, chi hộ của các trường không phải là doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ nên không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật. Do vậy, không cần thiết phải bổ sung vào dự thảo Luật.

- Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.

- Tại dự thảo Luật đã quy định về hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng nội bộ

	<p>hợp tiêu dùng nội bộ.</p> <p>- Đề nghị bổ sung khoản 3 Điều 8: “3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể về thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng đối với một số trường hợp đặc thù: <b>Xuất khẩu, dịch vụ viễn thông, dịch vụ kinh doanh bảo hiểm, hoạt động cung cấp điện, hoạt động sản xuất điện, nước sạch, hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động xây dựng, lắp đặt và một số trường hợp đặc thù khác.</b>”</p> <p>Lý do: Bổ sung thêm trường hợp đặc thù cần được quy định cụ thể gồm: xuất khẩu, dịch vụ kinh doanh bảo hiểm, hoạt động sản xuất điện. Trong đó cần hướng dẫn rõ thời điểm tính thuế GTGT đối với doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất điện có được do được bù giá bán điện khoản chênh lệch tỷ giá là thời điểm ghi nhận doanh thu kỳ bán điện/ hay thời điểm có hướng dẫn thanh toán của Bộ Công thương? Nếu là thời điểm ghi nhận doanh thu kỳ bán điện thì cần có quy định hồi tố để giải quyết những vướng mắc còn tồn tại hiện nay đối với hoạt động bán điện cho EVN.</p> <p>- Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9: “1. <del>Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 của Luật này khi xuất khẩu, trừ các trường hợp sau đây: Chuyên giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài; Dịch vụ tài bảo hiểm ra nước ngoài; Dịch vụ cấp tin dụng; Chuyển nhượng vốn; Dịch vụ tài chính phái sinh; Dịch vụ bưu chính, viễn thông; Sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật này; Thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu; Sản phẩm, dịch vụ cung cấp trên nền tảng số theo quy định của Chính phủ; Xăng, dầu mua tại nội địa bán cho xe ô tô của cơ sở kinh doanh trong khu phi thuế quan; Xe ô tô bán cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; Hàng hóa, dịch vụ</del></p>	<p>- Tại dự thảo đã giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thời điểm tính thuế GTGT đối với một số trường hợp đặc thù khác. Do vậy, ý kiến này sẽ được tiếp thu khi xây dựng Thông tư hướng dẫn.</p> <p>- Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.</p>
--	---	--

cung cấp cho cá nhân không đăng ký kinh doanh trong khu phi thuế quan.

a) Hàng hóa xuất khẩu gồm: hàng hóa, được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh; hàng hóa đã bán tại cửa hàng miễn thuế; hàng hóa cung cấp cho khách hàng nước ngoài khác theo quy định của Chính phủ. Trừ các trường hợp sau đây: Sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật này; Thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu; Sản phẩm, dịch vụ cung cấp trên nền tảng số theo quy định của Chính phủ; Xăng, dầu mua tại nội địa bán cho xe ô tô của cơ sở kinh doanh trong khu phi thuế quan; Xe ô tô bán cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan.

b) Dịch vụ xuất khẩu là ~~dịch vụ cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài~~, gồm: Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải được sử dụng ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; Dịch vụ vận tải quốc tế; Dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế hoặc thông qua đại lý.

Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục, hồ sơ và điều kiện áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu quy định tại khoản này.” Lý do:

- Điểm b bỏ đoạn “là dịch vụ cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài”, do: Vận tải quốc tế còn áp dụng đối với trường hợp bên Việt Nam thuê tàu của các hãng tàu nước ngoài và ngược lại, hoặc bên Việt Nam thuê tàu của hãng tàu Việt Nam để thực hiện vận tải quốc tế (Bao gồm cả chặng ở Việt Nam và chặng ở nước ngoài).

- Điểm b bổ sung hoặc “thông qua đại lý” để Luật hóa các quy định đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

- Tiếp thu theo hướng kết cấu lại quy định tại khoản 1 Điều 9 dự thảo Luật.

- Tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo.

- Tại khoản 5 Điều 9, giữ quy định tại

- Đề nghị sửa đổi khoản 5 Điều 9: "~~5. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc chi qua sơ chế thông thường được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, được liệt kê áp dụng thuế suất giá trị gia tăng theo mức thuế suất quy định cho sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản.~~

*Phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu được thu hồi để tái chế, sử dụng lại khi bán ra áp dụng mức thuế suất theo thuế suất của mặt hàng phát sinh phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu bán ra.*" Vì thuế suất thuế GTGT quy định theo nhóm mặt hàng không quy định theo mục đích sử dụng, vì vậy quy định thêm nội dung là không cần thiết và làm rõ hơn cách hiểu phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu.

- Đề nghị bổ sung khoản 2 Điều 12: "2. ...**Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh**"

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12: "3. ~~Hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khoán thuế quy định tại Luật quản lý thuế~~" vì: Bỏ từ "Hoạt động kinh doanh" để không gây khó hiểu, do theo Luật quản lý thuế thì phương pháp khoán thuế chỉ được áp dụng cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (không có trường hợp nào khác); Bổ sung đủ từ "**hộ kinh doanh**" để thống nhất với sử dụng từ trong Luật quản lý thuế.

- Đề nghị bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 13: "~~đ) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn để trong kho. ... tại trụ sở người nộp thuế~~" để bổ sung để tránh hiểu nhầm trường hợp phát sinh trong tháng là trường hợp hàng hóa dịch vụ đã được đưa vào sử dụng trong tháng đó, đồng thời để Luật hóa

khô đầu để đảm bảo thống nhất và tránh vướng mắc trong thực hiện. Đối với kiến nghị nguyên tắc áp dụng đối với mặt hàng phế liệu, phế phẩm: Ý kiến chỉnh sửa câu chữ, không làm thay đổi nội dung nên đề nghị giữ như dự thảo Luật.

- Tại dự thảo Luật đã có quy định: Người nộp thuế khác theo quy định của pháp luật về quản lý thuế nên đã bao quát hết các trường hợp. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo.

- Ý kiến chỉnh sửa câu chữ không làm thay đổi nội dung, do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.

các quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

- Đề nghị bổ sung quy định tại điểm e khoản 1 Điều 13: *“e) Đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định; đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào đủ điều kiện khấu trừ nhưng không được hoàn thuế cơ sở kinh doanh được khấu trừ hoặc hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định, trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị từ năm triệu đồng trở lên không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.”* Lý do: Số thuế giá trị gia tăng (GTGT) đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho hoạt động đầu tư dù điều kiện khấu trừ nhưng không đủ điều kiện xét hoàn thuế theo quy định thì số thuế GTGT này phải thực hiện chuyên khấu trừ. Tuy nhiên, thực tế một số doanh nghiệp chủ yếu hoạt động kinh doanh hàng hóa xuất khẩu, doanh thu bán nội địa chiếm tỷ trọng nhỏ nên không phát sinh thuế GTGT đầu ra/thuế GTGT đầu ra phát sinh rất ít dẫn đến doanh nghiệp phải bù trừ trong khoảng thời gian dài vẫn không hết số thuế GTGT còn được khấu trừ, điều này gây khó khăn trong việc cân đối vốn của doanh nghiệp. Vì vậy, cần thiết phải bổ sung quy định nêu trên.

- Đề nghị bổ sung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13: *“b) Khi thanh toán có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới năm triệu đồng. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định các trường hợp được coi là thanh toán không dùng tiền mặt.*

*Trường hợp đã khai khấu trừ khi chưa thanh*

- Tại điểm c, khoản 1 Điều 11 dự thảo Luật đã có quy định: *Số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ bằng tổng số thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu hoặc nộp thuế đối với trường hợp mua dịch vụ quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật này và đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 13 của Luật này.* Theo đó, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ là tổng số thuế GTGT ghi trên hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ (không phân biệt đã xuất dùng hay chưa). Do vậy, không cần thiết phải bổ sung vào dự thảo Luật.

- Tại dự thảo Luật thuế TNDN dự kiến quy định số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết doanh nghiệp được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Do vậy, ý kiến này sẽ được tổng hợp khi xây dựng Luật thuế TNDN.

*toán, cơ sở kinh doanh không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đã được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng vào kỳ tính thuế phát sinh việc thanh toán bằng tiền mặt.”* Lý do: Tránh hiểu nhầm chỉ được khấu trừ khi đã thanh toán với người bán (tránh việc không đồng nhất với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 13 “*Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó*”, đồng thời để Luật hóa các quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

- Đề nghị sửa đổi quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13: “*c) Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải có: hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ; hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu; ~~phiếu đóng gói, vận đơn, chứng từ bảo hiểm hàng hóa.~~*” Lý do: Đối với trường hợp xuất khẩu theo điều khoản FOB sẽ không có vận đơn và không có chứng từ bảo hiểm; hồ sơ chứng minh hàng hóa đã thực xuất khẩu căn cứ theo Hồ sơ khai hải quan (đã được quan chuyên ngành là Hải quan kiểm soát và xác nhận), không nên quy định thêm các giấy tờ, thủ tục làm tăng thủ tục hành chính cho NNT và tăng khối lượng công việc cho công chức thuế.

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 14: “*1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.*

*Cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% và không có hoạt động sản xuất hàng hóa, cung ứng*

- Nội dung này đang được quy định tại Nghị định hướng dẫn Luật nên sẽ được tổng hợp bổ sung trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định hướng dẫn.

- Để đảm bảo chặt chẽ tránh gian lận trong hoàn thuế đề nghị giữ như dự thảo Luật.



*dịch vụ thuộc nhóm chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% (trừ hoạt động tạo thu nhập khác theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp sau: cho thuê tài sản, chuyển nhượng tài sản, thanh lý tài sản) nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý thì được hoàn thuế giá trị gia tăng".* Lý do: Bổ sung để không bị hiểu là không đủ điều kiện hoàn thuế khi doanh nghiệp có cả các hoạt động không chịu thuế GTGT, hoạt động chịu thuế suất 0% và hoạt động không phải kê khai, tính thuế GTGT. Đồng thời vẫn đủ điều kiện hoàn thuế nếu có một số hoạt động tạo thu nhập khác (cho thuê tài sản, chuyển nhượng tài sản, thanh lý tài sản).

- Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14: "...Trường hợp dự án đầu tư đã hoàn thành (bao gồm cả dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn, hạng mục đầu tư có giai đoạn, hạng mục đầu tư đã hoàn thành) nhưng cơ sở kinh doanh ~~chưa thực hiện hoàn thuế~~ còn số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ phát sinh trong giai đoạn đầu tư (hạng mục đầu tư, giai đoạn đầu tư đã hoàn thành) thì cơ sở kinh doanh được tiếp tục kê khai số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư thực hiện kê khai để nghị hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định trong thời hạn 01 năm kể từ ngày dự án đầu tư hoặc ngày giai đoạn đầu tư, hạng mục đầu tư hoàn thành.

Ngày dự án đầu tư hoàn thành là ngày phát sinh doanh thu (không bao gồm doanh thu từ hoạt động chạy thử và thu nhập khác) của dự án đầu tư hoặc ngày phát sinh doanh thu của hạng mục, giai đoạn đầu tư (đối với dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn, hạng mục đầu tư) không phụ thuộc vào thời hạn phải hoàn thành dự án theo quy định của pháp luật đầu tư và các pháp luật khác có liên quan, kể cả thời điểm phát sinh chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh." Lý do: Giải quyết vướng mắc

- Để tránh vướng mắc trong thực hiện, hoàn thiện nội dung này tại dự thảo Luật theo hướng quy định: "*Cơ sở kinh doanh sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% và không có hoạt động sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ thuộc nhóm chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% (trừ hoạt động tạo thu nhập khác theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp sau: chuyển nhượng tài sản, thanh lý tài sản) nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý liên tục thì được hoàn thuế giá trị gia tăng".*

- Ý kiến chỉnh sửa câu chữ không làm thay đổi nội dung, do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.

		<p>trong thực tế là sau khi dự án phát sinh doanh thu vẫn có những hóa đơn của chi phí đầu tư chưa được tập hợp đầy đủ để đề nghị xét hoàn thuế; Làm rõ nội dung “thời hạn 01 năm kể từ ngày dự án đầu tư hoặc ngày giai đoạn đầu tư, hạng mục đầu tư hoàn thành trong quy định sau”, tránh hiểu nhầm giữa thời điểm khai chi tiêu hoàn thuế và thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế; thực tiễn khi thực hiện dự án sẽ có phát sinh 1 số loại doanh thu trước khi đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.</p> <p>- Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 14: “3. Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo .... Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được hoàn theo quy định tại khoản này xác định bằng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhân (x) với 10% nhưng không vượt quá số thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết của cơ sở kinh doanh. Trường hợp cơ sở kinh doanh vừa có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa nếu sau khi bù trừ với số thuế phải nộp (nếu có), số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế (số thuế này bao gồm cả số thuế GTGT đầu vào của hoạt động đầu tư, xây dựng, tài sản cố định nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chung trong đó có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu).” Lý do: Để tránh hiểu nhầm chi xét hoàn thuế GTGT đối với số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa hoặc nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu, không xét hoàn thuế đối với đầu vào của tài sản cố định và các chi phí khác. Đồng thời để Luật hóa những hướng dẫn đã thực hiện ổn định theo các công văn hướng dẫn của TCT.</p>	<p>- Ý kiến chỉnh sửa câu chữ không làm thay đổi nội dung, do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p>
18	Đồng Tháp	Nhất trí.	

19	Tây Ninh	Nhất trí.	
20	Điện Biên	Nhất trí.	
21	Trà Vinh	<p>- Tại khoản 2 Điều 9 Đề nghị xem xét, bổ sung:  <i>"Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm chưa qua chế biến quy định tại khoản này"</i>.</p> <p>Lý do: Do quy trình sơ chế hoặc chế biến từng sản phẩm khác nhau, trong thực tế đối với sản phẩm qua sơ chế hoặc chế biến khó phân biệt, dẫn đến người nộp thuế và cơ quan thuế khó xác định thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% hoặc 10%</p> <p>- Điểm b khoản 1 Điều 7: Đề nghị xem xét, bổ sung giá đất được trừ đối với trường hợp doanh nghiệp tư nhân nhận quyền sử dụng đất vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp từ hoạt động tăng vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân để xác định giá tính thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản của doanh nghiệp.</p> <p>Lý do: Theo dự thảo của Luật, Nghị định không đề cập giá đất được trừ đối với trường hợp tăng vốn đầu tư, thực tế trong thời gian qua doanh nghiệp tư nhân chuyển nhượng cửa hàng xăng dầu, nhưng không xác định giá đất được trừ khi tính thuế giá trị gia tăng, do nguồn gốc đất là của chủ doanh nghiệp tư nhân</p> <p>- Đề nghị sửa điểm đ khoản 1 Điều 13 như sau: "đ) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát</p>	<p>- Tại dự thảo Luật giao Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều 9. Tại dự thảo Nghị định kèm theo hồ sơ dự án Luật đã có quy định cụ thể về các hình thức sơ chế thông thường, theo đó không cần thiết bổ sung quy định này tại Luật.</p> <p>- Tại dự thảo Luật giao Chính phủ quy định về giá đất được trừ trong giá tính thuế đối với hoạt động kinh doanh bất động sản. Theo đó, tại điểm a.5 khoản 6 Điều 4 dự thảo Nghị định quy định: "Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp ngân sách nhà nước) không bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng. Trường hợp không xác định được giá đất được trừ tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại thời điểm nhận góp vốn".</p> <p>- Nội dung này đã được hoàn chỉnh tại dự thảo Luật theo hướng quy định trường hợp phát hiện số thuế GTGT</p>

		<p>hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai, sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện sót trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế. Trường hợp cơ quan thuế đã có kết luận kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế thì thực hiện theo quy định của Luật quản lý thuế”.</p> <p>Lý do: Thực tế doanh nghiệp bỏ sót hóa đơn đầu vào sau khi cơ quan thuế đã có kết luận sau thanh tra thuế.</p> <p>- Bổ sung khoản 1 Điều 14 về các trường hợp hoàn thuế:</p> <p>“1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.</p> <p>Cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý thì được hoàn thuế giá trị gia tăng. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào được hoàn và không được hoàn; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được hoàn tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% so với tổng doanh thu của hàng hoá, dịch vụ bán ra không hạch toán riêng được”.</p> <p>Lý do: Thực tế cơ sở kinh doanh sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%, 10% và không chịu thuế giá trị gia tăng.</p>	<p>đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sót thì cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ vào kỳ tính thuế sót, trường hợp phát hiện số thuế GTGT đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai thì thực hiện thống nhất theo quy định của Luật quản lý thuế.</p> <p>- Để tránh vướng mắc trong thực hiện, hoàn thiện nội dung này tại dự thảo Luật theo hướng quy định: “<i>Cơ sở kinh doanh sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% và không có hoạt động sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ thuộc nhóm chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% (trừ hoạt động tạo thu nhập khác theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp sau: chuyển nhượng tài sản, thanh lý tài sản) nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý liên tục thì được hoàn thuế giá trị gia tăng</i>”.</p>
22	Vĩnh Long	Nhất trí	
23	Sơn La	Nhất trí	
24	Kiên Giang	- Khoản 16 Điều 5: Bổ “phương tiện đường thủy nội địa”.	- Quy định này nhằm đảm bảo bao quát các phương tiện vận chuyển hành

		<p>Lý do: theo mục đích, quan điểm xây dựng Luật thuế GTGT (sửa đổi) là luật hóa các quy định đã được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật, nhưng tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP cũng chưa quy định đối tượng không chịu thuế là phương tiện đường thủy nội địa.</p> <p>- Khoản cuối khoản 1 Điều 12 Phương pháp tính trực tiếp bỏ cụm từ “trên giá trị gia tăng”.</p> <p>- Điểm e khoản 1 Điều 13 Khấu trừ thuế GTGT đầu vào: Đề xuất sửa đoạn “... trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị từ <b>năm triệu đồng</b>” thành “trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị từ <b>hai mươi triệu đồng</b>”.</p> <p>Điểm b khoản 2 Điều 13: Đề xuất sửa đoạn “có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới <b>năm triệu đồng</b>” thành “có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng”.</p> <p>- Điểm c khoản 2 Điều 13: Bỏ “Phiếu đóng gói” và “chứng từ bảo hiểm hàng hóa”.</p>	<p>khách công cộng hiện nay. Theo đó, đề nghị giữ như dự thảo.</p> <p>- Tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo.</p> <p>- Mức đề xuất 5 triệu đồng tương đương với mức chi tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước theo quy định hiện hành. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo.</p> <p>- Đề đảm bảo chặt chẽ, đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p>
25	Quảng Nam	<p>- Điều 12 dự thảo Luật: Áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với doanh nghiệp có hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý. Đồng thời quy định mức tỷ lệ (%) trên doanh thu riêng đối với hoạt động kinh doanh mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý (không áp dụng tỷ lệ của các hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ). Lý do: hiện nay mặt hàng vàng, bạc, đá quý là loại hàng hóa đặc biệt vừa là hàng hóa, vừa là phương tiện thanh toán; rất khó kiểm soát giá. Các giao dịch mua</p>	<p>- Không có cơ sở để đưa ra mức tỷ lệ đối với hoạt động kinh doanh mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý. Ngoài ra, doanh thu của hoạt động này rất lớn, theo đó, đề nghị giữ như dự thảo.</p>

	<p>bán vàng bạc, đá quý thường là các giao dịch nhỏ lẻ, không có đủ hóa đơn, chứng từ đầu vào. Đồng thời giá trị gia tăng của vàng, bạc, đá quý giữa giá thanh toán bán ra với giá thanh toán mua vào tại một thời điểm mức chênh lệch không cao. Vì vậy, áp dụng phương pháp trực tiếp trên GTGT thì khó quản lý, dẫn đến thất thu NSNN</p> <p>- Điểm d khoản 1 Điều 13:</p> <p>+ Cần xem xét, làm rõ nội dung tại dự thảo Luật thuế GTGT có mâu thuẫn với nội dung tại Luật quản lý thuế về việc hồ sơ khai thuế bị sót được khai lên tờ khai chính thức hay khai bổ sung.</p> <p>+ Cần làm rõ “<b>kỳ phát hiện sót</b>” là kỳ nào</p> <p>Lý do:</p> <p>+ Cụm từ “kỳ phát hiện sót” chưa rõ nghĩa có thể được hiểu khác nhau, kỳ phát hiện sót là thời điểm phát hiện sót, cũng có thể hiểu là kỳ có sót.</p> <p>+ Luật Quản lý thuế quy định về hồ sơ khai thuế bị sai và sót thì được xử lý như nhau là khai bổ sung; tuy nhiên dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi) quy định đối với hồ sơ khai thuế bị sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện sai sót. Theo quy định tại dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi) thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện sót; theo quy định tại Luật quản lý thuế thì hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế.</p> <p>- Điểm e khoản 1 Điều 13:</p> <p><b>Bổ sung cụm từ “của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho hoạt động SXKD”:</b></p> <p>“e) Đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho hoạt động SXKD không được khấu trừ”.</p>	<p>- Kỳ phát hiện sót là kỳ khai thuế doanh nghiệp phát hiện hóa đơn bị sót (để tránh trường hợp hiểu là phải điều chỉnh vào kỳ khai thuế của hóa đơn bị sót). Quy định này khác với quy định của pháp luật về quản lý (hướng dẫn điều chỉnh đối với hồ sơ khai thuế có sai, sót). Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo.</p> <p>- Tại pháp luật thuế TNDN đã có quy định: <i>Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.</i> Do vậy, không cần thiết phải quy định tại dự thảo nên đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p>
--	---	--

		<p>Lý do: phù hợp với Luật thuế TNDN, đối với hàng hóa, dịch vụ không sử dụng cho hoạt động SXKD thì không được tính vào chi phí tính thuế</p> <p>- Khoản 2 Điều 14 đề nghị: Trường hợp quá thời hạn 01 năm kể từ ngày dự án đầu tư hoặc ngày giai đoạn đầu tư, hạng mục đầu tư hoàn thành mà cơ sở kinh doanh chưa thực hiện hoàn thuế GTGT thì có được khấu trừ không hay không được hoàn thuế.</p> <p>- Khoản 2 Điều 14: Quy định về việc không hoàn thuế nếu không góp đủ vốn góp để thực hiện dự án. Lý do: doanh nghiệp hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư thì phải đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Luật Đầu tư và các Luật có liên quan, doanh nghiệp góp đủ vốn góp để thực hiện dự án thì chưa đảm bảo về năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư</p>	<p>- Theo quy định của pháp luật về thuế GTGT thì thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho hoạt động chịu thuế GTGT thì được khấu trừ. Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế GTGT đối với một số trường hợp, đối với trường hợp không được hoàn thuế thì doanh nghiệp vẫn được khấu trừ vào kỳ tiếp theo. Do vậy, không cần thiết phải bổ sung vào dự thảo Luật.</p> <p>- Quá trình thực hiện cũng phát sinh nhiều vướng mắc trong việc xác định vốn điều lệ tại thời điểm hoàn thuế do quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật doanh nghiệp. Đồng thời, có trường hợp tại thời điểm lập đề nghị hoàn thuế, cơ sở kinh doanh chưa góp đủ vốn điều lệ nhưng đến khi cơ quan thuế ban hành Quyết định hoàn thuế thì cơ sở kinh doanh đã góp đủ vốn điều lệ, đủ điều kiện hoàn thuế theo quy định nên lại đáp ứng điều kiện hoàn thuế theo quy định. Vì vậy, đề nghị giữ như dự thảo.</p>
26	Cần Thơ	<p>- Đề xuất bổ sung vào dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) quy định về giá tính thuế GTGT (điểm h khoản 1 Điều 7) đối với hoạt động kinh doanh bất động sản đối với trường hợp:</p> <p><i>“Đối với các dự án được Nhà nước giao đất, cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân để đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nhà để bán, nếu chưa xác định được giá</i></p>	<p>Tại dự thảo Luật đã quy định giao Chính phủ quy định cụ thể đối với trường hợp giá đất được trừ khi tính thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh bất động sản. Ý kiến này sẽ được tổng hợp khi xây dựng Nghị định. Tuy nhiên, trường hợp doanh nghiệp chưa xác định được tiền sử</p>

	<p><i>chuyên quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước thì cơ sở kinh doanh được tạm tính giá đất được trừ theo tỷ lệ trên số tiền thu theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng.</i></p> <p><i>Chính phủ quy định chi tiết khoản này”</i></p> <p>Lý do: Hiện nay trên địa bàn thành phố Cần Thơ có phát sinh trường hợp nhà đầu tư được UBND thành phố thuận chủ trương đầu tư dự án, đã thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng, thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng, nhưng UBND thành phố chưa ban hành giá đất, từ đó các doanh nghiệp không xác định được giá đất được trừ để thực hiện xuất hóa đơn, khai nộp thuế GTGT theo quy định.</p> <p>- Điều 5 Dự thảo Luật: Góp ý cần bỏ cụm từ “tự sản xuất”, thay thế bằng cụm từ “tự sơ chế” vì ý nghĩa của từ sản xuất rất rộng, dễ gây ra nhiều cách hiểu. Trong các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thuế GTGT có định nghĩa về “<i>Các sản phẩm mới qua sơ chế thông thường</i>”, tuy nhiên trong quy định cụ thể thì lại sử dụng cụm từ “tự sản xuất” chứ không phải là sơ chế.</p> <p><b>“Điều 5. Đối tượng không chịu thuế</b></p> <p><b>1. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác của tổ chức, cá nhân tự trồng, chăn nuôi, nuôi trồng hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất tự trồng, chăn nuôi, nuôi trồng, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu...”</b></p> <p>- Tại Điểm c Khoản 2 Điều 13: <b>Đề nghị sửa lại như sau:</b> “c) Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải có: hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ; hóa</p>	<p>dụng đất tiền thuê đất nộp NSNN thì không được trừ khoản này ra khỏi giá tính thuế.</p> <p>Nội dung này đã thực hiện ổn định và không phát sinh vướng mắc. Tự sản xuất được hiểu là doanh nghiệp tự trồng cây, tự nuôi thủy sản,... (không chỉ quy định riêng đối với hoạt động sơ chế như ý kiến đề xuất).</p> <p>- Để đảm bảo chặt chẽ tránh gian lận trong hoàn thuế đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p>
--	--	--



đơn bán hàng hóa, dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu; **phiếu đóng gói, vận đơn, ~~chứng từ bảo hiểm hàng hóa.~~**"

- Điểm đ Điều 13:

Để phù hợp với quy định về khai bổ sung đối với hồ sơ khai thuế có sai, sót tại Điều 47 Luật Quản lý thuế, đề xuất quy định NNT được kê khai, khấu trừ thuế đối với hóa đơn bỏ sót vào kỳ phát hiện sót trong thời hạn 10 năm kể từ ngày phát sinh hóa đơn bỏ sót.

- Dự thảo Tờ trình trang 18:

**"2.5 Về khấu trừ thuế GTGT đầu vào**

*...trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế GTGT đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện sót trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra, thanh tra thuế"*

- Bảng thuyết minh chi tiết trang 32:

**"5 Về khấu trừ thuế GTGT đầu vào**

**5.1 Về kê khai , khấu trừ đối với hóa đơn bị sót**

...

*Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định về khai bổ sung đối với hồ sơ khai thuế khi người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót (Điều 47). Theo đó, khi người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì người nộp thuế được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót...*

...

*Theo đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định: Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện*

Đối với trường hợp doanh nghiệp kê khai sai thì thực hiện theo Luật quản lý thuế. Tuy nhiên, đối với trường hợp doanh nghiệp bỏ sót hóa đơn chưa kê khai để tránh gian lận và đảm bảo doanh thu phù hợp với chi phí đề nghị chỉ cho phép doanh nghiệp được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế thanh tra kiểm tra.

số thuế GTGT đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện sót...”

**Ý kiến đóng góp:**

“Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế GTGT đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ tính thuế sót...”

Về thuế suất thuế GTGT

Hiện có 3 mức là 0%; 5% và 10%.

Ý kiến đóng góp:

Đề việc quản lý, kiểm tra thuận lợi. Đề xuất chi áp dụng 2 mức thuế suất là 0% và 8%.

- Khoản 25 Điều 5: Kiến nghị nâng lên 350.000.000 đồng/năm trở xuống thuộc đối tượng miễn thuế GTGT.

Ví dụ dẫn chứng: Một người lao động đang nuôi cha, mẹ già và hai con còn trong độ tuổi đi học, thì tổng mức thu nhập được miễn thuế TNCN là:

Giảm trừ cho bản thân: 11.000.000 đồng/tháng

Mỗi người phụ thuộc: 4.400.000 đồng/tháng

$(11.000.000 + (4.400.000 \times 4 \text{ người})) = 28.600.000$   
đồng/tháng = 343.200.000 đồng\*/năm).

Đề thuận lợi cho cơ sở kinh doanh trong khai thuế đối với hóa đơn bị sót, đề nghị quy định cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện hóa đơn bị sót. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.

Theo Chiến lược cải cách hệ thống thuế để đảm minh bạch, tránh vướng mắc trong thực hiện thì tiến tới áp dụng thống nhất 1 mức thuế suất thuế GTGT. Tuy nhiên giai đoạn hiện nay, phù hợp với kiểu kiện KT-XH thì vẫn cần phải quy định mức thuế suất ưu đãi 5% (theo đó, dự thảo chỉ thu hẹp đối tượng áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 5%). Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo. Mặt khác, việc áp dụng thống nhất mức thuế suất 8% sẽ là giảm thu NSNN do nhóm hàng hóa, dịch vụ áp dụng mức thuế suất 5% hiện chiếm tỷ trọng rất nhỏ so với nhóm hàng hóa, dịch vụ áp dụng mức thuế suất 10%.

Việc nâng mức giảm thuế đối với hộ kinh doanh lên 300 triệu đồng sẽ ảnh hưởng đến số thu NSNN tại địa phương, nhất là các địa phương có số thu thấp. Bên cạnh đó, quy định này sẽ không khuyến khích các hộ, cá nhân kinh doanh chuyển sang doanh nghiệp (doanh nghiệp cứ phát sinh doanh thu phải nộp thuế GTGT).

		<p>- Khoản 1 Điều 12: Kiến nghị nên quy định tính thuế đối với lĩnh vực này theo phương pháp trực tiếp theo doanh thu, hoặc theo phương pháp khoán thuế quy định tại Luật Quản lý thuế.</p> <p>Lý do: Thực tế trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh vàng, bạc, đá quý (gọi tắt là vàng) cơ quan thuế chưa có biện pháp quản lý giá vốn mua vào, vì người dân đến bán vàng thường không có hóa đơn, doanh nghiệp tự lập bảng kê theo giá thị trường để tính giá vốn mua vào tương ứng, giá mua này thường tiệm cận giá bán dẫn đến giá trị tăng thêm thấp, thuế giá trị gia tăng phải nộp trong trường hợp này không đúng thực tế, dẫn đến thất thu thuế và sai quy định về hóa đơn chứng từ để làm căn cứ ghi vào sổ sách kế toán theo quy định. Quy định bắt buộc đối tượng này phải thực hiện hóa đơn điện tử từ máy tính tiền.</p>	<p>- Không có cơ sở để đưa ra mức tỷ lệ đối với hoạt động kinh doanh mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý. Ngoài ra, doanh thu của hoạt động này rất lớn, theo đó, đề nghị giữ như dự thảo.</p>
27	Hải Phòng	<p>- Khoản 6 Điều 5: Đề nghị sửa đổi Luật theo hướng quy định: Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc đối tượng chịu thuế GTGT (giống như chuyển quyền thuê đất). Đồng thời đề nghị quy định cụ thể hơn về giá đất được trừ khi tính thuế GTGT để thống nhất thực hiện.</p> <p>Lý do: Theo quy định tại Khoản 6 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành và khoản 6 Điều 5 Dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi thì “Chuyển quyền sử dụng đất” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tại điểm h Khoản 1 Điều 7 dự thảo Luật thuế GTGT quy định về giá tính thuế GTGT: “Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước. Giá đất được trừ theo quy định của Chính phủ”.</p>	<p>- Theo quy định tại Điều 53 Hiến Pháp thì đất đai là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Theo đó, quy định chuyển quyền sử dụng đất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT là phù hợp. Tuy nhiên, để phù hợp với thực tế, tại phần giá đất được trừ chỉ cho phép doanh nghiệp được trừ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp vào NSNN.</p>

Từ nội dung trên, việc quy định “chuyển quyền sử dụng đất” thuộc đối tượng không chịu thuế để gây nhầm lẫn là trong các hoạt động liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng đất đều thuộc đối tượng không chịu thuế; trong khi tại điểm h khoản 1 Điều 7 Dự thảo quy định giá tính thuế đối với hoạt động kinh doanh bất động sản và chỉ có giá chuyển quyền sử dụng đất được trừ khi tính thuế GTGT. Đồng thời tại điểm h khoản 1 Điều 7 cũng chưa đề cập đến cụm từ “giá đất được trừ trước đoạn “Giá đất được trừ theo quy định của Chính phủ”. Do đó, trong thực tế những năm qua đã có những các hiểu khác nhau và áp dụng về thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa đồng bộ, nhất quán.

- khoản 1 Điều 9:

+Đề nghị xem xét thay cụm từ “tiêu dùng trong khu phi thuế quan” bằng cụm từ “phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức trong khu phi thuế quan”.

+Quy định tại phần đầu của khoản 1 Điều 9 đoạn “trừ ... Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho cá nhân không đăng ký kinh doanh trong khu phi thuế quan” và nội dung điểm b khoản 1 Điều 9 không đề cập đến việc cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan dẫn đến nhiều cách hiểu chưa thống nhất đối với hoạt động cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan. Đề nghị ban soạn thảo xem xét, chỉnh sửa câu từ để thống nhất áp dụng khi Luật thuế GTGT sửa đổi ban hành.

+Dự thảo nêu “Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục, hồ sơ và điều kiện áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu quy định tại khoản này.”

Trong khi các khái niệm về dịch vụ vận tải quốc tế, dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế cũng cần phải được quy định chi tiết. Do vậy, đề nghị Ban soạn thảo quy định

Do dịch vụ khó xác định được nơi tiêu dùng nên dự thảo Luật quy định rõ 03 dịch vụ được áp dụng thuế suất 0%. Do vậy, dịch vụ cung cấp cho khu phi thuế quan áp dụng thuế suất theo quy định.

Đối với hàng hóa: phải tiêu dùng ngoài Việt Nam hoặc trong khu phi thuế quan (đã thực tế xuất khẩu, có tờ khai hải quan). Việc quy định dự đề xuất sẽ dẫn đến phát sinh gian lận. Do vậy đề nghị giữ như dự thảo Luật.

Tại dự thảo Nghị định trình kèm hồ sơ dự án Luật đã quy định chi tiết. Do vậy, đề nghị không bổ sung vào dự thảo Luật.

cụ thể hoặc bổ sung phân giao nhiệm vụ cho Chính phủ hoặc Bộ Tài chính quy định chi tiết để khi thực hiện được thống nhất.

- Khoản 1 Điều 12: Đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau:  
Trường hợp cơ sở kinh doanh có hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý thì cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng hoạt động này để nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng. Nếu doanh nghiệp không hạch toán riêng được thì số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ được tính tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra. Trong đó, tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm: doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được và chênh lệch dương (+) lũy kế của cả kỳ tính thuế (tháng/quý/năm dương lịch) giữa giá bán ra và giá mua vào của hoạt động mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý

Lý do:

Quy định này chưa bao quát được trường hợp diễn ra trong thực tế là: có một số doanh nghiệp thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, có hoạt động mua bán, chế tác, sản xuất hàng trang sức từ vàng, bạc, đá quý áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên GTGT. Do đó, hiện tại đang phát sinh vướng mắc về việc tính số thuế GTGT được khấu trừ của các hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho hoạt động mua bán, chế tác, sản xuất hàng trang sức từ vàng, bạc và các hoạt động khác do các quy định hiện hành về thuế GTGT không có hướng dẫn cụ thể.

- điểm e khoản 1 Điều 13:

Quy định như vậy sẽ rất phức tạp, khó khăn cho công tác quản lý. Do vậy, đề nghị hoạt động kinh doanh, chế tác vàng, bạc, đá quý chỉ áp dụng 1 phương pháp trực tiếp.

	<p>Đề xuất sửa đổi như sau: “Đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào không khấu trừ hoặc không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định,...”.</p> <p>Lý do:</p> <p>Hiện nay đang có hai quan điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan điểm thứ nhất: áp dụng quy định “Đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định” thì doanh nghiệp có được tính vào chi phí được trừ đối với số thuế GTGT bị sót này.</li> <li>- Quan điểm thứ hai: theo hướng dẫn tại công văn số 5475/TCT-CS ngày 28/11/2017 của Tổng cục Thuế có nội dung “trường hợp người nộp thuế có số thuế GTGT đầu vào phát sinh trong kỳ đủ điều kiện khấu trừ thì được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của kỳ đó. Không có quy định doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với số thuế GTGT đầu vào đủ điều kiện khấu trừ nhưng không kê khai khấu trừ”. Do vậy, doanh nghiệp không được tính vào chi phí được trừ đối với số thuế GTGT bị sót này.</li> </ul> <p>- điểm c khoản 2 Điều 13: Đề nghị bỏ quy định “phiếu đóng gói, vận đơn, chứng từ bảo hiểm hàng hóa” để giảm thủ tục hành chính cho người nộp thuế và cơ quan thuế.</p> <p>- Khoản 1 điều 14: Nếu đề quy định như nội dung dự thảo “cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất...” thì trong thực tế sẽ phát sinh nhiều vướng mắc do hiện nay các doanh nghiệp đăng ký kinh doanh đa ngành nghề hoặc mặc dù có doanh nghiệp “chỉ” sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% nhưng trong kỳ có phát</p>	<p>Tại dự thảo Luật thuế TNDN dự kiến quy định doanh nghiệp được tính vào chi phí đối với số thuế GTGT không được hoàn. Do vậy, trường hợp doanh nghiệp không kê khai, khấu trừ đối với các hóa đơn đủ điều kiện kê khai, khấu trừ thì cũng không được hạch toán vào chi phí.</p> <p>- Để đảm bảo chặt chẽ tránh gian lận trong hoàn thuế đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p> <p>Để tránh vướng mắc trong thực hiện, hoàn thiện nội dung này tại dự thảo Luật theo hướng quy định: “Cơ sở kinh doanh sản xuất hàng hóa, cung ứng</p>
--	--	--

sinh các khoản thu khác (không đáng kể như thanh lý tài sản, hoạt động phụ trợ cho việc bán hàng (thuế suất 5%) thì có thuộc diện được hoàn thuế không?). Đề nghị quy định rõ để thống nhất thực hiện

- Đề nghị bổ sung thêm trường hợp hoàn thuế tại khoản 1 Điều 14 đối với:

“Trường hợp, doanh nghiệp sau khi chuyển nhượng dự án đầu tư và có số thuế GTGT chưa được khấu trừ của dự án đầu tư sau khi bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện (nếu có) từ 300 triệu đồng trở lên thì thuộc trường hợp được hoàn thuế GTGT”.

- khoản 4 Điều 14: Đề nghị xem xét, bổ sung: Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng khi giải thể, phá sản, chuyển đổi từ doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ sang doanh nghiệp chế xuất có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết

- khoản 2 Điều 14:

Đề nghị sửa từ “thực hiện” bằng từ “đề nghị” và quy

*dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% và không có hoạt động sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ thuộc nhóm chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% (trừ hoạt động tạo thu nhập khác theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp sau: chuyển nhượng tài sản, thanh lý tài sản) nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý liên tục thì được hoàn thuế giá trị gia tăng”.*

Luật thuế GTGT chỉ quy định hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư, xuất khẩu. Do vậy, đề nghị không mở rộng hoàn thuế đối với trường hợp này.

Đề nghị không mở rộng đối tượng hoàn thuế GTGT. Trường hợp cơ sở kinh doanh còn số thuế GTGT được khấu trừ khi chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thì tại dự thảo Luật thuế TNDN dự kiến quy định cơ sở kinh doanh được tính vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.

		<p>định cụ thể trường hợp sau 01 năm kể từ ngày dự án đầu tư hoặc ngày giai đoạn đầu tư, hạng mục đầu tư hoàn thành thì xử lý như thế nào?</p> <p>- Khoản 3 Điều 14: Đề nghị Ban soạn thảo xem xét, sửa đổi như sau: “... Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được hoàn theo quy định tại khoản này không vượt quá doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhân (x) với 10%. Trường hợp cơ sở kinh doanh vừa có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa nếu sau khi bù trừ với số thuế phải nộp (nếu có),...”.</p>	<p>Theo quy định của pháp luật về thuế GTGT thì thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho hoạt động chịu thuế GTGT thì được khấu trừ. Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế GTGT đối với một số trường hợp, đối với trường hợp không được hoàn thuế thì doanh nghiệp vẫn được khấu trừ vào kỳ tiếp theo. Do vậy, không cần thiết phải bổ sung vào dự thảo Luật.</p> <p>Đề nghị giữ như dự thảo để đảm bảo rõ ràng.</p>
28	Hòa Bình	<p>- Đề nghị sửa cụm từ “dịch vụ cấp tín dụng” tại điểm a khoản 9 Điều 5 Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi) thành “ngành vụ cấp tín dụng” để thống nhất với định nghĩa tại khoản 12 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng ngày 16/6/2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.</p> <p>- Đề nghị làm rõ cụm từ “chi qua sơ chế thông thường” tại khoản 1 Điều 5 Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi).</p>	<p>Thuế GTGT thu vào hàng hóa, dịch vụ. Do vậy đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p> <p>Ý kiến chỉnh sửa câu chữ, không làm thay đổi nội dung nên đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p> <p>Tại dự thảo Luật đã giao Bộ Tài chính hướng dẫn thời điểm xác định thuế GTGT đối với trường hợp xuất khẩu.</p>



- Đề nghị thêm dấu phẩy để sửa cụm từ “tặng cho” thành “tặng, cho” tại điểm c khoản 1 Điều 7 Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi)

- Đề nghị bổ sung thời điểm xác định doanh thu hàng xuất khẩu đối với trường hợp DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và phương pháp khấu trừ vào Điều 8 Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi)

- Tại khoản 5 Điều 9:

+Đề nghị sửa cụm “thuế suất giá trị gia tăng” thành “thuế suất thuế giá trị gia tăng”.

+Đề nghị làm rõ cụm từ “mặt hàng phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu bán ra” cần quy định rõ thuế suất của mặt hàng này là bao nhiêu và có phải đối tượng chịu thuế hay không. Ví dụ: Mặt hàng “đệm lót sinh học” được chế tạo từ nguyên liệu làm chất độn chuồng là phụ phẩm cây trồng (Công văn 4733/TCT-CS ngày 06/12/2021 của Tổng cục Thuế) thì khi áp dụng theo quy định này của Dự thảo Luật có phải đối tượng chịu thuế không, nếu phải thì chịu thuế suất bao nhiêu?

- điểm c khoản 2 Điều 12:

Đề nghị quy định rõ doanh thu trên hóa đơn bán hàng có bao gồm thuế GTGT hay không? Vì tại điểm e khoản 1 Điều 13 Dự thảo Luật đã luật hóa quy định đưa vào chi phí được trừ để tính thuế TNDN đối với số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ

- điểm b khoản 2 Điều 13:

Đề nghị làm rõ “giá trị dưới năm triệu đồng” là theo giá đã có thuế GTGT hay giá chưa có thuế GTGT.

Ý kiến này sẽ được tổng hợp khi ban hành Thông tư hướng dẫn.

Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.

Tại dự thảo Luật đã quy định rõ áp dụng theo thuế suất của mặt hàng phế phẩm bán ra. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.

- Tại khoản 2 Điều 12 dự thảo Luật quy định: “Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp theo doanh thu bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu”. Doanh thu để tính theo phương pháp trực tiếp là tổng số tiền ghi trên hóa đơn bán hàng. Do vậy, đề nghị giữ như hiện hành.

Điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào là có chứng từ thanh toán qua ngân hàng. Do vậy, chứng từ thanh toán qua ngân hàng là tổng số tiền ghi trên hóa đơn GTGT (đã bao gồm thuế GTGT).

Tại pháp luật thuế quản lý thuế (Điều 8 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP) quy định: Khi xuất khẩu doanh nghiệp phải

		<p>- điểm c khoản 2 Điều 13: Đề nghị ghi rõ là “hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng khi bán hàng hóa, dịch vụ” để tránh gây nhầm lẫn với loại “hóa đơn bán hàng”</p> <p>- Tại điểm a khoản 1 Điều 13 Dự thảo Luật quy định: “a) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng được khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế giá trị gia tăng đầu vào không được bồi thường của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng bị tổn thất.” Tại khoản 1 Điều 14 Dự thảo Luật quy định: “1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.” Tuy nhiên, thực tế hiện nay, một số doanh nghiệp có hàng hóa thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT khi bán ra đang gặp một vấn đề đó là không có số thuế GTGT đầu ra phải nộp nên không được bù trừ với số thuế GTGT đầu vào, dẫn đến số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ bị treo trên tờ khai thuế GTGT mà không được hoàn. Đề nghị hướng dẫn cách xử lý số thuế GTGT đầu vào này</p>	<p>sử dụng hóa đơn GTGT. Do vậy, không cần thiết quy định tại dự thảo Luật để tránh chồng chéo.</p> <p>Tại khoản 1 Điều 1 Luật số 106/2016/QH13 có quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT như sau: <i>...Doanh nghiệp, hợp tác xã mua sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào”.</i></p> <p>Trường hợp doanh nghiệp chuyên kinh doanh bán sản phẩm trồng trọt qua sơ chế thông thường thì sản phẩm trồng trọt qua sơ chế đầu vào của doanh nghiệp là không có thuế GTGT. Do đó, thuế GTGT đầu vào của doanh nghiệp chủ yếu là các chi phí quản lý (tiền điện, nước...). Đối với số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết, dự thảo Luật thuế TNDN dự kiến quy định, doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế TNDN. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p>
--	--	--	--

		<p>- Đề nghị hướng dẫn xử lý số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ của HHDV không chịu thuế chưa được trích khấu hao hết khi thanh lý tài sản cố định.</p>	
29	Thành phố Hồ Chí Minh	<p>- Về sửa đổi quy định về người nộp thuế: kiến nghị bổ sung thêm nội dung: Theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Thông tư số 80/2021TT-BTC:</p> <p>“1. Tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức đăng ký hoạt động theo pháp luật Việt Nam mua hàng hóa, dịch vụ của nhà cung cấp ở nước ngoài hoặc thực hiện phân phối hàng hoá, cung cấp dịch vụ thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài mà nhà cung cấp ở nước ngoài không thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định tại Điều 76, Điều 77, Điều 78, Điều 79 Thông tư này thì tổ chức mua hàng hoá, dịch vụ hoặc phân phối hàng hoá, dịch vụ thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ kê khai, khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài số thuế phải nộp theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính.”</p> <p>Lý do: Thực tế các Tổ chức, cá nhân ở Việt Nam khi mua hàng hóa, dịch vụ của các Nhà cung cấp ở nước ngoài (NCCNN) đã đăng ký thuế tại Việt Nam (vd: Meta, Google, ...) thì các tổ chức, cá nhân này không thể biết được các NCCNN này đã kê khai, nộp thuế đối với thu nhập nhận được hay chưa. Cục Thuế TP HCM kiến nghị bổ sung thêm các NCCNN đã đăng ký thuế tại Việt Nam theo quy định là người nộp thuế GTGT (Bên Việt Nam không phải là Người nộp thuế</p>	<p>Ý kiến này sẽ được nghiên cứu, tiếp thu khi xây dựng Nghị định quy định chi tiết Luật.</p> <p>Tại dự thảo Luật đã quy định: Sản</p>

		<p>trong trường hợp này).</p> <p>- Đối với quy định về nhóm sản phẩm vật liệu nhân giống cây trồng, giống vật nuôi, Cục Thuế TPHCM kiến nghị có quy định cụ thể về nhóm sản phẩm là vật liệu nhân giống cây trồng, giống vật nuôi hoặc giao cơ quan chuyên ngành ban hành danh mục.</p> <p>- Đối với nhóm sản phẩm “Tàu khai thác thủy sản tại vùng khơi, vùng biển” thì thực tế khi bán hàng, người bán khó xác định được mục đích sử dụng của người mua tàu để dùng phục vụ khai thác thủy sản tại vùng khơi, vùng biển. Nên Cục Thuế cũng có kiến nghị quy định cụ thể danh mục “Tàu khai thác thủy sản tại vùng khơi, vùng biển” kèm theo hoặc giao cho cơ quan chuyên ngành ban hành danh mục.</p>	<p>phẩm giống vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, vật liệu nhân giống cây trồng theo quy định của pháp luật về trồng trọt. Do vậy, đề nghị thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.</p> <p>Tại Điều 43 Nghị định 26/2019/NĐ-CP quy định về quản lý hoạt động của tàu cá trên các vùng biển Việt Nam như sau:</p> <p><i>Quản lý hoạt động của tàu cá trên các vùng biển Việt Nam</i></p> <p>1. Đối với tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản:</p> <p>a) Tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên hoạt động tại vùng khơi, không được hoạt động tại vùng ven bờ và vùng lộng;</p> <p>b) Tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét hoạt động tại vùng lộng, không được hoạt động tại vùng khơi và vùng ven bờ;</p> <p>c) Tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động tại vùng ven bờ không được hoạt động tại vùng lộng và vùng khơi; tàu đăng ký tại tỉnh nào thì chỉ được hoạt động tại vùng ven bờ của tỉnh đó; trừ trường hợp có thỏa thuận về hoạt động tàu cá ở vùng ven bờ của Ủy ban nhân dân hai tỉnh.</p> <p>2. Đối với tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản:</p> <p>a) Tàu có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên hoạt động tại vùng ven bờ, vùng lộng và vùng khơi;</p> <p>b) Tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét đến dưới 15 mét hoạt động tại vùng</p>
--	--	---	---

- Đối với quy định về chuyển nhượng vốn thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:

+Đối với trường hợp quy định về “bán Doanh nghiệp” cho Doanh nghiệp khác thì hiện nay theo Pháp luật hiện hành chỉ có quy định về Chủ DN tư nhân cho thuê toàn bộ doanh nghiệp và bán doanh nghiệp cho cá nhân, tổ chức khác theo quy định tại Điều 191 và 192 Luật Doanh nghiệp. Cục Thuế TP HCM kiến nghị không chịu thuế GTGT đối với “cho thuê toàn bộ doanh nghiệp” và “bán Doanh nghiệp” cần được quy định cụ thể theo Pháp luật chuyên ngành.

+Đối với thu nhập từ hoạt động bán toàn bộ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản thì được xem là thu nhập chuyển nhượng Bất động sản (BDS) giá trị BDS chiếm tỷ trọng lớn trong giao dịch chuyển nhượng vốn (bán toàn bộ Công ty) thì Cục Thuế TP Hồ Chí Minh kiến nghị có quy định về mức tỷ lệ của phần giá trị BDS (theo thẩm định của đơn vị độc lập) chiếm tỷ lệ trên 50% giá trị vốn góp thì không thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

- Kiến nghị Chính phủ quy định cụ thể nội dung: dịch

ven bờ và vùng lộng, không được hoạt động tại vùng khơi;

c) Tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động tại vùng ven bờ không được hoạt động tại vùng lộng và vùng khơi.

Do vậy, các tàu được phép khai thác thủy sản thuộc vùng khơi, vùng lộng thuộc đối tượng áp dụng mức thuế suất 5%.

Đối với trường hợp cho thuê toàn bộ doanh nghiệp thì vẫn thuộc quyền sở hữu của người cho thuê do vậy, không tiếp thu ý kiến này, trường hợp cho thuê doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 10%. Đồng thời, tại dự thảo Luật đã có quy định “các hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật” để bao quát hết các trường hợp.

Trường hợp bán toàn bộ doanh nghiệp chính là hoạt động chuyển nhượng 10% vốn (doanh nghiệp không thay đổi hoạt động) nên vẫn thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Bên cạnh đó, việc quy định quy định thu thuế đối với chuyển nhượng vốn gắn với bất động sản (chiếm trên 50% giá trị vốn góp) là phức tạp và không thể thực hiện được.

Theo pháp luật về kế toán khoản công

		<p>vụ “Bán nợ bao gồm bán khoản phải trả và khoản thu của các cơ sở kinh doanh”</p> <p>- Đối với vấn đề sửa đổi quy định “dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng” thành đối tượng chịu thuế GTGT thì các dịch vụ nêu trên phục vụ cho việc duy trì, tu bổ các tiện ích công cộng, các điểm vui chơi phục vụ cho người dân. Đặc thù của các dịch vụ này là phát sinh thường xuyên và đối tượng của các dịch vụ này thường là các hoạt động vui chơi, giải trí mang tính cộng đồng phục vụ cho cư dân ở các Thành phố để tạo mảng xanh góp phần cải thiện môi trường sống cho cư dân. Một số đơn vị là “vườn thú”, “thảo cầm viên” có nguồn thu chủ yếu từ bán vé cho khách thăm quan nên nguồn tiền để tu bổ, duy trì cho hoạt động của vườn thú thường sẽ không ổn định và có tính mùa vụ. Nhưng chi phí phát sinh cho tu bổ, chăm sóc vườn thú, trả lương cho công nhân viên, chi phí tái đầu tư một số hạng mục bị hư hỏng, xuống cấp vẫn phải phát sinh chi trả thường xuyên nên việc cân đối tài chính sẽ gặp khó khăn nếu như phải chịu thêm phần thuế GTGT khi các dịch vụ này chuyển sang đối tượng chịu thuế GTGT. Vì vậy nếu chuyển từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang chịu thuế GTGT thì Cục Thuế TP Hồ Chí Minh đề nghị BTC cân nhắc trước khi trình Chính phủ. Về nội dung này Cục Thuế TP HCM thống nhất, tuy nhiên những hoạt động phục vụ công cộng do ngân sách nhà nước chi trả, kiến nghị giữ nguyên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.</p> <p>- Cục Thuế thống nhất, tuy nhiên những hoạt động phục vụ công cộng (không thu tiền) để khuyến khích tổ chức cá nhân tham gia đóng góp cho lợi ích chung của xã hội kiến nghị giữ nguyên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Đề nghị bổ sung thêm đối tượng là các công trình tín</p>	<p>nợ của doanh nghiệp gồm khoản phải thu và khoản phải trả. Do vậy, để bao quát hết các trường hợp cần thiết phải quy định bán nợ bao gồm các khoản phải thu, phải trả.</p> <p>Nội dung này đã được Chính phủ họp và đồng ý thông qua tại khâu lập đề nghị chính sách. Đồng thời, để đảm bảo thu hẹp đối tượng không chịu thuế GTGT (như ý kiến của UBTVQH, Chính phủ) đề nghị giữ như dự thảo Luật. Trường hợp NSNN bỏ tiền để mua dịch vụ thì phải trả cả phần thuế GTGT.</p> <p>Trường hợp công trình tín ngưỡng, tôn giáo được xác định là công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Do vậy, đề nghị không mở rộng đối tượng không chịu</p>
--	--	---	---

ngưỡng, công trình tôn giáo theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.  
(Đề xuất sửa thành: 12. Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật; công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; công trình phục vụ công cộng; cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội.).

Lý do:

Thực tế việc duy tu các Công trình văn hóa, nghệ thuật hiện nay cần có sức góp sức lớn của xã hội, các tổ chức và cá nhân ngoài khu vực nhà nước. Điều này đã giúp ngân sách giảm thiểu chi phí đối với hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng một số Công trình công cộng, công trình nghệ thuật, công trình văn hóa. Đồng thời các thay đổi trong chính sách ưu đãi và thu hút đầu tư vào nghệ thuật, văn hóa đang có vai trò ngày càng quan trọng trong xúc tiến thương mại, quảng bá văn hóa, hình ảnh Việt Nam ra ngoài Thế giới. Vậy nên Cục thuế TP HCM kiến nghị BTC trình Chính phủ có quy định mức tỷ lệ nguồn vốn sử dụng công trình tại Luật phù hợp với chính sách về thu hút đầu tư văn hóa, nghệ thuật.

- thống nhất ý kiến về việc thay đổi nội dung đối tượng không chịu thuế GTGT là “bản tin chuyên ngành” thành “bản tin” để thống nhất với Luật báo chí và kiến nghị làm rõ thêm nội dung:

Thực tế có những trường hợp các cơ quan báo chí thực hiện viết bài quảng bá, quảng cáo hình ảnh cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan nhà nước để đăng trên các trang báo, trang tin tức điện tử thì theo khoản 15 Điều 4, Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 có quy định đối tượng không chịu thuế là “Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp

thuế.

Đây là vướng mắc trong quá trình quản lý. Trường hợp viết bài quảng bá được coi là xuất bản, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, đặc san theo quy định của pháp luật về báo chí thì thuộc đối tượng không chịu thuế. Do vậy, đề nghị không mở rộng đối tượng không chịu thuế GTGT.

		<p>luật,... và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cô đọng, kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử”, “Báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, bao gồm cả hoạt động truyền trang báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành.” thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT nhưng các cơ quan quản lý nhà nước khác có ý kiến rằng hoạt động viết tin bài quảng bá này là cung cấp dịch vụ quảng cáo. Theo quy định tại Điều 2 Luật Quảng cáo ngày 21/06/2012 thì hoạt động quảng cáo là “việc sử dụng các phương tiện nhằm giới thiệu đến công chúng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có mục đích sinh lợi; sản phẩm, dịch vụ không có mục đích sinh lợi; tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ được giới thiệu, trừ tin thời sự; chính sách xã hội; thông tin cá nhân.”. Nên Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị Bộ Tài chính trình Chính phủ có quy định rõ về hoạt động xuất bản, phát hành bản tin, đặc san để thống nhất giữa Luật Báo chí và Luật Quảng cáo để việc ban hành, thực hiện Luật được minh bạch.</p> <p>- Đối với sửa cụm từ tàu bay thành máy bay, trực thăng, tàu lượn: Đề nghị BTC có quy định rõ khi Luật hóa nội dung này và bổ sung về phương tiện tàu thủy là các phương tiện đường thủy được quy định theo pháp luật chuyên ngành.</p> <p>- Đối với sửa đổi quy định rõ về “phần mềm máy tính”: Kiến nghị Chính phủ quy định cụ thể nội dung này hoặc theo danh mục do cơ quan chuyên ngành ban hành.</p> <p>- Đối với sửa quy định “sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản công với chi phí năng lượng</p>	<p>Tiếp thu ý kiến tham gia, để phù hợp với pháp luật chuyên ngành đề nghị sửa “tàu thủy” thành “tàu thuyền”. Tuy nhiên, không cần trích dẫn cách xác định tàu thuyền thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.</p> <p>Tại dự thảo Luật đã quy định phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật. Do vậy, không cần ban hành Danh mục tại dự thảo Luật.</p> <p>Tại dự thảo Luật đã quy định giao Chính phủ xây dựng Danh mục sản phẩm xuất khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Do vậy, sau khi Luật có hiệu lực cơ quan thuế căn cứ vào</p>
--	--	---	---



chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên”: Kiến nghị giao cơ quan chuyên ngành xác định tỷ lệ tài nguyên, khoáng sản cấu thành đối với sản phẩm này do cơ quan thuế không có chuyên môn trong lĩnh vực này.

- Đối với sửa đổi mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT của hộ, cá nhân kinh doanh từ mức 100 triệu đồng/ năm thành 150 triệu đồng/ năm:

Đề xuất mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT của hộ, cá nhân kinh doanh không quy định giá trị cố định mà được xác định tương ứng mức giảm trừ gia cảnh bản thân và một người phụ thuộc để phù hợp với quy định giảm trừ gia cảnh theo Luật thuế TNCN.

- Đối với bổ sung quy định “tài sản của tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế GTGT bán ra; hàng dự trữ quốc gia do cơ quan dự trữ quốc gia bán ra; các hoạt động, dịch vụ thu phí, lệ phí theo pháp luật về phí và lệ phí”: Cục Thuế TP Hồ Chí Minh bổ sung thêm nội dung đối với khoản thu hộ cho hoạt động bảo trì chung cư, phần diện tích sử dụng chung thì thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng để phù hợp với quy định của Luật Nhà ở.

- Đối với quy định “Hàng hóa nhập khẩu ủng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh, chiến tranh theo quy định của Chính phủ” Về cơ bản Cục Thuế thống nhất, tuy nhiên để khuyến khích sử dụng sản phẩm được sản xuất trong nước để ủng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh, chiến tranh, Cục Thuế kiến nghị áp dụng thống nhất chung đối tượng không chịu thuế đối với sản phẩm này, không phân biệt hàng nhập khẩu hay hàng nội địa, nhưng phải bổ sung văn bản cam kết mua để ủng hộ, tài trợ.

Danh mục để xác định.

Việc quy định như đề xuất rất khó xác định. Để đảm bảo rõ ràng minh bạch đề nghị quy định như dự thảo.

Ý kiến tham gia sẽ được tổng hợp khi ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật.

Đối với hàng hóa mua trong nước để ủng hộ, tài trợ khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, chiến tranh, không áp dụng đối tượng không chịu thuế GTGT với lý do: (i) Phát sinh rủi ro cho bên bán hàng khi xuất hóa đơn không chịu thuế GTGT nhưng sau đó cơ quan quản lý thuế thực hiện truy thu thuế GTGT nếu bên mua không thực hiện đúng mục đích tài trợ như cam kết; (ii) Hàng bán trong nước khó xác định được mục đích sử dụng của bên mua; (iii) Bên bán hàng phải thực hiện phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ nên số thuế này sẽ tính vào

		<p>- Đối với bổ sung quy định cụ thể tên 05 nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT: Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất ý kiến về nội dung này và kính đề nghị Bộ Tài chính bổ sung khi luật hóa về quy định đối với các khoản thu hộ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng để phù hợp với nội dung quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021.</p> <p>- Đối với sửa đổi cụm từ “tiêu dùng nội bộ” thành “trả thay lương”: đề nghị Bộ Tài chính bổ sung giá tính thuế trường hợp “dịch vụ trả thay lương”.</p> <p>- Tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 123/2020/NĐ-CP có quy định “Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định...” nên theo quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP thì các trường hợp hàng hóa dùng để “trả thay lương và tiêu dùng nội bộ”, “xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa” vẫn phải lập hóa đơn theo quy định. Vì vậy Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị Bộ Tài chính trình Chính phủ có quy định rõ về nội dung này để thống nhất với quy định về hóa đơn điện tử tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP và có quy định cụ thể về giá tính thuế đối với hàng hóa cho vay, cho mượn để minh bạch khi luật hóa nội dung này.</p>	<p>giá của hàng bán.</p> <p>Ý kiến tham gia sẽ được nghiệp cứu tổng hợp trong quá trình xây dựng Nghị định quy định chi tiết.</p> <p>Tại dự thảo Luật đã có quy định nội dung này.</p>
--	--	--	--

- Đối với bổ sung quy định về thời điểm xác định thuế GTGT:

+Theo quy định hiện này thì thời điểm xác định thuế GTGT đối với hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền. Thực tế có những trường hợp hàng hóa chưa chuyển giao quyền sở hữu hoặc cần chuyển qua nhiều bước giao, nhận trung gian trước khi đến được người sở hữu cuối cùng như với hàng hóa bán trên các sàn thương mại điện tử (TMĐT). Khi các tổ chức, cá nhân bán hàng trên các sàn TMĐT thì hàng hóa được giao cho các đơn vị giao hàng chuyển tới các địa điểm nhận, phân chia hàng hóa để tiếp tục giao đến khách hàng cuối cùng.

+Trường hợp hàng hóa xuất khẩu thì thời điểm xác định thuế GTGT đối với giao hàng theo điều kiện FOB thì thời điểm chuyển giao hàng hóa là thời điểm hàng hóa được đặt lên tàu tại cảng bốc hàng. Đối với giao hàng theo điều kiện hàng hóa được chuyển giao sau khi thông quan tại Việt Nam thì thời điểm chuyển giao hàng hóa là thời điểm hàng hóa được chuyển giao cho người mua hàng.

+Thời điểm tính thuế GTGT đối với hóa đơn có ngày lập và ngày ký khác nhau thì theo quy định tại Căn cứ Điều 8, khoản 1 Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính và Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ thì: Người bán thực hiện kê khai nộp thuế GTGT theo thời điểm lập hóa đơn, Người mua thực hiện kê khai thuế tại thời điểm nhận hóa đơn đảm bảo đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung theo quy định.

+Đề nghị Bộ Tài chính xem xét bổ sung thêm nội dung về thời điểm tính thuế GTGT đối với Dịch vụ bán thẻ voucher, thẻ quà tặng, phiếu điểm tích lũy, vé tàu điện để thống nhất khi luật hóa

- Đối với dịch vụ xuất khẩu chịu thuế suất 0%:

Ý kiến tham gia sẽ được nghiên cứu tổng hợp trong quá trình xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật.

Tại dự thảo Luật đã giao Bộ Tài chính quy định thời điểm tính thuế đối với hàng nhập khẩu, xuất khẩu. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.

Nội dung này là vướng mắc về việc xuất hóa đơn điện tử. Không vướng mắc về chính sách thuế.

Tại Luật đã bao Bộ Tài chính hướng dẫn thời điểm tính thuế đối với một số trường hợp khác. Do vậy đề nghị không bổ sung tại dự thảo Luật.

Đối với dịch vụ hiện rất khó xác định, do vậy, tổng hợp ý kiến tham gia dự

	<p>Để tránh vướng mắc trong thực hiện, kiến nghị Bộ Tài chính xem xét căn cứ để xác định thuế GTGT 0% của dịch vụ khi xuất khẩu dựa trên việc “tiêu dùng” thì khó xác định được thực tế đối tượng tiêu thụ, tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ cuối cùng ở Việt Nam hay ngoài Việt Nam. Vì vậy Cục Thuế TP Hồ Chí Minh kiến nghị Bộ Tài chính xem xét chuyển quy định các trường hợp đặc thù là “dịch vụ được tiêu dùng” thành “dịch vụ được thực hiện”.</p> <p>Lý do:</p> <p>Tại điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 có quy định:</p> <p><i>“b) Dịch vụ xuất khẩu bao gồm <u>dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan.</u></i></p> <p><i>Cá nhân ở nước ngoài là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và ở ngoài Việt Nam trong thời gian diễn ra việc cung ứng dịch vụ. Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan là tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh và các trường hợp khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.”</i></p> <p>Tại Điều 3 Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20/06/2023 có quy định:</p> <p><i>“1. Người tiêu dùng là người mua, sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và không vì mục đích thương mại.</i></p> <p><i>2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh là tổ chức, cá nhân thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm:</i></p> <p>...</p> <p>Tại Điều 3 Luật Thương mại ngày 14/06/2005</p>	<p>thảo Luật chỉ quy định 03 nhóm dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%. Các dịch vụ khác thuộc tương được áp dụng thuế suất 10% để tránh vướng mắc trong thực hiện.</p>
--	--	--

có quy định:

*"1. Hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác.*

...

*9. Cung ứng dịch vụ là hoạt động thương mại, theo đó một bên (sau đây gọi là bên cung ứng dịch vụ) có nghĩa vụ thực hiện dịch vụ cho một bên khác và nhận thanh toán; bên sử dụng dịch vụ (sau đây gọi là khách hàng) có nghĩa vụ thanh toán cho bên cung ứng dịch vụ và sử dụng dịch vụ theo thỏa thuận."*

Theo đó thì Luật Thương mại quy định việc cung ứng dịch vụ của tổ chức kinh doanh thuộc hoạt động thương mại và nhằm mục đích sinh lợi. Theo Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thì tiêu dùng là việc người tiêu dùng "sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và không vì mục đích thương mại." khác với Tổ chức, cá nhân kinh doanh tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.

Như vậy theo quy Luật thuế GTGT hiện hành điều kiện áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% là dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam sẽ rất khó xác định đối tượng mà dịch vụ được tiêu dùng không vì mục đích lợi nhuận hoặc vì mục tiêu sinh lợi cũng như khó xác định được đối tượng cuối cùng mà dịch vụ đó cung cấp là ở ngoài Việt Nam hay trong lãnh thổ Việt Nam (vd: Dịch vụ kiểm định chất lượng hàng hóa xuất khẩu và Dịch vụ quản lý chất lượng hàng hóa xuất khẩu). Theo khoản 2 Điều 3 Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cũng quy định "Tổ chức, cá nhân kinh doanh là tổ chức, cá nhân thực hiện... từ đầu tư, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa... nhằm mục đích sinh lợi" tổ chức, cá nhân kinh doanh "tiêu thụ sản phẩm" được hiểu là thực hiện việc tiêu thụ là bao gồm sản phẩm, hàng hóa và sản phẩm dịch vụ

		<p>nhưng theo quy định tại Luật thuế GTGT hiện nay điều kiện áp dụng thuế GTGT 0% được xác định dựa trên việc “dịch vụ được <u>tiêu dùng</u>”.</p> <p>- Đối với bỏ quy định “thực phẩm tươi sống” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%: Kiến nghị giao Chính phủ quy định chi tiết hoặc ban hành danh mục cụ thể.</p> <p>- Đối với bỏ quy định “lâm sản chưa qua chế biến” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5% Kiến nghị giao Chính phủ quy định chi tiết hoặc ban hành danh mục cụ thể.</p> <p>- Đối với quy định về kê khai, khấu trừ đối với hóa đơn bị sót: Cục Thuế TP Hồ Chí Minh kính đề nghị Bộ Tài chính bổ sung thêm quy định về kê khai bổ sung thuế GTGT đầu vào đối với trường hợp người bán có phát sinh lập hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn thay thế và hóa đơn khi hoàn trả hàng hóa.</p> <p>- Về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam: Để thống nhất, kiến nghị Doanh nghiệp, tổ chức Việt Nam khi mua hàng hóa, dịch vụ của Nhà thầu nước ngoài là đối tượng kê khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT thì bên mua cũng không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào (bỏ quy định khấu trừ đối với chừng từ nộp thay thuế nhà thầu nước ngoài). Theo pháp luật thuế GTGT khi mua hàng hóa, dịch</p>	<p>Thực phẩm tươi sống là sản phẩm chăn nuôi nên không thể ban hành Danh mục như kiến nghị.</p> <p>Theo quy định tại dự thảo Luật: Mặt hàng lâm sản ở khâu kinh doanh thương mại (không phân biệt đã qua chế biến hay chưa qua chế biến) thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 10%. Do vậy, không cần thiết ban hành Danh mục.</p> <p>Đối với trường hợp này thực hiện kê khai, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Dự thảo Luật chỉ hướng dẫn kê khai khấu trừ đối với trường hợp hóa đơn bị bỏ sót.</p> <p>Mặc dù từ tháng 3/2022, Tổng cục Thuế đã khai trương Cổng thông tin điện tử dành cho nhà cung cấp nước ngoài, theo đó, nhà thầu nước ngoài có thể trực tiếp thực hiện đăng ký kê khai, nộp thuế trực tiếp trên Cổng điện tử. Tuy nhiên, vẫn phát sinh trường hợp nhà thầu nước ngoài chưa đăng ký và bên Việt Nam mua dịch vụ phải thực hiện nộp thuế thay nhà thầu nước ngoài. Để không làm tăng chi phí cho bên Việt Nam đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p>
--	--	--	---

vụ của người bán tính thuế theo phương pháp trực tiếp và mua của NCCNN thì người mua không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

- Về đối tượng áp dụng phương pháp khấu trừ thuế:  
Tại Điều 10 quy định phương pháp khấu trừ thuế: đề xuất bỏ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế.

- Về việc bổ sung quy định về hoàn thuế GTGT đối với cơ sở sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế GTGT 5%:

Kiến nghị thống nhất về việc mở rộng cơ sở thuế (chuyên hàng hóa dịch vụ chịu thuế 5% sang 10%) để giảm trường hợp phát sinh do chênh lệch thuế suất. Đối với trường hợp còn lại, đề xuất cơ sở sản xuất kinh doanh được trừ vào chi phí tính thuế TNDN phần chênh lệch thuế GTGT, không bổ sung hoàn thuế GTGT đối với trường hợp này.

- Về việc bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan thuế trong xử lý hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT:

Đề nghị Bộ Tài chính trình Chính phủ có quy định trường hợp Người nộp thuế đã thực hiện khắc phục hành vi vi phạm (Nộp đủ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt... vào ngân sách nhà nước), hoặc Cơ quan thuế đã ban hành quyết định xử phạt và khắc phụ hậu quả thì công chức thuế được miễn trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự.

Lý do: Hiện nay việc hoàn thuế đối với một số Doanh nghiệp xuất khẩu một số mặt hàng, ngành sản xuất, kinh doanh rất khó kiểm tra, đối soát tính chính xác, có thực của giao dịch giữa tổ chức ở Việt Nam và khách hàng là tổ chức ở nước ngoài, việc kiểm tra cần

Đề khuyến khích doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và để đảm bảo chính sách ổn định, phù hợp với thông lệ quốc tế, đề nghị giữ như dự thảo Luật.

Theo Luật thuế GTGT hiện hành thì cơ sở sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT 5% thì chỉ được khấu trừ thuế GTGT đầu vào dẫn đến có trường hợp luôn phát sinh số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ qua nhiều kỳ. Vì vậy, doanh nghiệp kiến nghị quy định này gây khó khăn về vốn, do đó, đề nghị giữ như nội dung quy định tại dự thảo Luật để xử lý bất cập này.

Tiếp thu hoàn thiện dự thảo theo hướng: *Khi thực hiện công vụ hoàn thuế hoặc kiểm tra, thanh tra hoàn thuế, công chức thuế được loại trừ trách nhiệm hình sự trong trường hợp người nộp thuế cung cấp thông tin, tài liệu, số liệu không trung thực, không chính xác mà tại thời điểm thực hiện hoàn thuế hoặc thời điểm kết thúc hoạt động kiểm tra, thanh tra hoàn thuế, công chức thuế không thể biết hoặc không thuộc trách nhiệm phải biết về tính trung thực, chính xác do người*

		<p>nhiều thời gian và phối hợp của các cơ quan quốc tế. Vì vậy việc đáp ứng việc hoàn thuế đối với hồ sơ kiểm tra trước cần nhiều thời gian và gặp nhiều khó khăn. Để đáp ứng việc hoàn thuế GTGT phù hợp với quy định của Luật thì Cục Thuế TPHCM kiến nghị BTC có quy định cụ thể về “tính hợp lệ” của hồ sơ hoàn thuế.</p> <p>- Đối với quy định giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết điều kiện hoàn thuế: đề nghị Bộ Tài chính trình Chính phủ có quy định liên quan đến quy chế trao đổi giữa Cơ quan thuế Việt Nam và Cơ quan thuế Nước ngoài theo Hiệp định về thuế.</p> <p>- Về giá tính thuế GTGT:</p> <p>+Theo Pháp luật về Thuế GTGT thì căn cứ tính thuế là giá tính thuế và thuế suất (chưa có quy định cụ thể doanh thu là giá tính thuế). Vì vậy Cục Thuế TP Hồ Chí Minh kiến nghị bổ sung quy định: giá tính thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ là Doanh thu bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.</p> <p>+Đối với giá tính thuế GTGT hoạt động chuyển nhượng bất động sản có quy định về giá đất được trừ, nhưng vẫn cộng vào tổng giá trị hóa đơn giá trị gia tăng. Điều này dẫn đến chênh lệch giữa thuế suất và giá tính thuế GTGT khi ghi nhận trên tờ khai thuế GTGT 01/GTGT. (vd: hàng hóa chịu thuế GTGT 10% bán ra có giá chưa thuế là 500trđ thì thuế suất tương ứng là 50trđ. Đối với chuyển nhượng BĐS là quyền sử dụng đất có phần giá trị đất được trừ không tính thuế GTGT thì tổng giá trị đất chuyển nhượng là 500 trđ, phần giá trị đất được trừ là 100 trđ. Vậy tổng giá trị đất chuyển nhượng bao gồm thuế GTGT là: <math>400\text{trđ} + (400\text{trđ} * 10\%) + 100\text{trđ} = 540\text{trđ}</math>. Số tiền chênh lệch 10trđ và 100 trđ (phần giá trị đất được trừ) không thể hiện trên tờ khai thuế GTGT 01/GTGT và không xác định được thuế suất trên e-inv.</p> <p>+Tương tự đối với hoạt động cung cấp Dịch vụ lữ</p>	<p><i>nộp thuế cung cấp và công chức thuế đã tuân thủ đúng các quy định pháp luật về thuế giá trị gia tăng và pháp luật quản lý thuế, đã tuân thủ đúng quy định, quy trình về quản lý rủi ro hoàn thuế giá trị gia tăng.</i></p> <p>Nội dung kiến nghị chưa phù hợp vì thức tế có trường hợp doanh thu chưa có thuế GTGT và doanh thu có thuế GTGT. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p> <p>Nội dung vướng mắc liên quan đến cách lập hóa đơn được quy định tại pháp luật về quản lý thuế (không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này).</p>
--	--	---	---



		hành Quốc tế theo quy định tại khoản 16 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.	
30	Long An	Nhất trí.	
31	Vũng Tàu	<p>- Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 13, cụ thể: “<b>Điều 13. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào 1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau: b) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng. (trừ hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 19 Điều 5 của Luật này).....</b>” Lý do: đảm bảo thống nhất thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại được khấu trừ toàn bộ (Thống nhất nội dung được quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 13 và Khoản 19 Điều 5 của dự thảo Luật này).</p> <p>- Không bỏ nội dung tại điểm n khoản 2 Điều 9 (trang 10) về mức thuế suất 5% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ “Hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục thể thao, biểu diễn nghệ thuật, sản xuất phim, nhập khẩu, phát hành và chiếu phim”. Lý do: + Theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Quyết định số 15/2017/QĐUBND ngày 23/6/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chế độ miễn giảm tiền thuế đất đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, các hoạt động trong lĩnh</p>	<p>Tại điểm c, khoản 1 Điều 13 Luật thuế GTGT đã có quy định: Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại được khấu trừ toàn bộ. Do vậy, không cần thiết phải sửa đổi như đề xuất.</p> <p>Nội dung này đã được Chính phủ họp và đồng ý thông qua tại khâu lập đề nghị chính sách. Đồng thời, để đảm bảo thu hẹp đối tượng áp dụng thuế suất 5% (như ý kiến của UBND tỉnh, Chính phủ) đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p>

		<p>văn bản hóa thể thao là một trong các hoạt động được khuyến khích xã hội hóa, do đó mức thuế suất 5% cũng là một trong những chính sách khuyến khích phù hợp với các quy định hiện hành của Chính phủ.</p> <p>+ Theo điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ của quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, theo đó dịch vụ công thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật dân gian truyền thống, đào tạo, huấn luyện vận động viên, huấn luyện viên thể thao quốc gia được quy định là dịch vụ công cơ bản thiết yếu. Do đó, cần có chính sách phù hợp, khuyến khích, hỗ trợ tương ứng”</p>	
32	Tiền Giang	Nhất trí.	
33	Kon Tum	Nhất trí.	
34	Yên Bái	<p>- Để bảo đảm tính “<i>dễ tiếp cận, dễ thực hiện của văn bản quy phạm pháp luật</i>” theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị nghiên cứu, quy định cụ thể khái niệm “<i>chưa chế biến thành sản phẩm khác</i>” tại khoản 23 Điều 5 Dự thảo Luật: “<i>Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác...</i>”.</p> <p>- Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Dự thảo: “<i>c) Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải có: hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ; hóa đơn bán hàng, dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu; phiếu đóng gói, vận đơn; chứng từ bảo hiểm hàng hóa (nếu có)</i>”. Do: các hình thức xuất khẩu gồm: Fob (không bao gồm bảo hiểm hàng hóa bằng đường biển), xuất khẩu tại chỗ (có thể có bảo hiểm hoặc không có bảo hiểm hàng hóa phụ thuộc vào hợp đồng giữa các bên mua bán). Do vậy cần xem xét lại quy định về chứng từ bảo hiểm hàng hóa.</p>	<p>- Để đảm bảo chặt chẽ tránh gian lận trong hoàn thuế đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p>

35	Hà Giang	<p>- Đề nghị bỏ cụm từ “sửa đổi” vì dự thảo Luật là thay thế Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12, Luật số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng.</p> <p>- Khoản 1 Điều 4 quy định về người nộp thuế bổ sung từ “hộ”, tuy nhiên theo quy định của Bộ luật dân sự thì chỉ có “hộ gia đình”, các quy định pháp luật khác có liên quan không có chủ thể là “hộ” vì vậy đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại với đối tượng bổ sung là “hộ”.</p> <p>- Tại điểm 1 khoản 1 Điều 7 của dự thảo quy định nội dung “1) Đối với dịch vụ ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược, là số tiền thu từ hoạt động này đã bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt trừ số tiền đã đổi trả cho khách.”. Đề nghị có chú thích hoặc quy định cụ thể hơn về nội dung “dịch vụ ca-si-nô” là bao gồm những dịch vụ nào. Vì quy định như vậy là chưa được cụ thể, chưa rõ ràng.</p> <p>- Đề nghị bổ sung tại Điều 13 thêm trường hợp trúng đấu giá biển số, gắn với khấu trừ đầu vào của ô tô chờ người từ 9 chỗ ngồi trở xuống. Theo dự thảo luật thuế GTGT thì toàn bộ khoản thuế GTGT đầu vào của ô tô chờ người từ 9 chỗ ngồi trở xuống được khấu trừ toàn bộ mà không bị giới hạn mức 1.6 tỉ như trước đây, trong khi đó khoản chi phí được tính khấu hao theo luật thuế TNDN hiện hành vẫn chỉ ở mức 1.6 tỉ đồng đối với các doanh nghiệp không kinh doanh vận tải. Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu điểm nêu trên đảm bảo thống nhất và phù hợp giữa các sắc thuế.</p>	<p>Tiếp thu bổ sung từ: “sửa đổi” trong đề cương xây dựng Luật.</p> <p>Tại dự thảo Luật đã có quy định: Người nộp thuế khác theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo.</p> <p>Dịch vụ ca-si-no được thực hiện theo pháp luật chuyên ngành.</p> <p>Tại dự thảo Luật đã giao Chính phủ hướng dẫn khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với ô tô chờ người từ 9 chỗ ngồi trở xuống. Ý kiến này sẽ được tổng hợp khi xây dựng Nghị định. Tuy nhiên, có trường hợp biển trúng đấu giá gắn với ô tô, có trường hợp biển trúng đấu giá không gắn với ô tô khi chuyển nhượng nên cần nghiên cứu kỹ khi xây dựng.</p>
36	Bắc Giang	<p>- Bổ sung nội dung trong dấu “()” <i>“không bao gồm tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp Ngân sách nhà nước đối với hoạt động chuyển quyền sử dụng đất”</i> tại điểm b khoản 1 Điều 13 dự thảo Luật để rõ ràng trong việc áp dụng Luật sau khi được</p>	<p>- Tại điểm b, khoản 1 Điều 13 dự thảo Luật quy định: <i>“trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ % giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu</i></p>

		<p>thông qua.</p> <p>- Nghiên cứu, sửa đổi quy định “<i>phiếu đóng gói, vận đơn, chứng từ bảo hiểm hàng hóa</i>” tại điểm c khoản 2 Điều 13 dự thảo Luật để phù hợp với thực tế.</p> <p>- Bổ sung thêm từ “<i>liên tục</i>” tại khoản 1 Điều 14 dự thảo Luật để rõ nghĩa.</p> <p>- Bổ sung cụm từ “<i>vi phạm pháp luật trong việc sử dụng hóa đơn, chứng từ</i>” tại khoản 9 Điều 14 dự thảo Luật để rõ ràng trong thực hiện.</p>	<p><i>thuế giá trị gia tăng và doanh thu của hàng hóa, dịch vụ không phải tính nộp thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra</i>”</p> <p>Tại khoản 7 Điều 5 Luật thuế GTGT quy định: Chuyển quyền sử dụng đất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.</p> <p>Do vậy, tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm doanh thu từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất. Do vậy, việc đề xuất loại trừ doanh thu từ hoạt động chuyển quyền sử dụng đất, tiền thuê đất (tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp vào NSNN) là chưa phù hợp.</p> <p>- Đề đảm bảo chặt chẽ tránh gian lận trong hoàn thuế đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p> <p>- Ý kiến tham gia chỉnh sửa câu chữ, không thay đổi nội dung nên đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p> <p>- Tại dự thảo Luật quy định: “<i>Người nộp thuế chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng và vi phạm (nếu có) của người nộp thuế liên quan đến số tiền đề nghị hoàn thuế.</i>”</p> <p>Đối với trường hợp người nộp thuế vi phạm hành chính về hóa đơn thì sẽ bị xử lý theo quy định của Luật quản lý thuế. Do</p>
--	--	--	--

		vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.	
<b>III Hiệp hội, doanh nghiệp</b>			
1	Công ty cổ phần Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam	<p>Kiến nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, làm rõ chính sách thuế GTGT áp dụng đối với hoạt động mua bán hàng hóa quy định tại khoản 9 Điều 5 dự thảo Luật để đảm bảo mục tiêu phản ánh hoạt động của thị trường theo 1 trong 2 phương án sau:</p> <p>- <b>Phương án 1:</b> Dịch vụ (hàng hóa và tài chính) phái sinh bao gồm: hợp đồng kỳ hạn; hợp đồng tương lai; hợp đồng quyền chọn; hoán đổi lãi suất; dịch vụ phái sinh khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>- <b>Phương án 2:</b> Hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa bao gồm: môi giới, tự doanh, nhận ủy thác mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch theo quy định về pháp luật thương mại.</p>	<p>Tại dự thảo Luật quy định “dịch vụ tài chính phái sinh” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Theo đó, trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định hoạt động mua bán hàng hóa là dịch vụ tài chính phái sinh thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.</p>
2	Vinachem	<p>Kiến nghị không đưa sản phẩm phân bón vào “Danh mục do Chính phủ quy định không chịu thuế GTGT”.</p>	<p>Kiến nghị này sẽ được tổng hợp khi xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật</p>
3	Tập đoàn Bưu chính viễn thông	<p>- Điều 5 dự thảo Luật chưa đề cập đến dịch vụ bưu chính, viễn thông từ nước ngoài vào Việt Nam (chiều đến).</p> <p>- Điểm d khoản 9 Điều 5 làm rõ bản chất của hoạt động chuyển nhượng vốn.</p>	<p>- Luật thuế GTGT hiện hành quy định hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng tại Việt Nam thì thuộc đối tượng chịu thuế GTGT; hàng hóa, tiêu dùng ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật. Theo đó, không cần bổ sung quy định này tại Luật.</p> <p>- Tại dự thảo dự thảo Luật theo hướng quy định rõ: “<i>Chuyển nhượng vốn bao gồm chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư vào tổ chức kinh tế khác (không phân biệt có thành lập hay không thành lập pháp nhân mới), chuyển nhượng chứng khoán, chuyển nhượng quyền góp vốn và các hình thức chuyển nhượng</i>”</p>

*vốn khác theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp bán doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác để sản xuất kinh doanh và doanh nghiệp mua kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bán theo quy định của pháp luật. Chuyển nhượng vốn quy định tại khoản này không bao gồm chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản”.*

- Khoản 21 Điều 5: làm rõ các hoạt động sau có thuộc dịch vụ phần mềm hay không:

+ Hoạt động thuê phần mềm, bản quyền phần mềm máy tính.

+ Hoạt động cho thuê phần mềm, bản quyền phần mềm máy tính.

+ Hoạt động bán, cung ứng cho một hoặc nhiều khách hàng sử dụng cùng một sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin trong khi doanh nghiệp vẫn là chủ sở hữu bản quyền các sản phẩm, dịch vụ này.

Trường hợp không làm rõ được, đề nghị chuyển sang đối tượng không chịu thuế.

- Quy định rõ cơ sở để xác định được cá nhân/hộ kinh doanh có mức doanh thu từ 150 triệu đồng trở xuống.

- Tại khoản 21 Điều 5 dự thảo Luật quy định đối tượng không chịu thuế GTGT bao gồm: “*Sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật*”.

Đối với hoạt động cho thuê phần mềm, bản quyền thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo quy định.

- Tại dự thảo Nghị định kèm theo hồ sơ dự án Luật quy định “Việc xác định hộ, cá nhân kinh doanh thuộc hay không thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế”, theo đó, cơ sở để xác định cá nhân, hộ kinh doanh có mức doanh thu 150 triệu đồng trở xuống thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế.

- Điểm c khoản 1 Điều 7 không đồng bộ với quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 123/2020/NĐ-CP...

- Bổ sung quy định cụ thể về giá tính thuế trong trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại nhưng không thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại.

- Điểm i khoản 1 Điều 7 không đồng bộ với quy định tại điểm d, e khoản 7 Điều 5 Thông tư 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về hoa hồng đại lý.

- Khoản 1 Điều 9:

• **VNPT có 01 số dịch vụ sau đã được Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Cục thuế TP Hà Nội hướng dẫn áp dụng thuế suất 0%:**

+ Dịch vụ kênh truyền dẫn quá giang và dịch vụ Internet Transit;

+ Dịch vụ trạm cáp cho hệ thống cáp quang biển quốc tế;

+ Dịch vụ cho thuê băng tần vệ tinh Vinasat cung cấp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài để khai thác dịch vụ ngoài Việt Nam hoặc cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chế xuất.

- Qua rà soát, các trường hợp tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa, dịch vụ trả thay lương) đều được hướng dẫn không phải lập hóa đơn, tính nộp thuế, theo đó, tại dự thảo Luật đã sửa cụm từ “tiêu dùng nội bộ” thành “trả thay lương”. Vì vậy, đề phù hợp với thực tế, đề nghị giữ như dự thảo.

- Tại dự thảo Luật quy định “*Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng không (0)*”, theo đó, trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại không thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại thì tính thuế GTGT như hàng hóa, dịch vụ bình thường.

- Tại dự thảo Luật và dự thảo Nghị định kèm theo hồ sơ dự án Luật đã bỏ các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT, theo đó, đề nghị giữ như dự thảo.

- Tại dự thảo Luật quy định dịch vụ xuất khẩu chỉ gồm 03 nhóm dịch vụ có tên cụ thể tại dự thảo Luật. Theo đó, đề nghị giữ như dự thảo.

		<p>+ Dịch vụ cho thuê kênh truyền số liệu cung ứng cho doanh nghiệp ở nước ngoài, được thực hiện và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam.</p> <p>• <b>Bổ sung quy định đối với các dịch vụ đủ điều kiện áp dụng thuế suất 0% (Dịch vụ xuất khẩu):</b></p> <p>+ Dịch vụ kênh truyền số liệu (kênh truyền dẫn quốc tế) cung cấp kết nối quốc tế trực tiếp từ trạm cáp biển quốc tế tại Việt Nam tới một quốc gia khác;</p> <p>+ Dịch vụ mua bán kênh truyền số liệu (kênh truyền dẫn quốc tế) giữa các doanh nghiệp viễn thông trong nước;</p> <p>+ Dịch vụ truyền hình ảnh cung cấp trực tiếp cho khách hàng ở nước ngoài;</p> <p>+ Dịch vụ tuần tra bảo vệ cáp quang thuộc tuyến cáp quang biển quốc tế.</p> <p>- Dự thảo Luật thuế GTGT chưa đề cập đến nội dung “Các trường hợp không kê khai, tính nộp thuế GTGT.”</p> <p>Bổ sung dịch vụ “Thuê kênh truyền số liệu (kênh truyền dẫn quốc tế) để cung cấp kết nối quốc tế trực tiếp từ trạm cáp biển quốc tế tại Việt Nam tới một quốc gia khác của tổ chức nước ngoài.” thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.</p> <p>- Điểm đ, khoản 1 Điều 13: đề nghị cơ quan soạn thảo quy định cụ thể hơn thời điểm kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với các trường hợp tháng lập hóa đơn sau tháng phát sinh dịch vụ.</p> <p>- Điểm g khoản 1 Điều 13: Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ không hình thành tài sản cố định phục vụ cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp (doanh nghiệp được khấu trừ</p>	<p>- Tại dự thảo Nghị định kèm theo hồ sơ dự án Luật đã bỏ các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT, theo đó, đề nghị giữ như dự thảo.</p> <p>- Tại dự thảo Luật giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể về thời điểm xác định thuế GTGT đối với một số trường hợp đặc thù. Theo đó, kiến nghị này sẽ được tổng hợp để nghiên cứu trong quá trình xây dựng Thông tư.</p> <p>- Để tránh gian lận trong thực hiện, dự thảo Luật chỉ quy định khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với trường hợp hình thành tài sản cố định, theo đó, đề nghị giữ như dự thảo.</p>
--	--	---	---



		<p>thuế GTGT đầu vào không phân biệt hàng hóa dịch vụ có đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định hay không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mục b khoản 2 Điều 13: Đề nghị cơ quan soạn thảo mở rộng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt (như: lệnh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng, ủy nhiệm thu, thẻ tín dụng, ví điện tử,...) và đối tượng thực hiện thanh toán (như: đơn vị hoặc cán bộ nhân viên đang công tác tại đơn vị phát sinh hoạt động mua hàng hóa dịch vụ).</li> <li>- Đề nghị cơ quan soạn thảo có hướng dẫn cụ thể về cách xác định doanh thu trong các trường hợp sử dụng khái niệm “doanh thu” để đảm bảo thống nhất trong cách hiểu và thực hiện.</li> <li>- Điểm d khoản 1 Điều 13: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung hướng dẫn về xử lý kê khai, khấu trừ đối với trường hợp kê khai, khấu trừ sai.</li> <li>- Điều 7 của dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết cho Điều 12 của Luật: Đề nghị bổ sung giao nhiệm vụ cho Chính phủ tại dự thảo Luật.</li> <li>- Đề nghị cơ quan soạn thảo giao nhiệm vụ cho Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đầy đủ các nội dung tương ứng tại các Thông tư hướng dẫn Luật và Nghị định về thuế GTGT hiện hành.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy định như đề xuất của Tập đoàn Bưu chính sẽ khó kiểm soát và dễ phát sinh gian lận trong quá trình thực hiện, theo đó, đề nghị giữ như dự thảo.</li> <li>- Doanh thu là khái niệm thực hiện thống nhất theo quy định của chuẩn mực kế toán và pháp luật quản lý thuế, theo đó, không cần thiết quy định tại dự thảo Luật.</li> <li>- Việc xử lý khi kê khai, khấu trừ sai thực hiện thống nhất theo quy định của pháp luật quản lý thuế, theo đó, không cần thiết quy định tại dự thảo Luật.</li> <li>- Tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo.</li> <li>- Một số quy định tại Nghị định và Thông tư thuế GTGT hiện hành đã được Luật hóa, theo đó, tại dự thảo Luật chỉ giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung chưa được quy định tại Luật và Nghị định hướng dẫn để tránh “quy định lại các nội dung đã được quy định trong văn bản quy phạm pháp luật khác” (khoản 2 Điều 5 Luật ban hành VBQPPL).</li> </ul>
4	Hiệp hội phân bón	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất có sự phân biệt giữa loại phân bón trong nước đã sản xuất được và trong nước chưa sản xuất</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đề xuất này vi phạm cam kết WTO do phân biệt giữa hàng trong nước và hàng nhập khẩu. Theo đó, đề xuất giữ</li> </ul>

		<p>được.</p> <p>- Đề nghị cân nhắc xem xét áp thuế GTGT 0% đối với một số chủng loại phân bón trong nước chưa sản xuất được như chlorua kali (KCl), sunphat amon (NH<sub>4</sub>)<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, chlorua amon (NH<sub>4</sub>Cl).</p>	<p>như dự thảo.</p> <p>- Mức thuế 0% chỉ áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, theo đó, kiến nghị này là chưa phù hợp với nguyên tắc của thuế GTGT và thông lệ quốc tế.</p>
5	Công ty TNHH Kế toán và tư vấn thuế Trọng Tín	<p>- Bổ sung điều 5a về hàng hóa, dịch vụ không phải kê khai tính thuế GTGT như quy định tại Điều 5 Thông tư 219/2013/TT-BTC.</p> <p>- Chuyển đối tượng không chịu thuế của “Chuyển nhượng vốn” sang “không phải kê khai, nộp thuế” Lý do: theo Pháp luật doanh nghiệp và Pháp luật đầu tư thì “vốn” của doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư hoặc của Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) không phải là hàng hóa, dịch vụ và đây không phải là hoạt động chính của doanh nghiệp cũng như giao dịch chuyển nhượng vốn không ảnh hưởng đến quá trình kinh doanh tạo ra hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp</p> <p>- Khoản 25 Điều 9: Nâng ngưỡng doanh thu được miễn thuế từ 150.000.000 đồng lên 180.000.000 đồng hoặc nên quy định mở và giao cho Chính phủ quy định để đảm bảo tính linh hoạt và bám sát thực tế. Lý do: Theo Nghị định 07/2021/NĐ-CP thì mức chuẩn nghèo của Việt Nam giai đoạn 2022-2025 ở nông thôn là 1.500.000 đồng/người/tháng (18 triệu/năm) và 2.000.000 đồng/người/tháng (24 triệu/năm) ở đô thị.</p>	<p>- Tại dự thảo Luật và dự thảo Nghị định đã bỏ quy định về các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.</p> <p>- Chuyển nhượng vốn là hoạt động tài chính nên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Việc quy định thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT sẽ không đúng bản chất.</p> <p>- Mức đề xuất này căn cứ vào chỉ số lạm phát và tình hình thực tế. Việc nâng mức giảm thuế đối với hộ kinh doanh lên 180 triệu đồng sẽ ảnh hưởng đến số thu NSNN tại địa phương, nhất là các địa phương có số thu thấp. Bên cạnh đó, quy định này sẽ không khuyến khích các hộ, cá nhân kinh doanh chuyển sang doanh nghiệp (doanh nghiệp cứ phát sinh doanh thu phải nộp thuế GTGT). Theo đó, đề nghị giữ như mức đề xuất tại dự thảo Luật.</p>

- Điểm e khoản 1 Điều 13 sửa thành: “e) Đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định, trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị từ năm triệu đồng trở lên không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt”.

Lý do: Trong thực tế không phải tất cả các khoản thuế GTGT không được khấu trừ đều đủ điều kiện được tính vào chi phí khi tính thuế TNDN. Vì vậy, cần bổ sung quy định khoản thuế GTGT đó được tính vào chi phí thuế TNDN khi đáp ứng các điều kiện của pháp luật thuế TNDN.

- Bổ sung các trường hợp được hoàn thuế GTGT: cho phép hoàn thuế GTGT cho doanh nghiệp chỉ kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không kê khai, nộp thuế GTGT.

Lý do: Doanh nghiệp không có các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế đầu ra hoặc tỷ lệ hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT đầu ra thấp hơn rất nhiều tỷ lệ hàng hóa dịch vụ “Không phải kê khai, nộp thuế GTGT” dẫn đến doanh nghiệp có số thuế GTGT được khấu trừ là rất lớn nhưng không được hoàn không được xử lý gây khó khăn, bất lợi cũng như thiệt hại cho doanh nghiệp.

Tại pháp luật thuế TNDN đã có quy định: *Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.* Do vậy, không cần thiết phải quy định tại dự thảo nên đề nghị giữ như dự thảo Luật.

Tại khoản 1 Điều 1 Luật số 106/2016/QH13 có quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT như sau: *...Doanh nghiệp, hợp tác xã mua sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào”.*

Trường hợp doanh nghiệp chuyên kinh doanh bán sản phẩm trồng trọt qua sơ chế thông thường thì sản phẩm trồng trọt qua sơ chế đầu vào của doanh nghiệp là không có thuế GTGT. Do đó, thuế GTGT đầu vào của doanh

			<p>ng nghiệp chủ yếu là các chi phí quản lý (tiền điện, nước...). Đối với số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết, dự thảo Luật thuế TNDN dự kiến quy định, doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế TNDN. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p>
6	Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam	<p>- Bổ sung Điều 5 như sau:</p> <p><b>“Điều 5. Đối tượng không chịu thuế</b></p> <p>20. Hàng hóa chuyên khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài; hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau, <b>bao gồm cả trường hợp nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thông qua doanh nghiệp nội địa hay nhà thầu (không phân biệt nhà thầu chính hay nhà thầu phụ)</b>. Khu phi thuế quan thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Hàng hóa nhập khẩu của công ty cho thuê tài chính để cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê tài chính.</p> <p>- Đề xuất bổ sung thêm vào khoản 21, Điều 5 dự thảo Luật thuế GTGT(sửa đổi) như sau:</p> <p>“21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ, <b>chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ</b> theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ; sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật.”</p> <p>Lý do: Thực tế cho thấy phần lớn các giao dịch liên quan đến đối tượng sở hữu trí tuệ là chuyển nhượng quyền sử dụng (license) đối tượng sở hữu trí tuệ, bên</p>	<p>- Khi nhập khẩu nhà thầu (nhà thầu chính, phụ) thực hiện kê khai nộp thuế GTGT, khi xuất khẩu vào khu phi thuế quan nhà thầu (nhà thầu chính, phụ) thực hiện chính sách thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu theo quy định. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo.</p> <p>- Theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ thì chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan được chuyển giao quyền sở hữu đối với các quyền này cho tổ chức, cá nhân khác theo hợp đồng. Theo đó, hoạt động chuyển giao quyền là hoạt động kinh doanh của chủ sở hữu quyền và thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Theo đó, đề nghị giữ như dự thảo.</p>

cấp license vẫn là bên sở hữu đối với đối tượng đó. Do vậy, để phù hợp với thực tiễn kinh doanh, việc chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ cũng cần phải được xử lý thuế tương tự như với chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ

- Bổ sung vào trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT:

+ Tài sản bán thanh lý, chuyển nhượng dự án giữa hai doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT.

+ Dịch vụ gia công hàng hóa thực hiện trong khu phi thuế quan mà Doanh nghiệp chế xuất cung cấp cho doanh nghiệp nội địa

+ Giao dịch mua bán hàng hóa giữa hai đối tượng là người nộp thuế tại Việt Nam mà việc giao, nhận hàng hóa được thực hiện trước khi làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và thủ tục hải quan nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam do người mua thực hiện.

- Sửa đổi khoản 1 Điều 9 như sau:

a) Hàng hóa, **dịch vụ** xuất khẩu gồm: hàng hóa, **dịch vụ** được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan **hoặc được cung ứng cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan và phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong khu phi thuế quan;** hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh; hàng hóa đã bán tại cửa hàng miễn thuế; hàng hóa, **dịch vụ** cung cấp cho khách hàng nước ngoài khác theo quy định của Chính phủ.

b) ~~Dịch vụ xuất khẩu là dịch vụ cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, gồm: Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải được sử dụng ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; Dịch vụ vận tải quốc tế; Dịch vụ của ngành~~

- Tại dự thảo Luật và dự thảo Nghị định đã bỏ quy định về các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT. Theo đó, không cần thiết bổ sung nội dung này tại Luật.

- Đề không mở rộng đối tượng áp dụng thuế suất 0%, đề nghị giữ như dự thảo.

~~hàng không, hàng hải cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế”~~

Lý do: Thực tế, tiêu chí tiêu dùng trong khu phi thuế quan gây tranh cãi và đã có nhiều Cục thuế có các công văn trả lời không nhất quán. Do vậy, đề xuất sửa theo hướng dịch vụ cung cấp cho DN trong khu phi thuế quan và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong khu phi thuế quan, ví dụ dịch vụ tuyển dụng lao động, dịch vụ sửa chữa máy móc của DNCX đặt tại cơ sở gia công của DNCX, dịch vụ tư vấn,.., là những dịch vụ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của DNCX, cấu thành nên giá thành của sản phẩm do DNCX sản xuất và bán ra, trừ một số trường hợp cụ thể cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan không áp dụng 0% mà đã được liệt kê tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP.

- Bổ sung khoản 1đ Điều 13:

đ) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện sót ~~trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.~~

Lý do: Cơ sở luật hiện hành không còn đưa ra việc không chế thời hạn kê khai hóa đơn và thực tế nhiều trường hợp vì các lý do khác nhau, hóa đơn GTGT đầu vào có thể bị bỏ sót chưa kịp kê khai cho kỳ đã được cơ quan thuế công bố thanh kiểm tra, điều này cũng không phải là hành vi khai sai làm ảnh hưởng số thu Ngân sách, mà trái lại Doanh nghiệp đã đang phải chịu thiệt do khai khấu trừ muộn.

Hơn nữa, quy định tại Luật thuế GTGT hiện hành hiện đang quy định với các hóa đơn bị bỏ sót, doanh

- Hiện nay các DN đều sử dụng hóa đơn điện tử, theo đó việc thống kê các hóa đơn để kê khai, khấu trừ thuế đều có thể thực hiện nhanh chóng và dễ dàng. Theo đó, quy định không chế thời gian được kê khai, khấu trừ bổ sung tại dự thảo sẽ góp phần tăng tính tuân thủ của NNT trong việc kê khai, khấu trừ thuế.

nghiệp được khai bổ sung. Do vậy, phát sinh vấn đề khi cơ quan thuế đã công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế thì doanh nghiệp không được kê khai bổ sung nữa, theo đúng quy định tại Luật quản lý thuế.

- Bổ sung thêm khoản 2 Điều 13:

2. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được quy định như sau:

a. Có hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT **thay cho cá nhân và hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán và thay cho phía nước ngoài.** Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng thay cho phía nước ngoài đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và các cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

Lý do: Thuế GTGT là thuế gián thu, chỉ đánh trên hàng hóa dịch vụ và người tiêu dùng cuối cùng nên cần có cơ chế để tổ chức được kê khai thuế GTGT đầu vào tương tự trường hợp được khấu trừ thuế GTGT mà đã kê khai và nộp thay cho nhà thầu nước ngoài kê khai theo phương pháp trực tiếp.

b. Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, **nhập khẩu, trừ trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới năm triệu đồng và; trường hợp cơ sở kinh doanh nhập khẩu hàng hóa là hàng mẫu, quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài, hoặc của tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hoặc trường hợp cơ sở kinh doanh nhận hàng hóa, thiết bị được cho vay, cho mượn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.** Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định các trường hợp được coi là thanh toán không dùng tiền mặt.

- Không tiếp thu ý kiến này để hạn chế mở rộng đối tượng được khấu trừ thuế GTGT.

- Ý kiến này sẽ được nghiên cứu tiếp thu khi xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật.

		<p>Lý do:</p> <p>+Do thuế GTGT đầu vào của hàng nhập khẩu được khấu trừ đầu vào nên đề nghị bổ sung thêm “nhập khẩu” cho rõ ràng;</p> <p>+Việc nhập “hàng mẫu, quà biếu, quà tặng” của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài, hoặc của tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan là giao dịch rất phổ biến của nhiều doanh nghiệp, nhưng đều là hàng không phải thanh toán. Khi doanh nghiệp nhập khẩu các hàng này, doanh nghiệp vẫn phải nộp thuế GTGT theo quy định. Thuế GTGT đầu vào này cũng nên được khấu trừ.</p> <p>+Ngoài ra, hiện nay theo quy định tại Điều 4, Nghị định 123/2020/NĐ-CP về hóa đơn thi trường hợp xuất hàng hóa để cho vay, cho mượn thì phải xuất hóa đơn và tính thuế GTGT. Tuy nhiên, quy định hiện hành cũng chưa có cơ chế để cho phép bên đi vay, đi mượn được khấu trừ phần thuế GTGT này.</p> <p>c) Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải có: hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ <b>hoặc các tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương</b>; hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt (<b>trừ trường hợp hàng xuất khẩu là hàng mẫu, quà biếu, quà tặng không thu tiền</b>); tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu; phiếu đóng gói, vận đơn, chứng từ bảo hiểm hàng hóa.”</p> <p>Lý do:</p> <p>+Trên thực tế về thương mại quốc tế hiện nay, nhiều trường hợp doanh nghiệp không sử dụng hợp đồng mà chỉ sử dụng đơn đặt hàng (PO), việc xác nhận của khách hàng cũng chỉ thực hiện qua email hoặc bản xác nhận đơn đặt hàng với chữ ký điện tử</p> <p>+Thực tế nhiều trường hợp doanh nghiệp cần gửi</p>	<p>- Không tiếp thu cụm từ “tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương” để đảm bảo chặt chẽ, tránh phát sinh gian lận.</p> <p>Ý kiến này sẽ được nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật.</p>
--	--	---	---



		<p>hàng mẫu, hàng khuyến mại không thu tiền cho khách hàng nước ngoài. Do tính chất của mặt hàng này, sẽ không có dòng tiền thanh toán nhưng doanh nghiệp vẫn cần phải được khấu trừ thuế GTGT đầu vào phát sinh cho các mặt hàng này nếu việc gửi hàng mẫu, hàng khuyến mại không thu tiền cho khách hàng nước ngoài là nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.</p> <p>- Đề xuất giữ quy định về hoàn thuế đối với trường hợp chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động. Theo đó, sửa đổi, bổ sung khoản 4, Điều 14 của dự thảo như sau:</p> <p><i>3. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp (bao gồm cả trường hợp chuyển đổi thành doanh nghiệp chế xuất), sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết."</i></p> <p>Lý do: Để đảm bảo tính bình đẳng, quyền và lợi ích của các doanh nghiệp, các doanh nghiệp khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp ((bao gồm cả trường hợp chuyển đổi thành doanh nghiệp chế xuất), sáp nhập, hợp nhất, chia tách, chấm dứt hoạt động cũng cần phải được hoàn thuế GTGT nếu có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết.</p>	<p>- Thực tế, trong thời gian vừa qua nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng quy định trên để lập hồ sơ xin hoàn thuế GTGT đối với số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết thông qua việc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần hoặc ngược lại, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp) mặc dù theo quy định của Luật doanh nghiệp thì Công ty chuyển đổi phải kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty được chuyển đổi (bao gồm cả quyền kê khai, khấu trừ số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết). Đồng thời, Luật doanh nghiệp chỉ quy định chấm dứt hoạt động đối với văn phòng hoặc chi nhánh, trường hợp văn phòng, chi nhánh chấm dứt hoạt động thì Công ty mẹ kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của văn phòng, chi nhánh.</p> <p>Theo đó, để đảm bảo đồng bộ với quy định tại Luật doanh nghiệp, đề nghị giữ như dự thảo.</p>
7	Hội Tư vấn thuế Việt Nam	- Tại khoản 1 Điều 5 quy định: " <i>Doanh nghiệp, hợp</i>	- Việc quy định không phải kê khai,

		<p><i>tác xã mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chi qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT nhưng được khấu trừ thuế GTGT đầu vào”.</i></p> <p>Đề nghị nghiên cứu cân nhắc có nên đề nội dung quy định này không vì không theo nguyên lý của thuế GTGT (có thuế GTGT đầu ra thì được khấu trừ thuế GTGT đầu vào).</p> <p>- Khoản 25 Điều 5, đề nghị điều chỉnh tăng ngưỡng doanh thu không chịu thuế GTGT lên thành 200.000.000 đồng để phù hợp với Luật thuế thu nhập cá nhân và mức chuẩn nghèo tại Nghị định 07/2021/NĐ-CP.</p> <p>- Điểm b khoản 1 Điều 7, đề nghị thay thế từ “<b>tiêu dùng nội bộ</b>” thành “<b>trả thay lương</b>”.</p> <p>- Điều kiện chứng từ thanh toán qua ngân hàng để khấu trừ, hoàn thuế GTGT, đề nghị nâng từ 5 triệu</p>	<p>tính nộp thuế GTGT đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã mua sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chi qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác đã góp phần giải quyết căn bản gian lận trong khâu trừ, hoàn thuế đối với hàng hóa là nông, lâm, thủy sản. Ngoài ra, quy định này đã giảm khối lượng hồ sơ hoàn thuế GTGT, giảm gian lận trong hoàn thuế GTGT và góp phần thúc đẩy xuất khẩu và được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao. Theo đó, đề nghị giữ quy định này.</p> <p>- Hiện nay Luật thuế thu nhập cá nhân (sửa đổi) chưa được xây dựng. Tại dự thảo Luật đã đề xuất nâng mức doanh thu của hộ, cá nhân kinh doanh từ 100 triệu lên mức 150 triệu. Mức đề xuất này căn cứ vào chỉ số lạm phát và tình hình thực tế. Việc nâng mức giảm thuế đối với hộ kinh doanh lên 200 triệu đồng sẽ ảnh hưởng đến số thu NSNN tại địa phương, nhất là các địa phương có số thu thấp. Bên cạnh đó, quy định này sẽ không khuyến khích các hộ, cá nhân kinh doanh chuyển sang doanh nghiệp (doanh nghiệp cứ phát sinh doanh thu phải nộp thuế GTGT). Theo đó, đề nghị giữ như mức đề xuất tại dự thảo Luật.</p> <p>- Tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Luật.</p> <p>- Quy định này nhằm thúc đẩy phát triển giao dịch thanh toán qua ngân</p>
--	--	---	--

đồng lên 10 triệu đồng.

Lý do: Trong thực tế, việc sử dụng chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt cần có các thiết bị, công nghệ, đối với các vùng sâu, vùng xa và mua sắm nhỏ lẻ còn nhiều và cũng tránh dẫn tới tình trạng mua bán hóa đơn chi khánh tiết, do đó nên nghiên cứu cân nhắc có thể đề ở mức 10 triệu đồng.

- Điểm e khoản 2 Điều 9, đề nghị chuyển “Sản phẩm bằng đay, cỏi, tre, nứa, lá, rơm, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; xơ, bông đã qua chải thô, chải kỹ; giấy in báo” sang chịu thuế suất 10%.

Lý do: Việc phân biệt sản phẩm để áp dụng thuế suất căn cứ theo theo nguyên liệu sản xuất là rất khó khăn, không thể hướng dẫn chi tiết hết. Mặt khác sản phẩm rất đa dạng, có thể qua nhiều khâu, mỗi khâu đều có sản phẩm bán ra và tiếp tục quá trình sản xuất, nguyên liệu đầu vào có thể hỗn hợp từ nhiều loại nguyên vật liệu (nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp kết hợp các nguyên vật liệu khác như nhựa, kim loại,...) mới hình thành sản phẩm. Ví dụ: đũa tre, tăm tre thuế suất 5%, nhưng đũa gỗ, đũa nhựa, tăm nhựa, thìa, nĩa gỗ sẽ là 10%. Nội dung quy định tại điểm này là để ưu đãi về thuế suất nhưng không cụ thể, rất khó trong xác định, áp dụng đúng thuế suất dẫn tới khó khăn, rủi ro cho người nộp thuế và cơ quan quản lý trong việc tuân thủ pháp luật

- Khoản 1 Điều 14: Đề nghị nghiên cứu việc xử lý hoàn thuế đối với các cơ sở kinh doanh chỉ cung cấp hàng hóa thuộc diện không phải kê khai nộp thuế GTGT.

hàng, góp phần ngăn chặn gian lận trong việc khấu trừ, hoàn thuế GTGT và phòng chống rửa tiền. Mức 5 triệu đồng là phù hợp với quy định về giao dịch chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước hiện hành. Theo đó, đề nghị giữ như mức đề xuất tại dự thảo Luật.

- Đây là các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, được chế biến từ các sản phẩm nông nghiệp cần khuyến khích, theo đó, đề nghị giữ như dự thảo.

Tại khoản 1 Điều 1 Luật số 106/2016/QH13 có quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT như sau: *...Doanh nghiệp, hợp tác xã mua sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chi qua*

			<p><i>sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào”.</i></p> <p>Trường hợp doanh nghiệp chuyên kinh doanh bán sản phẩm trồng trọt qua sơ chế thông thường thì sản phẩm trồng trọt qua sơ chế đầu vào của doanh nghiệp là không có thuế GTGT. Do đó, thuế GTGT đầu vào của doanh nghiệp chủ yếu là các chi phí quản lý (tiền điện, nước...). Đối với số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết, dự thảo Luật thuế TNDN dự kiến quy định, doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế TNDN. Do vậy, đề nghị giữ như dự thảo Luật.</p>
8	<p>Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam</p>	<p>- Điểm d khoản 9 Điều 5 đề nghị sửa đổi thành: <b>“Bán nợ bao gồm bán khoản nợ phải trả và khoản phải thu của các cơ sở kinh doanh và cơ sở không kinh doanh khác”.</b></p> <p>- Điểm h khoản 9 đề nghị sửa đổi thành: <b>“Bán tài sản bảo đảm của khoản nợ của tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ”</b> để phù hợp với khoản 4 Điều 2 Luật các tổ chức tín dụng.</p>	<p>- Tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo theo hướng quy định đối tượng không chịu thuế GTGT bao gồm: <i>“Bán nợ bao gồm bán khoản phải trả và khoản phải thu”.</i></p> <p>- Đề đảm bảo không làm thay đổi nội dung, tiếp thu một phần ý kiến của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam, để phù hợp với quy định Luật các tổ chức tín dụng, sửa đổi quy định tại điểm h khoản 9 dự thảo Luật như sau: <i>“Bán tài sản bảo đảm của khoản nợ của tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập có chức năng mua, bán, xử lý nợ để xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng Việt Nam”.</i></p>

Số: 553 /BNV - PC  
V/v góp ý Hồ sơ dự án Luật thuế  
giá trị gia tăng (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính đề nghị góp ý Hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

## **I. VỀ DỰ THẢO TỜ TRÌNH**

### **1. Về sự cần thiết**

Thông nhất với Bộ Tài chính trình Chính phủ Hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) nhằm thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước đã nêu tại các Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội, Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ; hoàn thiện quy định về chính sách thuế GTGT, đảm bảo thu đúng, thu đủ vào ngân sách Nhà nước; khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật thuế GTGT thời gian qua, tháo gỡ bất cập, chồng chéo trong hệ thống pháp luật thuế GTGT và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các pháp luật liên quan. Tuy nhiên, cần làm rõ và đầy đủ hơn; đồng thời biên soạn lại các mục: cơ sở chính trị, cơ sở thực tiễn, sự cần thiết theo hướng rõ ràng và mạch lạc hơn.

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, làm rõ hơn nội dung tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện Luật thuế GTGT tại Báo cáo Tổng kết thi hành Luật để bảo đảm cơ sở đề xuất các nội dung chính sách tại dự thảo Luật; đồng thời rà soát, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với các quy định của pháp luật chuyên ngành (Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, Luật Báo chí, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Trồng trọt, Luật Chăn nuôi, Luật Thủy sản và các Luật khác có liên quan).

## 2. Về nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành Luật sau khi được thông qua

1. Đề nghị báo cáo rõ về nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành Luật sau khi được thông qua để không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

2. Nội dung dự thảo Luật sửa đổi có giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hành chính (TTHC), đề nghị có đánh giá tác động TTHC đối với các nội dung bổ sung về TTHC nhằm tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức nộp thuế, tránh phát sinh chi phí tuân thủ và khó khăn, phiền hà khi thực hiện trên thực tế.

## II. VỀ NỘI DUNG DỰ THẢO LUẬT

Đề nghị rà soát bảo đảm không lồng ghép các quy định về tổ chức bộ máy, biên chế vào dự thảo Luật để thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với quy định hiện hành về phân cấp thẩm quyền của Chính phủ, Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Triệu Văn Cường;
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Triệu Văn Cường**



**BAN QUẢN LÝ LĂNG  
CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **40** /BQLL-VP

Hà Nội, ngày **17** tháng 01 năm 2024

V/v lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật  
thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ Công văn số 127/BTC-CST ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi). Ban Quản lý Lăng đã nghiên cứu và nhất trí với dự thảo Tờ trình dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) của Bộ Tài chính trình Chính phủ.

Trân trọng gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo theo quy định. /s

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo BQL Lăng;
- Văn phòng BQL Lăng;
- Lưu: VT, KH-TC. V05.

**TRƯỞNG BAN**



**Phạm Hải Trung**

**ĐÀI TIẾNG NÓI VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 77 /TNVN-KHTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2024

V/v góp ý kiến về hồ sơ dự án Luật  
thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

Kính gửi: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ: 2029	
Ngày: 22-01-2024	
Chuyên: Văn. CST	
Số và ký hiệu của Bộ Tài chính về	

Thực hiện Văn bản số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi);

Sau khi nghiên cứu các văn bản tại hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi): Tờ trình dự án luật; Dự thảo luật; Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện luật; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách kèm theo, Đài Tiếng nói Việt Nam cơ bản nhất trí với các nội dung được đề cập trong hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Đài Tiếng nói Việt Nam trân trọng báo cáo để Bộ Tài chính được biết, tổng hợp báo cáo Chính phủ. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Trần Minh Hùng**



**BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 165 /BHXH-TCKT  
V/v tham gia ý kiến hồ sơ dự án Luật  
thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhận được Công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 về việc lấy ý kiến hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Sau khi nghiên cứu, Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhất trí với hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) kèm theo Công văn số 127/BTC-CST của Bộ Tài chính, gồm:

- Tờ trình dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi),
- Dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi),
- Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật thuế giá trị gia tăng,
- Báo cáo đánh giá tác động Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).
- Báo cáo rà soát Luật thuế giá trị gia tăng với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam kính gửi Bộ Tài chính để tổng hợp.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (đề b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Hùng Sơn

Faint, illegible text on the left side of the page, possibly bleed-through from the reverse side.

Faint, illegible text on the right side of the page, possibly bleed-through from the reverse side.

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH  
VÀ XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **447**/LĐTBXH-PC

Hà Nội, ngày **26** tháng **04** năm **2024**

V/v cho ý kiến về hồ sơ dự án Luật Thuế giá  
trị gia tăng (sửa đổi)

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), sau khi nghiên cứu, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội có ý kiến như sau:

- Tại điểm c khoản 1 Điều 7 (*Giá tính thuế*) dự thảo Luật, đề nghị bỏ cụm từ “trả thay lương” vì theo Điều 90, Điều 95 Bộ luật Lao động 2019, tiền lương là tiền, được trả cho người lao động bằng Đồng Việt Nam, trường hợp người lao động là người nước ngoài tại Việt Nam thì có thể bằng ngoại tệ và hiện nay không có quy định nào về việc trả hàng hóa, dịch vụ thay cho tiền lương.

- Tại điểm g Điều 13 (*Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào*) dự thảo Luật, đề nghị bổ sung nhà trẻ, lớp mẫu giáo vào tài sản cố định phục vụ cho người lao động để phù hợp với khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động 2019, cụ thể: “Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của: hàng hóa, dịch vụ hình thành tài sản cố định phục vụ cho người lao động trong khu vực sản xuất, kinh doanh và nhà ở, trạm y tế, *nhà trẻ, lớp mẫu giáo phục vụ cho người lao động làm việc trong các khu công nghiệp, khu kinh tế;...*”.

Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội gửi quý Bộ đề tổng hợp / *A*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



*Lê Văn Thanh*  
**Lê Văn Thanh**

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Số: <sup>973</sup> /BTNMT-KHTC

V/v góp ý về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Công văn số 127/BTC-CST ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); sau khi nghiên cứu, Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ các nội dung của hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 và các văn bản pháp luật khác có liên quan để bảo đảm tính hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật, đúng thẩm quyền, minh bạch, rõ ràng, đơn giản, thuận tiện, không tạo cơ chế "xin - cho", không phát sinh chi phí không đúng quy định cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường, kính gửi Quý Bộ để xem xét, tổng hợp theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Đặng Quốc Khánh (để báo cáo);
- Lưu VT, KHTC, NT.

*u*

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**Trần Quý Kiên**

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1240 /BGTVT-TC

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2024

V/v tham gia ý kiến về hồ sơ dự án  
Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Kính gửi: Bộ Tài chính


Phúc đáp văn bản số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Bộ Giao thông vận tải tham gia một số ý kiến như Phụ lục kèm theo.

Bộ Giao thông vận tải gửi Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp./. ✓

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TC (Đúc).

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**PHÍ TRƯỞNG**



Nguyễn Duy Lâm

**PHỤ LỤC: THAM GIA Ý KIẾN VỀ DỰ ÁN LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (SỬA ĐỔI)**

(Gửi kèm theo Công văn số 1240 /BGTVT-TC ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải)

Stt	Nội dung dự thảo	Ý kiến của Bộ GTVT	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
1		<p>- Ngày 28/9/2022, Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quyết định số 1254/QĐ-BGTVT phê duyệt Đề án phát triển đội tàu vận tải biển của Việt Nam; trong đó có giải pháp về thuế giá trị gia tăng.</p>	<p>-- Bổ sung giải pháp về thuế giá trị gia tăng đối với tàu biển nhập khẩu vận chuyển hàng hóa cho chủ tàu Việt Nam nhằm giảm gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp, theo hướng "cho phép không áp dụng thuế VAT khi nhập khẩu tàu biển vận chuyển hàng hóa cho chủ tàu Việt Nam đến hết năm 2026".</p> <p>- Rà soát, bổ sung vào hàng hóa không chịu thuế đối với tàu chuyên dùng tìm kiếm, cứu nạn phục vụ hoạt động tìm kiếm, cứu nạn trên vùng biển Việt Nam (do đây là hoạt động nhân đạo hiện do Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn Hàng hải Việt Nam - đơn vị sự nghiệp hoạt động nhân đạo, trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện).</p>
2	<p>Khoản 12 Điều 5: Hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo (chiếm từ 50% tổng vốn sử dụng cho công trình trở lên) đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội.</p>	<p>Việc chưa quy định thời điểm xác định "nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo (chiếm từ 50% tổng vốn sử dụng cho công trình trở lên)"; chưa quy định cụ thể "cơ sở hạ tầng" có thể khó khăn khi triển khai thực hiện.</p>	<p>Rà soát, quy định cụ thể việc xác định nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo chiếm từ 50% tổng vốn sử dụng cho công trình trở lên theo thời điểm "phê duyệt dự án đầu tư" hay khi quyết toán công trình, dự án...; và thuyết minh "cơ sở hạ tầng" để làm rõ có bao gồm "kết cấu hạ tầng giao</p>

Stt	Nội dung dự thảo	Ý kiến của Bộ GTVT	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
			thông” hay không đảm bảo việc triển khai được thuận lợi.
3	- Khoản 16 Điều 5: Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện, tàu điện, phương tiện <u>đường</u> thủy nội địa;	Khoản 7 Điều 3 Luật Giao thông đường thủy nội địa quy định: “ <i>Phương tiện thủy nội địa (sau đây gọi là phương tiện) là tàu, thuyền và các cấu trúc nổi khác, có động cơ hoặc không có động cơ, chuyên hoạt động trên đường thủy nội địa</i> ”.	Rà soát hàng hóa, dịch vụ cho phù hợp với Luật Giao thông đường thủy nội địa
	- Khoản 17 Điều 5: ... <u>dàn</u> khoan, tàu <u>thủy</u> thuộc loại trong nước chưa sản xuất được...	Khoản 7 Điều 3 Luật Dầu khí quy định: “ <i>Công trình dầu khí bao gồm giàn khoan, giàn khai thác, giàn phụ trợ...</i> ”; khoản 1 Điều 4 Bộ luật Hàng hải Việt Nam: “ <i>Tàu thuyền là phương tiện hoạt động trên mặt nước hoặc dưới mặt nước bao gồm tàu, thuyền và các phương tiện khác có động cơ hoặc không có động cơ</i> ”.	Rà soát hàng hóa, dịch vụ cho phù hợp với Luật Dầu khí, Bộ luật Hàng hải Việt Nam
	- Điểm d, khoản 26 Điều 5: Hàng hóa nhập khẩu ủng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh, chiến tranh theo quy định của Chính phủ.		Nghiên cứu bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu ủng hộ, tài trợ, sử dụng cho hoạt động “ <i>tìm kiếm cứu nạn</i> ”.
4	Khoản 1 Điều 8: Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 của Luật này khi xuất khẩu.		Nghiên cứu quy định cụ thể đối với “hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 của Luật này khi xuất khẩu” sẽ thuộc hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng hay hàng hóa áp dụng thuế suất 0% để đảm bảo thuận lợi khi triển khai thực hiện.
5	Khoản 4 Điều 9: Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ có mức thuế suất giá trị gia tăng khác nhau (bao gồm cả đối tượng không		- Rà soát, điều chỉnh để đảm bảo thống nhất như sau: “ <i>Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ có</i>

Stt	Nội dung dự thảo	Ý kiến của Bộ GTVT	Đề xuất sửa đổi, bổ sung
	<p>chịu thuế giá trị gia tăng) phải khai thuế giá trị gia tăng theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ; nếu cơ sở kinh doanh không xác định theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở sản xuất, kinh doanh.</p>		<p><i>mức thuế suất giá trị gia tăng khác nhau (bao gồm cả đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng) phải khai thuế giá trị gia tăng theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ; nếu cơ sở sản xuất, kinh doanh không xác định được theo từng mức thuế suất đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở sản xuất, kinh doanh".</i></p>
6	<p>- Khoản 1 Điều 14 dự án Luật quy định: “Cơ sở chỉ sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý thì được hoàn thuế giá trị gia tăng”.</p> <p>- Khoản 2 Điều 14 dự án Luật quy định: “Ngày dự án đầu tư hoàn thành là ngày phát sinh doanh thu của dự án đầu tư hoặc ngày phát sinh doanh thu của hạng mục, giai đoạn đầu tư (đối với dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn, hạng mục đầu tư)”.</p>	<p>Quy định này chưa rõ “số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên” có là 12 tháng liên tục hoặc 04 quý liên tục hay không.</p>	<p>- Rà soát, quy định cụ thể để đảm bảo điều kiện hoàn thuế giá trị gia tăng được rõ ràng.</p> <p>- Rà soát, để quy định “ngày dự án đầu tư hoàn thành” thống nhất với dự án đầu tư hoàn thành quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.</p>

(Gửi kèm theo văn bản số 279/CHHVN-TC ngày 22/01/2024 của Cục Hàng hải Việt Nam và Quyết định số 1254/QĐ-BGTVT ngày 28/9/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT)



Số: 279 /CHHVN-TC  
V/v tham gia ý kiến về Luật thuế  
GTGT (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

Thực hiện yêu cầu của Bộ Giao thông vận tải tại Công văn số 203/BGTVT-TC ngày 08/01/2024 về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Cục HHVN sau khi tổng hợp ý kiến của cơ quan, đơn vị, hiệp hội hàng hải có liên quan, kính báo cáo Bộ Giao thông vận tải như sau:

1. Về cơ bản Cục HHVN nhất trí với Tờ trình, Bản Thuyết minh chi tiết, tài liệu kèm theo và Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi) của Bộ Tài chính được gửi lấy ý kiến kèm theo Công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024.

2. Ngoài ra, Cục Hàng hải Việt Nam xin có một số ý kiến tham gia khác như sau:

- Khoản 12 Điều 5 Dự thảo Luật, đề nghị bổ sung loại tài sản là: tài sản kết cấu hạ tầng giao thông và sửa cụ thể như sau: "12. Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng (bao gồm cả tài sản kết cấu hạ tầng giao thông), cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội."

- Khoản 16, Điều 5 đề nghị bổ sung đối tượng là tàu cá Việt Nam, tàu chuyên dùng tìm kiếm cứu nạn, do đối tượng là tàu cá Việt Nam đảm bảo việc khuyến khích sử dụng cho đánh bắt thủy hải sản của ngư dân, góp phần khai thác, bảo vệ chủ quyền biển đảo; tàu chuyên dùng tìm kiếm cứu nạn đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước cho mục tiêu nhân đạo cứu nạn người bị nạn trên biển, do vậy cần thiết bổ sung 2 đối tượng này. Bên cạnh đó, hiện nay quy định thu phí, lệ phí hàng hải được Bộ Tài chính ban hành và đang áp dụng có quy định ưu đãi áp dụng mức thu phí, lệ phí thấp, đảm bảo tương đồng, tạo khả năng cạnh tranh bình đẳng trong kinh doanh, vận chuyển hàng hóa nội địa gần bờ đối với Phương tiện thủy nội địa và Tàu biển mang cấp đăng kiểm VRH - III có tổng dung tích dưới 500 GT, do vậy đề nghị cơ quan soạn thảo thống nhất sửa khoản 16 Điều 5 dự thảo Luật về Đối tượng không chịu thuế như sau:

"16. Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện, tàu điện, phương tiện đường thủy nội địa (trừ phương tiện mang cấp đăng kiểm VR - SB có tổng dung tích từ 500 GT trở lên), tàu biển Việt Nam mang cấp đăng kiểm VRH - III có tổng dung tích dưới 500 GT, tàu cá Việt Nam và tàu thuyền chuyên dùng tìm kiếm cứu nạn".

- Theo Quyết định số 1254/QĐ-BGTVT ngày 28/9/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT Phê duyệt Đề án Phát triển đội tàu vận tải biển của Việt Nam, đề nghị xem xét được bổ sung đối với nội dung được phê duyệt tại Phụ lục II của đề án, theo

đó: Không áp dụng thuế VAT (10% theo quy định hiện nay) khi nhập khẩu tàu biển vận chuyển hàng hóa cho chủ tàu Việt Nam đến hết năm 2026 nhằm giảm gánh nặng tài chính tại thời điểm đầu tư như phân tích tại Đề án đã được Bộ phê duyệt. Từ đó đề nghị bổ sung vào đối tượng không chịu thuế quy định tại Điều 5 của dự thảo Luật đối với "tàu biển được nhập khẩu để vận chuyển hàng hóa cho chủ tàu Việt Nam, thời gian áp dụng đến hết năm 2026".

- Khoản 17, Điều 5 của dự thảo đề nghị sửa cụ thể như sau để đảm bảo đúng quy định về khái niệm Tàu thuyền theo Bộ luật Hàng hải Việt Nam và đảm bảo rõ nghĩa hơn như sau:

*"17. Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí đốt; tàu bay, dàn khoan, tàu thủy thuyền thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp hoặc thuê của nước ngoài hoặc để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, cho thuê, cho thuê lại".*

- Khoản 25 Điều 5 của dự thảo đề nghị nâng mức doanh thu từ một trăm năm mươi triệu đồng lên hai trăm năm mươi triệu đồng (tương đương khoảng 10.000 USD Mỹ), đảm bảo phù hợp với thực tiễn, cụ thể sửa như sau:

*"25. Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một hai trăm năm mươi triệu đồng trở xuống; tài sản của tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng bán ra; hàng dự trữ quốc gia do cơ quan dự trữ quốc gia bán ra; các hoạt động, dịch vụ thu phí, lệ phí theo pháp luật về phí và lệ phí."*

- Điểm d, khoản 26 Điều 5 dự thảo Luật đề nghị sửa và chuẩn hóa từ ngữ như sau:

*"d) Hàng hóa nhập khẩu ủng hộ, tài trợ, sử dụng cho hoạt động ứng phó sự cố thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, thảm họa dịch bệnh, chiến tranh theo quy định của Chính phủ." Lý do hiện nay đã có Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn chủ trì điều hành các hoạt động ứng phó sự cố thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.*

- Khoản 4 Điều 9 dự thảo Luật về Thuế suất đề nghị sửa theo hướng đảm bảo hài hòa lợi ích của nhà nước và doanh nghiệp khi tính thuế, đồng thời sửa rõ nghĩa về câu chữ như sau:

*"Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ có mức thuế suất giá trị gia tăng khác nhau (bao gồm cả đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng) phải khai thuế giá trị gia tăng theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ; nếu cơ sở kinh doanh không xác định được theo từng mức thuế suất đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất bình quân của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở sản xuất, kinh doanh sản xuất, cung cấp hoặc được phép bán".*

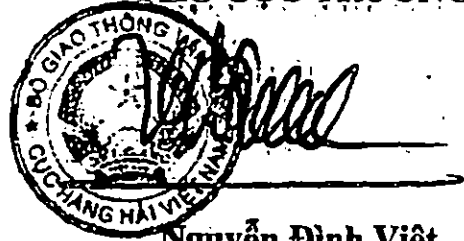
Đây là dự án Luật rất quan trọng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, ảnh hưởng đến tiêu dùng của người dân, do vậy đề nghị cơ quan soạn thảo lấy ý kiến tham gia rộng rãi của các Hiệp hội, doanh nghiệp các ngành nghề, tổng kết, hoàn chỉnh dự thảo Luật đảm bảo chất lượng cao trước khi trình cơ quan có thẩm quyền ban hành nhằm đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả, phù hợp trong triển khai thực hiện sau này.

Cục Hàng hải Việt Nam kính báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- PCT Hoàng Hồng Giang;
- Các phòng: VTDVHH, PC, KHĐT, TBTV;
- Lưu: VT, Phòng TC (HÀ: 01).

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Đình Việt**

1944  
1945  
1946  
1947  
1948  
1949  
1950  
1951  
1952  
1953  
1954  
1955  
1956  
1957  
1958  
1959  
1960  
1961  
1962  
1963  
1964  
1965  
1966  
1967  
1968  
1969  
1970  
1971  
1972  
1973  
1974  
1975  
1976  
1977  
1978  
1979  
1980  
1981  
1982  
1983  
1984  
1985  
1986  
1987  
1988  
1989  
1990  
1991  
1992  
1993  
1994  
1995  
1996  
1997  
1998  
1999  
2000  
2001  
2002  
2003  
2004  
2005  
2006  
2007  
2008  
2009  
2010  
2011  
2012  
2013  
2014  
2015  
2016  
2017  
2018  
2019  
2020  
2021  
2022  
2023  
2024  
2025

ỦY BAN TRUNG ƯƠNG  
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM  
**BAN THƯỜNG TRỰC**

Số: 7516 /MTTW-BTT  
V/v góp ý dự thảo hồ sơ dự án Luật thuế  
giá trị gia tăng (sửa đổi)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2024

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 11692
Ngày:	01-02-2024
Chuyên:	Quản lý
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam nhận được văn bản số 127/BTC-SCT ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về xin ý kiến vào dự thảo Hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); Sau khi nghiên cứu hồ sơ, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam có ý kiến như sau:

1. Về cơ bản, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam nhất trí với nội dung dự thảo hồ sơ dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) do quý cơ quan chủ trì soạn thảo.

2. Tuy nhiên, để hoàn thiện dự thảo Luật, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam tham gia một số ý kiến sau:

(1) Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) số 13/2008/QH12 được thông qua ngày 03/6/2008 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009, đến nay Luật thuế GTGT đã được sửa đổi bổ sung nhiều lần (03 lần), do vậy kiến nghị ban hành luật mới thay thế các văn bản đã được sửa đổi nhiều lần để thuận tiện cho doanh nghiệp và cơ quan liên quan trong quá trình áp dụng văn bản.

(2) Về đối tượng không chịu thuế:

Điều 5 của Luật thuế giá trị gia tăng hiện quy định về đối tượng không chịu thuế gồm nhiều mặt hàng như: Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng chưa chế biến hoặc chỉ qua sơ chế thông thường; sản phẩm giống vật nuôi; thức ăn chăn nuôi; thức ăn thủy sản và một số loại máy móc, thiết bị, vật tư khác...

Các doanh nghiệp trong nước sản xuất hàng hoá thuộc nhóm này đang được hưởng lợi là không phải đóng thuế GTGT cho sản phẩm đầu ra. Tuy nhiên, các doanh nghiệp này cũng đồng thời không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào trong quá trình sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, sản phẩm tương tự nhập khẩu cũng không phải chịu thuế GTGT khi nhập khẩu nhưng lại được hoàn thuế GTGT khi xuất khẩu ra khỏi nước đối tác. Như vậy, đối với các mặt hàng thuộc diện không chịu thuế, hàng hoá nhập khẩu đang có chi phí thuế thấp hơn hàng hoá sản xuất trong nước.

Quy định về đối tượng không chịu thuế VAT đang gây tác động không mong muốn là bảo hộ ngược, khuyến khích nhập khẩu hàng hoá thay vì sản xuất trong nước. Hàng hoá nhập khẩu có chi phí thuế thấp hơn so với hàng hoá sản xuất trong nước chính là chi phí thuế GTGT chưa được khấu trừ kể trên. Vì vậy, đề nghị Ban soạn thảo cần nghiên cứu thấu đáo trong lần sửa đổi Luật thuế GTGT lần này, nếu không sẽ khiến sản xuất trong nước tiếp tục chịu thua thiệt, ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển của đất nước.

### (3) Về mức thuế suất:

- Chúng tôi cho rằng, theo chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030, thì việc cải cách thuế giá trị gia tăng cần đạt mục tiêu "giảm bớt nhóm hàng hóa chịu thuế suất 5%, tiến tới chỉ còn một mức thuế suất", nhưng dự thảo Luật vẫn quy định ba mức thuế suất (0%, 5% và 10%) và chưa thu hẹp nhóm thuế suất 5%; tiêu chí của từng nhóm nộp thuế GTGT theo mức thuế suất 5% và 10% chưa rõ ràng. Đề nghị quy định cụ thể để các doanh nghiệp không gặp khó khăn khi thực hiện.

- Đồng thời, cần có sự lý giải, tại sao dự thảo Luật sửa đổi mặt hàng này được đưa vào áp dụng mức thuế suất 5% hay 10% mà không phải mặt hàng khác? Cụ thể:

+ Tờ trình cần lý giải rõ tại sao sửa đổi quy định mặt hàng phân bón, tàu khai thác thủy sản tại vùng khơi, vùng biển và một số loại máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (gồm: Máy cày, máy bừa; máy phay...xát vỏ cà phê; máy thiết bị sơ chế cà phê, thóc ứt; máy sấy nông sản; thủy sản; máy thu gom, bốc mía, lúa rom rạ trên đồng... máy vắt sữa và máy móc, thiết bị chuyên dùng khác phục vụ cho sản xuất nông nghiệp theo quy định của Chính phủ từ đối tượng không chịu thuế GTGT thành đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 5%;

+ Đồng thời dự thảo sửa đổi quy định dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và Internet phổ cập, dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng từ đối tượng không chịu thuế GTGT thành đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 10%? Mà không phải là 5%? Theo chúng tôi, cần đánh giá tác động kỹ việc ảnh hưởng tới đối tượng chịu thuế GTGT này.

### (4) Áp dụng Công nghệ thông tin trong quản lý thuế GTGT

Thực hiện yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng cũng như yêu cầu của cải cách hành chính, cải cách thủ tục quản lý thuế hướng tới chính sách thuế thống nhất, công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện; đồng thời tạo cơ sở pháp lý để nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý thuế đề phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế; cần có quy định cụ thể về việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý thuế GTGT.

Trên đây là ý kiến của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, xin gửi Bộ Tài chính nghiên cứu và hoàn thiện văn bản theo quy định.

#### Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UB TW MTTQ Việt Nam (để báo cáo);
- Ban Thường trực UB TW MTTQ VN (để báo cáo);
- Trợ lý, Giúp việc Chủ tịch;
- Ban Dân chủ, Giám sát và PBXH;
- Lưu VP, Ban PT.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC

PHỤ CHỨC TỊCH



Hồng Ngọc Thủy



Ký bởi: VĂN PHÒNG BỘ  
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo  
Thời gian ký: 02/02/2024 16:28:49  
+07:00

**BỘ QUỐC PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~397~~ BQP-TC

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2024

V/v tham gia ý kiến về hồ sơ dự án  
Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

ĐẾN SỐ: 12476
Ngày: 02-02-2024
Chuyên: Lạc.Đ.T.
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Bộ Quốc phòng nhận được Văn bản số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi). Sau khi nghiên cứu, Bộ Quốc phòng có ý kiến như sau:

Tại Văn bản số 887/BQP-TC ngày 21/03/2023 của Bộ Quốc phòng đã tham gia ý kiến với Bộ Tài chính về việc đề nghị bổ sung vào dự thảo Tờ trình nội dung: "Luật thuế GTGT quy định vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (khoản 18 Điều 5) chưa bao quát được hết các đối tượng là hàng hóa mua sắm để hình thành tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 64 Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, đây là các tài sản phục vụ cho công tác huấn luyện và chiến đấu của lực lượng vũ trang". Tuy nhiên, tại hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) của Bộ Tài chính quy định đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng: "Vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh" chưa xây dựng Danh mục vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh.

Tại khoản 18 Điều 5 dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng đề nghị sửa đổi, thay thế cụm từ "Vũ khí, khí tài chuyên dùng" bằng cụm từ "Vũ khí, trang bị kỹ thuật" để phù hợp với dự thảo "Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp" thông qua kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV.

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo. / *plc*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- C41;
- Lưu: VT, PC.

KT. BỘ TRƯỞNG  
PHỤ TRƯỞNG



Thượng tướng Vũ Hải Sâm



K/Minh Phóng Thị Thi  
Số:  
Email:  
bpy@thanhtra.gov.vn  
Cơ quan: Văn phòng  
Đình in Chính phủ  
Ngày ký: 21-03-2024  
11:28:24 +07:00

**THANH TRA CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **230/TTCP-V.II**

Hà Nội, ngày **20** tháng **02** năm **2024**

V/v tham gia ý kiến dự án Luật Thuế  
giá trị gia tăng (sửa đổi)

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp Văn bản số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Thanh tra Chính phủ có một số ý kiến như sau:

Tại Điều 5 dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Thanh tra Chính phủ đề nghị rà soát, quy định cụ thể hơn về vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho quốc phòng, an ninh; lưu ý trường hợp sản phẩm dân dụng được sử dụng là một trong những bộ phận để lắp ráp hình thành vũ khí, khí tài chuyên dùng (khoản 18). Thanh tra Chính phủ đề nghị cân nhắc nghiên cứu chính sách thuế phù hợp đối với hàng hoá, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân trong nước nhằm mục đích tài trợ, viện trợ phục vụ chống dịch, thiên tai, thảm hoạ,... (khoản 19); rà soát mức doanh thu của hộ, cá nhân kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế (khoản 25) đảm bảo linh hoạt, phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội từng giai đoạn.

Tại khoản 3 Điều 12 dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Thanh tra Chính phủ đề nghị rà soát, quy định cụ thể về hoạt động kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khoán thuế để đảm bảo thống nhất khi thực hiện.

Các nội dung khác, Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền thực hiện rà soát, tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành, cơ quan có liên quan, hoàn thiện dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Thanh tra Chính phủ trân trọng phúc đáp. *[Handwritten signature]*

Nơi nhận: *[Handwritten mark]*

- Như trên;
- Tổng Thanh tra Chính phủ (để b/c);
- Phó Tổng TTCP Bùi Ngọc Lam;
- Lưu: VT, Vụ II.1

**KT. TỔNG THANH TRA**  
**PHÓ TỔNG THANH TRA**



*[Handwritten signature]*  
**Bùi Ngọc Lam**



The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions. It emphasizes that every entry should be supported by a valid receipt or invoice. This ensures transparency and allows for easy verification of the data.

In the second section, the author outlines the various methods used to collect and analyze the data. This includes both primary and secondary data collection techniques. The primary data was gathered through direct observation and interviews, while secondary data was obtained from existing reports and databases.

The third section details the statistical analysis performed on the collected data. This involves the use of descriptive statistics to summarize the data and inferential statistics to test hypotheses. The results of these analyses are presented in a clear and concise manner, highlighting the key findings of the study.

Finally, the document concludes with a discussion of the implications of the findings. It suggests that the results have significant implications for the field of study and provides recommendations for further research. The author also acknowledges the limitations of the study and offers suggestions for how these can be addressed in future work.

1998  
 12/15  
 12/15

**BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **612** /BT/TT-KH/TCVề ý kiến đối với đề nghị xây dựng  
dự án Luật thuế GTGT sửa đổiHà Nội, ngày **22** tháng **02** năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Bộ Thông tin và Truyền thông đã nhận được Công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi). Sau khi nghiên cứu Bộ Thông tin và Truyền thông có ý kiến cụ thể như sau:

1. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét giữ nguyên “*Dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích phổ cập theo chương trình của Chính phủ*” thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng (sau đây viết tắt là GTGT) như Luật thuế GTGT hiện hành, cụ thể như sau:

a) Dịch vụ viễn thông công ích:

- Cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (sau đây viết tắt là VTCI) là một trong những chính sách an sinh của Đảng và Nhà nước ta trong lĩnh vực viễn thông, nhằm đảm bảo quyền bình đẳng của mọi người dân ở mọi vùng miền tổ quốc, hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm phủ sóng vùng sâu, vùng xa, hỗ trợ cho người dân ở khu vực miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng kinh tế cơ điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ viễn thông.

- Theo quy định điểm a, khoản 3 Luật viễn thông năm 2023 thì Quỹ Dịch vụ Viễn thông công ích Việt Nam có mục đích hỗ trợ cung cấp dịch vụ viễn thông công ích để bù đắp chi phí cho doanh nghiệp viễn thông phát triển, nâng cấp, duy trì cơ sở hạ tầng viễn thông tại khu vực biên giới, miền núi, vùng cao, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các khu vực khó có khả năng kinh doanh hiệu quả theo cơ chế thị trường; kết hợp bảo vệ khu vực biên giới trên đất liền và chủ quyền vùng biển, hải đảo. Việc hỗ trợ được thực hiện thông qua hỗ trợ giá cước sử dụng dịch vụ viễn thông công ích bắt buộc và dịch vụ viễn thông công ích phổ cập cho các đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách xã hội, các đối tượng chính sách đặc biệt khác trên toàn quốc, ngư dân, trường học, bệnh viện tiếp cận dịch vụ viễn thông thông qua các doanh nghiệp viễn thông.

- Thuế GTGT là thuế gián thu được tính trên GTGT của hàng hóa, dịch vụ và được thu vào khâu tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ. Người nộp thuế GTGT là người bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; người chịu thuế GTGT là người tiêu dùng cuối cùng.

- Như vậy, nếu chuyển dịch vụ viễn thông công ích từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10% sẽ làm ảnh hưởng

đến nguồn kinh phí hỗ trợ Chương trình VTCI và ảnh hưởng tới mức hỗ trợ cho các đối tượng được hỗ trợ dịch vụ VTCI là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ chính sách, các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (giảm mức hỗ trợ cho các đối tượng được hỗ trợ dịch vụ VTCI).

b) Dịch vụ bưu chính công ích:

Việc chuyển dịch vụ bưu chính công ích từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang chịu thuế suất thuế GTGT 10% sẽ làm tăng giá cước dịch vụ bưu chính công ích thêm 10% so với giá cước hiện hành và ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí người dân phải chi trả.

2. Đề nghị Ban soạn thảo xem xét bỏ cụm từ "*In-ter-net phổ cập*" để đảm bảo thống nhất với Luật chuyên ngành vì theo Khoản 2, Điều 30, Luật viễn thông năm 2023: dịch vụ In-ter-net phổ cập thuộc dịch vụ viễn thông công ích.

3. Đề xuất Ban soạn thảo bổ sung quy định "*hàng hóa, dịch vụ ینگ hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh...theo chỉ đạo của Cơ quan quản lý Nhà nước*" thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT vào dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi) vì các lý do sau:

- Việc miễn thuế GTGT là hỗ trợ trực tiếp đến người tiêu dùng cuối cùng là người dân. Miễn thuế GTGT đối với hoạt động viễn thông phục vụ phòng chống thiên tai, dịch bệnh, ứng cứu sự cố khẩn cấp ... sẽ giúp hỗ trợ người dân; giúp đỡ cho doanh nghiệp viễn thông, cũng như các doanh nghiệp thuộc các ngành nghề khác không gặp phải các vấn đề khó khăn liên quan đến các khoản thu nộp của Nhà nước khi thay mặt cơ quan quản lý Nhà nước cung cấp các dịch vụ miễn phí trong các trường hợp thảm họa, thiên tai, dịch bệnh.

- Ngoài ra, các doanh nghiệp viễn thông đã thực hiện các nhiệm vụ nhằm hỗ trợ cộng đồng do Chính phủ chỉ đạo trong đó có hoạt động gửi tin nhắn phòng chống Covid-19, tuyên truyền về bầu cử, tuyên truyền về ngày hội sách Việt Nam, kêu gọi tiêu thụ vải thiều Bắc Giang, phòng cháy chữa cháy, phòng ngừa tội phạm về vũ khí và vật liệu nổ, ... Đây là các chương trình thực hiện miễn phí, không nhằm mục đích kinh doanh sinh lời mà thực hiện theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước nhằm mục đích tuyên truyền cung cấp thông tin tới người dân.

Trên đây là ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi). Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp theo quy định.

Trân trọng./ *W*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Đức Long;
- Thứ trưởng Bùi Hoàng Phương;
- Thứ trưởng Nguyễn Thanh Lâm;
- Lưu: VT, KHTC (3b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



*Bui Hoàng Phương*

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

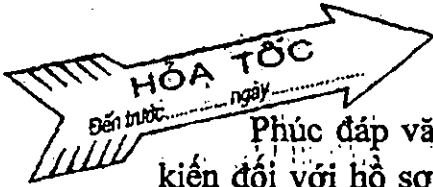
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 985 /BKHĐT - TCTT  
V/v TGYK hồ sơ dự án Luật thuế  
giá trị gia tăng (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.



Phúc đáp văn bản số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Quý Bộ xin ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến như sau:

**1. Ý kiến chung:**

- Việc sửa đổi Luật Thuế giá trị gia tăng là cần thiết nhằm cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, luật hóa những vấn đề đã được kiểm nghiệm thực tế, góp phần hoàn thiện quy định về chính sách thuế giá trị gia tăng, đảm bảo ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước, kịp thời tháo gỡ vướng mắc phát sinh, đáp ứng với những yêu cầu của thực tiễn và hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, đề dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) hoàn thiện và có tính khả thi, đề nghị Quý Bộ tiếp tục rà soát, nghiên cứu mở rộng cơ sở thuế thông qua giảm nhóm hàng hóa dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%; tiến tới cơ bản áp dụng một mức thuế suất, đảm bảo thực hiện các giải pháp cải cách chính sách thuế giá trị gia tăng nêu tại Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngoài việc tổng kết thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng, để đảm bảo phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 34 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trước khi lập đề nghị xây dựng luật cần tiến hành tổng kết việc thi hành pháp luật có liên quan đến đề nghị xây dựng luật; đồng thời làm rõ cơ sở, sự cần thiết khi đưa một số cơ chế chính sách đang được điều chỉnh bởi các Nghị định của Chính phủ và Thông tư vào dự thảo Luật, đề nghị Quý Bộ bổ sung tổng kết thi hành các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, cụ thể như: Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng; Thông tư số 09/2011/TT-BTC ngày 21/01/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm...

**2. Một số góp ý cụ thể:**

**2.1. Về đối tượng không chịu thuế (tại Điều 5 dự thảo Luật):**

- Đối với khoản 1 Điều 5: Đề nghị Quý Bộ nghiên cứu bổ sung đối tượng "liên hiệp hợp tác xã". Lý do: Theo các quy định tại khoản 8 Điều 4 và khoản 4

Điều 10 của Luật Hợp tác xã: Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân; có nghĩa vụ thực hiện quy định của pháp luật về thuế. Tương tự, đề nghị Quý Bộ rà soát, bổ sung đối tượng trên vào điểm a khoản 2 Điều 12 dự thảo Luật.

- Đối với khoản 25 Điều 5: Đề nghị Quý Bộ bổ sung căn cứ tính toán, thuyết minh bằng các số liệu mang tính định lượng để làm rõ lý do quy định ngưỡng doanh thu hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh hàng năm từ **một trăm năm mươi triệu đồng** trở xuống thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng, đảm bảo phù hợp với thực tế và khuyến khích kinh tế tư nhân, động viên các cá nhân, hộ gia đình làm giàu chính đáng, đồng thời không bỏ sót nguồn thu.

- Đối với khoản 26 Điều 5: Quý Bộ dự kiến quy định "*Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết hồ sơ, thủ tục, tiêu chuẩn xác định đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng*". Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Không quy định thủ tục hành chính trong thông tư. Do vậy, đề nghị Quý Bộ rà soát quy định nêu trên đảm bảo phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Tương tự, đề nghị Quý Bộ rà soát nội dung dự kiến quy định tại khoản 1 Điều 9 "*Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục, hồ sơ và điều kiện áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu quy định tại khoản này*"; khoản 2 Điều 13 "*Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể về hồ sơ, thủ tục và điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào quy định tại khoản này*" và khoản 9 Điều 14 "*Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết điều kiện hoàn thuế đối với các trường hợp quy định tại Điều này*".

**2.2. Về thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng (tại Điều 8 dự thảo Luật):** Đề tạo thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị Quý Bộ nghiên cứu quy định theo hướng xác định rõ các trường hợp đặc thù khác.

**2.3. Về kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với hóa đơn bị sót (tại điểm đ khoản 1 Điều 13 dự thảo Luật):** Quý Bộ dự kiến bỏ quy định đối với trường hợp kê khai, khấu trừ "sai", chỉ quy định đối với trường hợp kê khai, khấu trừ "sót". Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 47 Luật Quản lý thuế quy định "*Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra*".

Do vậy, đề nghị Quý Bộ rà soát, bổ sung quy định đối với trường hợp kê khai, khấu trừ sai, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.

**2.4. Về các trường hợp hoàn thuế (tại Điều 14 dự thảo Luật):** Đề nghị Quý Bộ nghiên cứu bổ sung quy định về hoàn thuế đối với trường hợp dự án đầu tư có phần vốn góp của Nhà nước (dự án PPP).

Lý do: Theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 31/2013/QH13, Luật số 106/2016/QH13) thì việc hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư không phân biệt dự án đầu tư có vốn của nhà nước hay không.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện phát sinh vướng mắc đối với các dự án PPP có một phần vốn đầu tư của nhà nước, một phần vốn đầu tư của doanh nghiệp không thuộc nhà nước. Một số dự án đầu tư không có thỏa thuận/quy định về việc xử lý số thuế giá trị gia tăng đầu vào tương ứng với tỷ lệ vốn tham gia của nhà nước nếu được hoàn thuế (phải nộp lại ngân sách nhà nước hay xử lý như thế nào). Luật Thuế giá trị gia tăng cũng không quy định rõ số thuế giá trị gia tăng đầu vào tương ứng với tỷ lệ vốn tham gia của nhà nước có thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư hay không.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính gửi Quý Bộ đề nghị cứu, tổng hợp *ng*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các đơn vị: TCTK, Viện NCQLKTTW, Viện CLPT, ĐTN, PTDN, ĐKKD, QLĐT, KTHI, QLKK, KTCNDV, KTN, PHTĐT, LĐVX, KHGDNMT, PC, TTtr Bộ, VPB;
- Lưu: VT, TCTT *T03*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Trần Quốc Phương**

Số: 434 /STC-QLNS  
V/v tham gia ý kiến về hồ sơ  
dự án Luật Thuế giá trị gia tăng  
(sửa đổi).

Gia Lai, ngày 01 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ Công văn số 127/BTC-CST ngày 12/01/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 126/VP-KTTH ngày 12/01/2024 của Văn phòng UBND tỉnh về việc tham gia ý kiến về hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi). Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước và các cơ quan, đơn vị liên quan tham gia ý kiến dự thảo theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn nêu trên; gửi về Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 02/02/2024.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo và tổng hợp ý kiến của các đơn vị, địa phương tham gia về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Sở Tài chính tỉnh Gia Lai tổng hợp tham gia góp ý một số nội dung như sau:

**1. Về đối tượng không chịu thuế:**

Đề nghị bổ sung khoản 1 Điều 5 dự thảo như sau:

**“Điều 5. Đối tượng không chịu thuế**

1. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.

*Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt đã qua chế biến theo Danh mục và nội dung Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành.”*

**Lý do bổ sung:**

- Thời gian qua, khi thực hiện Luật thuế GTGT từ người nộp thuế đến cơ quan quản lý thuế gặp vướng mắc rất nhiều tại quy định này do không có căn cứ pháp lý làm cơ sở xác định sản phẩm cụ thể là đã qua chế biến hay chưa qua chế biến; thậm chí nhiều văn bản trả lời, hướng dẫn của cơ quan cấp trên cũng không thống nhất về sản phẩm đã qua chế biến hay chưa qua chế biến;

- Để xác định sản phẩm đã qua chế biến hay chưa qua chế biến, trước đây cơ quan thuế thường căn cứ vào Thông tư 83/2014/TT-BTC ngày 22/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng theo Danh mục hàng hóa nhập khẩu Việt Nam; tuy nhiên trong thời gian đến Thông tư này sẽ bị bãi bỏ. Do đó để thuận tiện trong việc xác định sản phẩm đã qua chế biến hay chưa, đề nghị

lấy Danh mục và nội dung Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành làm căn cứ (hiện nay là Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018).

## 2. Về thuế suất

Đề nghị sửa đổi khoản 4 Điều 9 dự thảo như sau:

**“4. Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ có mức thuế suất giá trị gia tăng khác nhau (bao gồm cả đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng) phải khai xác định thuế giá trị gia tăng theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ; nếu cơ sở kinh doanh không xác định theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở sản xuất, kinh doanh.”**

Lý do sửa đổi:

Khoản này quy định về xác định thuế suất, tính thuế GTGT; không phải công việc kê khai thuế nên thay từ “khai” bằng từ “xác định” và để thống nhất trong cả khoản 4.

## 3. Về phương pháp tính trực tiếp

Đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 12 dự thảo như sau:

**“Điều 11 12. Phương pháp tính trực tiếp ~~trên giá trị gia tăng~~**

1. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp ~~trên giá trị gia tăng~~ bằng giá trị gia tăng nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý.

Giá trị gia tăng của vàng, bạc, đá quý được xác định bằng giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra trừ giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào tương ứng.

Trường hợp cơ sở kinh doanh có hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý thì cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng hoạt động này để nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp ~~trên giá trị gia tăng~~.”

Lý do sửa đổi:

Bỏ cụm từ “trên giá trị gia tăng” để phù hợp với quy định tại Điều 10.

## 4. Về các trường hợp hoàn thuế

Đề nghị bổ sung đoạn thứ 3 khoản 2 Điều 14 dự thảo như sau:

**“Ngày dự án đầu tư hoàn thành hoặc ngày giai đoạn đầu tư, hạng mục đầu tư hoàn thành là ngày phát sinh doanh thu của dự án đầu tư hoặc ngày phát sinh doanh thu của hạng mục, giai đoạn đầu tư (đối với dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn, hạng mục đầu tư).”**

Lý do bổ sung:



Bổ sung thêm đoạn "hoặc ngày giai đoạn đầu tư, hạng mục đầu tư hoàn thành" để phù hợp với thời điểm hoàn thành của dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn, hạng mục đầu tư.

Trên đây là nội dung tham gia ý kiến của Sở Tài chính về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), kính báo cáo Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Giám đốc và các PGĐ Sở;
- Lưu: VT, QLNS.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Anh Dũng**

1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions and activities. It emphasizes that this is crucial for ensuring transparency and accountability in the organization's operations.

2. The second part of the document outlines the various methods and tools used to collect and analyze data. It highlights the need for a systematic approach to data collection and the importance of using reliable and valid measurement instruments.

3. The third part of the document describes the process of data analysis and interpretation. It discusses the various statistical techniques used to analyze the data and the importance of interpreting the results in the context of the research objectives and the organization's needs.

4. The fourth part of the document discusses the importance of reporting the results of the research and the implications for the organization. It emphasizes that the results should be presented in a clear and concise manner that is easy to understand and use by the organization's management and staff.

5. The fifth part of the document discusses the importance of evaluating the effectiveness of the research and the implications for the organization's future operations. It emphasizes that the results of the research should be used to inform the organization's decision-making and to improve its performance.

6. The sixth part of the document discusses the importance of maintaining the integrity and confidentiality of the research data. It emphasizes that the data should be stored securely and that access should be restricted to only those individuals who need it for the research.

### Methodology

The methodology used in this study is a combination of qualitative and quantitative methods. The qualitative methods include interviews, focus groups, and document analysis. The quantitative methods include surveys and statistical analysis.

The data collection process involved a series of steps. First, the research objectives were identified and the data sources were identified. Then, the data collection instruments were developed and the data collection process was implemented.

The data analysis process involved a series of steps. First, the data were cleaned and organized. Then, the data were analyzed using the appropriate statistical techniques. Finally, the results were interpreted and reported.

The results of the research indicate that there are several key factors that influence the organization's performance. These factors include the quality of the data, the accuracy of the analysis, and the effectiveness of the reporting process.

The implications of the research are that the organization should focus on improving the quality of its data, the accuracy of its analysis, and the effectiveness of its reporting process. This will help the organization to make better decisions and improve its performance.

The conclusion of the research is that the methodology used in this study is a combination of qualitative and quantitative methods. The data collection process involved a series of steps. First, the research objectives were identified and the data sources were identified. Then, the data collection instruments were developed and the data collection process was implemented.

The data analysis process involved a series of steps. First, the data were cleaned and organized. Then, the data were analyzed using the appropriate statistical techniques. Finally, the results were interpreted and reported.

TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NGÃI

12  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 493 /CTQNG-NVDTPC  
V/v góp ý về hồ sơ dự án Luật thuế  
giá trị gia tăng (sửa đổi)

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 01 năm 2024

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Tổng cục Thuế.

BỘ TÀI CHÍNH	
E EN SỐ: 9099	B.Đ.
Ngày: 29-01-2024	
Chuyên: Luc. Q.L. G.S. CST	
Số và ký hiệu HS:	

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài chính tại Công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 và chỉ đạo của Tổng cục Thuế tại Công văn số 134/TCT-CS ngày 11/01/2024 về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức lấy ý kiến các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh, các đơn vị thuộc Cục thuế. Qua nghiên cứu hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) và ý kiến đóng góp của các đơn vị. Cục thuế tỉnh Quảng Ngãi báo cáo góp ý như sau:

**1. Về Đối tượng không chịu thuế (Điều 5)**

"25. Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm năm mươi triệu đồng trở xuống; tài sản của tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng bán ra; hàng dự trữ quốc gia do cơ quan dự trữ quốc gia bán ra; các hoạt động, dịch vụ thu phí, lệ phí theo pháp luật về phí và lệ phí."

- Theo quy định tại Điều 3 dự thảo, Đối tượng chịu thuế GTGT là hàng hóa, dịch vụ chứ không phải là Doanh thu. Do đó, nên đưa đối tượng Hộ cá nhân có Doanh thu dưới ngưỡng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT sang nội dung Đối tượng miễn (giảm) thuế.

Bên cạnh đó, cơ sở tính toán mức doanh thu dưới ngưỡng được miễn (giảm) thuế cần tính toán phù hợp thực tiễn để hạn chế số lượng hộ kinh doanh nhỏ lẻ vùng sâu, vùng xa phải lập bộ khoán, làm tăng nguồn lực con người quản lý địa bàn và đảm bảo công bằng xã hội với người có thu nhập từ tiền lương tiền công.

Theo Dự thảo mức Doanh thu để không chịu thuế GTGT là 150 triệu/năm, như vậy Doanh thu trung bình của hộ kinh doanh khoảng 420.000đ/một ngày. Doanh thu là bao gồm giá vốn của hàng hóa, với mức Doanh thu này và giá cả hàng hóa dịch vụ như hiện nay thì gần như tất cả những hộ kinh doanh nhỏ lẻ đều thuộc diện lập bộ khoán thuế. Nếu trừ giá vốn chiếm 80% Doanh thu thì không đảm bảo thu nhập sống tối thiểu của hộ kinh doanh.

**Đề xuất:** Miễn thuế GTGT cho hộ, cá nhân kinh doanh có Doanh thu dưới 300 triệu/ năm và Nghị định hướng dẫn Luật quy định nội dung này .

- Tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày

23 tháng 8 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí, quy định:

*“3. Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được xác định theo quy định tại Điều 5 Nghị định này; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách nhà nước. Số tiền phí được để lại là doanh thu của tổ chức thu phí.”*

Như vậy số tiền phí được để lại nêu trên của tổ chức thu phí có thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hay không? Hiện nay đang có cách hiểu và áp dụng khác nhau giữa cơ quan thuế và Kiểm toán nhà nước.

**Đề xuất:** Cần quy định rõ hơn đối với Doanh thu là khoản phí được để lại của doanh nghiệp hoặc các đơn vị HCSN áp dụng cơ chế tự chủ tài chính.

- Bổ sung thêm vào Khoản 25, Điều 5 nội dung: “ tài sản không phục vụ sản xuất kinh doanh của cá nhân kinh doanh bán ra” vào đối tượng không chịu thuế.

## 2. Về thuế suất (Điều 9 ):

*“2. Mức thuế suất 5% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ sau đây:*

*c) Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp.”*

Liên quan đến “dịch vụ duy trì vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố”, tại điểm 2.2 Mục IV Tờ trình Dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) của Bộ Tài chính có nêu:

*“- Sửa đổi quy định dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập, dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng từ đối tượng không chịu thuế GTGT thành đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 10%.”*

Tuy nhiên, tại Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam quy định đối với mã ngành 81300: Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan, gồm: Trồng cây, chăm sóc và duy trì:

+ Công viên và vườn hoa:

+ Khu đất đô thị (công viên, khu vực cây xanh, nghĩa trang...),”

Tại khoản 4 Điều 2 Luật Trồng trọt quy định:

*“4. Sản phẩm cây trồng là bộ phận thu hoạch của cây nông nghiệp, cây cảnh và nấm ăn.”*

Như vậy, duy trì vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố cũng có thể bao gồm dịch vụ nuôi trồng, chăm sóc cho cây trồng, thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%, dẫn đến dễ xảy ra vướng mắc khi áp dụng.

Do đó, để thể hiện rõ mục đích chuyên dịch vụ duy trì vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố từ đối tượng không chịu thuế GTGT thành đối tượng chịu

thuế GTGT với thuế suất 10% như Tờ trình của Bộ Tài chính, đồng thời đảm bảo thống nhất khi áp dụng, đề nghị sửa cụm từ “nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng” thành “nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng (trừ dịch vụ duy trì vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố)”.

### 3. Về phương Pháp tính trực tiếp (Điều 12):

- Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 thì đối với Doanh nghiệp, hợp tác xã có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu một tỷ đồng còn đối với “Tổ chức khác” thì không quy định ngưỡng doanh thu mà chỉ quy định trừ trường hợp đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế thì áp dụng phương pháp tính trực tiếp theo doanh thu.

**Đề xuất:** quy định thống nhất cả cho cả Doanh nghiệp, Hợp tác xã và Tổ chức khác có Doanh thu dưới một tỷ đồng thì áp dụng phương pháp trực tiếp, trừ trường hợp tự nguyện đăng ký phương pháp khấu trừ.

- Tại điểm c khoản 2 Điều 12 quy định về Doanh thu để tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp cần quy định rõ hơn nội dung liên quan đến “**tổng số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn bán hàng**” là Doanh thu đã bao gồm thuế GTGT hay chưa bao gồm thuế GTGT để thống nhất với quy định về giá tính thuế tại điểm a khoản 1 Điều 7:

### 4. Về khấu trừ thuế GTGT đầu vào (Điều 13):

- Tại điểm b khoản 1 Điều 13 quy định:

*b) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ % giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra.”*

- Tại khoản 1 Điều 5 quy định: “Doanh nghiệp, hợp tác xã mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào”.

Theo quy định trên thì thuế GTGT đầu vào tương ứng với doanh thu không phải kê khai, tính thuế cũng được khấu trừ.

Với quy định như trên thì có 02 nội dung vướng mắc:

+ Đối với trường hợp Doanh nghiệp, HTX có Doanh thu không phải kê khai, tính thuế, thuế GTGT đầu vào được khấu trừ không hạch toán riêng mà phải tính theo tỷ như trên thì sẽ thiếu phần Doanh thu không tính thuế ở từ số.

+ Tại điều 14 quy định trường hoàn thuế GTGT thì không quy định trường hợp DN chỉ có HĐKD thuộc trường hợp khoản 1 Điều 5 nêu trên. Như vậy chưa đảm bảo công bằng cho các trường hợp.

**Đề xuất:**

+ Nếu cho phép NNT có Doanh thu thuộc trường hợp không tính thuế được khấu trừ thuế GTGT đầu vào thì cần sửa đổi như sau: "... theo tỷ lệ % giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng, hàng hóa dịch vụ không tính thuế so với tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra.", đồng thời bổ sung cho phép NNT chỉ có HĐKD hàng hóa thuộc đối tượng không tính thuế có số thuế GTGT đầu vào trên 300 triệu được hoàn thuế.

+ Nếu không cho phép NNT chỉ có HĐKD hàng hóa không tính thuế theo khoản 1 Điều 5 thuộc đối tượng hoàn thuế GTGT đầu vào thì cần quy định rõ số thuế GTGT tính vào giá vốn hàng hóa, nguyên vật liệu, NNT không thực hiện kê khai khấu trừ thuế đầu vào.

- Kê khai thuế GTGT đầu vào bị sót, tại điểm đ khoản 1 Điều 13.

"đ) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện sót trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế."

Việc kê khai số thuế GTGT đầu vào bị sót tại thời điểm phát hiện sót sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong việc kê khai thuế cho NNT. Tuy nhiên qui định trên vẫn còn điểm gây hiểu nhầm và áp dụng chưa thống nhất giữa các cơ quan thuế. Cụ thể:

Khi NNT kê khai thuế GTGT bị sót nghĩa là hóa đơn GTGT đầu vào bị sót. Nếu cho phép NNT khai tại thời điểm phát hiện sót mà không quy định thời gian nào thì giá trị hàng hóa, dịch vụ của hóa đơn đó sẽ không tương ứng Doanh thu nếu NNT phát hiện và kê khai sau thời gian vài năm.

**Đề xuất:** Cho phép NNT khai hóa đơn GTGT đầu vào bị sót vào kỳ phát hiện sót trước khi cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế, đồng thời giá trị hàng hóa, dịch vụ của hóa đơn bị sót được kê khai phải phù hợp với Doanh thu theo chuẩn mực kế toán.

Lý do để không mâu thuẫn với việc kê khai hóa đơn bị sót được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nhưng giá trị hàng hóa, dịch vụ không được trừ khi tính thuế TNDN và hạn chế việc kéo dài thời gian kê khai hóa đơn bị sót của NNT bất hợp lý, khó kiểm soát.

- Tại điểm e khoản 1 Điều 13 quy định về xử lý đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ. Đề xuất sửa đổi như sau:

"e) Đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào đủ điều kiện khấu trừ nhưng không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được tính vào nguyên giá của tài sản cố

định hoặc hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.”

- Tại điểm g khoản 1 Điều 13: Trường hợp doanh nghiệp mua ô tô 16 chỗ ngồi trở lên để phục vụ đưa đón người lao động thì có được khấu trừ thuế GTGT đầu vào không?

**Đề xuất:** quy định trường hợp khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với ô tô 16 chỗ ngồi trở lên để phục vụ đưa đón người lao động.

### 5. Các trường hợp hoàn thuế (Điều 14):

#### - Tại khoản 1 Điều 14 Dự thảo Luật thuế GTGT :

“Cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý thì được hoàn thuế giá trị gia tăng”

Như vậy, Trường hợp cơ sở kinh doanh sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% có phát sinh doanh thu chịu thuế suất 10% (chiếm tỷ trọng rất nhỏ) hoặc có phát sinh thu nhập khác thì có thuộc trường hợp được hoàn thuế không.

**Đề xuất:** Đề nghị cân nhắc khi bổ sung quy định này và cân rõ hơn để không bị vướng khi thực hiện.

#### - Tại khoản 2 Điều 14 Dự thảo Luật thuế GTGT:

“Ngày dự án đầu tư hoàn thành là ngày phát sinh doanh thu của dự án đầu tư hoặc ngày phát sinh doanh thu của hạng mục, giai đoạn đầu tư (đối với dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn, hạng mục đầu tư”

+ Đề xuất sửa theo hướng chặt chẽ hơn như sau:

“ Ngày dự án (hạng mục, giai đoạn) đầu tư hoàn thành là ngày phát sinh doanh thu của Dự án (hạng mục, giai đoạn) đầu tư hoặc ngày kết thúc tiến độ đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.”

+ Đề nghị sửa đổi và bổ sung đoạn cuối khoản 2 Điều 14 như sau:

“Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo hoặc kết chuyển số thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ nhưng chưa hoàn thuế giai đoạn đầu tư sang hoạt động SXKD với các trường hợp:

a)...

b)...

c) Dự án đầu tư (hoặc hạng mục đầu tư) chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao đất hoặc hợp đồng cho thuê đất của cơ quan

*có thẩm quyền; Dự án đầu tư (hoặc hạng mục đầu tư) có công trình xây dựng nhưng chưa được cấp giấy phép xây dựng hoặc chưa có hồ sơ chứng minh thuộc trường hợp miễn giấy phép xây dựng, chưa thực hiện thủ tục thông báo thời điểm khởi công xây dựng với cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng tại địa phương đối với trường hợp được miễn giấy phép xây dựng."*

+ Dự thảo Luật thuế GTGT bỏ quy định không hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký.

**Đề xuất:** Không thay đổi quy định về việc không hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký để đảm bảo việc hoàn thuế cho DADT thực hiện đúng các quy định của Luật Đầu tư.

+ Đề nghị quy định điều khoản chuyển tiếp đối với dự án đầu tư mở rộng đề nghị hoàn trước thời điểm Luật thuế GTGT (sửa đổi) có hiệu lực hiện đang vướng chính sách chưa được giải quyết hoàn thuế.

- **Tại khoản 3, Điều 14 Dự thảo Luật thuế GTGT:** Đề xuất sửa theo hướng gọn hơn đề NNT và cơ quan Thuế dễ hiểu và thực hiện như sau:

*"Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế GTGT đầu vào phục vụ cho hoạt động SXKD hàng xuất khẩu sau khi bù trừ với số thuế GTGT phải nộp (nếu có) chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng. Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được hoàn không vượt quá với 10% doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Không hoàn thuế GTGT đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu để xuất khẩu, hàng hóa không thực hiện xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của Luật hải quan."*

- Đề nghị bổ sung thêm quy định:

*"Thuế GTGT đầu vào của Hoạt động xuất khẩu bao gồm thuế GTGT đầu vào của TSCĐ và thuế GTGT đầu vào của Dự án đầu tư hoàn thành chưa được hoàn thuế ở giai đoạn đầu tư tham gia phục vụ HDSXKD hàng xuất khẩu."*

- Tại khoản 9 Điều 14 Dự thảo có bổ sung quy định trách nhiệm của cơ quan thuế: *"9. Cơ quan thuế chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng. Người nộp thuế chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng và vi phạm (nếu có) của người nộp thuế liên quan đến số tiền đề nghị hoàn thuế"*.

**Đề xuất:** bổ sung quy định về "tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng" hoặc sửa đổi khoản này như sau:

*"9. Cơ quan thuế chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng (hồ sơ đầy đủ thành phần, kê khai đầy đủ nội dung theo quy định của Luật quản lý thuế) ..."*

- Đối với Dự án đầu tư đã được hoàn thuế đúng quy định nhưng bị chấm dứt hoạt động khi chưa hoàn thành, chưa phát sinh doanh thu chịu thuế GTGT theo quy định hiện hành thì NNT phải nộp lại số thuế GTGT đã hoàn.



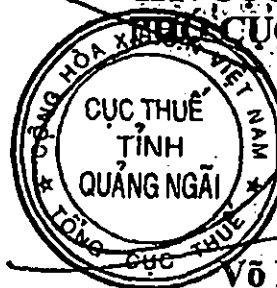
Trong thực tế, khi Dự án chưa đi vào hoạt động mà bị thu hồi Dự án hoặc chấm dứt hoạt động thì Doanh nghiệp gần như phá sản, nợ ngân hàng và các chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng rất lớn ... Doanh nghiệp không thể nộp lại tiền thuế GTGT đã hoàn. Để tránh rủi ro cho cơ quan thuế đề nghị Dự thảo Luật thuế GTGT bổ sung thêm quy định về xử lý trường hợp này.

**6. Đề xuất khác:** Đối với Doanh nghiệp chế xuất/ DN trong khu phi thuế quan khi bán hàng hóa, dịch vụ cho DN nội địa hoặc thực hiện gia công hàng hóa cho DN nội địa thì các cơ quan Thuế đang hiểu và trả lời cho Doanh nghiệp khác nhau, dẫn đến việc áp dụng chính sách cũng chưa thống nhất. Cần bổ sung quy định rõ hơn chính sách thuế GTGT cho đối tượng này.

Trên đây là tổng hợp các ý kiến tham gia góp ý Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi). Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- UBND tỉnh (báo cáo)
- Lưu: VT, NVDTPC.



**KT. CỤC TRƯỞNG**  
**TRƯỞNG CỤC TRƯỞNG**

Võ Hùng

Số: 100 /CTQTR-NVDTPC  
V/v tham gia ý kiến dự án Luật  
thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

Quảng Trị, ngày 25 tháng 01 năm 2024

BỘ TÀI CHÍNH	
E EN	Số:.....4.0398.....
Ngày:	29-01-2024
Chuyên:	Cục...CST.....
Số và ký hiệu HS:.....	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 117/UBND-TCTM ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị giao Cục Thuế chủ trì nghiên cứu, tham gia ý kiến về dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024.

Sau khi lấy ý kiến tham gia góp ý của các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và tổ chức nghiên cứu nội dung dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi), Cục Thuế tỉnh Quảng Trị tổng hợp ý kiến góp ý như sau:

**1. Về hoàn thuế GTGT:**

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất, điểm 2.6, mục IV dự thảo Tờ trình Bộ Tài chính trình Chính phủ về dự án Luật ghi:

*"- Bổ sung quy định: "Cơ sở kinh doanh sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý" được hoàn thuế GTGT (nội dung quy định tại khoản 1, điều 14 dự thảo Luật)."*

- Tại khoản 1 Điều 14 của dự thảo Luật quy định: Các trường hợp hoàn thuế

*"1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.*

*Cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý được hoàn thuế GTGT"*

Như vậy, nội dung tại dự thảo Tờ trình Bộ Tài chính với nội dung quy định tại dự thảo Luật chưa thống nhất. Cụ thể:

- Tại nội dung Tờ trình thì cơ sở kinh doanh có sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ thuế suất thuế 5% (bao gồm cả trường hợp sản xuất, cung ứng nhiều loại hàng hóa, dịch vụ có thuế suất 5%, 10%) đều thuộc trường hợp hoàn thuế.

- Tại dự thảo luật thì quy định cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% mới thuộc trường hợp hoàn, còn trường hợp sản

xuất, cung ứng nhiều loại hàng hóa, dịch vụ có thuế suất 5% và thuế suất khác thì không thuộc trường hợp hoàn thuế.

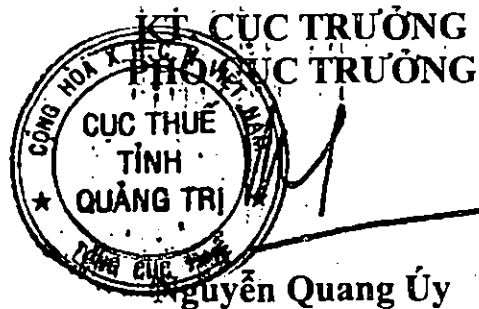
Vì vậy, đề nghị thống nhất nội dung quy định tại khoản 1, điều 14 dự thảo Luật như nội dung Tờ trình Bộ Tài chính, đồng thời bổ sung vào khoản 1, điều 14 quy định về trường hợp cơ sở sản xuất kinh doanh có sản xuất, cung ứng nhiều loại hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT vừa 5% và 10% nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết của hàng hóa dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% từ 300 triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý được hoàn thuế GTGT.

## 2. Các nội dung khác: Thống nhất như nội dung dự án Luật

Cục Thuế tỉnh Quảng Trị báo cáo ý kiến tham gia đề Bộ Tài chính được biết./.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Thuế;
- UBND tỉnh (bc);
- Lưu: VT, NVDTPC (04b).



Nguyễn Quang Ủy

UBND TỈNH PHÚ THỌ  
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 201 /STC-QLNS

Phú Thọ, ngày 31 tháng 01 năm 2024.

V/v tham gia ý kiến hồ sơ dự án  
Luật thuế giá trị gia tăng (sửa  
đổi).

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện văn bản số 85/UBND-KTTH ngày 08/01/2024 của Ủy ban nhân  
tỉnh Phú Thọ về việc tham gia ý kiến hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa  
đổi).

Căn cứ Văn bản số 190/CTPTH-NVDTPC ngày 23/01/2024 của Cục Thuế  
tỉnh Phú Thọ về việc tham gia ý kiến hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa  
đổi).

Sau khi nghiên cứu, xem xét Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi); Sở Tài  
chính có ý kiến như sau:

**1. Về nội dung tham gia ý kiến**

1.1. Tại khoản 1 Điều 9 (trang 8) dự thảo quy định:

**"Điều 9. Thuế suất**

1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải  
quốc tế và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5  
của Luật này khi xuất khẩu, trừ các trường hợp sau đây: a) Chuyển giao công  
nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài; b) Dịch vụ tái bảo hiểm  
ra nước ngoài; c) Dịch vụ cấp tín dụng; d) Chuyển nhượng vốn; đ) Dịch vụ tài  
chính phái sinh; e) Dịch vụ bưu chính, viễn thông; g) Sản phẩm xuất khẩu quy  
định tại khoản 23 Điều 5 của Luật này; Thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó  
xuất khẩu; Sản phẩm, dịch vụ cung cấp trên nền tảng số theo quy định của  
Chính phủ; Xăng, dầu mua tại nội địa bán cho xe ô tô của cơ sở kinh doanh  
trong khu phi thuế quan; Xe ô tô bán cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế  
quan; Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho cá nhân không đăng ký kinh doanh  
trong khu phi thuế quan.

...

b) Dịch vụ xuất khẩu là dịch vụ cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước  
ngoài, gồm: Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải được sử dụng ngoài phạm vi  
lãnh thổ Việt Nam; Dịch vụ vận tải quốc tế; Dịch vụ của ngành hàng không,

*hàng hải cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế.*

...”

Đề nghị nghiên cứu sửa đổi thành:

**“Điều 8 9. Thuế suất**

1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ~~vận tải quốc tế~~ và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 của Luật này khi xuất khẩu, trừ các trường hợp sau đây: a) *Chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài;* b) *Dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài;* c) *Dịch vụ cấp tin dụng;* d) *Chuyển nhượng vốn;* đ) *Dịch vụ tài chính phái sinh;* g) e) *Sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật này; Thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu; Sản phẩm, dịch vụ cung cấp trên nền tảng số theo quy định của Chính phủ; Xăng, dầu mua tại nội địa bán cho xe ô tô của cơ sở kinh doanh trong khu phi thuế quan; Xe ô tô bán cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho cá nhân không đăng ký kinh doanh trong khu phi thuế quan.*

*b) Dịch vụ xuất khẩu là dịch vụ cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, gồm: Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải được sử dụng ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; Dịch vụ vận tải quốc tế; Dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế.*

...”

(Đề nghị bỏ nội dung: “...e) *Dịch vụ bưu chính, viễn thông...*”).

Lý do: Tại tiết b khoản 1 Điều 9 dự thảo đã quy định cụ thể tên các dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0% nên các trường hợp loại trừ tại khoản 1 Điều 9 không cần thiết phải đưa vào nội dung: e) *Dịch vụ bưu chính, viễn thông.*

1.2. Tại khoản 1 Điều 11 (trang 10) dự thảo quy định:

**“Điều 10 11. Phương pháp khấu trừ thuế**

*1. Phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:”*

Đề nghị nghiên cứu sửa đổi thành: “1. Phương pháp khấu trừ thuế được quy định như sau:” bỏ cụm từ “ giá trị gia tăng”.

Lý do: Để đồng nhất tên gọi của phương pháp tính thuế này.

1.3. Tại khoản 3 Điều 12 (trang 11) dự thảo quy định:

**“3. Hoạt động kinh doanh, hộ, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ ...”**

Đề nghị nghiên cứu sửa đổi thành: “3. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ ...”.

Lý do: Bỏ nội dung Hoạt động kinh doanh do nội dung khoản thuế trong Luật Quản lý thuế chỉ quy định cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không áp dụng cho đối tượng “hoạt động kinh doanh”.

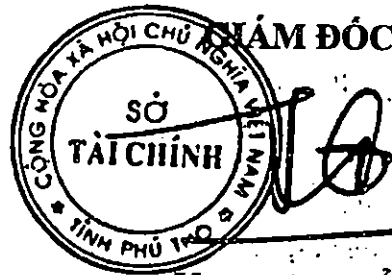
1.4. Đối với các cụm từ “*hộ, cá nhân kinh doanh*” đề nghị chuyển thành “*hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh*” theo Luật Quản lý thuế.

2. Các nội dung khác: Nhất trí với dự thảo Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi).

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài chính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu VT, QLNS.



Vương Thị Bảy

1. Introduction

2. Methodology

3. Results

4. Discussion

5. Conclusion

6. References

7. Appendix

8. Acknowledgements

9. Contact Information

10. Author Biographies

11. Declaration of Interest

12. Funding Sources

13. Data Availability

14. Ethics Approval

15. Supplementary Materials

16. Correspondence

17. Copyright

18. Disclaimer

19. Abstract

20. Keywords

21. Summary

22. Objectives

23. Methods

24. Results

25. Discussion

26. Conclusion

27. References

28. Appendix

29. Acknowledgements

30. Contact Information

31. Author Biographies

32. Declaration of Interest

33. Funding Sources

34. Data Availability

35. Ethics Approval

36. Supplementary Materials

37. Correspondence

38. Copyright

39. Disclaimer

UBND TỈNH HÀ TĨNH  
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 506 /STC-NS  
V/v bổ sung ý kiến về hồ sơ dự án  
Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 01 năm 2024

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện văn bản số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến về hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); trên cơ sở ủy quyền và giao nhiệm vụ của UBND tỉnh Hà Tĩnh tại văn bản số 117/UBND-TH, ngày 08/01/2024, ý kiến của Cục Thuế tỉnh Hà Tĩnh tại văn bản số 253/CTHTI-NVDTPC ngày 23/01/2024 và các đơn vị, địa phương, Sở Tài chính Hà Tĩnh đã tổng hợp, góp ý gửi Bộ Tài chính và báo cáo UBND tỉnh tại văn bản số 466/STC-NS ngày 26/01/2024.

Tuy vậy, sau thời điểm trên, Sở Tài chính tiếp tục nhận được ý kiến góp ý của Sở Tư pháp tại văn bản số 170/STP-TTr ngày 26/01/2024; do vậy, Sở Tài chính xin góp ý bổ sung về hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng sửa đổi (ngoài nội dung tại văn bản số 466/STC-NS ngày 26/01/2024) như sau:

- Tại khoản 1 Điều 5 dự thảo quy định “sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu” là đối tượng không chịu thuế. Đồng thời, tại điểm d khoản 2 Điều 9 dự thảo lại quy định “sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản chưa qua chế biến, trừ sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này” áp dụng mức thuế suất 5%. Nội dung sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt “chưa chế biến thành các sản phẩm khác” và “chưa qua chế biến” có sự trùng lặp, khó hiểu trong quá trình áp dụng. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét quy định rõ các trường hợp cụ thể. Ngoài ra, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung cụm từ “...nuôi trồng, đánh bắt” vào phía sau từ “thủy sản” tại điểm d khoản 2 Điều 9 dự thảo để đảm bảo thống nhất.

- Tại điểm b khoản 26 Điều 5 dự thảo đề nghị sửa nội dung “tài sản di chuyển trong định mức” thành “tài sản di chuyển trong định mức theo quy định của pháp luật có liên quan” để đảm bảo đồng bộ với các quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và Luật Hải quan.



- Tại điểm g khoản 2 Điều 9 dự thảo quy định “*Tàu khai thác thủy sản tại vùng khơi, vùng biển*”. Tuy nhiên, căn cứ tại Điều 48 Luật Thủy sản và khoản 2 Điều 42 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP thì vùng biển Việt Nam được phân thành ba vùng khai thác thủy sản bao gồm vùng ven bờ, vùng lộng và vùng khơi. Do đó, đề nghị sửa lại phạm vi của tàu khai thác thủy sản nêu trên đảm bảo chính xác.

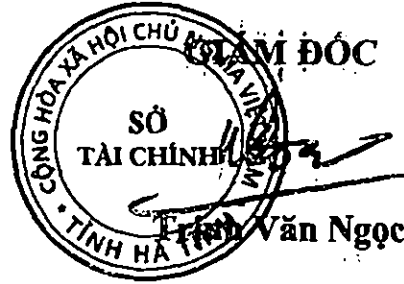
- Tại khoản 1 Điều 16 dự thảo quy định “*Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Điều 4, Điều 5, Điều 7, Điều 9, Điều 13, Điều 14 và những nội dung được giao tại Luật*”. Nội dung liệt kê này chưa đầy đủ (ví dụ: thiếu khoản 3 Điều 11). Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét không liệt kê mà quy định tương tự khoản 2 Điều này theo hướng “*Chính phủ quy định, hướng dẫn thi hành những nội dung được giao tại Luật*”.

Kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục Thuế tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NS.

*[Handwritten signature]*



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 639 /UBND-KT

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 01 năm 2024

V/v tham gia ý kiến vào hồ sơ dự án  
Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

<b>BỘ TÀI CHÍNH</b>	
<b>ĐẾN</b>	Số: 11396-EM
Ngày:	02-02-2024
Chuyên:	Cục QL HS CST
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi);

Sau khi nghiên cứu, UBND thành phố Đà Nẵng có ý kiến tham gia vào dự thảo Luật Thuế GTGT (sửa đổi) như sau:

**1. Khoản 1 Điều 5**

“Điều 5. Đối tượng không chịu thuế

1...

Doanh nghiệp, hợp tác xã mua sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.”

Đề nghị sửa đổi như sau:

“Doanh nghiệp, hợp tác xã mua sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thì không phải tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào”

Lý do: doanh thu trên không tính thuế nhưng vẫn kê khai vào Tờ khai thuế GTGT, vì vậy đề xuất thay thế cụm từ “không phải kê khai, tính nộp thuế” thành “không phải tính nộp thuế”.

**2. Khoản 7 Điều 5**

“Điều 5. Đối tượng không chịu thuế

...

7. Chuyển quyền sử dụng đất”

Đề nghị sửa đổi:

“Điều 5. Đối tượng không chịu thuế

...

## 7. Nhận chuyển quyền sử dụng đất của Nhà nước”

Lý do:

Tại Khoản 1h Điều 7 của Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi) quy định giá tính thuế đối với hoạt động kinh doanh bất động sản:

“Điều 7. Giá tính thuế

...

h) Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước.”

Nghị định và Thông tư hướng dẫn giá đất được trừ là tiền sử dụng đất nộp NSNN hoặc giá đất tại thời điểm nhà nước giao đất hoặc nhận chuyển nhượng;

Như vậy, có một khoản chênh lệch giữa giá đất tại thời điểm chuyển nhượng với giá đất tại thời điểm nhận chuyển quyền sử dụng đất; phần giá trị chênh lệch này chịu thuế GTGT, không phù hợp với bản chất quy định tại khoản 7 Điều 5 Luật thuế GTGT là: chuyển nhượng quyền sử dụng đất không chịu thuế GTGT.

## 3. Khoản 1b Điều 13

“Điều 13. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

...

b) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ % giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra.”

Đề nghị bổ sung:

“Điều 13. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

...

b) ...Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế

GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế.”

Lý do: Nội dung này đã được quy định tại Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015, vì vậy đề xuất bổ sung thêm nhằm Luật hóa quy định đã được thực hiện ổn định.

#### **4. Khoản 1đ Điều 13**

“Điều 13. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

...

đ) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện sót trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế”

Đề nghị sửa đổi:

“Điều 13. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

...

đ) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung vào kỳ tính thuế bị sót trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế”.

Lý do:

- Phù hợp với nguyên tắc thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó.

- Phù hợp với nguyên tắc khai bổ sung hồ sơ khai thuế tại Điều 47 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, cụ thể:

“Điều 47. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế

1. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra.”

Theo quy định trên thì người nộp thuế kê khai sót thì được kê khai bổ sung hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế bị sót.

#### **5. Khoản 2b Điều 13**

“Điều 13. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

“b) Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị dưới năm triệu đồng”

Đề thúc đẩy việc thanh toán không dùng tiền mặt, góp phần ngăn chặn gian lận trong việc khấu trừ, hoàn thuế, đề xuất sửa đổi điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào như sau:

“Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị dưới hai triệu đồng”.

### **6. Khoản 1g Điều 13**

“Điều 13. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

g) Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của: hàng hóa, dịch vụ hình thành tài sản cố định phục vụ cho người lao động...; ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống...”

- Đề nghị sửa đổi:

“Điều 13. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đầu vào

g) Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của: hàng hóa, dịch vụ hình thành tài sản cố định phục vụ cho người lao động...; tài sản cố định là ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống...”

Lý do: Nêu rõ việc khấu trừ đối với tài sản cố định là ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống.

- Đề nghị bổ sung mức không chế về giá trị đối với ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống khi khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

### **7. Khoản 4 Điều 14**

“Điều 14. Các trường hợp hoàn thuế

4. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng khi giải thể, phá sản, có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết.”

Đề nghị sửa đổi:

“Điều 14. Các trường hợp hoàn thuế

...

4. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng khi phá sản có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết”

Lý do:

- Không hoàn thuế GTGT đối với trường hợp cơ sở kinh doanh khi giải thể có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết do trường hợp này cơ sở kinh doanh là người tiêu dùng cuối cùng, nên phải chịu phần thuế GTGT đầu vào.

- Không quy định về hoàn thuế GTGT nộp thừa tại Luật thuế GTGT, việc hoàn nộp thừa thực hiện theo Luật Quản lý thuế.

### 8. Khoản 9 Điều 14

“Điều 14. Các trường hợp hoàn thuế

...

9. Cơ quan thuế chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng”

Đề nghị sửa đổi:

”Điều 14. Các trường hợp hoàn thuế

...

9. Cơ quan thuế chịu trách nhiệm về tính đầy đủ của hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật thuế”

Lý do: cụm từ “hợp lệ” mang tính chất chung chung, gây khó khăn trong việc xác định trách nhiệm của cơ quan thuế. Cơ quan Thuế giải quyết hồ sơ hoàn thuế trên cơ sở các thủ tục hành chính, do đó quy định trách nhiệm về “tính đầy đủ” theo thủ tục sẽ phù hợp hơn.

Trên đây là ý kiến tham gia vào hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), UBND thành phố Đà Nẵng gửi Bộ Tài chính để tổng hợp. *TK*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Thuế TP Đà Nẵng;
- Lưu: VT, KT. *thuc*

*AV*

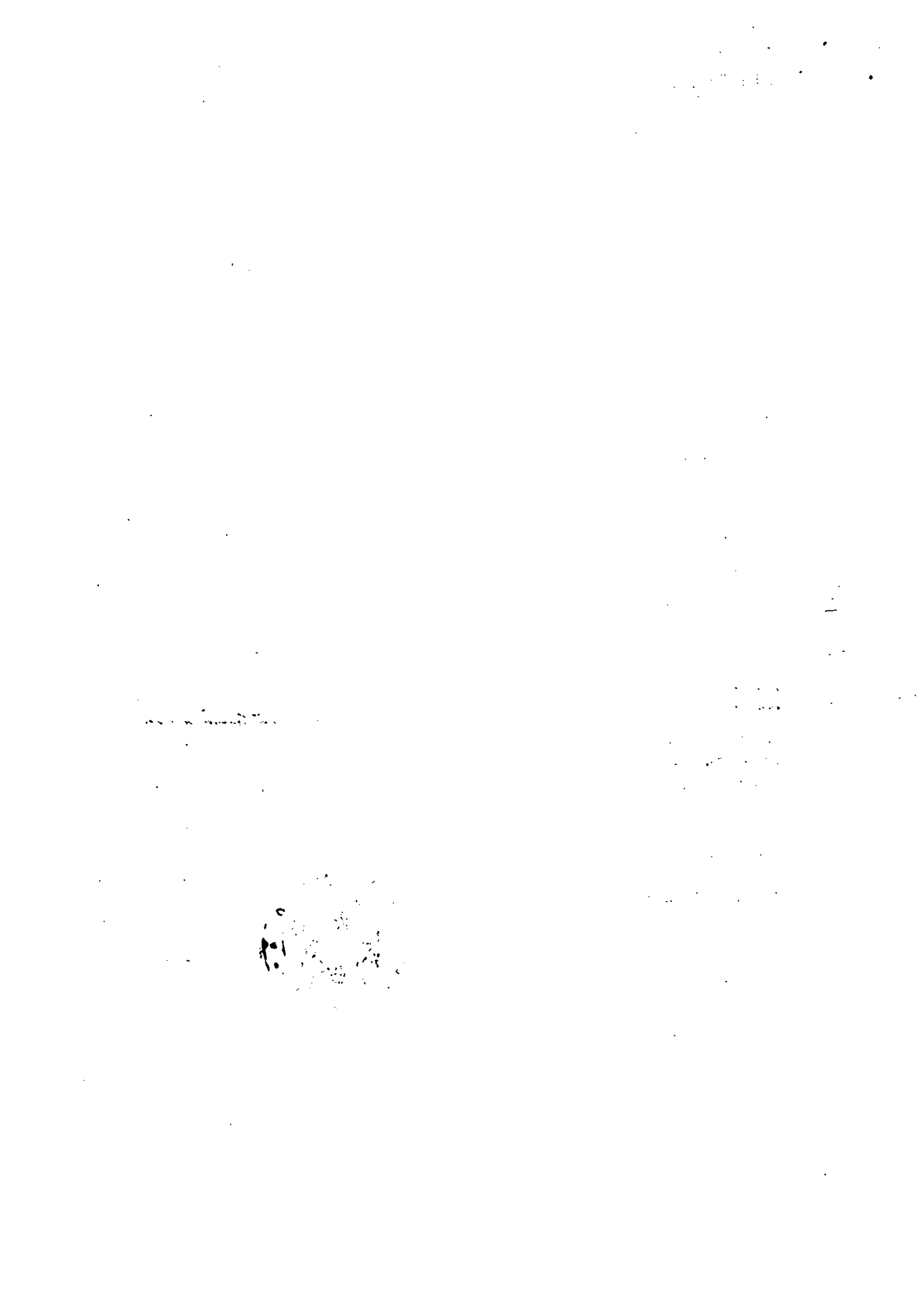
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Kỳ Minh



Số: 689 /CTDON – NVDTPC  
V/v ý kiến với dự án Luật thuế  
GTGT (sửa đổi)

Đồng Nai, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Tổng Cục Thuế

Cục Thuế tỉnh Đồng Nai có ý kiến đối với dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) như sau:

1. Tại Điều 5 quy định đối tượng không chịu thuế:

- Tại khoản 7 đề nghị chuyển đối tượng Chuyển quyền sử dụng đất từ đối tượng không chịu thuế sang đối tượng chịu thuế vì chuyển quyền sử dụng đất có giá trị gia tăng lớn nhưng không chịu thuế GTGT là bất hợp lý.

- Tại khoản 22 đề nghị sửa "Vàng nhập khẩu dạng thỏi, miếng chưa được chế tác thành sản phẩm mỹ nghệ, đồ trang sức hay sản phẩm khác" thành "Vàng dạng thỏi, miếng chưa được chế tác thành sản phẩm mỹ nghệ, đồ trang sức hay sản phẩm khác ở khâu nhập khẩu".

2. Tại điểm b Khoản 2 Điều 9 quy định thuế suất 5%:

"b) **Phân bón; quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh bao gồm thuốc bảo vệ thực vật và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng.**"

Như vậy, "chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng" áp dụng mức thuế suất 5%. Tuy nhiên, mặt hàng này chưa được quy định rõ theo Danh mục do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, gây khó khăn trong việc xác định thuế suất GTGT.


3. Tại Điều 13 quy định khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào:

- Điểm d khoản 1:

"Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai, sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện sót bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế": đề nghị quy định kê khai khấu trừ vào kỳ có sai sót vì ảnh hưởng đến các ứng dụng rủi ro hóa đơn điện tử.

- Đối với điều kiện khấu trừ thuế GTGT hàng nhập khẩu: đề nghị bỏ quy định thanh toán không dùng tiền mặt.

- Đề nghị bổ sung quy định khấu trừ thuế GTGT đầu vào tại chi nhánh thụ hưởng nhưng do công ty mua sắm tập trung.

Cục Thuế tỉnh Đồng Nai kính chuyển ý kiến góp ý đến Tổng Cục Thuế. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, NVDTPC (Trang, 3b).

KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



  
Nguyễn Quốc Trị



1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions and activities. It emphasizes that this is crucial for ensuring transparency and accountability in the organization's operations.

2. The second part of the document outlines the various methods and tools used to collect and analyze data. It highlights the need for consistent and reliable data collection processes to support effective decision-making.

3. The third part of the document focuses on the role of technology in data management and analysis. It discusses how modern software solutions can streamline data collection, storage, and reporting, thereby improving efficiency and accuracy.

4. The fourth part of the document addresses the challenges associated with data management, such as data quality, security, and privacy. It provides strategies to mitigate these risks and ensure that data is used responsibly and ethically.

5. The fifth part of the document discusses the importance of data governance and the role of various stakeholders in ensuring that data is managed effectively. It emphasizes the need for clear policies and procedures to guide data handling practices.

6. The sixth part of the document explores the benefits of data-driven decision-making and how it can lead to improved performance and innovation. It provides examples of successful data-driven initiatives and the lessons learned from them.

7. The seventh part of the document discusses the future of data management and the emerging trends in the field. It highlights the potential of artificial intelligence, machine learning, and big data to revolutionize data analysis and decision-making.

8. The eighth part of the document provides a summary of the key points discussed throughout the document. It reiterates the importance of data management and the need for a comprehensive and integrated approach to data handling.

9. The final part of the document offers concluding thoughts and recommendations for organizations looking to optimize their data management practices. It encourages a culture of data-driven decision-making and continuous improvement in data management processes.

**TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 157 /CTTTH-NVDTPC

Thừa Thiên Huế, ngày 31 tháng 01 năm 2024

V/v tham gia ý kiến hồ sơ dự án Luật thuế  
giá trị gia tăng (sửa đổi).

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tại Công văn số 294/UBND-TC ngày 09/01/2024 về việc tham gia ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi). Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giao Cục Thuế tỉnh chủ trì tham gia ý kiến và trực tiếp báo cáo Bộ Tài chính (thay UBND tỉnh).

Cục Thuế đã tổ chức nghiên cứu, thảo luận, lấy ý kiến các đơn vị liên quan. Về cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo, đồng thời có một số nội dung tham gia như sau:

- Tại tiêu đề dự thảo Luật có ghi:

*“Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)”*

Đề nghị sửa đổi thành:

*“Luật thuế giá trị gia tăng”*

Lý do: Tại khoản 2 Điều 15 dự thảo Luật có quy định:

*“Điều 15. Hiệu lực thi hành*

*2. Luật này thay thế Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12,...”*

- Tại khoản 1 Điều 14 dự thảo Luật có ghi:

*“Điều 14. Các trường hợp hoàn thuế*

*1... Cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý thì được hoàn thuế giá trị gia tăng.”*

Đề xuất không bổ sung quy định trường hợp hoàn thuế này.

Lý do: Trường hợp cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%, nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết, thì thực hiện kê khai hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế của thuế thu nhập doanh nghiệp, từ đó giảm được số thuế phải nộp ngân sách nhà nước. Do đó, quy định hiện hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh mặt hàng chịu thuế giá trị gia tăng 5%.

- Tại khoản 2 Điều 14 dự thảo Luật có ghi:

*“Điều 14. Các trường hợp hoàn thuế*

*2. Cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư (dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng) theo quy định của pháp luật đầu tư (bao gồm cả dự án đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc nhiều hạng mục đầu tư, trừ trường hợp dự án đầu tư*

không hình thành tài sản cố định) đang trong giai đoạn đầu tư hoặc dự án tìm kiếm, thăm dò, phát triển dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong giai đoạn đầu tư mà chưa được hoàn thuế thì cơ sở kinh doanh thực hiện bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện (nếu có). Sau khi bù trừ nếu số thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng."

Đề nghị sửa đổi như sau:

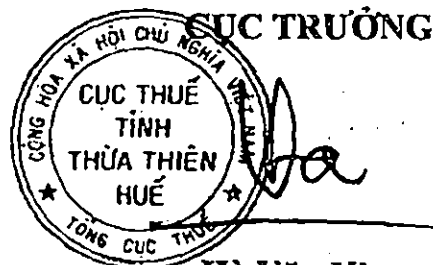
"2. Cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư (dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng) theo quy định của pháp luật đầu tư (bao gồm cả dự án đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc nhiều hạng mục đầu tư, trừ trường hợp dự án đầu tư không hình thành tài sản cố định) đang trong giai đoạn đầu tư hoặc giai đoạn, hạng mục đầu tư thuộc dự án đầu tư đã có giai đoạn, hạng mục đầu tư phát sinh doanh thu hoặc dự án tìm kiếm, thăm dò, phát triển dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong giai đoạn đầu tư mà chưa được hoàn thuế thì cơ sở kinh doanh thực hiện bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện (nếu có). Sau khi bù trừ nếu số thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng."

Lý do: Thực tế trong thời gian vừa qua, phát sinh các dự án đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc nhiều hạng mục đầu tư; mỗi giai đoạn, hạng mục đầu tư đều hình thành tài sản cố định. Tuy nhiên, khi một giai đoạn, hạng mục đầu tư phát sinh doanh thu, thì các giai đoạn, hạng mục đầu tư còn lại dù vẫn đang trong giai đoạn đầu tư nhưng không được thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng. Việc quy định cụ thể hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư trong trường hợp này sẽ giúp người nộp thuế và cơ quan thuế thực hiện đúng, hiệu thống nhất khi triển khai áp dụng; đồng thời khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, góp phần nuôi dưỡng nguồn thu ổn định cho ngân sách nhà nước.

Vậy Cục Thuế tham gia ý kiến đối với nội dung hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) nói trên để Bộ Tài chính được rõ. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, NVDTPC.



Hà Văn Khoa

**TỔNG CỤC THUẾ**  
**CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **849** /CTQNI-NVDTPC  
V/v tham gia ý kiến về hồ sơ dự án  
Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

Quảng Ninh, ngày **24** tháng **01** năm **2024**

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Tổng Cục Thuế.

Thực hiện Văn bản số 134/TCT-CS ngày 11/01/2024 của Tổng cục Thuế; Văn bản số 119/VP.UBND-KTTC ngày 08/01/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi). Sau khi nghiên cứu dự thảo và các tài liệu kèm theo, Cục thuế tỉnh Quảng Ninh tham gia ý kiến vào Dự thảo Luật Thuế Giá trị gia tăng (sửa đổi) như sau:

**1. Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 5:**

**Điều 5. Đối tượng không chịu thuế**

**1.1. Tại khoản 1 Điều 5:**

*"1. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.*

*Các sản phẩm qua sơ chế thông thường là sản phẩm mới được làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, xay, xay bỏ vỏ, xát bỏ vỏ, tách hạt, tách cọng, cắt (bao gồm cả băm dăm gỗ), ướp muối, bảo quản lạnh (ướp lạnh, đông lạnh), bảo quản bằng khí sunfuro, bảo quản theo phương thức cho hóa chất để tránh thối rữa, ngâm trong dung dịch lưu huỳnh hoặc ngâm trong dung dịch bảo quản khác và các hình thức bảo quản thông thường khác.*

*Doanh nghiệp, hợp tác xã mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường để bán hoặc để sơ chế thông thường (đối với sản phẩm chưa sơ chế) sau đó bán ra cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp bán cho đối tượng khác thì phải kê khai, tính nộp thuế GTGT."*

\* Lý do:

- Luật hóa khái niệm về sơ chế thông thường đã được quy định và thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật. Đồng thời bổ sung rõ thống nhất dăm gỗ là sản phẩm cây trồng, rừng trồng chỉ qua sơ chế thông thường (do sản phẩm này chỉ qua khâu tách vỏ gỗ và băm, cắt thành lát mỏng, chưa chế biến thành sản phẩm khác).

- Quy định rõ cả trường hợp mua sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt về sơ chế bán ra cũng thuộc trường hợp không phải khai và nộp thuế (tránh hiểu nhầm chỉ áp dụng quy định trên trong khâu thương mại).

=> Khắc phục vướng mắc hiện nay về hoàn thuế xuất khẩu dăm gỗ do mặt hàng dăm gỗ đang được xếp vào sản phẩm đã qua chế biến thành sản phẩm khác (nhóm mặt hàng chịu thuế 10%).

- Bổ sung "Trường hợp bán cho đối tượng khác thì phải kê khai, tính nộp thuế GTGT" để phân định rõ trường hợp phải khai, tính nộp thuế, tránh có các cách hiểu khác nhau khi áp dụng văn bản Luật.

#### 1.2. Tại khoản 4 Điều 5:

*"4. Sản phẩm là thức ăn chăn nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thức ăn thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản."*

\* Lý do: Thống nhất cách hiểu chi theo loại sản phẩm, không theo mục đích sử dụng.

#### 1.3. Tại khoản 12 Điều 5:

*"12. Hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo (chiếm từ 50% tổng số vốn sử dụng cho công trình trở lên) đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội."*

\* Lý do: Bỏ từ "Hoạt động" do đối tượng chịu thuế/ không chịu thuế là theo loại hàng hóa, dịch vụ, không theo hoạt động.

#### 1.4. Tại khoản 13 Điều 5:

*"13. Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật. Trường hợp các cơ sở dạy học các cấp từ mầm non đến trung học phổ thông có thu tiền ăn, tiền vận chuyển đưa đón học sinh và các khoản thu khác dưới hình thức thu hộ, chi hộ thì tiền ăn, tiền vận chuyển đưa đón học sinh và các khoản thu hộ, chi hộ này cũng thuộc đối tượng không chịu thuế"*.

\* Lý do: Luật hóa quy định hiện hành mới chỉ hướng dẫn ở Thông tư.

#### 1.5. Tại khoản 25 Điều 5:

*"25. Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm năm mươi triệu đồng trở xuống; tài sản của tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng bán ra; hàng dự trữ quốc gia do cơ quan dự trữ quốc gia bán ra; các hoạt động, dịch vụ thu phí, lệ phí theo pháp luật về phí và lệ phí."*

\* Lý do: Bỏ từ "Các hoạt động" do đối tượng chịu thuế/ không chịu thuế là theo loại hàng hóa, dịch vụ, không theo hoạt động.

#### 2. Đề nghị bổ sung tại điểm c khoản 1 Điều 7:

Điều 7. Giá tính thuế

" c) Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, biếu, tặng cho, trả thay lương là giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.

Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng không (0).

**Cơ sở kinh doanh không phải kê khai, tính thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng nội bộ"**

\* Lý do: Để thống nhất và đơn giản việc khai thuế trong trường hợp tiêu dùng nội bộ.

### 3. Đề nghị bổ sung khoản 3 Điều 8:

#### Điều 8. Thời điểm xác định thuế GTGT

"3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể về thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng đối với một số trường hợp đặc thù: Xuất khẩu, dịch vụ viễn thông, dịch vụ kinh doanh bảo hiểm, hoạt động cung cấp điện, hoạt động sản xuất điện, nước sạch, hoạt động kinh doanh bất động sản; hoạt động xây dựng, lắp đặt và một số trường hợp đặc thù khác."

\* Lý do: Bổ sung thêm trường hợp đặc thù cần được quy định cụ thể gồm: xuất khẩu, dịch vụ kinh doanh bảo hiểm, hoạt động sản xuất điện. Trong đó cần hướng dẫn rõ thời điểm tính thuế GTGT đối với doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất điện có được bù giá bán điện khoản chênh lệch tỷ giá là thời điểm ghi nhận doanh thu kỳ bán điện/ hay thời điểm có hướng dẫn thanh toán của Bộ Công thương? Nếu là thời điểm ghi nhận doanh thu kỳ bán điện thì cần có quy định hồ sơ để giải quyết những vướng mắc còn tồn tại hiện nay đối với hoạt động bán điện cho EVN.

### 4. Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

#### Điều 9. Thuế suất

##### 4.1. Tại khoản 1 Điều 9:

"1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 của Luật này khi xuất khẩu, trừ các trường hợp sau đây: Chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài; Dịch vụ tài bảo hiểm ra nước ngoài; Dịch vụ cấp tín dụng; Chuyển nhượng vốn; Dịch vụ tài chính phái sinh; Dịch vụ bưu chính, viễn thông; Sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật này; Thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu; Sản phẩm, dịch vụ cung cấp trên nền tảng số theo quy định của Chính phủ; Xăng, dầu mua tại nội địa bán cho xe ô tô của cơ sở kinh doanh trong khu phi thuế quan; Xe ô tô bán cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho cá nhân không đăng ký kinh doanh trong khu phi thuế quan.

a) Hàng hóa xuất khẩu gồm: hàng hóa, được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người

nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh; hàng hóa đã bán tại cửa hàng miễn thuế; hàng hóa cung cấp cho khách hàng nước ngoài khác theo quy định của Chính phủ. Trừ các trường hợp sau đây: Sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật này; Thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu; Sản phẩm, dịch vụ cung cấp trên nền tảng số theo quy định của Chính phủ; Xăng, dầu mua tại nội địa bán cho xe ô tô của cơ sở kinh doanh trong khu phi thuế quan; Xe ô tô bán cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan.

b) ~~Dịch vụ xuất khẩu là dịch vụ cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài~~, gồm: Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải được sử dụng ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; Dịch vụ vận tải quốc tế; Dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế hoặc thông qua đại lý.

Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục, hồ sơ và điều kiện áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu quy định tại khoản này."

\* Lý do:

- Kết cấu lại quy định do:

+ Hàng hóa xuất khẩu áp dụng đối với tất cả các trường hợp hàng hóa xuất khẩu, chi loại trừ một số trường hợp đặc biệt.

+ Dịch vụ xuất khẩu chỉ áp dụng với các dịch vụ cụ thể quy định tại điểm b, vì vậy phải quy định rõ như trên để tránh việc hiểu nhầm là tất cả dịch vụ xuất khẩu vẫn được áp dụng thuế suất 0% chỉ trừ một số trường hợp đặc biệt và điểm b chỉ là phần giải thích rõ thêm một số dịch vụ xuất khẩu.

- Điểm b bỏ đoạn "là dịch vụ cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài", do: Vận tải quốc tế còn áp dụng đối với trường hợp bên Việt Nam thuê tàu của các hãng tàu nước ngoài và ngược lại, hoặc bên Việt Nam thuê tàu của hãng tàu Việt Nam để thực hiện vận tải quốc tế (Bao gồm cả chặng ở Việt Nam và chặng ở nước ngoài).

- Điểm b bổ sung "hoặc thông qua đại lý" để Luật hóa các quy định đang được thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

#### 4.2. Tại khoản 5 Điều 9:

~~"5. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, được liệt kê áp dụng thuế suất giá trị gia tăng theo mức thuế suất quy định cho sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản.~~

Phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu được thu hồi để tái chế, sử dụng lại khi bán ra áp dụng mức thuế suất theo thuế suất của mặt hàng phát sinh phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu bán ra."

\* Lý do:

- Bỏ ý đầu tại khoản 5 do thuế suất thuế GTGT quy định theo nhóm mặt hàng không quy định theo mục đích sử dụng, vì vậy quy định thêm nội dung trên là không cần thiết.

- Làm rõ hơn cách hiểu phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu.

### 5. Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 12:

#### Điều 12. Phương pháp tính trực tiếp

##### 5.1. Tại khoản 2 Điều 12:

"2. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng theo doanh thu bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu áp dụng như sau:

##### a) Đối tượng áp dụng:

- Doanh nghiệp, hợp tác xã có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu một tỷ đồng, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật này.

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh."

##### 5.2. Tại khoản 3 Điều 12:

"3. ~~Hoạt động kinh doanh~~, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khoán thuế quy định tại Luật quản lý thuế."

##### \* Lý do:

- Bỏ từ "Hoạt động kinh doanh" để không gây khó hiểu, do theo Luật Quản lý thuế thì phương pháp khoán thuế chỉ được áp dụng cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (không có trường hợp nào khác).

- Bổ sung từ "hộ kinh doanh" để thống nhất với sử dụng từ trong Luật Quản lý thuế.

### 6. Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

#### Điều 13. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.

##### 6.1. Tại điểm đ khoản 1 Điều 13:

"đ) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn để trong kho. ... tại trụ sở người nộp thuế."

\* Lý do: Bổ sung để tránh hiểu nhầm trường hợp phát sinh trong tháng là trường hợp hàng hóa dịch vụ đã được đưa vào sử dụng trong tháng đó, đồng thời để Luật hóa các quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

##### 6.2. Tại điểm e khoản 1 Điều 13:

"e) Đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp



*hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định; đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào đủ điều kiện khấu trừ nhưng không được hoàn thuế cơ sở kinh doanh được khấu trừ hoặc hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định, trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị từ năm triệu đồng trở lên không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt."*

\* Lý do: Số thuế giá trị gia tăng (GTGT) đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho hoạt động đầu tư đủ điều kiện khấu trừ nhưng không đủ điều kiện xét hoàn thuế theo quy định thì số thuế GTGT này phải thực hiện chuyển khấu trừ. Tuy nhiên, thực tế một số doanh nghiệp chủ yếu hoạt động kinh doanh hàng hóa xuất khẩu, doanh thu bán nội địa chiếm tỷ trọng nhỏ nên không phát sinh thuế GTGT đầu ra/ thuế GTGT đầu ra phát sinh rất ít dẫn đến doanh nghiệp phải bù trừ trong khoảng thời gian dài vẫn không hết số thuế GTGT còn được khấu trừ, điều này gây khó khăn trong việc cân đối vốn của doanh nghiệp. Vì vậy, cần thiết phải bổ sung quy định nêu trên.

### **6.3. Tại điểm b khoản 2 Điều 13:**

*"b) Khi thanh toán có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới năm triệu đồng. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định các trường hợp được coi là thanh toán không dùng tiền mặt."*

*Trường hợp đã khai khấu trừ khi chưa thanh toán, cơ sở kinh doanh không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đã được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng vào kỳ tính thuế phát sinh việc thanh toán bằng tiền mặt."*

\* Lý do: Tránh hiểu nhầm chỉ được khấu trừ khi đã thanh toán với người bán (tránh việc không đồng nhất với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 13 "Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó", đồng thời để Luật hóa các quy định đang thực hiện ổn định tại văn bản dưới Luật.

### **6.4. Tại điểm c khoản 2 Điều 13:**

*"c) Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải có: hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ; hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu; phiếu đóng gói, vận đơn, chứng từ bảo hiểm hàng hóa."*

\* Lý do: Đối với trường hợp xuất khẩu theo điều khoản FOB sẽ không có vận đơn và không có chứng từ bảo hiểm; hồ sơ chứng minh hàng hóa đã thực xuất khẩu căn cứ theo Hồ sơ khai hải quan (đã được quan chuyên ngành là Hải quan kiểm soát và xác nhận), không nên quy định thêm các giấy tờ, thủ tục làm tăng thủ tục hành chính cho NNT và tăng khối lượng công việc cho công chức thuế.

## 7. Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 14 như sau:

### Điều 14. Các trường hợp hoàn thuế

#### 7.1. Tại khoản 1 Điều 14:

*"1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.*

*Cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% và không có hoạt động sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ thuộc nhóm chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% (trừ hoạt động tạo thu nhập khác theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp sau: cho thuê tài sản, chuyển nhượng tài sản, thanh lý tài sản) nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý thì được hoàn thuế giá trị gia tăng."*

\* Lý do: Bổ sung để không bị hiểu là không đủ điều kiện hoàn thuế khi doanh nghiệp có cả các hoạt động không chịu thuế GTGT, hoạt động chịu thuế suất 0% và hoạt động không phải kê khai, tính thuế GTGT. Đồng thời vẫn đủ điều kiện hoàn thuế nếu có một số hoạt động tạo thu nhập khác (cho thuê tài sản, chuyển nhượng tài sản, thanh lý tài sản).

#### 7.2. Tại khoản 2 Điều 14:

*Trường hợp dự án đầu tư đã hoàn thành (bao gồm cả dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn, hạng mục đầu tư có giai đoạn, hạng mục đầu tư đã hoàn thành) nhưng cơ sở kinh doanh chưa thực hiện hoàn thuế còn số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ phát sinh trong giai đoạn đầu tư (hạng mục đầu tư, giai đoạn đầu tư đã hoàn thành) thì cơ sở kinh doanh được tiếp tục kê khai số thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư thực hiện kê khai để nghị hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định trong thời hạn 01 năm kể từ ngày dự án đầu tư hoặc ngày giai đoạn đầu tư, hạng mục đầu tư hoàn thành.*

*Ngày dự án đầu tư hoàn thành là ngày phát sinh doanh thu (không bao gồm doanh thu từ hoạt động chạy thử và thu nhập khác) của dự án đầu tư hoặc ngày phát sinh doanh thu của hạng mục, giai đoạn đầu tư (đối với dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn, hạng mục đầu tư) không phụ thuộc vào thời hạn phải hoàn thành dự án theo quy định của pháp luật đầu tư và các pháp luật khác có liên quan, kể cả thời điểm phát sinh chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh."*

\* Lý do: Giải quyết vướng mắc trong thực tế là sau khi dự án phát sinh doanh thu vẫn có những hóa đơn của chi phí đầu tư chưa được tập hợp đầy đủ để đề nghị xét hoàn thuế; Làm rõ nội dung "thời hạn 01 năm kể từ ngày dự án đầu tư hoặc ngày giai đoạn đầu tư, hạng mục đầu tư hoàn thành trong quy định sau", tránh hiểu nhầm giữa thời điểm khai chi tiêu hoàn thuế và thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế; thực tiễn khi thực hiện dự án sẽ có phát sinh 1 số loại doanh thu

trước khi đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, ví dụ: Hoạt động chạy thử, thanh lý tài sản, phế liệu,...; tránh xảy ra xung đột với Luật đầu tư và các pháp luật khác (nếu có) về thời điểm xác định dự án phải hoàn thành khi thực hiện xét hoàn thuế và nhiều dự án đầu tư đã kết thúc giai đoạn đầu tư, đã đi vào hoạt động, chưa phát sinh doanh thu nhưng đã phát sinh chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

### 7.3. Tại khoản 3 Điều 14:

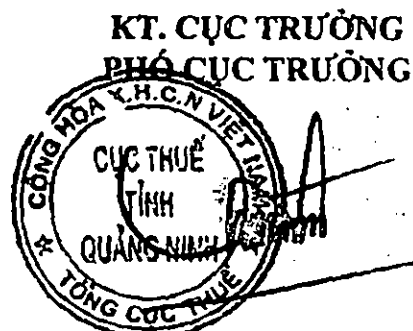
*"3. Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo .... Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được hoàn theo quy định tại khoản này xác định bằng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhân (x) với 10% nhưng không vượt quá số thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết của cơ sở kinh doanh. Trường hợp cơ sở kinh doanh vừa có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa nếu sau khi bù trừ với số thuế phải nộp (nếu có), số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế (số thuế này bao gồm cả số thuế GTGT đầu vào của hoạt động đầu tư, xây dựng, tài sản cố định nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chung trong đó có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu).*

\* Lý do: Để tránh hiểu nhầm chỉ xét hoàn thuế GTGT đối với số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa hoặc nguyên vật liệu để sản xuất hàng xuất khẩu, không xét hoàn thuế đối với đầu vào của tài sản cố định và các chi phí khác. Đồng thời để Luật hóa những hướng dẫn đã thực hiện ổn định theo các công văn hướng dẫn của TCT.

Về các nội dung khác, Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh nhất trí với dự thảo. Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh xin báo cáo Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, NVDTPC.  
(NTDuy)



Nguyễn Thị Minh

Số: 291 /STC-NS

Trà Vinh, ngày 01 tháng 02 năm 2024

V/v góp ý hồ sơ dự án Luật thuế  
giá trị gia tăng (sửa đổi)

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi);

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 144/UBND-KT ngày 10/01/2024 về việc góp ý hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Qua nghiên cứu nội dung hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) và trên cơ sở tổng hợp ý kiến của Cục Thuế tỉnh (đính kèm Công văn số 422/CTTVI-TTHT ngày 24/01/2024 của Cục Thuế tỉnh Trà Vinh), Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh có ý kiến đóng góp như sau:

- Tại khoản 2 Điều 9 dự thảo Luật quy định về mức thuế suất: Đề nghị xem xét, bổ sung như sau:

*"2. Mức thuế suất 5% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ sau đây:*

***Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp và sản phẩm chưa qua chế biến quy định tại khoản này".***

Lý do: Do quy trình sơ chế hoặc chế biến từng sản phẩm khác nhau, trong thực tế đối với sản phẩm qua sơ chế hoặc chế biến khó phân biệt, dẫn đến người nộp thuế và cơ quan thuế khó xác định thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% hoặc 10% (tương tự như hướng dẫn tại Công văn số 7062/BTC-TCT ngày 29/5/2014 của Bộ Tài chính về việc thuế giá trị gia tăng đối với sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản).

- Tại điểm h khoản 1 Điều 7 dự thảo Luật quy định về giá tính thuế đối với hoạt động kinh doanh bất động sản: Đề nghị xem xét, bổ sung giá đất được trừ đối với trường hợp doanh nghiệp tư nhân nhận quyền sử dụng đất vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp từ hoạt động tăng vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân để xác định giá tính thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản của doanh nghiệp.

Lý do: Theo dự thảo của Luật, Nghị định không đề cập giá đất được trừ đối với trường hợp tăng vốn đầu tư, thực tế trong thời gian qua doanh nghiệp tư nhân chuyển nhượng cửa hàng xăng dầu, nhưng không xác định giá đất được trừ khi tính thuế giá trị gia tăng, do nguồn gốc đất là của chủ doanh nghiệp tư nhân.

Theo khoản 4 Điều 188 và khoản 3 Điều 189 Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020 thì doanh nghiệp tư nhân không được quyền góp vốn và trong quá trình hoạt động, chủ doanh nghiệp tư nhân có quyền tăng hoặc giảm vốn; đồng thời tại Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP cũng không quy định trường hợp này.

- Đề nghị xem xét, bổ sung tại điểm đ khoản 1 Điều 13 của dự thảo Luật về khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau:

*“đ) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh 2 phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai, sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện sót trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế. Trường hợp cơ quan thuế đã có kết luận kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế thì thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế”.*

Lý do: Thực tế doanh nghiệp bỏ sót hóa đơn đầu vào sau khi cơ quan thuế đã có kết luận sau thanh tra thuế.

- Đề nghị xem xét, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 14 của dự thảo Luật về các trường hợp hoàn thuế như sau:

*“1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.*

*Cơ sở kinh doanh chi sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý thì được hoàn thuế giá trị gia tăng. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào được hoàn và không được hoàn; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được hoàn tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra không hạch toán riêng được”.*

Lý do: Thực tế cơ sở kinh doanh sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%, 10% và không chịu thuế giá trị gia tăng.

“2...

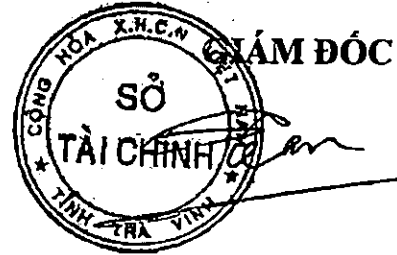
*Ngày dự án đầu tư hoàn thành là ngày phát sinh doanh thu của dự án đầu tư (trừ các khoản doanh thu từ thanh lý, bán sản phẩm thử nghiệm, lãi tiền gửi, lãi cho vay và các khoản không liên quan đến doanh thu của dự án) hoặc ngày phát sinh doanh thu của hạng mục, giai đoạn đầu tư (đối với dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn, hạng mục đầu tư)”.*

Lý do: Thực tế trong thời gian thực hiện dự án đầu tư doanh nghiệp sẽ phát sinh doanh thu khác ngoài doanh thu từ dự án đầu tư.

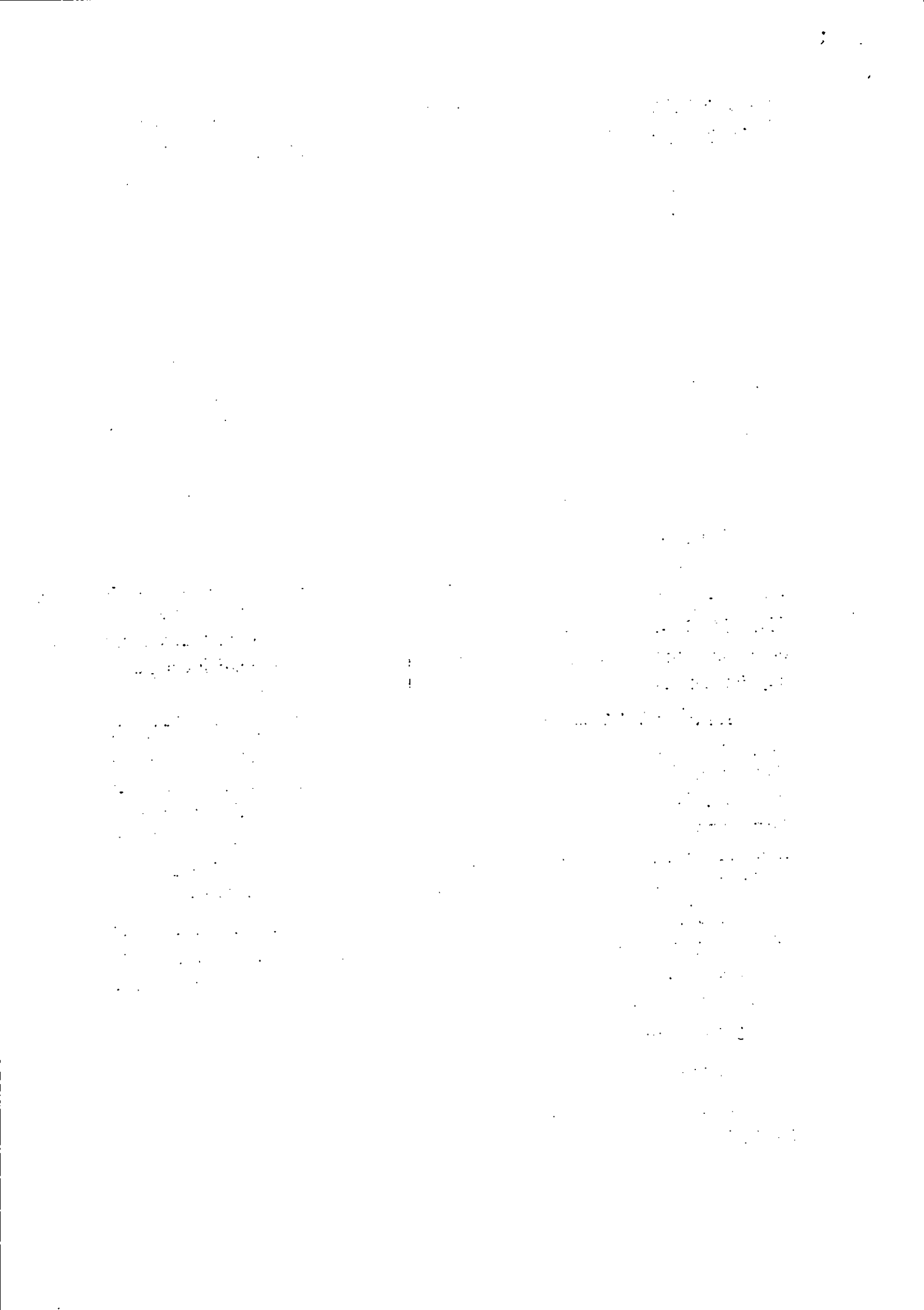
Trên đây là ý kiến đóng góp về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); Sở Tài chính tỉnh Trà Vinh báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban Giám đốc STC;
- Lưu: VT, NS.



**Tiêu Thanh Tân**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 261 /UBND-KT

V/v góp ý dự án Luật Thuế  
giá trị gia tăng (sửa đổi)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 01 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang nhận được Công văn số 127/BTC-CST ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) với nội dung đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang góp ý đối với hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) (GTGT).

Sau khi ra soát, nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến như sau:

**1. Về Tờ trình dự án Luật:**

Tại dấu (+) thứ hai trang 14: Bỏ đối tượng không chịu thuế là phương tiện đường thủy nội địa. Lý do: Theo mục đích, quan điểm xây dựng dự án Luật Thuế GTGT (sửa đổi) là luật hóa các quy định đã thực hiện ổn định tại văn bản dưới luật, nhưng tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP cũng chưa quy định đối tượng không chịu thuế là phương tiện đường thủy nội địa.

Tại dấu (-) thứ hai điểm 2.5 Mục IV, về khấu trừ thuế GTGT đầu vào trang 18: Bỏ chữ "không", giữ nguyên nội dung phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng, bỏ đoạn "thành mức dưới 05 triệu đồng". Lý do: Để phù hợp với điểm b khoản 1 Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH13, đã được sửa đổi tại khoản 5 Điều 1 Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tại dấu (-) thứ ba điểm 2.5 về khấu trừ thuế GTGT đầu vào trang 18: Bỏ "Phiếu đóng gói" vì tăng thêm thủ tục cho doanh nghiệp và bỏ "chứng từ bảo hiểm hàng hóa" do không có quy định tại các văn bản pháp luật về bắt buộc phải có bảo hiểm hàng hóa.

**2. Về dự thảo Luật:**

Tại khoản 16 Điều 5: Bỏ "phương tiện đường thủy nội địa".

Tại khổ cuối khoản 1 Điều 12. Phương pháp tính trực tiếp bỏ cụm từ "trên giá trị gia tăng".





Tại điểm e khoản 1 Điều 13 Khấu trừ thuế GTGT đầu vào: Đề xuất sửa đoạn "... trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị từ năm triệu đồng" thành "trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị từ hai mươi triệu đồng".

Tại điểm b khoản 2 Điều 13: Đề xuất sửa đoạn "có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới hai mươi năm triệu đồng" thành "có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng".

Tại điểm c khoản 2 Điều 13: Bỏ "Phiếu đóng gói" và "chứng từ bảo hiểm hàng hóa".

Trên đây là ý kiến đóng góp đối với hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. *T.Đh*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P KT;
- Lưu: VT, nvphuong.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thanh Nhân**

**TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 982 /CTQNA-NVDTPC  
V/v tham gia ý kiến về hồ sơ dự án Luật  
thuế giá trị gia tăng sửa đổi

Quảng Nam, ngày 31 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Nam tại Công văn số 153/UBND-KTTH ngày 08/01/2024 về việc góp ý về hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Qua nghiên cứu, lấy ý kiến các đơn vị có liên quan, Cục Thuế cơ bản thống nhất với dự thảo và tham gia một số nội dung như sau:

**1. Tại Điều 12 dự thảo Luật quy định:**

*“1. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng giá trị gia tăng nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý.*

*Giá trị gia tăng của vàng, bạc, đá quý được xác định bằng giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra trừ giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào tương ứng.”*

Cục Thuế đề nghị: áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo tỷ lệ % trên doanh thu đối với doanh nghiệp có hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý.

Đồng thời quy định mức tỷ lệ (%) trên doanh thu riêng đối với hoạt động kinh doanh mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý (không áp dụng tỷ lệ của các hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ).

Lý do: hiện nay mặt hàng vàng, bạc, đá quý là loại hàng hóa đặc biệt vừa là hàng hóa, vừa là phương tiện thanh toán; rất khó kiểm soát giá. Các giao dịch mua bán vàng bạc, đá quý thường là các giao dịch nhỏ lẻ, không có đủ hóa đơn, chứng từ đầu vào.

Đồng thời giá trị gia tăng của vàng, bạc, đá quý giữa giá thanh toán bán ra với giá thanh toán mua vào tại một thời điểm mức chênh lệch không cao.

Vì vậy, áp dụng phương pháp trực tiếp trên GTGT thì khó quản lý, dẫn đến thất thu NSNN

**2. Tại điểm đ khoản 1 Điều 13 dự thảo Luật quy định:**

*“Điều 13. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào*

*1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau:*

...

d) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai, sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện sót bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.”

Tuy nhiên, tại Điều 47 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 quy định:

**“Điều 47. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế**

1. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra.

...

3. Sau khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành kết luận, quyết định xử lý về thuế sau thanh tra, kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế thì việc khai bổ sung hồ sơ khai thuế được quy định như sau:

...

b) Trường hợp người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế có sai, sót nếu khai bổ sung làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc làm tăng số tiền thuế được khấu trừ, tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn thì thực hiện theo quy định về giải quyết khiếu nại về thuế.”

- Cục Thuế đề nghị:

+ Cần xem xét, làm rõ nội dung tại dự thảo Luật thuế GTGT có mâu thuẫn với nội dung tại Luật quản lý thuế về việc hồ sơ khai thuế bị sót được khai lên tờ khai chính thức hay khai bổ sung.

+ Cần làm rõ “kỳ phát hiện sót” là kỳ nào

- Lý do:

+ Cụm từ “kỳ phát hiện sót” chưa rõ nghĩa có thể được hiểu khác nhau, kỳ phát hiện sót là thời điểm phát hiện sót, cũng có thể hiểu là kỳ có sót.

+ Luật Quản lý thuế quy định về hồ sơ khai thuế bị sai và sót thì được xử lý như nhau là khai bổ sung; tuy nhiên dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi) quy định đối với hồ sơ khai thuế bị sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện sai sót. Theo quy định tại dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi) thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện sót; theo quy định tại Luật quản lý thuế thì hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế.

3. Tại điểm e khoản 1 Điều 13 dự thảo Luật quy định:

“e) Đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc

tính vào nguyên giá của tài sản cố định, trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị từ năm triệu đồng trở lên không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.”

- Cục Thuế đề nghị: Bổ sung cụm từ “của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho hoạt động SXKD”.

“e) Đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho hoạt động SXKD không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định, trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị từ năm triệu đồng trở lên không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.”

- Lý do: phù hợp với Luật thuế TNDN, đối với hàng hóa, dịch vụ không sử dụng cho hoạt động SXKD thì không được tính vào chi phí tính thuế.

#### 4. Tại khoản 2 Điều 14 dự thảo Luật quy định:

“... ”

*Trường hợp dự án đầu tư đã hoàn thành (bao gồm cả dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn, hạng mục đầu tư có giai đoạn, hạng mục đầu tư đã hoàn thành) nhưng cơ sở kinh doanh chưa thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng phát sinh trong giai đoạn đầu tư (hạng mục đầu tư, giai đoạn đầu tư đã hoàn thành) thì cơ sở kinh doanh thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định trong thời hạn 01 năm kể từ ngày dự án đầu tư hoặc ngày giai đoạn đầu tư, hạng mục đầu tư hoàn thành.*

*Ngày dự án đầu tư hoàn thành là ngày phát sinh doanh thu của dự án đầu tư hoặc ngày phát sinh doanh thu của hạng mục, giai đoạn đầu tư (đối với dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn, hạng mục đầu tư).*

*Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp:*

“... ”

- Cục thuế đề nghị: trường hợp quá thời hạn 01 năm kể từ ngày dự án đầu tư hoặc ngày giai đoạn đầu tư, hạng mục đầu tư hoàn thành mà cơ sở kinh doanh chưa thực hiện hoàn thuế GTGT thì có được khấu trừ không hay không được hoàn thuế, do tại nội dung quy định cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo không quy định cho trường hợp này. Để chặt chẽ quy định, đề nghị bổ sung thêm hoặc nói rõ hơn nội dung này.

#### 5. Tại khoản 2 Điều 14 dự thảo Luật quy định:

“... ”

Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp:

a) Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ~~không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký~~; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động, trừ các trường hợp sau:

..."

Tại khoản 6 Điều 40 Luật đầu tư năm 2020 quy định:

"Điều 40. Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

..."

6. Vốn đầu tư của dự án đầu tư (gồm vốn góp của nhà đầu tư và vốn huy động).

..."

Như vậy, vốn đầu tư của dự án đầu tư bao gồm vốn góp của nhà đầu tư và vốn huy động được ghi vào Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Dự thảo Luật thuế GTGT bỏ quy định không hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký. Tuy nhiên, không quy định ràng buộc về vốn góp để thực hiện dự án.

- Cục Thuế đề nghị: quy định về việc không hoàn thuế nếu không góp đủ vốn góp để thực hiện dự án.

- Lý do: doanh nghiệp hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư thì phải đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Luật Đầu tư và các Luật có liên quan, doanh nghiệp góp đủ vốn góp để thực hiện dự án thì chưa đảm bảo về năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư

Cục Thuế thay UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính. / *Nguyễn Xuân*

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh đề b/c;
- Lưu: VT, NVDTPC.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Việt Xuân**

**TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 285/CTBDI-NVDTPC  
V/v tham gia ý kiến xây dựng hồ sơ dự  
án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Bình Định, ngày 23 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

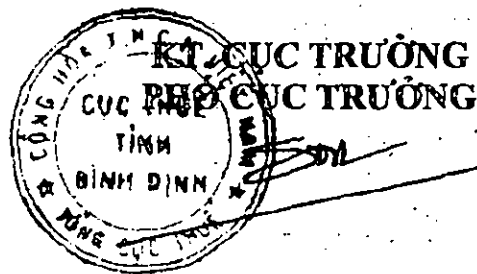
Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Bình Định tại Công văn số 177/UBND-TH ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc tham gia ý kiến xây dựng hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi). Theo đó, UBND tỉnh Bình Định giao cho Cục Thuế tỉnh chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham gia ý kiến xây dựng hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) theo yêu cầu của Bộ Tài chính tại Công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 và có văn bản báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

Qua nghiên cứu hồ sơ dự án Luật thuế Giá trị gia tăng (sửa đổi) và tổng hợp các ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị có liên quan, Cục Thuế tỉnh Bình Định thống nhất với hồ sơ dự án Luật thuế Giá trị gia tăng (sửa đổi) (gồm: Tờ trình dự án Luật thuế Giá trị gia tăng (sửa đổi); Dự thảo Luật thuế Giá trị gia tăng (sửa đổi) và Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật thuế Giá trị gia tăng (sửa đổi)).

Cục Thuế tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, NVDTPC.



**Nguyễn Ngọc Sơn**

1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions.

2. It is essential to ensure that all entries are supported by appropriate documentation and receipts.

3. Regular audits should be conducted to verify the accuracy of the records and to identify any discrepancies.

4. The second part of the document outlines the procedures for handling disputes and resolving conflicts.

5. It is important to establish clear communication channels and to resolve issues promptly and fairly.

6. The third part of the document provides information on the various services and products offered by the organization.

7. These services are designed to meet the needs of our customers and to provide them with the highest quality of care.

8. We are committed to continuous improvement and to staying up-to-date with the latest industry trends.

9. The fourth part of the document contains a list of contact information for our various departments.

10. Please do not hesitate to reach out to us if you have any questions or need further assistance.

11. We are grateful for your business and look forward to serving you in the future.

12. Thank you for your attention and for choosing our organization.

13. Sincerely,  
[Signature]

**UBND TỈNH NINH THUẬN  
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 347 /STC-GCSĐT

Ninh Thuận, ngày 24 tháng 01 năm 2024

V/v góp ý dự thảo về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Kính gửi: Bộ Tài chính.

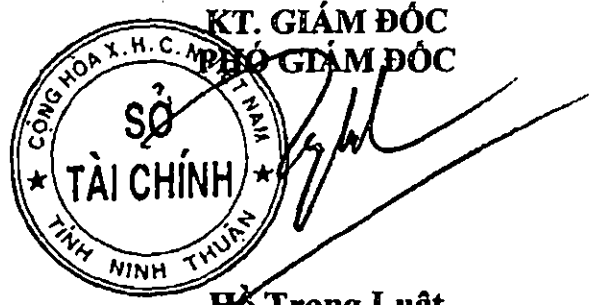
Thực hiện công văn số 127/BTC-CST ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại văn bản số 155/VPUB-KTTH ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện các văn bản lĩnh vực tài chính.

Sau khi nghiên cứu nội dung dự thảo, Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận thống nhất theo nội dung và bố cục của dự thảo Tờ trình Dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); Dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật thuế giá trị gia tăng; Báo cáo đánh giá tác động Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); Báo cáo rà soát Luật thuế giá trị gia tăng với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Trên đây là nội dung góp ý của Sở Tài chính, kính báo cáo Bộ Tài chính./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c)
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Lưu: VT, GCSĐT. HUS





UBND TỈNH HÀ NAM  
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 43 /STC-QLNS  
V/v tham gia ý kiến về hồ sơ dự án  
Luật thuế GTGT (sửa đổi)

Hà Nam, ngày 10 tháng 01 năm 2024

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số:.....3929...HĐT
Ngày:	12-01-2024
Chuyên:	Cue, CST.....
Số và ký hiệu HS:	.....

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ Văn bản số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi),

Căn cứ Văn bản số 95/VPUB-KT ngày 08/01/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc tham gia ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Sau khi nghiên cứu nội dung hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) và các văn bản quy định hiện hành, Sở Tài chính tỉnh Hà Nam nhất trí với nội dung của hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Chính phủ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, QLNS.

**GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Anh Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 134 /UBND-KT

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 01 năm 2024

V/v tham gia ý kiến hồ sơ dự  
án Luật thuế giá trị gia tăng  
(sửa đổi)

BỘ TÀI CHÍNH	
EÊN	Số: <u>9281</u> - <u>BĐT</u>
Ngày:	<u>29</u> - <u>01</u> - 2024
Chuyên:	<u>Cục QL. KS. CST</u>
Số và ký hiệu HS:	.....

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); sau khi nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn hoàn toàn nhất trí với hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn trân trọng báo cáo Bộ Tài chính./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TC, KHĐT, TP;
- Cục Thuế tỉnh;
- C, PCVP UBND tỉnh, phòng Kinh tế, Trung tâm Thông tin;
- Lưu VT, KT(MTH).



**TL. CHỦ TỊCH  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Dương Văn Chiêu**

1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions. It emphasizes that this is crucial for ensuring the integrity of the financial data and for facilitating the audit process.

2. The second part of the document outlines the specific procedures that should be followed when recording transactions. It details the steps from the initial receipt of the transaction to the final entry in the accounting system.

3. The third part of the document provides a detailed explanation of the various types of transactions that may be encountered and how they should be classified and recorded. This includes both routine transactions and more complex, non-routine items.

4. The fourth part of the document discusses the importance of regular reconciliation of the accounts. It explains how this process helps to identify and correct errors in a timely manner, thereby ensuring the accuracy of the financial statements.

5. The fifth part of the document concludes by summarizing the key points discussed and reiterating the importance of adherence to the established procedures and standards.



6. The sixth part of the document discusses the importance of maintaining proper documentation for all transactions. It highlights the need for clear, legible records that can be easily accessed and reviewed.

7. The seventh part of the document provides a detailed explanation of the various types of documentation that should be maintained, including receipts, invoices, and contracts. It also discusses the importance of retaining these documents for a sufficient period of time.

8. The eighth part of the document discusses the importance of regular communication and reporting. It explains how this helps to ensure that all parties involved are kept up-to-date on the financial status and any potential issues.

9. The ninth part of the document concludes by summarizing the key points discussed and reiterating the importance of adherence to the established procedures and standards.



Ký bởi: Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên  
Cơ quan: Bộ Tài chính  
Thời gian ký: 29/01/2024  
08:56:52 +07:00

**TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 416 /CTTNG-NVDTPC  
V/v tham gia ý kiến về hồ sơ dự án  
Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi). Ngày 10/01/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Công văn số 124/UBND-KT giao Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

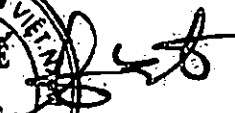
Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên đã tổ chức nghiên cứu, lấy ý kiến tham gia của các đơn vị về hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) (Tờ trình dự án luật; Dự thảo Luật; Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện luật; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách) và trên cơ sở tổng hợp các ý kiến tham gia, Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên nhất trí với hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên kính gửi Bộ Tài chính ý kiến tham gia theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Thái Nguyên (báo cáo);
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Lưu: VT, NVDTPC.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**CỤC THUẾ  
TỈNH  
THÁI NGUYÊN**

Nguyễn Thị Thuận

**UBND TỈNH SƠN LA  
SỞ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /STC-QLNS  
V/v Tham gia ý kiến vào các dự thảo  
văn bản của Bộ Tài chính

Sơn La, ngày tháng năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện các công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về xin ý kiến vào hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); công văn số 445/BTC-TCHQ ngày 11/01/2024 của Bộ Tài chính về xin ý kiến vào dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 178/2011/TT-BTC và chỉ đạo của UBND tỉnh tại các công văn số 209/UBND-TH ngày 15/01/2024; số 291/UBND-TH ngày 19/01/2024.

Căn cứ ý kiến tham gia của Cục thuế tỉnh và các đơn vị có liên quan, sau khi nghiên cứu, Sở Tài Chính nhất trí với dự thảo hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 178/2011/TT-BTC.

Trân trọng đề nghị Bộ Tài chính tổng hợp, ban hành./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh; (Đề b/c)
- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Lưu: VT, T.Tra, QLNS, Toàn 2 bản.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đỗ Thế Hường**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3/15 /UBND-KT

Tây Ninh, ngày 30 tháng 01 năm 2024

V/v góp ý hồ sơ dự án  
Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

Kính gửi: Bộ Tài chính.

UBND tỉnh Tây Ninh nhận được Công văn số 127/BTC-CST, ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi);

Qua nghiên cứu, UBND tỉnh Tây Ninh thống nhất các dự thảo.

UBND tỉnh Tây Ninh kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận: *Th*

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- LBVP, CVK;
- Lưu: VT.VP UBND tỉnh.

T. 23 4

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Th*  
**Dương Văn Thắng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH VINH LONG**

**Số: 652/UBND-TH**

V/v góp ý hồ sơ dự án Luật thuế  
giá trị gia tăng (sửa đổi)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vinh Long, ngày 01 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 127/BTC-CST, ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi),

Qua nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Vinh Long thống nhất với nội dung hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) đính kèm theo Công văn số 127/BTC-CST của Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh Vinh Long báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Chính**

TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 191 /CTBCA-NVDTPC

Bắc Kạn, ngày 29 tháng 01 năm 2024

V/v tham gia ý kiến về hồ sơ dự án  
Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 10531...BKT.....
Ngày:	31-01-2024
Chuyên:	Lưu...QL&GS...CST...
Số và ký hiệu HS:	.....

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Tổng cục Thuế;
- UBND tỉnh Bắc Kạn.

Thực hiện Văn bản số 127/BTC-CST ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Bộ Tài chính; Văn bản số 134/TCT-CS ngày 11/01/2024 của Tổng cục Thuế; Văn bản số 158/UBND-TH ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc tham gia ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn đã tiến hành triển khai lấy ý kiến tham gia của các Sở, ngành, địa phương và các phòng, chi cục thuế các huyện, khu vực thuộc Cục Thuế. Sau khi tổng hợp, các ý kiến đều nhất trí với nội dung dự thảo hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) và không có ý kiến khác.

Với nội dung trên, Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn báo cáo Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế và UBND tỉnh Bắc Kạn được biết.

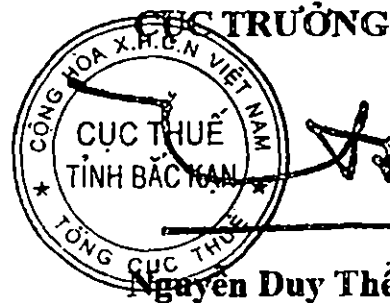
**Nơi nhận:**

Gửi bản điện tử:

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;

Gửi bản giấy:

- Lưu: VT, NVDTPC (Ha.01b).





TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH ĐỒNG THÁP

Số: 148 /CTDTH - TTHT  
V/v ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá  
trị gia tăng (sửa đổi).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ:.....11176.....	
Ngày: 31-01-2024	
Chuyên:.....Cục CST.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

Thực hiện công văn số 83/VPUBND-KT ngày 09/01/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

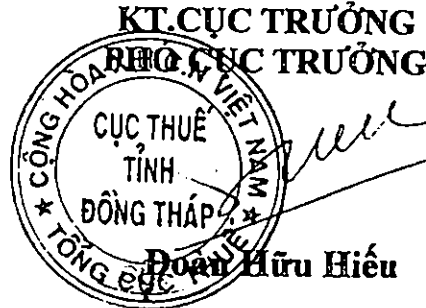
Cục Thuế tỉnh Đồng Tháp có ý kiến như sau:

Qua nghiên cứu nội dung dự thảo về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Cục Thuế tỉnh Đồng Tháp thống nhất với nội dung dự thảo.

Cục Thuế tỉnh Đồng Tháp báo cáo Bộ Tài chính. /

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND Tỉnh (báo cáo);
- BLĐ Cục;
- Lưu : VT, TTHT.



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ký bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên

Số: **475** /UBND-KT  
V/v tham gia ý kiến về hồ sơ dự án  
Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Điện Biên, ngày **30** tháng **01** năm **2024**

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Thực hiện Công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi). Sau khi nghiên cứu dự thảo và lấy ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành liên quan trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Điện Biên nhất trí với nội dung, bố cục của dự thảo Tờ trình, dự thảo hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) và không có ý kiến tham gia bổ sung.

UBND tỉnh Điện Biên kính gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Lê Thành Đô**

Số: 1861 /UBND-VP  
V/v góp ý hồ sơ dự án Luật thuế giá trị  
gia tăng (sửa đổi).

Bà Rịa-Vũng Tàu, ngày 19 tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính.

UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nhận được Công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) (*Tờ trình dự án luật, dự thảo Luật; Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện luật; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách kèm theo*). Qua nghiên cứu hồ sơ dự án và ý kiến của Cục Thuế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tại Công văn số 1213/CTBRV-NVDTPC ngày 02/02/2024; UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thống nhất với các nội dung hồ sơ đề nghị xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) và có ý kiến như sau:

**1. Điểm b, Khoản 1 Điều 13 của Dự thảo sửa đổi Luật thuế GTGT:**

**Điều 13. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào**

1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau:

b) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng.

....

**Đề nghị sửa đổi, bổ sung:**

**- Điều 13. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào**

1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau:

b) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng. (*trừ hàng hóa, dịch vụ quy định tại Khoản 19 Điều 5 của Luật này*).....

**- Lý do:** đảm bảo thống nhất thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại được khấu trừ toàn bộ (Thống nhất nội dung được quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 13 và Khoản 19 Điều 5 của dự thảo Luật này).

2. Không bỏ nội dung tại điểm n khoản 2 Điều 9 (trang 10) về mức thuế suất 5% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ “Hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục thể thao, biểu diễn nghệ thuật, sản xuất phim, nhập khẩu, phát hành và chiếu phim”.

**- Lý do:**

+ Theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND ngày 23/6/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chế độ miễn giảm tiền thuế đất đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa thể thao là một trong các hoạt động được khuyến khích xã hội hóa, do đó mức thuế suất 5% cũng là một trong những chính sách khuyến khích phù hợp với các quy định hiện hành của Chính phủ.

+ Theo điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ của quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, theo đó dịch vụ công thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật dân gian truyền thống, đào tạo, huấn luyện vận động viên, huấn luyện viên thể thao quốc gia được quy định là dịch vụ công cơ bản thiết yếu. Do đó, cần có chính sách phù hợp, khuyến khích, hỗ trợ tương ứng”.

UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu kính gửi Bộ Tài chính tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Cục Thuế tỉnh;
- Lưu: VT-TH7

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH *[Handwritten Signature]*



**Lê Ngọc Khánh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 450 /UBND-KTTH

Kon Tum, ngày 05 tháng 02 năm 2024

V/v góp ý dự thảo về hồ sơ dự  
án Luật thuế giá trị gia tăng  
(sửa đổi)

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Ủy ban nhân dân tỉnh nhận được Công văn số 127/BTC-CST ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Qua nghiên cứu, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum thống nhất nội dung dự thảo hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) gửi kèm Văn bản số 127/BTC-CST ngày 04 tháng 01 năm 2024 của Bộ Tài chính nêu trên.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum kính chuyên ý kiến đề Bộ Tài chính biết, tổng hợp. / Châu

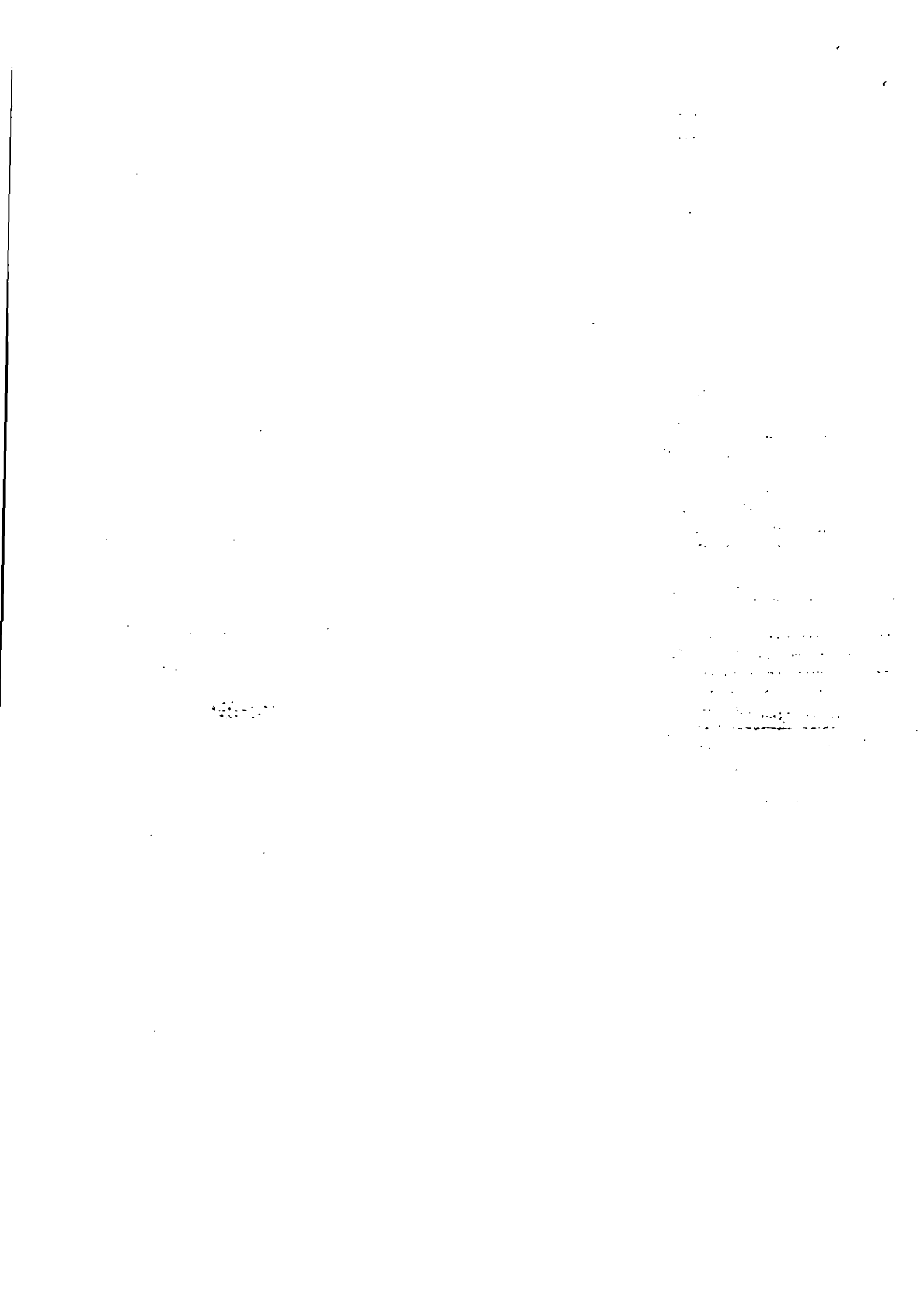
**Nơi nhận:**

- Như trên (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đ/b);
- Sở Tài chính (đ/b);
- VP UBND tỉnh: PCVP-Trà Thanh Trí (đ/b);
- Lưu: VT, KTTH.NTS

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Sâm**



**TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TP. HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 304 /CTHPH-NVDTPC  
V/v tham gia ý kiến về hồ sơ dự án  
Luật thuế GTGT (sửa đổi)

Hải Phòng, ngày 25 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG	
ĐẾN	Số: <u>4954</u> Ngày: <u>16/02/2024</u>
Chuyên:	Thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng tại công
Số và ký hiệu HS:	văn số <u>238/VP-TCNS</u> ngày <u>11/01/2024</u> , trong đó có nội dung: Giao Cục Thuế
ĐƠN VỊ	<u>Cục Thuế TP Hải Phòng</u> nghiên cứu, tham gia ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế GTGT (sửa
CT N.V.Tùng	<u>X</u> theo đề nghị của Bộ Tài chính tại công văn số <u>127/BTC-CST</u> ngày
PCT TT L.A.Quân	<u>04/01/2024</u> , dự thảo Văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố gửi Bộ Tài chính.
PCT L.K.Nam	<u>04/01/2024</u> , dự thảo Văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố gửi Bộ Tài chính.
PCT N.Đ.Thọ	Qua nghiên cứu Hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) kèm theo
PCT H.M.Cường	Công văn số <u>127/BTC-CST</u> ngày <u>04/01/2024</u> của Bộ Tài chính; Cục Thuế TP
CVP T.H.Kiên	Hải Phòng đã dự thảo Văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố gửi Bộ Tài chính
PCVP T.V.Thiên	(đính kèm công văn này) về việc tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật thuế
PCVP P.A.Tuấn	GTGT (sửa đổi).
PCVP P.H.Hoàng	Cục Thuế TP Hải Phòng báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét,
P. XDGTCT	quyết định <u>K39</u>
P. VX	
P. NNTNMT	
P. TCNS	<u>X</u>
P. NC&KTGS	
P. TH	
P. KSTTHC	
VP BCSĐ	Nơi nhận:
BAN TCD	Như trên:
P. HCTC	Lưu: VT, NVDTPC (3b). <i>Duyệt</i>
P. QTTV	
CTTĐT	
TTHN & NKTP	



Trần Trường

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /VP-TCNS  
V/v tham gia ý kiến về Hồ sơ dự án  
Luật thuế GTGT (sửa đổi)

Hải Phòng, ngày tháng năm 2023

**DỰ THẢO**

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện văn bản số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính “V/v lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi)”.

Qua nghiên cứu, nghiên cứu Hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) kèm theo Công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính; Ủy ban nhân thành phố Hải Phòng nhất trí về cơ bản đối với Hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi). Đồng thời, xin tham gia một số ý kiến cụ thể sau đây:

**1. Về thuế GTGT đối với hoạt động chuyển quyền sử dụng đất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT**

Theo quy định tại Khoản 6 Điều 5 Luật thuế GTGT hiện hành và khoản 6 Điều 5 Dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi thì “Chuyển quyền sử dụng đất” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Tại điểm h Khoản 1 Điều 7 dự thảo Luật thuế GTGT quy định về giá tính thuế GTGT: “Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước. Giá đất được trừ theo quy định của Chính phủ”.

Từ nội dung trên, việc quy định “chuyển quyền sử dụng đất” thuộc đối tượng không chịu thuế dễ gây nhầm lẫn là trong các hoạt động liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng đất đều thuộc đối tượng không chịu thuế; trong khi tại điểm h khoản 1 Điều 7 Dự thảo quy định giá tính thuế đối với hoạt động kinh doanh bất động sản và chỉ có giá chuyển quyền sử dụng đất được trừ khi tính thuế GTGT. Đồng thời tại điểm h khoản 1 Điều 7 cũng chưa đề cập đến cụm từ “giá đất được trừ trước đoạn “Giá đất được trừ theo quy định của Chính phủ”. Do đó, trong thực tế những năm qua đã có những các hiểu khác nhau và áp dụng về thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất chưa đồng bộ, nhất quán.

**Đề xuất:** Đề nghị sửa đổi Luật theo hướng quy định: Hoạt động chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc đối tượng chịu thuế GTGT (giống như chuyển quyền thuê đất). Đồng thời đề nghị quy định cụ thể hơn về giá đất được trừ khi tính thuế GTGT để thống nhất thực hiện.

**2. Tại khoản 1 Điều 9 Dự thảo về mức thuế suất thuế GTGT 0%**



Dự thảo nêu “Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu..., trừ các trường hợp sau đây:... Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho cá nhân không đăng ký kinh doanh trong khu phi thuế quan.

a) Hàng hóa xuất khẩu gồm: hàng hóa được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan;...

b) Dịch vụ xuất khẩu là dịch vụ cung cấp cho tổ chức cá nhân nước ngoài, gồm: Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải được sử dụng ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; Dịch vụ vận tải quốc tế; Dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế.”

Ý kiến tham gia:

- Đề nghị xem xét thay cụm từ “tiêu dùng trong khu phi thuế quan” bằng cụm từ “phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức trong khu phi thuế quan”.

- Quy định tại phần đầu của khoản 1 Điều 9 đoạn “trừ ... Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho cá nhân không đăng ký kinh doanh trong khu phi thuế quan” và nội dung điểm b khoản 1 Điều 9 không đề cập đến việc cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan dẫn đến nhiều cách hiểu chưa thống nhất đối với hoạt động cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan. Đề nghị ban soạn thảo xem xét, chỉnh sửa câu từ để thống nhất áp dụng khi Luật thuế GTGT sửa đổi ban hành.

- Dự thảo nêu “Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục, hồ sơ và điều kiện áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu quy định tại khoản này.”

Trong khi các khái niệm về dịch vụ vận tải quốc tế, dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế cũng cần phải được quy định chi tiết. Do vậy, đề nghị Ban soạn thảo quy định cụ thể hoặc bổ sung phân giao nhiệm vụ cho Chính phủ hoặc Bộ Tài chính quy định chi tiết để khi thực hiện được thống nhất.

**3. Tại khoản 1 Điều 12 Dự thảo Luật GTGT quy định về phương pháp tính trực tiếp có nội dung:** “Trường hợp cơ sở kinh doanh có hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý thì cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng hoạt động này để nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng”. Quy định này chưa bao quát được trường hợp diễn ra trong thực tế là: có một số doanh nghiệp thuộc đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, có hoạt động mua bán, chế tác, sản xuất hàng trang sức từ vàng, bạc, đá quý áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên GTGT. Do đó, hiện tại đang phát sinh vướng mắc về việc tính số thuế GTGT được khấu trừ của các hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ dùng chung cho hoạt động mua bán, chế tác, sản xuất hàng trang sức từ vàng, bạc và các hoạt động khác do các quy định hiện hành về thuế GTGT không có hướng dẫn cụ thể.

Đề xuất Ban soạn thảo xem xét sửa đổi, bổ sung như sau:

“Trường hợp cơ sở kinh doanh có hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý thì cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng hoạt động này để nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng. Nếu doanh nghiệp không hạch toán riêng được thì số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ được tính tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra. Trong đó, tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm: doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được và chênh lệch dương (+) lũy kế của cả kỳ tính thuế (tháng/quý/năm dương lịch) giữa giá bán ra và giá mua vào của hoạt động mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý”.

#### 4. Tại điểm e khoản 1 Điều 13 Dự thảo quy định về khấu trừ thuế GTGT

Dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi nêu: “Đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định,...”

Trong thực tế có trường hợp doanh nghiệp bỏ sót chưa kê khai thuế GTGT nhưng cơ quan thuế đã công bố quyết định kiểm tra thuế về nội dung thuế GTGT (mà chưa kiểm tra nội dung thuế TNDN) tại trụ sở người nộp thuế thì doanh nghiệp có được tính vào chi phí được trừ hoặc tính vào nguyên giá TSCĐ đối với số thuế GTGT bị sót này không?

Hiện nay đang có hai quan điểm:

- Quan điểm thứ nhất: áp dụng quy định “Đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định” thì doanh nghiệp có được tính vào chi phí được trừ đối với số thuế GTGT bị sót này.

- Quan điểm thứ hai: theo hướng dẫn tại công văn số 5475/TCT-CS ngày 28/11/2017 của Tổng cục Thuế có nội dung “trường hợp người nộp thuế có số thuế GTGT đầu vào phát sinh trong kỳ đủ điều kiện khấu trừ thì được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của kỳ đó. Không có quy định doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN đối với số thuế GTGT đầu vào đủ điều kiện khấu trừ nhưng không kê khai khấu trừ”. Do vậy, doanh nghiệp không được tính vào chi phí được trừ đối với số thuế GTGT bị sót này.

Vi vậy, đề nghị Ban soạn thảo quy định rõ trường hợp này để thống nhất thực hiện.

Đề xuất sửa đổi như sau: “Đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào không khấu trừ hoặc không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được hạch toán vào chi phí

để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định, ...”.

### **5. Tại điểm c khoản 2 Điều 13 Dự thảo quy định về khấu trừ thuế GTGT đầu vào**

Dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi có nội dung: “Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải có: hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ; hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu; phiếu đóng gói, vận đơn, chứng từ bảo hiểm hàng hóa ...”

Đề nghị bổ quy định “phiếu đóng gói, vận đơn, chứng từ bảo hiểm hàng hóa” để giảm thủ tục hành chính cho người nộp thuế và cơ quan thuế.

### **6. Tại khoản 1 Điều 14 Dự thảo về việc hoàn thuế GTGT đối với trường hợp doanh nghiệp có sản phẩm hàng hóa bán ra chịu thuế suất 5%.**

Dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi có nội dung: “Cơ sở kinh doanh “chỉ” sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý thì được hoàn thuế giá trị gia tăng”.

Nếu đề quy định như nội dung dự thảo “cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất...” thì trong thực tế sẽ phát sinh nhiều vướng mắc do hiện nay các doanh nghiệp đăng ký kinh doanh đa ngành nghề hoặc mặc dù có doanh nghiệp “chỉ” sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% nhưng trong kỳ có phát sinh các khoản thu khác (không đáng kể như thanh lý tài sản, hoạt động phụ trợ cho việc bán hàng (thuế suất 5%) thì có thuộc diện được hoàn thuế không?). Đề nghị quy định rõ để thống nhất thực hiện.

### **7. Đề nghị bổ sung thêm trường hợp hoàn thuế tại khoản 1 Điều 14 đối với:**

“Trường hợp, doanh nghiệp sau khi chuyển nhượng dự án đầu tư và có số thuế GTGT chưa được khấu trừ của dự án đầu tư sau khi bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện (nếu có) từ 300 triệu đồng trở lên thì thuộc trường hợp được hoàn thuế GTGT”.

**8. Đề nghị xem xét, bổ sung nội dung tại khoản 4 Điều 14 Dự thảo Luật:** “Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng khi giải thể, phá sản, chuyển đổi từ doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ sang doanh nghiệp chế xuất có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết”.

### **9. Tại khoản 2 Điều 14 Dự thảo về trường hợp hoàn thuế đối với dự án đầu tư**

“... Trường hợp dự án đầu tư đã hoàn thành (bao gồm cả dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn, hạng mục đầu tư có giai đoạn, hạng mục đầu tư đã hoàn thành) nhưng cơ sở kinh doanh chưa thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng phát sinh trong giai đoạn đầu tư (hạng mục đầu tư, giai đoạn đầu tư đã hoàn thành) thì cơ sở kinh doanh thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định trong thời hạn 01 năm kể từ ngày dự án đầu tư hoặc ngày giai đoạn đầu tư, hạng mục đầu tư hoàn thành...”

Đề nghị sửa từ “**thực hiện**” bằng từ “**đề nghị**” và quy định cụ thể trường hợp sau 01 năm kể từ ngày dự án đầu tư hoặc ngày giai đoạn đầu tư, hạng mục đầu tư hoàn thành thì xử lý như thế nào?

### **10. Khoản 3 Điều 14 Dự thảo Luật, quy định về xác định**

Xác định thuế GTGT đầu vào của hàng hóa dịch vụ xuất khẩu đề nghị hoàn.

Dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi có nội dung: “... Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được hoàn theo quy định tại khoản này xác định bằng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhân (x) với 10% nhưng không vượt quá số thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết của cơ sở kinh doanh. Trường hợp cơ sở kinh doanh vừa có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa nếu sau khi bù trừ với số thuế phải nộp (nếu có),...”

Đề nghị Ban soạn thảo xem xét, sửa đổi như sau:

*“... Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được hoàn theo quy định tại khoản này không vượt quá doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhân (x) với 10%. Trường hợp cơ sở kinh doanh vừa có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa nếu sau khi bù trừ với số thuế phải nộp (nếu có),...”*

Trên đây là một số ý kiến tham gia về Hồ sơ dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Kính gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

#### **Nơi nhận:**

- Như kính gửi ;
- CT, các PCT UBND TP;
- CPVP UBND TP;
- Phòng: TC3, NC&KTGS;
- CV:TCNS;
- Lưu: VT.

**TL. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ  
CHÁNH VĂN PHÒNG**

**Trần Huy Kiên**



Ký bởi: Cục Thuế tỉnh Long An  
 Cơ quan: Bộ Tài chính  
 Thời gian ký: 16/02/2024  
 16:31:20 +07:00

**TỔNG CỤC THUẾ  
 CỤC THUẾ TỈNH LONG AN**

Số: **819** /CTLAN-NVDTPC  
 V/v góp ý hồ sơ dự án Luật thuế giá  
 trị gia tăng (sửa đổi).

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long An, ngày 16 tháng 02 năm 2024

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Tổng cục Thuế.

Thực hiện công văn số 134/TCT-CS ngày 11/01/2024 của Tổng cục Thuế về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) và công văn số 345/UBND-KTTC ngày 11/01/2024 của UBND tỉnh về việc góp ý kiến hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

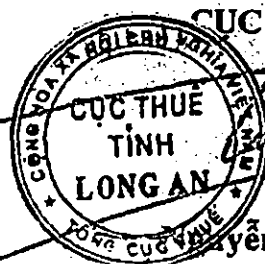
Sau khi nghiên cứu, Cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Cục Thuế thống nhất hồ sơ xây dựng dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).
2. Qua thực tiễn thực hiện các quy định của Luật thuế GTGT năm 2008 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật thuế GTGT, Cục Thuế tổng hợp các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị theo phụ lục đính kèm.

Cục Thuế tỉnh Long An kính gửi Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế.  
 (Đính kèm phụ lục).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Lãnh đạo Cục Thuế;
- Lưu: VT, NVDTPC, C(02b).



**CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Thủy**

Tổng hợp nội dung khó khăn, vướng mắc và kiến nghị về Luật thuế GTGT  
(Đính kèm công văn số 219/CTLAN-NVDTPC ngày 16.../02./2024)

STT	Nội dung quy định cụ thể	Khó khăn, vướng mắc	Kiến nghị
1.	Điều 7 Luật số 13/2008/QH12 quy định giá tính thuế	Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP: "1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn... xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn... → Phải xuất hóa đơn khi xuất hàng hóa cho vay, cho mượn, tuy nhiên Điều 7 chưa quy định về nội dung nêu trên.	Bổ sung nội dung: "... c) Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu tặng cho, xuất hàng hóa cho vay, cho mượn là giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này; ..."
2.	Điều 12 Luật số 13/2008/QH12 quy định khấu trừ thuế GTGT đầu vào (đã được sửa đổi bởi Khoản 6 Điều 1 Luật số 31/2013/QH13 sửa đổi)	"đ) ... Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế." (có thể hiểu là khai bổ sung lại kỳ kê khai thuế có sai sót hoặc khai khấu trừ vào kỳ hiện tại).	Bổ sung như sau: Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế GTGT đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai, sót thì được nộp hồ sơ khai bổ sung cho từng hồ sơ khai thuế có sai, sót theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý thuế (được hướng dẫn chi tiết tại Khoản 4 Điều 7 Nghị định 126/2020/NĐ-CP)

STT	Nội dung quy định cụ thể	Khó khăn, vướng mắc	Kiến nghị
3.	Khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi số 71/2014/QH13 đối tượng không chịu thuế GTGT	<p>“3a. Phân bón, máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; tàu đánh bắt xa bờ; thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác;”</p> <p>→ Đối với thanh lau bóng gạo, trục chà lúa đang có cách hiểu khác nhau trong đó Cục Thuế Long An đã hướng dẫn thuộc đối tượng không chịu thuế, Chi Cục Thuế Quận 6 trả lời không thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT</p>	Cục Thuế có Công văn số 2524/CTLAN-TTHT ngày 19/07/2022 gửi Tổng cục Thuế nhưng chưa được Tổng cục Thuế hướng dẫn.
4.	Thông tư 219/2013/TT-BTC và Thông tư 26/2015/TT-BTC	<p>Về chính sách thuế GTGT trong thực tiễn phát sinh đối với sản phẩm lương thực vừa là sản phẩm trồng trọt vừa là thức ăn chăn nuôi, cụ thể là sản phẩm bột đậu nành:</p> <p>- Tại Thông tư 219/2013/TT-BTC:</p> <p>Khoản 1 Điều 4. Đối tượng không chịu thuế GTGT</p> <p>1. Sản phẩm trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chăn nuôi, thủy sản, hải sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức,</p>	Do chính sách thuế đối với hai đối tượng này là khác nhau, do đó để đảm bảo chính sách thuế được thống nhất, công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện đồng thời nâng cao hiệu quả, hiệu lực trong công tác quản lý thuế, Cục Thuế xin được kiến nghị: cần bổ sung các quy định rõ ràng hơn đối với các mặt hàng lương thực nêu trên để tránh gặp phải khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

STT	Nội dung quy định cụ thể	Khó khăn, vướng mắc	Kiến nghị
		<p><i>cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.</i></p> <p><b>Khoản 5 Điều 5:</b></p> <p><i>Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho doanh nghiệp, hợp tác xã ở khâu kinh doanh thương mại không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT. Trên hóa đơn GTGT, ghi dòng giá bán là giá không có thuế GTGT, dòng thuế suất và thuế GTGT không ghi, gạch bỏ.</i></p> <p><i>Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ bán sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường cho các đối tượng khác như hộ, cá nhân kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác thì phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo mức thuế suất 5% hướng dẫn tại khoản 5 Điều 10 Thông tư này.</i></p> <p><b>- Tại Thông tư 26/2015/TT-BTC</b></p>	



STT	Nội dung quy định cụ thể	Khó khăn, vướng mắc	Kiến nghị
		<p>Khoản 2 Điều 1: Bổ sung Khoản 3a vào Điều 4 (Đối tượng không chịu thuế GTGT) Thông t 219/2013/TT-BTC như sau:</p> <p><i>"3a. Phân bón là các loại phân hữu cơ và phân vô cơ như: phân lân, phân đạm (urê), phân NPK, phân đạm hỗn hợp, phân phối phát, bột tạt, phân vi sinh và các loại phân bón khác;</i></p> <p><i>Thực ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản và thực ăn cho vật nuôi khác, bao gồm các loại sản phẩm đã qua chế biến hoặc chưa qua chế biến như cám, bã, khô dầu các loại, bột cá, bột xương, bột tôm, các loại thực ăn khác dùng cho gia súc, gia cầm, thủy sản và vật nuôi khác, các chất phụ gia thực ăn chăn nuôi...</i></p> <p>Căn cứ theo đó:</p> <p>+ Sản phẩm bột đậu nành là thực ăn chăn nuôi, do đó áp dụng chính sách thuế đối với thực ăn chăn nuôi (thuộc đối tượng không chịu thuế, kể cả khi bán cho các đối tượng là hộ, cá nhân kinh doanh và các tổ chức, cá nhân). Đồng thời:</p>	

STT	Nội dung quy định cụ thể	Khó khăn, vướng mắc	Kiến nghị
		<p>+ Sản phẩm bột đậu nành là sản phẩm trồng trọt, sơ chế thông thường, do đó áp dụng chính sách thuế đối với mặt hàng sản phẩm trồng trọt (thuộc đối tượng không chịu thuế khi tổ chức, cá nhân tự sản xuất bán ra, thuộc đối tượng không phải kê khai tính thuế ở khâu thương mại, khi bán sản phẩm này cho các đối tượng như hộ, cá nhân kinh doanh và các tổ chức, cá nhân khác thì phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo mức thuế suất 5%).</p> <p>Như vậy thì sản phẩm bột đậu nành vừa là thức ăn chăn nuôi vừa là sản phẩm trồng trọt.</p>	

TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

SAO Y: Cục Thuế TP Cần Thơ 05/02/2024 09:19:40 +07:00  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 534/CTCTH-NVDTPC

Cần Thơ, ngày 02 tháng 02 năm 2024

V/v nghiên cứu, tham gia ý kiến với dự án  
Luật thuế GTGT (sửa đổi)

Kính gửi:

- Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế);
- Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Thực hiện Công văn số: 103/VPUB-KT ngày 10/01/2024 của Ủy Ban nhân dân thành phố Cần Thơ, Công văn số: 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về việc nghiên cứu, tham gia ý kiến với dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi).

Qua nghiên cứu và tổng hợp ý kiến từ các đơn vị trực thuộc Cục Thuế. Cục Thuế thành phố Cần Thơ báo cáo ý kiến đóng góp như sau:

Hiện nay trên địa bàn thành phố Cần Thơ có phát sinh trường hợp nhà đầu tư được UBND thành phố thuận chủ trương đầu tư dự án, đã thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng, thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng, nhưng UBND thành phố chưa ban hành giá đất, từ đó các doanh nghiệp không xác định được giá đất được trừ để thực hiện xuất hóa đơn, khai nộp thuế GTGT theo quy định.

Để tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT đúng theo quy định đối với trường hợp nêu trên. Cục Thuế thành phố Cần Thơ có ý kiến đề xuất bổ sung vào dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) quy định về giá tính thuế GTGT (điểm h khoản 1 Điều 7) đối với hoạt động kinh doanh bất động sản đối với trường hợp:

*"Đối với các dự án được Nhà nước giao đất, cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân để đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nhà để bán, nếu chưa xác định được giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước thì cơ sở kinh doanh được tạm tính giá đất được trừ theo tỷ lệ trên số tiền thu theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng.*

*Chính phủ quy định chi tiết khoản này"*

- Tại Điều 5 của Dự thảo.

Qua thực tế thực hiện, vẫn còn một số trường hợp doanh nghiệp chưa rõ về cụm từ "tự sản xuất" dẫn đến việc thực hiện còn lúng túng.

Góp ý cần bỏ cụm từ "tự sản xuất", thay thế bằng cụm từ "tự sơ chế" vì ý nghĩa của từ sản xuất rất rộng, dễ gây ra nhiều cách hiểu. Trong các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về thuế GTGT có định nghĩa về "Các sản



phẩm mới qua sơ chế thông thường”, tuy nhiên trong quy định cụ thể thì lại sử dụng cụm từ “tự sản xuất” chứ không phải là sơ chế.

**“Điều 5. Đối tượng không chịu thuế**

1. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác của tổ chức, cá nhân tự trồng, chăn nuôi, nuôi trồng hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất tự trồng, chăn nuôi, nuôi trồng, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu...”

- Tại Điểm c Khoản 2 Điều 13 của Dự thảo.

Theo quy định tại dự thảo, bổ sung một số chứng từ vào điều kiện khấu trừ GTGT đầu vào đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu để tránh gian lận trong khâu trừ, hoàn thuế là rất thiết thực. Tuy nhiên, đối với việc bổ sung chứng từ bảo hiểm hàng hóa lại tùy vào hình thức vận chuyển hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp xuất khẩu.

Ví dụ: Công ty A bán hàng xuất khẩu theo giá F.O.B (Freight on Board) Giá FOB sẽ không bao gồm chi phí vận chuyển cũng như chi phí bảo hiểm. Do đó sẽ không có phí bảo hiểm khi bán hàng xuất khẩu.

**“Điều 13. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào**

c) Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải có: hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ; hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu; phiếu đóng gói, vận đơn, ~~chứng từ bảo hiểm hàng hóa.~~”

- Tại khoản 1 Điều 47 Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội quy định về khai bổ sung hồ sơ khai thuế:

**“Điều 47. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế**

1. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra”.

Để phù hợp với quy định về khai bổ sung đối với hồ sơ khai thuế có sai, sót tại Điều 47 Luật Quản lý thuế, đề xuất quy định NNT được kê khai, khấu trừ thuế đối với hóa đơn bỏ sót vào kỳ phát hiện sót trong thời hạn 10 năm kể từ ngày phát sinh hóa đơn bỏ sót.

**“Điều 13. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào**

d) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai, sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện sót trong thời hạn 10 năm kể

từ ngày phát sinh hóa đơn bỏ sót nhưng ~~bổ sung~~ trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế”.

- Dự thảo Tờ trình trang 18:

**“2.5 Về khấu trừ thuế GTGT đầu vào**

...trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế GTGT đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện sót trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra, thanh tra thuế”

- Bảng thuyết minh chi tiết trang 32:

**“5 Về khấu trừ thuế GTGT đầu vào**

**5.1 Về kê khai, khấu trừ đối với hóa đơn bị sót**

...  
Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định về khai bổ sung đối với hồ sơ khai thuế khi người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót (Điều 47). Theo đó, khi người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì người nộp thuế được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót...

Theo đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định: Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế GTGT đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện sót...”

Ý kiến đóng góp:

“Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế GTGT đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ tính thuế sót...”

- Về thuế suất thuế GTGT

Hiện có 3 mức là 0%; 5% và 10%.

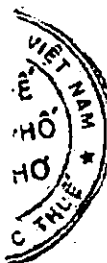
Ý kiến đóng góp:

Để việc quản lý, kiểm tra thuận lợi. Đề xuất chỉ áp dụng 2 mức thuế suất là 0% và 8%.

- Tại khoản 25 Điều 5 Luật thuế GTGT (sửa đổi) có ghi:

Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) trở xuống thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (theo dự thảo) chuyển thành đối tượng miễn thuế GTGT.

Cục Thuế TP.Cần thơ nhận thấy: Để nâng cao mức sống của người dân và phù hợp, đồng bộ với mức giảm trừ gia cảnh của thu nhập từ tiền lương, tiền công theo quy định:



Ví dụ: Một người lao động đang nuôi cha, mẹ già và hai con còn trong độ tuổi đi học, thì tổng mức thu nhập được miễn thuế TNCN là:

Giảm trừ cho bản thân: 11.000.000 đồng/tháng

Mỗi người phụ thuộc: 4.400.000 đồng/tháng

$(11.000.000 + (4.400.000 * 4 \text{ người}) = 28.600.000 \text{ đồng/tháng} = 343.200.000 \text{ đồng*/năm}$ ).

Kiểm nghị nâng lên 350.000.000 đồng/năm trở xuống thuộc đối tượng miễn thuế GTGT.

- Tại Điều 12 của Dự thảo.

" Điều 12. Phương pháp tính trực tiếp

1. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng giá trị tăng thêm nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý.

Giá trị gia tăng của vàng, bạc, đá quý được xác định bằng giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra trừ giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào tương ứng."

Thực tế trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh vàng, bạc, đá quý (gọi tắt là vàng) cơ quan thuế chưa có biện pháp quản lý giá vốn mua vào, vì người dân đến bán vàng thường không có hóa đơn, doanh nghiệp tự lập bảng kê theo giá thị trường để tính giá vốn mua vào tương ứng, giá mua này thường tiệm cận giá bán dẫn đến giá trị tăng thêm thấp, thuế giá trị gia tăng phải nộp trong trường hợp này không đúng thực tế, dẫn đến thất thu thuế và sai quy định về hóa đơn chứng từ để làm căn cứ ghi vào sổ sách kế toán theo quy định. Quy định bắt buộc đối tượng này phải thực hiện hóa đơn điện tử từ máy tính tiền.

Để quản lý tốt nguồn thu thuế, kiến nghị nên quy định tính thuế đối với lĩnh vực này theo phương pháp trực tiếp theo doanh thu, hoặc theo phương pháp khoán thuế quy định tại Luật Quản lý thuế.

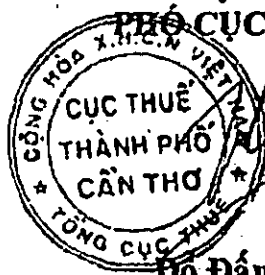
Trên đây là góp ý dự thảo Thông tư, Cục Thuế thành phố Cần Thơ báo cáo đến Bộ Tài chính (Tổng cục Thuế), UBND thành phố Cần Thơ.

KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên (báo cáo);
- Lưu VT, NVDTPC (02).



Đỗ Đán Tranh

UBND TỈNH YÊN BÁI  
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 236 /STC-QLNS

Yên Bái, ngày<sup>05</sup> tháng 02 năm 2024

V/v: tham gia ý kiến vào Hồ sơ  
dự án Luật Thuế giá trị gia tăng  
(sửa đổi)

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Văn bản số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc tham gia ý kiến vào Hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Sau khi nghiên cứu và tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, về cơ bản Sở Tài chính tỉnh Yên Bái nhất trí với các nội dung của văn bản Dự thảo và có ý kiến tham gia như sau:

1. Để bảo đảm tính *“dễ tiếp cận, dễ thực hiện của văn bản quy phạm pháp luật”* theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, quy định cụ thể khái niệm *“chưa chế biến thành sản phẩm khác”* tại khoản 23 Điều 5 Dự thảo Luật: *“Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác...”*.

VD: Sản phẩm đá khai thác, được cắt gọt và đánh bóng là sản phẩm đá/chưa chế biến thành sản phẩm khác?

2. Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, bổ sung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Dự thảo:

- Dự thảo: *“c) Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải có: hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ; hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu; phiếu đóng gói, vận đơn, chứng từ bảo hiểm hàng hóa”*.

- Đề nghị sửa như sau: *“c) Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải có: hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ; hóa đơn bán hàng, dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; tờ khai hải quan*

đối với hàng hóa xuất khẩu; phiếu đóng gói, vận đơn; chứng từ bảo hiểm hàng hóa (nếu có)".

Do: các hình thức xuất khẩu gồm: Fob (không bao gồm bảo hiểm hàng hóa bằng đường biển), xuất khẩu tại chỗ (có thể có bảo hiểm hoặc không có bảo hiểm hàng hóa phụ thuộc vào hợp đồng giữa các bên mua bán). Do vậy cần xem xét lại quy định về chứng từ bảo hiểm hàng hóa.

Sở Tài chính có ý kiến tham gia đề Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (BC);
- Lưu: VT, QLNS.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Chu Hoàng Sơn**



**TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 760 /CTTGI-NVDTPC

Tiền Giang, ngày 02 tháng 02 năm 2024

V/v đóng góp ý kiến hồ sơ  
dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi).

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Thực hiện Công văn số 167/UBND-KT ngày 10/01/2024 của UBND tỉnh Tiền Giang và Công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).


Qua nghiên cứu hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) (Tờ trình dự án luật, Dự thảo Luật; Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm luật có liên quan; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện luật; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách kèm theo). Ngành Thuế tỉnh Tiền Giang nhận định, đây là nội dung quan trọng, nhằm góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách thuế. Cục thuế đã có Công văn số 146/CTTGI-NVDTPC ngày 15/01/2024 về việc đóng góp ý kiến hồ sơ dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) để tham khảo ý kiến đóng góp của các Sở, Ban ngành trong tỉnh, đồng thời lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị trực thuộc, công chức và người lao động Ngành thuế.

Cục Thuế tỉnh Tiền Giang đã tổng hợp các ý kiến đóng góp và về cơ bản tất cả đều thống nhất với nội dung dự thảo và không có ý kiến đóng góp thêm.

Trên đây là ý kiến đóng góp của Cục Thuế tỉnh Tiền Giang, Kính gửi đến Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét tổng hợp chung và chỉ đạo để đơn vị thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh Tiền Giang (để báo cáo);
- Lưu: VT, NVDTPC. (04b)

**CỤC TRƯỞNG**  
  
Nguyễn Năng Hoàn

[The page contains extremely faint and illegible text, likely bleed-through from the reverse side of the document. The text is too light to transcribe accurately.]

**TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 116 /CTHGI-NVDTPC

Hà Giang, ngày 23 tháng 01 năm 2024

V/v báo cáo tham gia ý kiến Dự thảo  
hồ sơ Dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi).

Kính gửi:

- Bộ Tài chính (Vụ Chính sách thuế);
- Văn phòng UBND tỉnh.

Thực hiện công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính và công văn số 73/UBND-KTTH ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh về việc tham gia ý kiến vào Dự thảo hồ sơ dự án Luật Thuế GTGT (sửa đổi),

Sau khi tổng hợp ý kiến tham gia của các đơn vị vào Dự thảo hồ sơ do Bộ Tài chính soạn thảo, trình Chính phủ ban hành về dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi), Cục Thuế báo cáo như sau:

a) Đề nghị bỏ cụm từ “sửa đổi” vì dự thảo Luật là thay thế Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12, Luật số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng.

b) Khoản 1 Điều 4 quy định về người nộp thuế bổ sung từ “hộ”, tuy nhiên theo quy định của Bộ luật dân sự thì chỉ có “hộ gia đình”, các quy định pháp luật khác có liên quan không có chủ thể là “hộ” vì vậy đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại với đối tượng bổ sung là “hộ”.

c) Tại điểm 1 khoản 1 Điều 7 của dự thảo quy định nội dung “1) Đối với dịch vụ ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh đặt cược, là số tiền thu từ hoạt động này đã bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt trừ số tiền đã đổi trả cho khách.”. Đề nghị Ban soạn thảo có chú thích hoặc quy định cụ thể hơn về nội dung “dịch vụ ca-si-nô” là bao gồm những dịch vụ nào. Vì quy định như vậy là chưa được cụ thể, chưa rõ ràng.

d) Điều 13. Khấu trừ Thuế GTGT đầu vào

Bổ sung thêm trường hợp trúng đấu giá biên số, gắn với khấu trừ đầu vào của ô tô chờ người từ 9 chỗ ngồi trở xuống.

Theo dự thảo luật thuế GTGT thì toàn bộ khoản thuế GTGT đầu vào của ô tô chờ người từ 9 chỗ ngồi trở xuống được khấu trừ toàn bộ mà không bị giới hạn mức 1.6 tỉ như trước đây, trong khi đó khoản chi phí được tính khấu hao theo luật thuế TNDN hiện hành vẫn chỉ ở mức 1.6 tỉ đồng đối với các doanh nghiệp không

kinh doanh vận tải. Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu điềm nêu trên đảm bảo thống nhất và phù hợp giữa các sắc thuế.

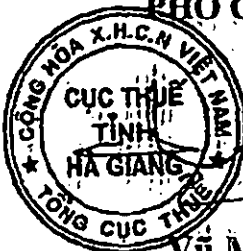
đ) Các nội dung khác: Nhất trí với Dự thảo.

Cục Thuế trân trọng báo cáo Bộ Tài chính và UBND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tổng cục Thuế (Vụ Chính sách);
- Lưu VT, NVDTPC;

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Vũ Mạnh Hùng**

TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH HOÀ BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 537 /CTHBI-NVDTPC  
V/v tham gia ý kiến về hồ sơ dự án  
Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Hoà Bình, ngày 29 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Đồng chí Quách Tất Liêm Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 246/VPUBND-KTTH ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh về việc tham gia ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Cục Thuế đã triển khai dự thảo đến các Sở, Ban, ngành, các đơn vị thuộc và trực thuộc để nghiên cứu, tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi). Qua tổng hợp, Cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Đề nghị sửa cụm từ "**dịch vụ cấp tín dụng**" tại điểm a khoản 9 Điều 5 Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi) thành "**ng nghiệp vụ cấp tín dụng**" để thống nhất với định nghĩa tại khoản 12 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng ngày 16/6/2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

2. Đề nghị làm rõ cụm từ "**chỉ qua sơ chế thông thường**" tại khoản 1 Điều 5 Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi).

3. Đề nghị thêm dấu phẩy để sửa cụm từ "**tặng cho**" thành "**tặng, cho**" tại điểm c khoản 1 Điều 7 Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi).

4. Đề nghị bổ sung thời điểm xác định doanh thu hàng xuất khẩu đối với trường hợp DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp và phương pháp khấu trừ vào Điều 8 Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi).

5. Tại khoản 5 Điều 9 Dự thảo Luật quy định:

*"5. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, dược liệu thì áp dụng thuế suất giá trị gia tăng theo mức thuế suất quy định cho sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản.*

*Phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu được thu hồi để tái chế, sử dụng lại khi bán ra áp dụng mức thuế suất theo thuế suất của mặt hàng phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu bán ra."*

- Đề nghị sửa cụm “*thuế suất giá trị gia tăng*” thành “*thuế suất thuế giá trị gia tăng*”.

- Đề nghị làm rõ cụm từ “*mặt hàng phế phẩm, phụ phẩm, phế liệu bán ra*” cần quy định rõ thuế suất của mặt hàng này là bao nhiêu và có phải đối tượng chịu thuế hay không. Ví dụ: Mặt hàng “*đệm lót sinh học*” được chế tạo từ nguyên liệu làm chất độn chuồng là phụ phẩm cây trồng (Công văn 4733/TCT-CS ngày 06/12/2021 của Tổng cục Thuế) thì khi áp dụng theo quy định này của Dự thảo Luật có phải đối tượng chịu thuế không, nếu phải thì chịu thuế suất bao nhiêu?

6. Tại điểm c khoản 2 Điều 12 Dự thảo Luật:

“*c) Doanh thu để tính thuế giá trị gia tăng là tổng số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn bán hàng, bao gồm các khoản phụ thu, phí thu thêm mà cơ sở kinh doanh được hưởng.*”

- Đề nghị quy định rõ doanh thu trên hóa đơn bán hàng có bao gồm thuế GTGT hay không? Vì tại điểm e khoản 1 Điều 13 Dự thảo Luật đã luật hóa quy định đưa vào chi phí được trừ để tính thuế TNDN đối với số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ.

7. Tại điểm b khoản 2 Điều 13 Dự thảo Luật quy định:

“*b) Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới năm triệu đồng. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định các trường hợp được coi là thanh toán không dùng tiền mặt.*”

- Đề nghị làm rõ “*giá trị dưới năm triệu đồng*” là theo giá đã có thuế GTGT hay giá chưa có thuế GTGT.

8. Tại điểm c khoản 2 Điều 13 Dự thảo Luật quy định:

“*c) Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải có: hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ; hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu; phiếu đóng gói, vận đơn, chứng từ bảo hiểm hàng hóa.*”

- Đề nghị ghi rõ là “*hóa đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn bán hàng khi bán hàng hóa, dịch vụ*” để tránh gây nhầm lẫn với loại “*hóa đơn bán hàng*”

9. Tại điểm a khoản 1 Điều 13 Dự thảo Luật quy định:

“*a) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng được khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế giá trị gia tăng đầu vào không được bồi thường của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng bị tổn thất.*”

Tại khoản 1 Điều 14 Dự thảo Luật quy định:

"1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo."

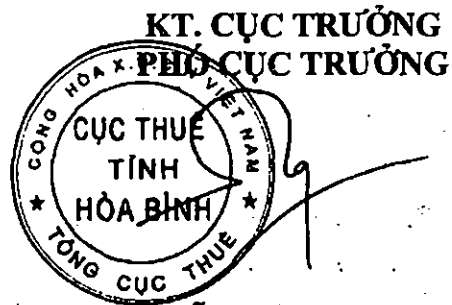
- Tuy nhiên, thực tế hiện nay, một số doanh nghiệp có hàng hóa thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT khi bán ra đang gặp một vấn đề đó là không có số thuế GTGT đầu ra phải nộp nên không được bù trừ với số thuế GTGT đầu vào, dẫn đến số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ bị treo trên tờ khai thuế GTGT mà không được hoàn. Đề nghị hướng dẫn cách xử lý số thuế GTGT đầu vào này.

10. Đề nghị hướng dẫn xử lý số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ của HHDV không chịu thuế chưa được trích khấu hao hết khi thanh lý tài sản cố định.

Cục Thuế trân trọng báo cáo UBND tỉnh./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục trưởng; các Phó Cục trưởng;
- Lưu: VT, NVDTPC ( b).



**Nguyễn Thị Hương Nga**

The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions. It emphasizes that every entry should be supported by a valid receipt or invoice. This ensures transparency and allows for easy verification of the data.

In addition, the document outlines the procedures for handling discrepancies. If there is a difference between the recorded amount and the actual amount, it is crucial to investigate the cause immediately. This could be due to a clerical error, a missing receipt, or a change in the underlying data.

The second part of the document provides a detailed overview of the accounting system. It describes the various accounts used to track different types of transactions, such as sales, purchases, and expenses. Each account is assigned a specific code, which makes it easier to categorize and analyze the data.

Furthermore, the document explains the process of reconciling the accounts. This involves comparing the recorded balances with the actual balances to ensure they match. Any differences are identified and corrected, ensuring that the financial statements are accurate and reliable.

Account Name	Account Code	Balance	Debit	Credit
Accounts Receivable	1100	12,500.00		
Accounts Payable	2100	8,750.00		
Inventory	3100	5,000.00		
Fixed Assets	1500	20,000.00		
Equity	3000	30,000.00		
Liabilities	4000	10,000.00		
Income	5000	15,000.00		
Expenses	6000	10,000.00		
Retained Earnings	7000	15,000.00		
Dividends	8000	5,000.00		
Depreciation	9000	2,000.00		
Interest	10000	1,000.00		
Taxes	11000	1,000.00		
Other	12000	1,000.00		
<b>Total</b>		<b>30,000.00</b>	<b>30,000.00</b>	<b>30,000.00</b>



TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH BẮC GIANG

Số: 667 /CTBGI-NVDTPC  
V/v tham gia ý kiến với hồ sơ Dự án Luật  
Thuế GTGT (sửa đổi)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 24 tháng 01 năm 2024

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Tổng cục Thuế;
- UBND tỉnh Bắc Giang.

Thực hiện Công văn số 127/BTC- CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính, Công văn số 82/UBND-KTTH ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang, Công văn số 134/TCT- CS ngày 11/01/2024 về việc tham gia ý kiến với hồ sơ Dự án Luật Thuế GTGT (sửa đổi), sau khi nghiên cứu, rà soát và tổng hợp ý kiến của các đơn vị, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang có ý kiến như sau:

1. Cơ bản nhất trí với nội dung Dự thảo
2. Một số ý kiến như sau:

2.1. Tại điểm b khoản 1 Điều 13 dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) đề nghị bổ sung nội dung trong () **“không bao gồm tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp Ngân sách nhà nước đối với hoạt động chuyển quyền sử dụng đất”** để rõ ràng trong việc áp dụng Luật sau sửa lại là:

**“b) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ % giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra (không bao gồm tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp Ngân sách nhà nước đối với hoạt động chuyển quyền sử dụng đất)”**.

2.2 Tại điểm c khoản 2 Điều 13 dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) quy định: **“c) Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải có: hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ; hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu; phiếu đóng gói, vận đơn, chứng từ bảo hiểm hàng hóa”**.

Tuy nhiên, thực tế tham khảo các lô hàng hóa xuất khẩu được thuê đơn vị vận tải quốc tế thực hiện, hầu hết các chủ tàu mua bảo hiểm hàng hóa cho cả

chuyến tàu và hợp đồng vận tải hàng hóa giá thanh toán đã bao gồm cả phí bảo hiểm do vậy đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu, sửa đổi quy định về “*chứng từ bảo hiểm hàng hóa*” cho phù hợp với thực tế.

2.3. Tại Khoản 1 Điều 14 dự thảo Luật (sửa đổi), đề nghị bổ sung thêm từ gạch chân “liên tục” để cho rõ nghĩa sau khi bổ sung là:

“...Cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý liên tục thì được hoàn thuế giá trị gia tăng”.

2.4. Tại khoản 9 Điều 14 dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) đề nghị bổ sung cụm từ “pháp luật trong việc sử dụng hóa đơn, chứng từ” để rõ ràng hơn sau sửa lại là “9. Cơ quan thuế chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng. Người nộp thuế chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ đề nghị hoàn thuế giá trị gia tăng và vi phạm pháp luật trong việc sử dụng hóa đơn, chứng từ (nếu có) của người nộp thuế liên quan đến số tiền đề nghị hoàn thuế.”

Lý do: Đề đầy đủ, rõ ràng hơn về hồ sơ, hóa đơn, chứng từ đề nghị hoàn thuế.

Trên đây là ý kiến của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang kính gửi Quý cơ quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, NVDTPC.

KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Văn Sỹ

Số:134 /STC-QLNS

Lai Châu, ngày 23 tháng 01 năm 2024

V/v tham gia ý kiến hồ sơ dự án  
Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Công văn số 79/UBND-KTN ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh về việc tham gia ý kiến hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) theo Công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính. Sau khi nghiên cứu nội dung hồ sơ dự án, Sở Tài chính tỉnh Lai Châu có ý kiến như sau:

Hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng do Bộ Tài chính xây dựng bao gồm: "Tờ trình dự án Luật, Dự thảo luật, Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện luật; Báo cáo đánh giá tác động của chính sách kèm theo". Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi bổ sung năm 2020) thì hồ sơ dự án Luật trình Chính phủ bao gồm:

1. Tờ trình Chính phủ về dự án, dự thảo.
2. Dự thảo văn bản.
3. Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định.
4. Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo, nếu trong dự án, dự thảo có thủ tục hành chính.
5. Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo, nếu trong dự án, dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới.
6. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý.
7. Tài liệu khác (nếu có).

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, đối chiếu với quy định nêu trên để hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) đảm bảo theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên đây là ý kiến tham gia của Sở Tài chính tỉnh Lai Châu kính gửi Bộ Tài chính nghiên cứu, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc Sở (báo cáo);
- Lưu: VT, QLNS.



Ký bởi: Sở Tài chính  
Cơ quan: Tỉnh Lai Châu  
Thời gian ký: 23/01/2024 11:16:44

Phạm Quý Dương

[The page contains extremely faint and illegible text, likely bleed-through from the reverse side of the document. The text is too light to transcribe accurately.]

TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TP HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1822. /CTTPHCM-TTHT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 02 năm 2024

V/v lấy ý kiến về dự thảo dự án Luật  
thuế giá trị gia tăng sửa đổi

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN	Số: 18401
Ngày:	22-02-2024
Chuyên:	Cục CIT
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Bộ Tài chính

Địa chỉ: Số 28 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Thực hiện Công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính đề nghị góp ý dự thảo dự án Luật thuế giá trị gia tăng (GTGT) sửa đổi (theo Công văn số 141/VP-KT ngày 10/01/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố) Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh thống nhất với nội dung dự thảo và tham gia một số ý kiến như sau:

1. Về sửa đổi quy định về người nộp thuế:

Nội dung tham gia ý kiến:

Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh thống nhất về nội dung này và kiến nghị bổ sung thêm nội dung:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Thông tư số 80/2021/TT-BTC:

"1. Tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, tổ chức đăng ký hoạt động theo pháp luật Việt Nam mua hàng hóa, dịch vụ của nhà cung cấp ở nước ngoài hoặc thực hiện phân phối hàng hoá, cung cấp dịch vụ thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài mà nhà cung cấp ở nước ngoài không thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định tại Điều 76, Điều 77, Điều 78, Điều 79 Thông tư này thì tổ chức mua hàng hoá, dịch vụ hoặc phân phối hàng hoá, dịch vụ thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ kê khai, khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà cung cấp ở nước ngoài số thuế phải nộp theo quy định tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính."

Thực tế các Tổ chức, cá nhân ở Việt Nam khi mua hàng hóa, dịch vụ của các Nhà cung cấp ở nước ngoài (NCCNN) đã đăng ký thuế tại Việt Nam (vd: Meta, Google, ...) thì các tổ chức, cá nhân này không thể biết được các NCCNN này đã kê khai, nộp thuế đối với thu nhập nhận được hay chưa. Cục Thuế TP HCM kiến nghị bổ sung thêm các NCCNN đã đăng ký thuế tại Việt Nam theo quy định là người nộp thuế GTGT (Bên Việt Nam không phải là Người nộp thuế trong trường hợp này).

2. Về sửa đổi quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT:

2.1. Đối với quy định về sản phẩm vật liệu nhân giống cây trồng, giống

**vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Đối với quy định về nhóm sản phẩm vật liệu nhân giống cây trồng, giống vật nuôi, Cục Thuế TP HCM kiến nghị quy định có quy định cụ thể về nhóm sản phẩm là vật liệu nhân giống cây trồng, giống vật nuôi hoặc giao cơ quan chuyên ngành ban hành danh mục.

**2.2. Đối với quy định mặt hàng phân bón, tàu khai thác thủy sản tại vùng khơi, vùng biển và các loại máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

- Đối với nhóm sản phẩm mặt hàng phân bón Cục Thuế TP HCM thống nhất chuyển sang nhóm đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 5%.

- Đối với nhóm sản phẩm "Tàu khai thác thủy sản tại vùng khơi, vùng biển" thì thực tế khi bán hàng, người bán khó xác định được mục đích sử dụng của người mua tàu để dùng phục vụ khai thác thủy sản tại vùng khơi, vùng biển. Nên Cục Thuế cũng có kiến nghị quy định cụ thể danh mục "Tàu khai thác thủy sản tại vùng khơi, vùng biển" kèm theo hoặc giao cho cơ quan chuyên ngành ban hành danh mục.

**2.3. Đối với quy định về cấp tín dụng; bổ sung các khoản phí tại hợp đồng vay vốn của Chính phủ Việt Nam với bên cho vay nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

- Cục Thuế thống nhất và kiến nghị có quy định về các dịch vụ thư tín dụng L/C là dịch vụ thanh toán qua tài khoản ngân hàng để thống nhất với Luật tín dụng.

- Về bổ sung các khoản phí tại hợp đồng vay vốn của Chính phủ Việt Nam với bên cho vay nước ngoài thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất với dự thảo Luật.

**2.4. Đối với sửa đổi quy định về "kinh doanh chứng khoán" thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế TP HCM thống nhất về điều chỉnh nhóm đối tượng kinh doanh chứng khoán để đồng bộ với Luật chứng khoán, thu hẹp đối tượng không chịu thuế GTGT.

**2.5. Đối với quy định về chuyển nhượng vốn thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Về nội dung liên quan đến Luật hóa quy định về “chuyển nhượng vốn” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT thì Cục Thuế TP Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

- Đối với trường hợp quy định về “bán Doanh nghiệp” cho Doanh nghiệp khác thì hiện nay theo Pháp luật hiện hành chỉ có quy định về Chủ DN tư nhân cho thuê toàn bộ doanh nghiệp và bán doanh nghiệp cho cá nhân, tổ chức khác theo quy định tại Điều 191 và 192 Luật Doanh nghiệp. Cục Thuế TP HCM kiến nghị không chịu thuế GTGT đối với “cho thuê toàn bộ doanh nghiệp” và “bán Doanh nghiệp” cần được quy định cụ thể theo Pháp luật chuyên ngành.

- Đối với thu nhập từ hoạt động bán toàn bộ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản thì được xem là thu nhập chuyển nhượng Bất động sản (BDS) giá trị BDS chiếm tỷ trọng lớn trong giao dịch chuyển nhượng vốn (bán toàn bộ Công ty) thì Cục Thuế TP Hồ Chí Minh kiến nghị có quy định về mức tỷ lệ của phần giá trị BDS (theo thẩm định của đơn vị độc lập) chiếm tỷ lệ trên 50% giá trị vốn góp thì không thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

**2.6. Đối với sửa đổi quy định cụ thể dịch vụ “Bán nợ bao gồm bán khoản phải trả và khoản thu của các cơ sở kinh doanh” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Kiến nghị Chính phủ quy định cụ thể nội dung này.

**2.7. Đối với sửa đổi quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT đối với dịch vụ bảo trì, viễn thông công ích và In-ter-net phổ cập, dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

- Đối với vấn đề sửa đổi quy định “dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng” thành đối tượng chịu thuế GTGT thì các dịch vụ nêu trên phục vụ cho việc duy trì, tu bổ các tiện ích công cộng, các điểm vui chơi phục vụ cho người dân. Đặc thù của các dịch vụ này là phát sinh thường xuyên và đối tượng của các dịch vụ này thường là các hoạt động vui chơi, giải trí mang tính cộng đồng phục vụ cho cư dân ở các Thành phố để tạo mảng xanh góp phần cải thiện môi trường sống cho cư dân. Một số đơn vị là “vườn thú”, “thảo cầm viên” có nguồn thu chủ yếu từ bán vé cho khách tham quan nên nguồn tiền để tu bổ, duy trì cho hoạt động của vườn thú thường sẽ không ổn định và có tính mùa vụ. Nhưng chi phí phát sinh cho tu bổ, chăm sóc vườn thú, trả lương cho công nhân viên, chi phí tái đầu tư một số hạng mục bị hư hỏng, xuống cấp vẫn phải phát sinh chi trả thường xuyên nên việc cân đối tài chính sẽ gặp khó khăn nếu như phải chịu thêm phần thuế GTGT khi các dịch vụ này chuyển sang đối tượng chịu thuế GTGT. Vì vậy nếu chuyển

từ đối tượng không chịu thuế GTGT sang chịu thuế GTGT thì Cục Thuế TP Hồ Chí Minh đề nghị BTC cân nhắc trước khi trình Chính phủ.

- Về nội dung này Cục Thuế TP HCM thống nhất, tuy nhiên những hoạt động phục vụ công cộng do ngân sách nhà nước chi trả, kiến nghị giữ nguyên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

**2.8. Đối với sửa đổi quy định “Hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế thống nhất, tuy nhiên những hoạt động phục vụ công cộng (không thu tiền) đề khuyến khích tổ chức cá nhân tham gia đóng góp cho lợi ích chung của xã hội kiến nghị giữ nguyên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Đề nghị bổ sung thêm đối tượng là các công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

(Đề xuất sửa thành: 12. Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật; công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo theo quy định của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; công trình phục vụ công cộng; cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội.)

Thực tế việc duy tu các Công trình văn hóa, nghệ thuật hiện nay cần có sức góp sức lớn của xã hội, các tổ chức và cá nhân ngoài khu vực nhà nước. Điều này đã giúp ngân sách giảm thiểu chi phí đối với hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng một số Công trình công cộng, công trình nghệ thuật, công trình văn hóa. Đồng thời các thay đổi trong chính sách ưu đãi và thu hút đầu tư vào nghệ thuật, văn hóa đang có vai trò ngày càng quan trọng trong xúc tiến thương mại, quảng bá văn hóa, hình ảnh Việt Nam ra ngoài Thế giới. Vậy nên Cục thuế TP HCM kiến nghị BTC trình Chính phủ có quy định mức tỷ lệ nguồn vốn sử dụng công trình tại Luật phù hợp với chính sách về thu hút đầu tư văn hóa, nghệ thuật.

**2.9. Đối với sửa đổi cụm từ bản tin, đặc san thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất ý kiến về việc thay đổi nội dung đối tượng không chịu thuế GTGT là “bản tin chuyên ngành” thành “bản tin” để thống nhất với Luật báo chí và kiến nghị làm rõ thêm nội dung:

Thực tế có những trường hợp các cơ quan báo chí thực hiện viết bài quảng bá, quảng cáo hình ảnh cho các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan nhà



nước để đăng trên các trang báo, trang tin tức điện tử thì theo khoản 15 Điều 4, Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 có quy định đối tượng không chịu thuế là "Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật,... và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động, kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử", "Báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, bao gồm cả hoạt động truyền trang báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành." thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT nhưng các cơ quan quản lý nhà nước khác có ý kiến rằng hoạt động viết tin bài quảng bá này là cung cấp dịch vụ quảng cáo. Theo quy định tại Điều 2 Luật Quảng cáo ngày 21/06/2012 thì hoạt động quảng cáo là "việc sử dụng các phương tiện nhằm giới thiệu đến công chúng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có mục đích sinh lợi; sản phẩm, dịch vụ không có mục đích sinh lợi; tổ chức, cá nhân kinh doanh sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ được giới thiệu, trừ tin thời sự; chính sách xã hội; thông tin cá nhân.". Nên Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị Bộ Tài chính trình Chính phủ có quy định rõ về hoạt động xuất bản, phát hành bản tin, đặc san để thống nhất giữa Luật Báo chí và Luật Quảng cáo để việc ban hành, thực hiện Luật được minh bạch.

**2.10. Đối với sửa cụm từ tàu bay thành máy bay, trực thăng, tàu lượn thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Đề nghị BTC có quy định rõ khi Luật hóa nội dung này và bổ sung về phương tiện tàu thủy là các phương tiện đường thủy được quy định theo pháp luật chuyên ngành.

**2.11. Đối với sửa đổi quy định về việc xác định vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế thống nhất nội dung này.

**2.12. Đối với bổ sung quy định "Hàng hóa nhập khẩu của Công ty cho thuê tài chính để cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê tài chính" thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế thống nhất và kiến nghị Bộ Tài chính trình Chính phủ có quy định cụ thể về nội dung này.

**2.13. Đối với sửa đổi quy định rõ về "phần mềm máy tính" thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Kiến nghị Chính phủ quy định cụ thể nội dung này hoặc theo danh mục do

cơ quan chuyên ngành ban hành.

**2.14. Đối với sửa quy định “sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản công với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên”:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Kiến nghị giao cơ quan chuyên ngành xác định tỷ lệ tài nguyên, khoáng sản cấu thành đối với sản phẩm này do cơ quan thuế không có chuyên môn trong lĩnh vực này.

**2.15. Đối với sửa đổi mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT của hộ, cá nhân kinh doanh từ mức 100 triệu đồng/ năm thành 150 triệu đồng/ năm:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Đề xuất mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT của hộ, cá nhân kinh doanh không quy định giá trị cố định mà được xác định tương ứng mức giảm trừ gia cảnh bản thân và một người phụ thuộc để phù hợp với quy định giảm trừ gia cảnh theo Luật thuế TNCN.

**2.16. Đối với bổ sung quy định “tài sản của tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế GTGT bán ra; hàng dự trữ quốc gia do cơ quan dự trữ quốc gia bán ra; các hoạt động, dịch vụ thu phí, lệ phí theo pháp luật về phí và lệ phí” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh bổ sung thêm nội dung đối với khoản thu hộ cho hoạt động bảo trì chung cư, phần diện tích sử dụng chung thì thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng để phù hợp với quy định của Luật Nhà ở.

**2.17. Đối với quy định “Hàng hóa nhập khẩu ủng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh, chiến tranh theo quy định của Chính phủ” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Về cơ bản Cục Thuế thống nhất, tuy nhiên đề khuyến khích sử dụng sản phẩm được sản xuất trong nước để ủng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh, chiến tranh, Cục Thuế kiến nghị áp dụng thống nhất chung đối tượng không chịu thuế đối với sản phẩm này, không phân biệt hàng nhập khẩu hay hàng nội địa, nhưng phải bổ sung văn bản cam kết mua để ủng hộ, tài trợ.

**2.18. Đối với bổ sung tài sản di chuyển theo định mức miễn thuế nhập khẩu vào đối tượng không chịu thuế GTGT:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh thống nhất ý kiến về nội dung này.

**2.19. Đối với bổ sung quy định “hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới theo định mức miễn thuế nhập khẩu và trong danh mục hàng hóa miễn thuế nhập khẩu” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh thống nhất ý kiến về nội dung này.

**2.20. Đối với bổ sung quy định cụ thể tên 05 nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất ý kiến về nội dung này và kính đề nghị Bộ Tài chính bổ sung khi luật hóa về quy định đối với các khoản thu hộ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng để phù hợp với nội dung quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021.

**3. Về giá tính thuế GTGT**

**3.1. Đối với sửa đổi quy định giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế thống nhất ý kiến tại dự thảo.

**3.2. Đối với sửa đổi cụm từ “tiêu dùng nội bộ” thành “trả thay lương”:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

- Kính đề nghị Bộ Tài chính bổ sung giá tính thuế trường hợp “dịch vụ trả thay lương”.

- Tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 123/2020/NĐ-CP có quy định “*Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay lương cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định...*” nên theo quy định tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP thì các trường hợp hàng hóa dùng để “trả thay lương và tiêu dùng nội bộ”, “xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa” vẫn phải lập hóa đơn theo quy định. Vì vậy Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị Bộ Tài chính trình Chính

phù có quy định rõ về nội dung này để thống nhất với quy định về hóa đơn điện tử tại Nghị định 123/2020/NĐ-CP và có quy định cụ thể về giá tính thuế đối với hàng hóa cho vay, cho mượn để minh bạch khi luật hóa nội dung này.

**3.3. Đối với bổ sung quy định việc xác định giá đất được trừ khi xác định giá tính thuế đối với hoạt động kinh doanh bất động sản:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế thống nhất và kiến nghị giao Chính phủ quy định chi tiết.

**3.4. Đối với bổ sung quy định giá tính thuế đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh đặc thù:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế thống nhất.

**3.5. Đối với bổ sung quy định về thời điểm xác định thuế GTGT:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

- Theo quy định hiện nay thì thời điểm xác định thuế GTGT đối với hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua không phân biệt đã thu hay chưa thu được tiền. Thực tế có những trường hợp hàng hóa chưa chuyển giao quyền sở hữu hoặc cần chuyển qua nhiều bước giao, nhận trung gian trước khi đến được người sở hữu cuối cùng như với hàng hóa bán trên các sàn thương mại điện tử (TMĐT). Khi các tổ chức, cá nhân bán hàng trên các sàn TMĐT thì hàng hóa được giao cho các đơn vị giao hàng chuyển tới các địa điểm nhận, phân chia hàng hóa để tiếp tục giao đến khách hàng cuối cùng.

- Trường hợp hàng hóa xuất khẩu thì thời điểm xác định thuế GTGT đối với giao hàng theo điều kiện FOB thì thời điểm chuyển giao hàng hóa là thời điểm hàng hóa được đặt lên tàu tại cảng bốc hàng. Đối với giao hàng theo điều kiện hàng hóa được chuyển giao sau khi thông quan tại Việt Nam thì thời điểm chuyển giao hàng hóa là thời điểm hàng hóa được chuyển giao cho người mua hàng.

- Thời điểm tính thuế GTGT đối với hóa đơn có ngày lập và ngày ký khác nhau thì theo quy định tại Căn cứ Điều 8, khoản 1 Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính và Nghị định 123/2020/NĐ-CP quy định về hóa đơn, chứng từ thì: Người bán thực hiện kê khai nộp thuế GTGT theo thời điểm lập hóa đơn, Người mua thực hiện kê khai thuế tại thời điểm nhận hóa đơn đảm bảo đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung theo quy định.

- Kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét bổ sung thêm nội dung về thời điểm tính thuế GTGT đối với Dịch vụ bán thẻ voucher, thẻ quà tặng, phiếu điểm tích lũy, vé tàu điện để thống nhất khi luật hóa.

Vì vậy Cục Thuế TP Hồ Chí Minh bổ sung kiến nghị Bộ Tài chính trình Chính phủ có quy định cụ thể đối với các trường hợp nêu trên khi luật hóa.

#### 4. Về thuế suất thuế GTGT

##### 4.1. Về thuế suất 0%

##### 4.1.1. Đối với dịch vụ xuất khẩu

##### Nội dung tham gia ý kiến:

Đối với việc xác định dịch vụ tiêu dùng tại nước ngoài để làm căn cứ xác định điều kiện áp dụng thuế GTGT khi xuất khẩu dịch vụ thì Cục thuế TP Hồ Chí Minh có ý kiến như sau:

Tại điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 có quy định:

*"b) Dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan và tiêu dùng trong khu phi thuế quan.*

*Cá nhân ở nước ngoài là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và ở ngoài Việt Nam trong thời gian diễn ra việc cung ứng dịch vụ. Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan là tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh và các trường hợp khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ."*

Tại Điều 3 Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng ngày 20/06/2023 có quy định:

*"1. Người tiêu dùng là người mua, sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và không vì mục đích thương mại.*

*2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh là tổ chức, cá nhân thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình từ đầu tư, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm:*

... "

Tại Điều 3 Luật Thương mại ngày 14/06/2005 có quy định:

*"1. Hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác.*

...

*9. Cung ứng dịch vụ là hoạt động thương mại, theo đó một bên (sau đây gọi là bên cung ứng dịch vụ) có nghĩa vụ thực hiện dịch vụ cho một bên khác và nhận thanh toán; bên sử dụng dịch vụ (sau đây gọi là khách hàng) có nghĩa vụ*

*thanh toán cho bên cung ứng dịch vụ và sử dụng dịch vụ theo thỏa thuận."*

Theo đó thì Luật Thương mại quy định việc cung ứng dịch vụ của tổ chức kinh doanh thuộc hoạt động thương mại và nhằm mục đích sinh lợi. Theo Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thì tiêu dùng là việc người tiêu dùng "*sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức và không vì mục đích thương mại.*" khác với Tổ chức, cá nhân kinh doanh tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.

Như vậy theo quy Luật thuế GTGT hiện hành điều kiện áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% là dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam sẽ rất khó xác định đối tượng mà dịch vụ được tiêu dùng không vì mục đích lợi nhuận hoặc vì mục tiêu sinh lợi cũng như khó xác định được đối tượng cuối cùng mà dịch vụ đó cung cấp là ở ngoài Việt Nam hay trong lãnh thổ Việt Nam (vd: Dịch vụ kiểm định chất lượng hàng hóa xuất khẩu và Dịch vụ quản lý chất lượng hàng hóa xuất khẩu). Theo khoản 2 Điều 3 Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cũng quy định "*Tổ chức, cá nhân kinh doanh là tổ chức, cá nhân thực hiện... từ đầu tư, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa... nhằm mục đích sinh lợi*" tổ chức, cá nhân kinh doanh "tiêu thụ sản phẩm" được hiểu là thực hiện việc tiêu thụ là bao gồm sản phẩm, hàng hóa và sản phẩm dịch vụ nhưng theo quy định tại Luật thuế GTGT hiện nay điều kiện áp dụng thuế GTGT 0% được xác định dựa trên việc "dịch vụ được tiêu dùng".

#### **Ý kiến kiến nghị:**

Để tránh vướng mắc trong thực hiện, kiến nghị Bộ Tài chính xem xét căn cứ để xác định thuế GTGT 0% của dịch vụ khi xuất khẩu dựa trên việc "tiêu dùng" thì khó xác định được thực tế đối tượng tiêu thụ, tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ cuối cùng ở Việt Nam hay ngoài Việt Nam. Vì vậy Cục Thuế TP Hồ Chí Minh kiến nghị Bộ Tài chính xem xét chuyên quy định các trường hợp đặc thù là "dịch vụ được tiêu dùng" thành "dịch vụ được thực hiện".

**4.1.2. Đối với bổ sung quy định cụ thể một số nhóm hàng hóa không được áp dụng thuế suất 0% để Luật hóa các quy định đang thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật:**

#### **Nội dung tham gia ý kiến:**

Thống nhất giao Chính phủ quy định điều kiện và thủ tục được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% cho phù hợp.

#### **4.2. Về thuế suất thuế GTGT 5%:**

**4.2.1. Đối với bổ sung quy định về đối tượng áp dụng thuế suất 5% để Luật hóa một số quy định đang thực hiện ổn định tại các văn bản dưới Luật:**

#### **Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất về nội dung này.

**4.2.2. Quy định rõ “mũ cao su dạng mũ cờ rệp, mũ tờ, mũ bún, mũ côm” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất về nội dung này.

**4.2.3. Đối với bộ quy định “thực phẩm tươi sống” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Kiến nghị giao Chính phủ quy định chi tiết hoặc ban hành danh mục cụ thể.

**4.2.4. Đối với bộ quy định “lâm sản chưa qua chế biến” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5% (sang áp dụng mức thuế suất 10%):**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Kiến nghị giao Chính phủ quy định chi tiết hoặc ban hành danh mục cụ thể.

**4.2.5. Đối với bộ quy định mặt hàng “đường; phụ phẩm trong quá trình sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bún” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5% (sang áp dụng mức thuế suất 10%):**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh thống nhất về nội dung này.

**4.2.6. Đối với sửa cụm từ “bông sơ chế” thành “xơ bông đã qua chải thô, chải kỹ” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5%:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất về nội dung này để thống nhất với các quy định tại pháp luật chuyên ngành.

**4.2.7. Đối với quy định rõ đối với thiết bị, dụng cụ y tế; giáo cụ dùng để học tập:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất về nội dung này.

**4.2.8. Đối với bộ quy định “Hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim” thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 5% (sang áp dụng mức thuế suất 10%):**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất về nội dung này.

### **4.3. Đối với bổ sung quy định về nguyên tắc xác định thuế suất:**

#### **Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất về nội dung này.

### **5. Đối với khấu trừ thuế GTGT đầu vào:**

#### **5.1. Đối với quy định về kê khai, khấu trừ đối với hóa đơn bị sót:**

##### **Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh kính đề nghị Bộ Tài chính bổ sung thêm quy định về kê khai bổ sung thuế GTGT đầu vào đối với trường hợp người bán có phát sinh lập hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn thay thế và hóa đơn khi hoàn trả hàng hóa.

#### **5.2. Đối với quy định về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào:**

##### **5.2.1. Về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt:**

##### **Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất về nội dung này.

##### **5.2.2. Về bổ sung chứng từ vào điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu:**

##### **Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất về nội dung này.

##### **5.2.3. Về Luật hóa một số quy định đã thực hiện ổn định tại Nghị định:**

##### **a) Về việc hạch toán vào chi phí tính thuế TNDN đối với số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất về nội dung này.

##### **b) Về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam:**

Để thống nhất, kiến nghị Doanh nghiệp, tổ chức Việt Nam khi mua hàng hóa, dịch vụ của Nhà thầu nước ngoài là đối tượng kê khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên GTGT thì bên mua cũng không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào (bổ quy định khấu trừ đối với chứng từ nộp thay thuế nhà thầu nước ngoài).

Theo pháp luật thuế GTGT khi mua hàng hóa, dịch vụ của người bán tính thuế theo phương pháp trực tiếp và mua của NCCNN thì người mua không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

##### **5.2.4. Đối với bổ sung quy định về khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với các trường hợp theo quy định của Chính phủ:**



**Nội dung tham gia ý kiến:**

Vấn đề này Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh thống nhất ý kiến.

**5.3. Đối với Luật hóa một số quy định về phương pháp khấu trừ thuế, phương pháp tính trực tiếp:****5.3.1. Về đối tượng áp dụng phương pháp khấu trừ thuế:****Nội dung tham gia ý kiến:**

Tại Điều 10 quy định phương pháp khấu trừ thuế: đề xuất bỏ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế.

**5.3.2. Về đối tượng áp dụng phương pháp tính trực tiếp:****Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất về nội dung này.

**5.3.3. Về doanh thu để tính thuế GTGT:****Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất về nội dung này.

**5.3.4. Về đối tượng áp dụng nộp thuế GTGT theo phương pháp khoán:****Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất về nội dung này.

**6. Đối với quy định về Hoàn thuế GTGT:****6.1. Về việc bổ sung quy định về hoàn thuế GTGT đối với cơ sở sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế GTGT 5%:****Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị thống nhất về việc mở rộng cơ sở thuế (chuyên hàng hóa dịch vụ chịu thuế 5% sang 10%) để giảm trường hợp phát sinh do chênh lệch thuế suất. Đối với trường hợp còn lại, đề xuất cơ sở sản xuất kinh doanh được trừ vào chi phí tính thuế TNDN phần chênh lệch thuế GTGT, không bổ sung hoàn thuế GTGT đối với trường hợp này.

**6.2. Về sửa đổi quy định về hoàn thuế đối với dự án đầu tư:****Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất về nội dung này.

**6.3. Về sửa đổi quy định về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký, dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất về nội dung này.

**6.4. Sửa đổi quy định về hoàn thuế đối với dự án tìm kiếm, thăm dò, phát triển dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất về nội dung này.

**6.5. Về sửa đổi quy định về hoàn thuế đối với cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất về nội dung này.

**6.6. Về sửa đổi quy định về hoàn thuế GTGT đối với chuyên đổi sở hữu, chuyên đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chấm dứt hoạt động:**

**Nội dung tham gia ý kiến:**

Cục Thuế TP Hồ Chí Minh thống nhất ý kiến.

**6.7. Về việc bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan thuế trong xử lý hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT:**

Hiện nay việc hoàn thuế đối với một số Doanh nghiệp xuất khẩu một số mặt hàng, ngành sản xuất, kinh doanh rất khó kiểm tra, đối soát tính chính xác, có thực của giao dịch giữa tổ chức ở Việt Nam và khách hàng là tổ chức ở nước ngoài, việc kiểm tra cần nhiều thời gian và phối hợp của các cơ quan quốc tế. Vì vậy việc đáp ứng việc hoàn thuế đối với hồ sơ kiểm tra trước cần nhiều thời gian và gặp nhiều khó khăn. Để đáp ứng việc hoàn thuế GTGT phù hợp với quy định của Luật thì Cục Thuế TPHCM kiến nghị BTC có quy định cụ thể về “tính hợp lệ” của hồ sơ hoàn thuế.

Kính đề nghị Bộ Tài chính trình Chính phủ có quy định trường hợp Người nộp thuế đã thực hiện khắc phục hành vi vi phạm (Nộp đủ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt... vào ngân sách nhà nước), hoặc Cơ quan thuế đã ban hành quyết định xử phạt và khắc phục hậu quả thì công chức thuế được miễn trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự.

**6.8. Bổ sung quy định giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết điều kiện hoàn thuế:**

Về nội dung chứng từ thanh toán, kính đề nghị Bộ Tài chính trình Chính phủ có quy định liên quan đến quy chế trao đổi giữa Cơ quan thuế Việt Nam và Cơ quan thuế Nước ngoài theo Hiệp định về thuế.

**Kiến nghị Bổ sung:**

**Về giá tính thuế GTGT:**

Theo Pháp luật về Thuế GTGT thì căn cứ tính thuế là giá tính thuế và thuế suất (chưa có quy định cụ thể doanh thu là giá tính thuế). Vì vậy Cục Thuế TP Hồ Chí Minh kiến nghị bổ sung quy định: giá tính thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ là Doanh thu bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

- Đối với giá tính thuế GTGT hoạt động chuyển nhượng bất động sản có quy định về giá đất được trừ, nhưng vẫn cộng vào tổng giá trị hóa đơn giá trị gia tăng. Điều này dẫn đến chênh lệch giữa thuế suất và giá tính thuế GTGT khi ghi nhận trên tờ khai thuế GTGT 01/GTGT. (vd: hàng hóa chịu thuế GTGT 10% bán ra có giá chưa thuế là 500trđ thì thuế suất tương ứng là 50trđ. Đối với chuyển nhượng BĐS là quyền sử dụng đất có phần giá trị đất được trừ không tính thuế GTGT thì tổng giá trị đất chuyển nhượng là 500 trđ, phần giá trị đất được trừ là 100 trđ. Vậy tổng giá trị đất chuyển nhượng bao gồm thuế GTGT là:  $400\text{trđ} + (400\text{trđ} * 10\%) + 100\text{trđ} = 540\text{trđ}$ . Số tiền chênh lệch 10trđ và 100 trđ (phần giá trị đất được trừ) không thể hiện trên tờ khai thuế GTGT 01/GTGT và không xác định được thuế suất trên e-inv.

- Tương tự đối với hoạt động cung cấp Dịch vụ lữ hành Quốc tế theo quy định tại khoản 16 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

Vi vậy đề nghị BTC xem xét có quy định cụ thể về nội dung này khi Luật hóa bổ sung về căn cứ xác định giá tính thuế GTGT đối với chuyển nhượng Bất động sản và hoạt động cung cấp dịch vụ lữ hành trọn gói.

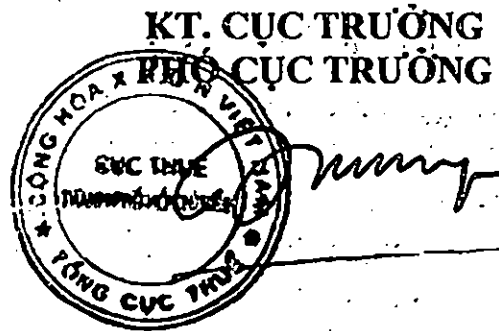
Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh kính gửi Bộ Tài chính. /

**Nơi nhận:**

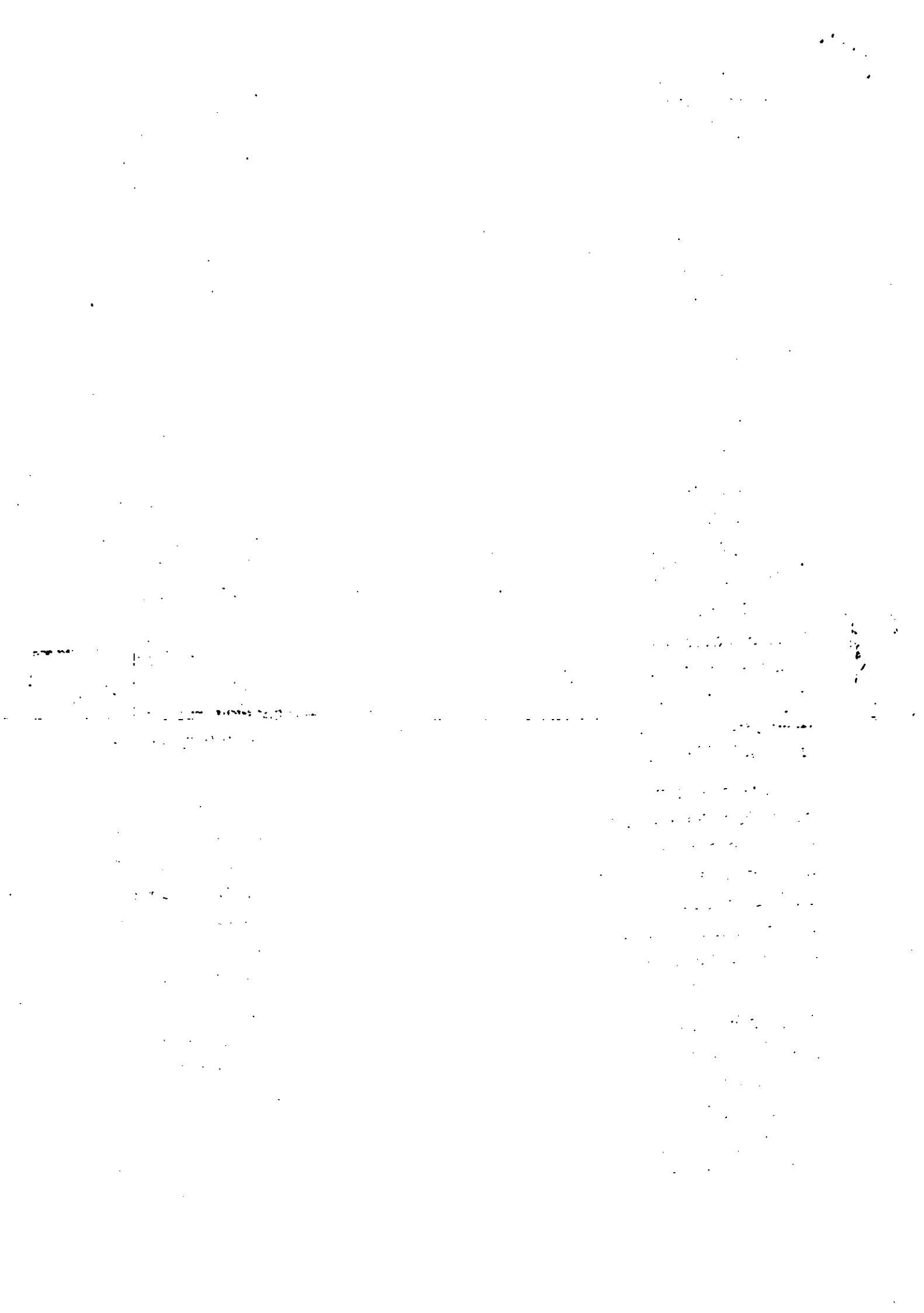
- Như trên;
- UBND TP HCM (để báo cáo);
- BLD Cục;
- Lưu: VT, TTHT (ngbinh1, 4b).

163/2401/2024/

150293



**Nguyễn Tiến Dũng**



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 87./CV/PC-KSNB-MXV  
V/v: Đóng góp ý kiến về Dự thảo 1  
Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2024

<b>ĐẾN</b>	Số: 8610
Ngày:	24-01-2024
Chuyên:	Cục CT
Số và ký hiệu hồ sơ:	Độc Bộ

**Kính gửi: Bộ Tài chính**

Công ty Cổ phần Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV) Công Thương cấp phép thành lập và hoạt động Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam, xin gửi lời chào trân trọng đến Quý Bộ.

Được biết Quý Bộ hiện đang lấy ý kiến đối với Dự thảo Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) (dưới đây gọi tắt là "Dự thảo luật"), MXV xin góp ý kiến để làm rõ quy định về chính sách thuế giá trị gia tăng (GTGT) áp dụng cho hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa trong Dự thảo luật. Cụ thể như sau:

**Thứ nhất**, về bản chất hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa là dịch vụ thương mại có tính chất phái sinh; không xác định được giá trị tăng thêm đối với hàng hóa trong giao dịch các Hợp đồng kỳ hạn, Hợp đồng quyền chọn và bản thân hoạt động giao dịch các Hợp đồng nói trên không tạo ra giá trị tăng thêm cho hàng hóa.

Theo quy định của pháp luật Thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa "là hoạt động thương mại, theo đó các bên thỏa thuận thực hiện việc mua bán một lượng nhất định của một loại hàng hóa nhất định qua Sở giao dịch hàng hoá theo những tiêu chuẩn của Sở giao dịch hàng hoá với giá được thỏa thuận tại thời điểm giao kết hợp đồng và thời gian giao hàng được xác định tại một thời điểm trong tương lai" (Điều 63, Luật Thương mại 2005).

Hợp đồng mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa bao gồm Hợp đồng kỳ hạn và Hợp đồng quyền chọn (Điều 64, Luật Thương mại 2005). Hợp đồng kỳ hạn là thỏa thuận, theo đó bên bán cam kết giao và bên mua cam kết nhận hàng hoá tại một thời điểm trong tương lai theo hợp đồng. Hợp đồng quyền chọn bao gồm Hợp đồng về quyền chọn mua hoặc quyền chọn bán, là thỏa thuận, theo đó bên mua quyền có quyền được mua hoặc được bán một hàng hóa xác định với mức giá định trước (gọi là giá giao kết) và phải trả một khoản tiền nhất định để mua quyền này (gọi là tiền mua quyền).

Về bản chất, hoạt động mua bán hàng hóa thông qua Hợp đồng kỳ hạn và Hợp đồng quyền chọn tại Sở Giao dịch hàng hóa có những đặc điểm sau: (i) Các Hợp đồng giao dịch qua Sở Giao dịch hàng hóa phải tất toán trước ngày đáo hạn hợp đồng; (ii) Doanh thu Sở Giao dịch hàng hóa nhận được là phí giao dịch của các Hợp đồng kỳ hạn và Hợp đồng quyền chọn nêu trên.

Về mục đích, việc mua, bán các hợp đồng phái sinh (Hợp đồng kỳ hạn, Hợp đồng quyền chọn) chỉ nhằm bảo hiểm giá hàng hóa cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua,



bán và do vậy nó mang tính chất tương lai. Giá trị của các hợp đồng biến động theo yếu tố thị trường (kinh tế, chính trị, xã hội...), không phải là giá trị thặng dư được tạo ra do khâu sản xuất, chế biến hay gia công hàng hóa.

Như vậy, cơ chế mua bán này hoàn toàn không khác gì cơ chế mua bán các loại Hợp đồng quyền chọn, Hợp đồng tương lai và Hợp đồng kỳ hạn trên thị trường chứng khoán.

**Thứ hai,** Bộ Tài chính đã có giải đáp, hướng dẫn cụ thể việc xác định chế độ thuế GTGT áp dụng cho hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa tại Công văn số 10554/BTC-TCDN gửi Bộ Công Thương ngày 07/8/2012 báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Nghị định số 158/2006/NĐ-CP (điểm b tiêu mục 1.1 mục 1 Phần II của Công văn):

*“b. Đối với các giao dịch phái sinh thông qua các Hợp đồng mua bán có kỳ hạn, hợp đồng mua bán tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi...:*

*- Thuế GTGT: Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính quy định các giao dịch tài chính phái sinh không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.”*

Văn bản số 5178/TCT-CS ngày 07/12/2020 của Tổng Cục thuế trả lời MXV về thuế GTGT cũng xác định *“... trường hợp giao dịch hợp đồng kỳ hạn và hợp đồng quyền chọn hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa được thực hiện theo quy định pháp luật về thương mại thuộc đối tượng không chịu Thuế giá trị gia tăng.”*

Tính đến thời điểm hiện tại, hướng dẫn tại hai văn bản nêu trên vẫn đang được cơ quan thuế áp dụng đối với hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng cần thiết quy định rõ hơn đối tượng không chịu thuế GTGT đối với hoạt động này trong Luật Thuế giá trị gia tăng (thay vì hướng dẫn tại các văn bản dưới luật hoặc tại các văn bản hành chính). Việc này một mặt vừa đảm bảo tính cụ thể, rõ ràng trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tránh gây ra nhiều cách hiểu không thống nhất trong áp dụng chính sách thuế GTGT, mặt khác vừa đảm bảo đáp ứng những yêu cầu từ thực tiễn, giúp chính sách đi vào cuộc sống và khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh bền vững.

**Thứ ba,** tham khảo kinh nghiệm xây dựng pháp luật của các quốc gia trên thế giới, đặc biệt ở một số nước có loại hình giao dịch, mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa cho thấy không áp dụng thuế GTGT đối với lĩnh vực này; vấn đề này được điều chỉnh cụ thể tại văn bản quy phạm pháp luật có tính hiệu lực cao nhất trong lĩnh vực thuế.

Diễn hình là tiết 4º khoản 1 Điều 261 Bộ luật Thuế chung của Cộng hòa Pháp quy định trực tiếp hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa không phải chịu thuế GTGT: *“Giao dịch kỳ hạn hàng hóa được thực hiện qua một thị trường được*

điều tiết thì không phải chịu thuế giá trị gia tăng, trừ khi giao dịch đó có việc giao hàng thực tế xảy ra.”<sup>1</sup>

Ngoài ra, theo Báo cáo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD)<sup>2</sup>, nhiều quốc gia khác cũng quy định hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa là đối tượng không chịu thuế GTGT, áp dụng thuế suất thuế GTGT là 0% hoặc miễn thuế. Cụ thể:

- Các nước quy định mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa không phải chịu thuế GTGT gồm: Bỉ, Đức, Nhật Bản, Na-Uy, Ý.

- Anh (quốc gia có hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa lâu đời với các Sở Giao dịch hàng hóa quy mô lớn nhất thế giới, điển hình như Sở Giao dịch kim loại London - London Metal Exchange) áp dụng mức thuế suất thuế GTGT là 0% (zero-rating)<sup>3</sup>.

- Các nước miễn trừ thuế GTGT đối với hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa gồm: Áo, Canada, Thụy Điển, Ireland, Luxembourg, Thụy Sĩ, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Đan Mạch, Hungary.

Từ những phân tích và trình bày nêu trên, để đảm bảo mục tiêu phản ánh đúng hoạt động của thị trường, bản chất của đối tượng chịu thuế GTGT, nâng cao khả năng áp dụng pháp luật thuế GTGT trên thực tế và phù hợp với kinh nghiệm quốc tế trong lĩnh vực này, MXV kiến nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, làm rõ chính sách thuế GTGT áp dụng đối với hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa trong Dự thảo luật (khoản 9, Điều 5) theo 1 trong 2 phương án như sau:

1) Phương án 1: “**Dịch vụ (hàng hóa và tài chính) phải sinh bao gồm: hợp đồng kỳ hạn; hợp đồng tương lai; hợp đồng quyền chọn; hoán đổi lãi suất; dịch vụ phải sinh khác theo quy định của pháp luật**”.

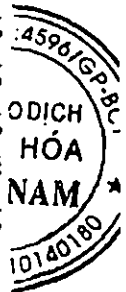
2) Phương án 2: “**Hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa bao gồm: môi giới, tự doanh, nhận ủy thác mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch theo quy định về pháp luật thương mại**”.

Việc làm rõ chính sách thuế GTGT trong Dự thảo luật như trên sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật thuế trong lĩnh vực mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa, đảm bảo sự thống nhất, hợp lý trong tư duy lập pháp của pháp luật Việt Nam và phù hợp với xu hướng áp dụng thuế GTGT của quốc tế, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng, đảm bảo thực hiện phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế -

<sup>1</sup> France - Code général des impôts: III. Opérations exonérées, Article 261-1-4°: “Affaires ou opérations soumises à un autre impôt: les opérations à terme sur marchandises réalisées sur un marché réglementé à l'exclusion de celles qui déterminent l'arrêt de la filière”.

<sup>2</sup> Report of the OECD: INDIRECT TAX TREATMENT OF FINANCIAL SERVICES AND INSTRUMENTS: <https://www.oecd.org/tax/consumption/1915300.pdf>

<sup>3</sup> Lệnh Thuế Giá trị gia tăng (thị trường kỳ hạn) The Value Added Tax (Terminal Markets) – Order 1973: <https://www.legislation.gov.uk/ukSI/1973/173/article/3/made> quy định các giao dịch hợp đồng tương lai qua Sở Giao dịch hàng hóa (trong tự giao dịch Hợp đồng kỳ hạn và Hợp đồng quyền chọn theo quy định tại Luật Thương mại của Việt Nam) không làm phát sinh hoạt động giao nhận hàng thực tế được áp dụng thuế GTGT là 0%.



xã hội về thuế, phí tại văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: HC./.





**TẬP ĐOÀN  
HÓA CHẤT VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 113 /HCVN-KHKD

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2024

V/v góp ý xây dựng hồ sơ dự  
án Luật thuế GTGT sửa đổi

BỘ TÀI CHÍNH

ĐỀ N Sô: 116.90  
Ngày: 01-02-2024  
Chuyên: Cục CST  
Số và ký hiệu HS: ~~.....~~

Kính gửi: Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Thực hiện theo yêu cầu của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Ủy ban) tại văn bản số 155/UBQLV-PCKS ngày 26 tháng 01 năm 2024 về việc đề nghị tham gia ý kiến đối với hồ sơ dự án Luật thuế GTGT sửa đổi; sau khi nghiên cứu, Tập đoàn Hoá chất Việt Nam (Tập đoàn) kính báo cáo Ủy ban như sau:

**I. Về hồ sơ dự án Luật thuế GTGT sửa đổi**

**1. Dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi**

- Thống nhất bỏ nội dung “Phân bón” khỏi nội dung thuộc Khoản 3a, Điều 5. Đối tượng không chịu thuế.

- Thống nhất bổ sung nội dung “Phân bón” vào nội dung Khoản 2, Điều 9. Thuế suất 5% áp dụng đối với hàng hóa dịch vụ sau.

- Thống nhất bỏ nội dung “sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên” khỏi nội dung khoản 23. Điều 5. Đối tượng không chịu thuế.

Tập đoàn kiến nghị không đưa sản phẩm phân bón vào “*Danh mục do Chính phủ quy định*” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT” do phân bón có tính mùa vụ rất cao, trong những tháng không vào vụ thì nhu cầu tiêu thụ trong nước giảm mạnh. Trong khi đó, năng lực sản xuất phân bón trong nước của các doanh nghiệp hiện nay ước tính ở mức 33 triệu tấn, trong đó tiêu thụ cho nông nghiệp chỉ 12 triệu tấn. Với khoảng 20 triệu công suất dư thừa, để duy trì ổn định sản xuất, hạn chế tồn kho cao và hạ giá thành sản phẩm, các công ty bắt buộc phải thực hiện xuất khẩu một phần sản phẩm sản xuất ra trong những khoảng thời gian này.

Nếu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT đối với sản phẩm xuất khẩu thì khi nguồn cung tăng lên, áp lực cạnh tranh lớn thì các đơn vị sản xuất phân bón sẽ gặp rất nhiều bất lợi khi cạnh tranh với các sản phẩm phân bón từ các nước. Việc sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thấp hơn công suất sản xuất



sẽ dẫn đến giá thành sản phẩm cao, hiệu quả thấp và ảnh hưởng đến mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

## 2. Dự thảo Nghị định Quy định chi tiết một số điều của Luật thuế GTGT (sửa đổi)

Thông nhất nội dung khoản 3. Điều 5. Thuế suất.

### 3. Dự thảo Tờ trình dự án Luật thuế GTGT sửa đổi và Bản thuyết minh chi tiết nội dung sửa đổi bổ sung dự án Luật thuế GTGT sửa đổi (Tờ trình Chính phủ và Bản thuyết minh)

- Thống nhất với đánh giá, nhận xét, phân tích những bất cập, hạn chế khi đưa mặt hàng phân bón vào đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) nêu tại dự thảo Tờ trình Chính phủ Phần I, mục 1, Trang 5 ("*Số lượng nhóm hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế còn nhiều... làm tăng chi phí sản xuất của doanh nghiệp và làm tăng giá bán ra, ảnh hưởng đến các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng*") và tại Bản thuyết minh, Mục 2, tiểu mục 2.2- Sửa đổi quy định đối với mặt hàng phân bón...

Thông nhất với đề xuất sửa đổi nêu tại Phần IV, mục 2.2- Đối tượng không chịu thuế GTGT: trang 10-11 dự thảo Tờ trình Chính phủ ("*Sửa đổi quy định mặt hàng phân bón,... từ đối tượng không chịu thuế GTGT thành đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 5%...*").

- Thống nhất với đánh giá, nhận xét, phân tích những bất cập tại quy định hiện hành nêu tại Bản thuyết minh, Mục 2, tiểu mục 2.14 - Sửa quy định "sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên".

Đối với đề xuất sửa đổi nêu tại Phần IV, mục 2.2 – Đối tượng không chịu thuế GTGT: trang 12 dự thảo Tờ trình Chính phủ ("*Sửa đổi quy định "sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác; sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên" thành "sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác theo Danh mục do Chính phủ quy định" thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT...*").

Tập đoàn kiến nghị không đưa sản phẩm phân bón vào **“Danh mục do Chính phủ quy định” thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT** do phân bón có tính mùa vụ rất cao, trong những tháng không vào vụ thì nhu cầu tiêu thụ trong nước giảm mạnh. Trong khi đó, năng lực sản xuất phân bón trong nước của các doanh nghiệp hiện nay ước tính ở mức 33 triệu tấn, trong đó tiêu thụ cho nông nghiệp chỉ 12 triệu tấn. Với khoảng 20 triệu công suất dư thừa, để duy trì ổn định sản xuất, hạn chế tồn kho cao và hạ giá thành sản phẩm, các công ty bắt buộc phải thực hiện xuất khẩu một phần sản phẩm sản xuất ra trong những khoảng thời gian này.

Nếu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT đối với sản phẩm xuất khẩu thì khi nguồn cung tăng lên, áp lực cạnh tranh lớn thì các đơn vị sản xuất phân bón sẽ gặp rất nhiều bất lợi khi cạnh tranh với các sản phẩm phân bón từ các nước. Việc sản lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thấp hơn công suất sản xuất sẽ dẫn đến giá thành sản phẩm cao, hiệu quả thấp và ảnh hưởng đến mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

## **II. Đánh giá tác động trước và sau khi luật số 71/2014/QH13 có hiệu lực thi hành**

### **1. Đối với sản xuất kinh doanh phân bón trong nước.**

Luật 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT đã đưa phân bón từ diện chịu thuế GTGT 5% sang diện không chịu thuế GTGT với mong muốn giảm giá phân bón hỗ trợ người nông dân sản xuất. Về lý thuyết, khi bỏ 5% GTGT thì giá phân bón sẽ giảm tương ứng do đây là phần thuế đánh trực tiếp vào người tiêu dùng cuối, người nông dân. Tuy nhiên, khi không có thuế GTGT phân bón đầu ra thì phần thuế GTGT đầu vào của: thiết bị máy móc, nguyên liệu sản xuất...(phần lớn các mặt hàng có thuế suất thuế GTGT là 10%) của hoạt động sản xuất kinh doanh phân bón sẽ không được khấu trừ thuế. Doanh nghiệp phải đưa toàn bộ phần thuế không được khấu trừ này vào phần chi phí sản xuất, từ đó khiến giá thành sản phẩm tăng lên khoảng 2-5% (tùy theo từng mặt hàng phân bón). Tổng chi phí thuế GTGT của các đơn vị thuộc Tập đoàn mỗi năm gần 1.000 tỷ đồng. Điều này khiến các doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước khó cạnh tranh được với phân bón nhập khẩu.

Khi xuất khẩu phân bón, doanh nghiệp nước ngoài được hoàn toàn bộ thuế GTGT đầu vào, đồng thời khi nhập khẩu vào Việt Nam cũng không phải nộp thuế GTGT, do vậy họ có thể hạ giá bán để cạnh tranh trực tiếp với phân bón trong nước. Trong khi giá thành, giá bán sản phẩm phân bón trong nước tăng,

làm giảm thị phần tiêu thụ, giảm sức cạnh tranh đối với mặt hàng phân bón nhập khẩu, gây bất bình đẳng giữa hàng sản xuất trong nước với hàng hóa nhập khẩu.

## **2. Đối với người nông dân: tác động đến giá phân bón trong nước**

Yếu tố quyết định đến biến động giá phân bón ở thị trường trong nước là giá bán phân bón thế giới và mối quan hệ cung – cầu phân bón trong nước từng thời điểm, từng mùa vụ (vì phân bón có tính mùa vụ rất cao). Sự thay đổi thuế suất thuế GTGT là một trong các yếu tố tác động đến giá phân bón, diễn biến giá phân bón thời gian qua chịu ảnh hưởng lớn từ yếu tố địa chính trị tác động đến chi phí sản xuất và cung cầu, cụ thể như sau:

### **2.1. Giá phân bón thế giới**

Giá phân bón thế giới phụ thuộc vào chi phí sản xuất phân bón và cung-cầu phân bón thế giới. Giá phân bón thế giới tương đối ổn định từ năm 2016 đến năm 2021 và tăng đột biến vào năm 2022 do những nguyên nhân sau:

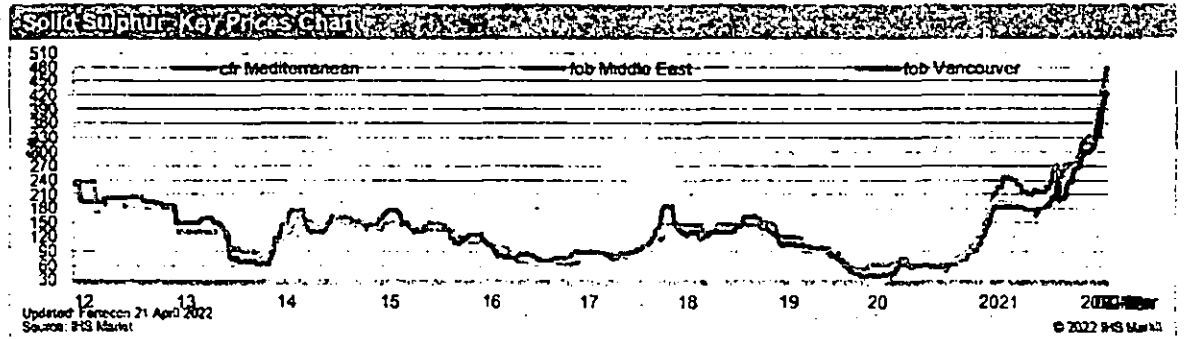
- Chi phí sản xuất phân bón gồm chi phí nguyên vật liệu (ammoniac và than cho sản xuất đạm ure, ammoniac và lưu huỳnh cho sản xuất phân DAP).

Năm 2022, cuộc chiến tranh giữa Nga-Ukraine đã khiến giá dầu tăng cao, dẫn đến giá các nguyên liệu đầu vào chính của các sản phẩm phân bón tăng đột biến, đặc biệt là 02 nguyên liệu là lưu huỳnh và ammoniac ( $\text{NH}_3$ ). Chỉ trong vòng 4 tháng đầu năm 2022, giá lưu huỳnh đã tăng hơn 60% (từ 286 USD/t lên 460 USD/t), tương đương với mức tăng 174 USD/tấn; giá  $\text{NH}_3$  tăng 22% (từ 866 USD/t lên 1.058 USD/t), tương đương với mức tăng 192 USD/tấn. Bên cạnh đó, giá than cũng tăng 11,7%, giá cước vận chuyển tăng... Các chi phí đầu vào có tác động mạnh, đã đẩy giá thành sản xuất phân bón DAP, ure, NPK tăng rất cao dẫn đến giá bán cao.

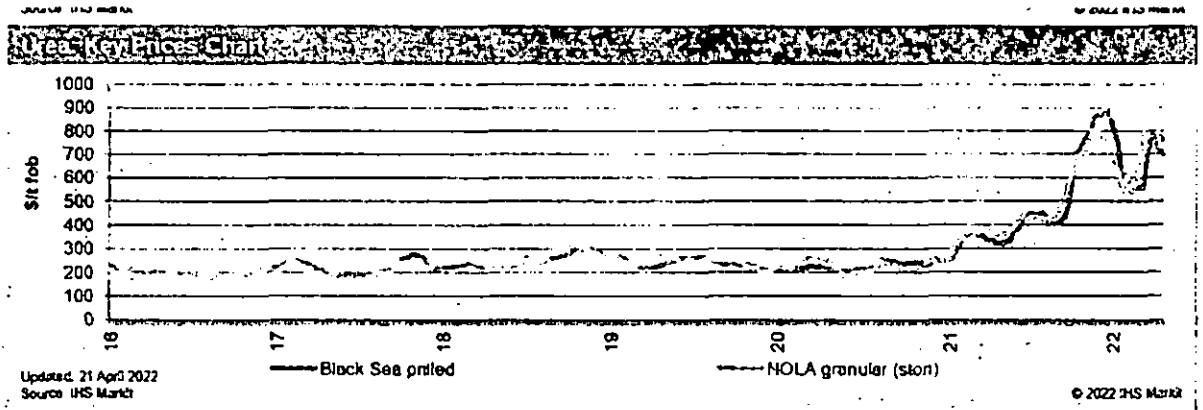
- Nguồn cung phân bón từ một số nước xuất khẩu lớn (Trung Quốc, Nga) bị thu hẹp đẩy giá phân bón tăng cao.

Do vậy, giá phân bón đầu năm 2022 tăng đột biến, liên quan đến chi phí sản xuất (giá lưu huỳnh...) và cung ứng phân bón thể hiện qua các đồ thị sau:

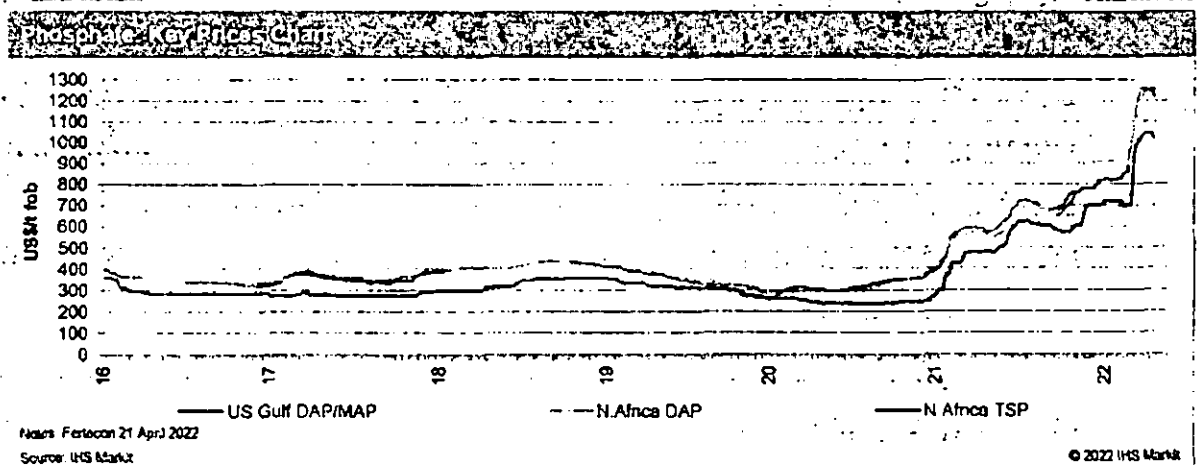
*Diễn biến giá lưu huỳnh thế giới giai đoạn 2012-2022*



### Diễn biến giá ure thế giới giai đoạn 2016-2022



### Diễn biến giá DAP thế giới giai đoạn 2016-2022



### 2.2. Cung- cầu phân bón trong nước

Nhu cầu phân bón phụ thuộc vào thời vụ của cây trồng. Vào thời điểm chăm sóc, gieo trồng thì nhu cầu phân bón tăng cao. Còn trong những tháng không vào vụ thì nhu cầu tiêu thụ trong nước giảm mạnh.

Thời vụ có thể khác nhau đối với từng loại cây trồng cũng như từng khu vực. Đối với cây lúa, vùng Đồng bằng sông Hồng gồm có hai vụ lúa chính: vụ lúa chiêm xuân và vụ lúa mùa; vùng duyên hải Trung Bộ có hai vụ chính là: hè thu, đông xuân và vụ mùa, vùng Đồng bằng sông Cửu Long chủ yếu có hai vụ

mùa lúa là vụ mùa và vụ chiêm, ngoài ra tại một số khu vực còn xuất hiện thêm một vụ nữa là vụ hè thu.

### **III. Đánh giá tác động khi phân bón từ đối tượng không chịu thuế GTGT được chuyển sang đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 5%**

- Tác động đến các đơn vị sản xuất kinh doanh phân bón trong nước:

Khi phân bón được đưa vào đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 5% thì các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón trong nước đều được khấu trừ thuế GTGT đầu vào làm giảm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm từ đó tăng khả năng cạnh tranh với phân bón nhập khẩu.

- Tác động đến giá phân bón, tác động đến người nông dân

Dự thảo Luật thuế GTGT nếu được thông qua tại kỳ họp thứ 8, tháng 10/2024 và áp dụng từ năm 2025 thì thị trường phân bón bị ảnh hưởng lớn nhất vào quý IV/2024. Khi đó các doanh nghiệp nhập khẩu phân bón sẽ tăng cường lượng nhập khẩu phân bón nhằm tránh nộp thuế GTGT. Do vậy, tồn kho phân bón vào cuối năm 2024 sẽ ở mức cao.

Năm 2025, khi phân bón được chuyển sang đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 5%, giá phân bón tại thị trường Việt Nam có thể tăng lên tương ứng 5%. Tuy nhiên, giá phân bón có thể phải điều chỉnh giảm khi tồn kho đang ở mức cao. Bên cạnh đó, do các doanh nghiệp trong nước được giảm chi phí thuế GTGT, giảm giá thành dẫn tới có thể giảm giá phân bón nhằm cạnh tranh với phân bón nhập khẩu, bình ổn giá trong nước, tạo điều kiện thuận lợi cho nông dân yên tâm sản xuất.

Doanh nghiệp sản xuất phân bón trong nước sẽ mạnh dạn đầu tư công nghệ mới, sản phẩm mới, mở rộng sản xuất để ra sản phẩm phân bón thế hệ mới, phân bón có hàm lượng công nghệ cao.

### **IV. Tổng hợp các hoạt động đồng hành của các đơn vị trong Tập đoàn hỗ trợ bà con nông dân để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp**

Để hỗ trợ, đồng hành cùng bà con nông dân, các đơn vị sản xuất phân bón trong Tập đoàn đã triển khai nhiều hoạt động, chương trình thiết thực như:

- Hàng năm, các đơn vị đã tổ chức hơn 3.000 hội thảo, hội nghị tập huấn, giới thiệu, tuyên truyền về sản phẩm, hướng dẫn sử dụng phân bón cho bà con nông dân; Cấp phân bón cho gần 100 mô hình trình diễn cho các loại cây trồng và phối hợp với Trung tâm khuyến nông Quốc gia, Trung tâm khuyến nông các tỉnh và các viện nghiên cứu,... để hướng dẫn chuyển giao kỹ thuật canh tác, sử dụng phân bón thông minh và nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón;

- Một số đơn vị có chủ trương bán sản phẩm phân bón chậm trả theo phương thức tín chấp cho nông dân trên địa bàn các tỉnh thông qua hệ thống các nhà phân phối như Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hoá chất Lâm Thao; Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền;

- Tập trung đầu tư nghiên cứu để sản xuất các loại phân bón chất lượng cao, bổ sung các nguyên tố vi lượng, nâng cao hiệu suất sử dụng, giảm lượng bón cho bà con nông dân,...

Trên đây là ý kiến góp ý của Tập đoàn Hoá chất Việt Nam đối với Hồ sơ xây dựng Luật thuế giá trị gia tăng sửa đổi, Tập đoàn kính đề nghị Ủy ban xem xét tổng hợp./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Hiệp hội Phân bón Việt Nam (để biết);
- Đảng ủy Tập đoàn (để báo cáo);
- HĐQT Tập đoàn (để báo cáo);
- TGD Tập đoàn (e-copy);
- KSV Tập đoàn (e-copy);
- PTGD Tập đoàn (e-copy);
- Các đơn vị: ĐHB, ĐNB, DAPI, DAP2, Supe, PBMN, PLVD, PLNB, Bình Điền, PB Cần Thơ, Apatit.
- Lưu: VT, KHKD (e-copy).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hữu Tú**

The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions. It emphasizes that every entry should be supported by a valid receipt or invoice. This ensures transparency and allows for easy verification of the data.

In the second section, the author outlines the various methods used to collect and analyze the data. This includes both manual and automated processes. The goal is to ensure that the data is as accurate and reliable as possible.

The third section provides a detailed breakdown of the results. It shows that there has been a significant increase in sales over the period covered. This is attributed to several factors, including improved marketing strategies and better customer service.

Finally, the document concludes with a series of recommendations for future actions. These include continuing to invest in marketing, improving operational efficiency, and maintaining a strong focus on customer satisfaction.

The following table summarizes the key findings of the study. It shows a clear upward trend in revenue and profit over the last year.

Category	Q1	Q2	Q3	Q4
Revenue	\$1.2M	\$1.5M	\$1.8M	\$2.1M
Profit	\$0.3M	\$0.4M	\$0.5M	\$0.6M
Customer Satisfaction	85%	88%	90%	92%

Based on these results, it is recommended that the company continue to focus on its core strengths while also exploring new opportunities for growth.

The data clearly indicates that the company is on a positive trajectory. With the right strategies in place, there is a strong potential for continued success in the coming years.

It is important to stay vigilant and adapt to changing market conditions. Regular monitoring and reporting will be essential to ensure that the company remains on track.

Thank you for your attention and support. We look forward to continuing our partnership and achieving our shared goals.



**TẬP ĐOÀN  
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG  
VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 972 / VNPT-KTC

V/v Tham gia ý kiến về hồ sơ dự án  
Luật thuế GTGT (sửa đổi).

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2024

<b>ĐẾN</b> Số:.....126.26.....
Ngày: 05-02-2024
Chuyên:.....C.T.....
Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT) xin trân trọng cảm ơn Bộ Tài chính đã luôn quan tâm, hướng dẫn giúp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách tài chính, kế toán, thuế, giúp Tập đoàn VNPT hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu kèm theo công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính v/v lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật Thuế GTGT (sửa đổi), về cơ bản Tập đoàn VNPT nhất trí với các nội dung hồ sơ dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) do Bộ Tài chính xây dựng. Để khắc phục các vướng mắc phát sinh thực tế trong quá trình thực hiện Luật thuế GTGT thời gian qua, bảo đảm tính khả thi, minh bạch và thuận lợi cho tổ chức thực hiện, Tập đoàn VNPT kính đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, điều chỉnh một số nội dung của dự thảo án Luật thuế GTGT (sửa đổi) chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

VNPT trân trọng cảm ơn sự quan tâm của Bộ Tài chính./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, KTC, PLC.

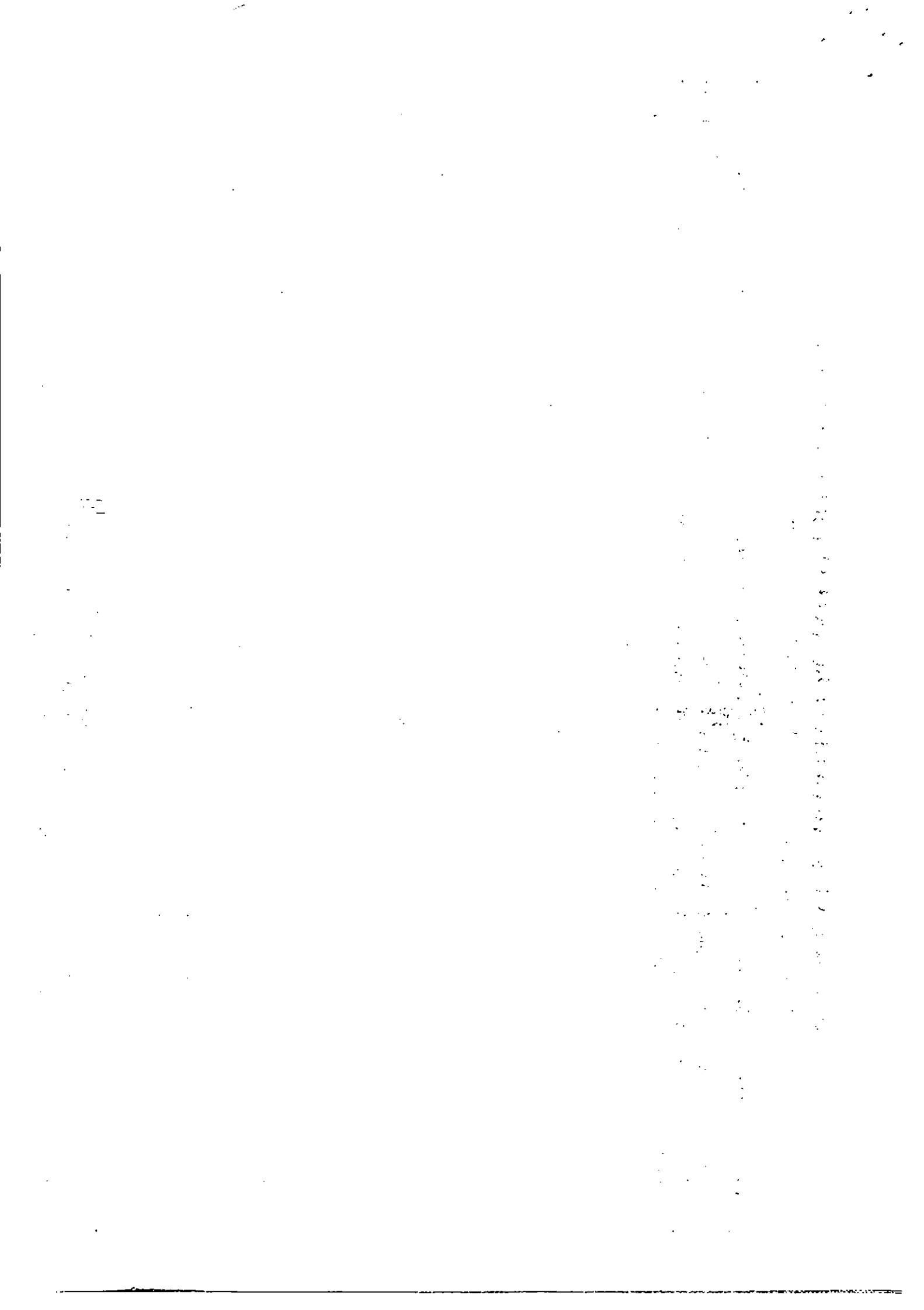
Số eOffice: 91695 - VBKS

(Đầu mối liên hệ tại VNPT: Anh Phạm Lê Châu,  
đi động: 0913095342, email: chaupl@vnpt.vn)

**KI. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Đình Danh**



## TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA VỀ DỰ ÁN LUẬT THUẾ GTGT (SỬA ĐỔI)

(Kèm theo công văn số: 972 /VNPT-KTTC ngày 01 tháng 02 năm 2024)

STT	Nội dung theo dự thảo	Kho khăn, vướng mắc trong thực hiện	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
1.	<p>Tại Điều 5 Dự thảo Luật quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT chưa đề cập đến dịch vụ bưu chính, viễn thông từ nước ngoài vào Việt Nam (chiều đến)</p>	<p>Tại Khoản 10 Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành luật thuế GTGT ngày 31/12/2013, quy định: <b><u>"10. Dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích và Internet phổ cập theo chương trình của Chính phủ; Dịch vụ bưu chính, viễn thông từ nước ngoài vào Việt Nam (chiều đến)."</u></b></p>	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo Luật hóa quy định đối tượng không chịu thuế GTGT đối với "Dịch vụ bưu chính, viễn thông từ nước ngoài vào Việt Nam (chiều đến)" đã thực hiện ổn định theo hướng dẫn tại Thông tư 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.</p>
2.	<p>Điểm d Khoản 9 Điều 5. Đối tượng không chịu thuế "Chuyển nhượng vốn quy định tại khoản này không bao gồm chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản".</p>	<p>Cách diễn đạt như dự thảo hiện hành chưa thể hiện rõ bản chất của hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản không phải là hoạt động chuyển nhượng vốn theo quy định như đã phân tích cụ thể tại mục 2.5 Bản thuyết minh chi tiết nội dung sửa đổi, bổ sung dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi), chưa đảm bảo để người đọc nhận diện chính xác bản chất vấn đề làm căn cứ chủ động xử lý đúng tinh thần của văn bản luật đối với các tình huống tương tự.</p>	<p>Đề xuất cơ quan soạn thảo bổ sung Dự thảo Luật nội dung làm rõ bản chất của hoạt động chuyển nhượng vốn như Bản thuyết minh chi tiết nội dung sửa đổi, bổ sung dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi) của Bộ Tài chính.</p> <p>Vi dụ: "Chuyển nhượng vốn là hoạt động dẫn đến thay đổi số vốn đầu tư của cá nhân, tổ chức tại doanh nghiệp; bao gồm chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ... Các hoạt động chuyển nhượng khác (như chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản,...) không làm thay đổi số vốn đầu tư của cá nhân, tổ chức tại doanh nghiệp; không phải là hoạt động chuyển nhượng vốn".</p>
3.	<p>Khoản 21 Điều 5 Dự thảo Luật quy định Đối tượng không chịu</p>	<p>Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 71/2007/NĐ-CP có quy định về các loại sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm.</p>	<p>Đề tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong quá trình sản xuất</p>

ST.1	Nội dung theo dự thảo	Kho khăn, vướng mắc trong thực hiện	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
<p>thứ "21...San pham phan mien va dich vu phan mien theo quy dinh cua phap luat";</p>	<p>Tuy nhiên, ngoài các sản phẩm phân mềm và dịch vụ phân mềm cụ thể còn có quy định "Các phân mềm khác" và "Các dịch vụ phân mềm khác". Quy định trên gây khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc xác định sản phẩm phân mềm và dịch vụ phân mềm.</p> <p>Vi dụ: Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, các doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm phân mềm và dịch vụ phân mềm gặp khó khăn trong việc xác định sản phẩm phân mềm, dịch vụ phân mềm theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 của Chính phủ đối với các hoạt động sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động thuê phần mềm, bán quyền phần mềm máy tính</li> <li>- Hoạt động cho thuê phần mềm máy tính</li> <li>- Hoạt động cho thuê phần mềm, bán quyền phần mềm máy tính</li> <li>- Hoạt động bán, cung ứng cho một số nhà kinh doanh sử dụng một số nhà kinh doanh sử dụng công nghệ thông tin trong khi doanh nghiệp vẫn là chủ sở hữu bản quyền các sản phẩm, dịch vụ này.</li> </ul> <p>VNPT vẫn là chủ sở hữu bản quyền các sản phẩm, dịch vụ này.</p>	<p>1. Phôi hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết, cụ thể các loại sản phẩm phân mềm và dịch vụ phân mềm, trong đó làm rõ các hoạt động sau có thuộc dịch vụ phân mềm hay không:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động thuê phần mềm, bán quyền phần mềm máy tính</li> <li>- Hoạt động cho thuê phần mềm, bán quyền phần mềm máy tính</li> <li>- Hoạt động bán, cung ứng cho một số nhà kinh doanh sử dụng công nghệ thông tin trong khi doanh nghiệp vẫn là chủ sở hữu bản quyền các sản phẩm, dịch vụ này.</li> </ul> <p>2. Trường hợp không làm rõ được để nghị chuyển "sản phẩm phân mềm, dịch vụ phân mềm" sang đối tượng chịu thuế GTGT</p> <p>đề tạo điều kiện cho doanh nghiệp chấp hành đúng quy định của Luật Thuế GTGT.</p>	<p>kinh doanh các loại sản phẩm phân mềm, dịch vụ phân mềm, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về thuế GTGT, đề nghị cơ quan soạn thảo:</p> <p>1. Phôi hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết, cụ thể các loại sản phẩm phân mềm và dịch vụ phân mềm, trong đó làm rõ các hoạt động sau có thuộc dịch vụ phân mềm hay không:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động thuê phần mềm, bán quyền phần mềm máy tính</li> <li>- Hoạt động cho thuê phần mềm, bán quyền phần mềm máy tính</li> <li>- Hoạt động bán, cung ứng cho một số nhà kinh doanh sử dụng công nghệ thông tin trong khi doanh nghiệp vẫn là chủ sở hữu bản quyền các sản phẩm, dịch vụ này.</li> </ul> <p>2. Trường hợp không làm rõ được để nghị chuyển "sản phẩm phân mềm, dịch vụ phân mềm" sang đối tượng chịu thuế GTGT</p> <p>đề tạo điều kiện cho doanh nghiệp chấp hành đúng quy định của Luật Thuế GTGT.</p>
4.	<p>Điều 25 Luật Thuế Thu nhập cá nhân, quy định hàng hóa, dịch vụ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh làm đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông: CNTT, VNPT gặp khó khăn trong việc xác định cá nhân/hộ kinh doanh có mặt doanh thu từ 150 triệu</p>	<p>Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, VNPT ký hợp đồng kinh doanh có mặt doanh thu từ 150 triệu/năm thì không phải yêu</p>	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ cơ sở để xác định được cá nhân/hộ kinh doanh có mặt doanh thu từ 150 triệu đồng trở xuống để</p>

STT	Nội dung theo dự thảo	Khai thác, vướng mắc trong quá trình	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
5.	<p>Điều c khoản 1 Điều 7 Dự thảo Luật quy định <b>Gia đình thuế</b>: 'Đôi vợ chồng mua, dịch vụ dùng để trao đổi, <del>hàng hóa</del> hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, giá trị gia tăng của gia đình thuế giá trị gia tăng hàng hóa, dịch vụ cung loại hoặc trong được tại thời điểm phát sinh các hoạt động này. Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để chuyển mua theo quy định của pháp luật về thương mại, (0)'.          Điều 1 khoản 1 Điều 7 Dự thảo Luật quy định tại khoản 1 Điều 4. Nguyễn tác lập, quan lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ <b>Nghi định</b> 123/2020/NĐ-CP: "1. Khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, người bán phải lập hóa đơn để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để chuyển mua, quang cáo, hàng mẫu, hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay trong cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử thì phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này."          Nghị định này."</p>	<p>- Quy định tại dự thảo không đúng trong trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để chuyển mua nhưng không được hiện theo quy định của pháp luật về thương mại.          - Quy định tại dự thảo không đúng trong trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để chuyển mua nhưng không được hiện theo quy định của pháp luật về thương mại, giá trị gia tăng của gia đình thuế giá trị gia tăng hàng hóa, dịch vụ cung loại hoặc trong được tại thời điểm phát sinh các hoạt động này."          VD: "là giá trị thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cung để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để chuyển mua, quang cáo, hàng mẫu, hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay trong cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất)); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử thì phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này."</p>	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo: - Bổ sung quy định cụ thể về giá trị thuế trong trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để chuyển mua.          - Bổ sung quy định cụ thể về giá trị gia tăng của gia đình thuế giá trị gia tăng hàng hóa, dịch vụ cung loại hoặc trong được tại thời điểm phát sinh các hoạt động này, giá trị gia tăng của gia đình thuế giá trị gia tăng hàng hóa, dịch vụ cung loại hoặc trong được tại thời điểm phát sinh các hoạt động này."          VD: "là giá trị thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cung để giao cho người mua (bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để chuyển mua, quang cáo, hàng mẫu, hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi, trả thay trong cho người lao động và tiêu dùng nội bộ (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất)); xuất hàng hóa dưới các hình thức cho vay, cho mượn hoặc hoàn trả hàng hóa) và phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Điều 10 Nghị định này, trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử thì phải theo định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế theo quy định tại Điều 12 Nghị định này."          Nghị định này."</p>
6.	<p>Điều 1 Khoản 1 Điều 7 - Gia đình thuế "Đôi vợ chồng mua và dịch vụ hàng hóa và hàng hóa, dịch vụ trong gia đình thuế giá trị gia tăng"          Điều 1 Khoản 1 Điều 7 - Gia đình thuế "Đôi vợ chồng mua và dịch vụ hàng hóa và hàng hóa, dịch vụ trong gia đình thuế giá trị gia tăng"          Điều 1 Khoản 1 Điều 7 - Gia đình thuế "Đôi vợ chồng mua và dịch vụ hàng hóa và hàng hóa, dịch vụ trong gia đình thuế giá trị gia tăng"</p>	<p>Không đồng bộ với quy định tại điểm d, e Khoản 7 Điều 5 - "Các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT". Thông tư 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính:          "(đ) Doanh thu hàng hóa, dịch vụ nhận bán đại lý và doanh thu hoa hồng được hưởng từ hoạt động đại lý bán hàng gia quy định của bên giao đại lý trong hoa hồng của dịch vụ; bán chính, viên trong, bán về số, về máy bay, ô tô, tàu hỏa, tàu thủy, đại lý vận tải quốc tế; đại lý của các dịch vụ ngành hàng không, hàng hải mà được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%; đại lý bán bảo hiểm.          e) Doanh thu hàng hóa, dịch vụ và doanh thu hoa hồng đại lý được hưởng từ hoạt động đại lý bán hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT."</p>	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét: - Các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT". Thông tư 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính:          "(đ) Doanh thu hàng hóa, dịch vụ nhận bán đại lý và doanh thu hoa hồng được hưởng từ hoạt động đại lý bán hàng gia quy định của bên giao đại lý trong hoa hồng của dịch vụ; bán chính, viên trong, bán về số, về máy bay, ô tô, tàu hỏa, tàu thủy, đại lý vận tải quốc tế; đại lý của các dịch vụ ngành hàng không, hàng hải mà được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%; đại lý bán bảo hiểm.          e) Doanh thu hàng hóa, dịch vụ và doanh thu hoa hồng đại lý được hưởng từ hoạt động đại lý bán hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT."</p>

STT	Nội dung theo dự thảo	Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
7.	<p>Khoản 1 Điều 9 Dự thảo Luật quy định:</p> <p>"1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 của Luật này khi xuất khẩu, trừ các trường hợp sau đây: Chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài; Dịch vụ tài bảo hiểm ra nước ngoài; Dịch vụ cấp tín dụng; Chuyển nhượng vốn; Dịch vụ tài chính phái sinh; Dịch vụ bưu chính, viễn thông;..."</p>	<p>1. VNPT có 01 số dịch vụ sau đã được Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Cục thuế TP Hà Nội hướng dẫn áp dụng thuế suất 0% (Dịch vụ xuất khẩu):</p> <p>(1) Dịch vụ kênh truyền dẫn qua giăng và dịch vụ Internet Transit: Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng thuế suất 0% tại công văn số 3200/BTC-TCT ngày 11/3/2011; Tổng cục Thuế hướng dẫn áp dụng thuế suất 0% tại công văn số 1720/TCT-DNL ngày 14/5/2014; số 1682/TCT-DNL ngày 13/5/2014.</p> <p>(2) Dịch vụ trạm cáp cho hệ thống cáp quang biển quốc tế: Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng thuế suất 0% tại công văn số 3200/BTC-TCT ngày 11/3/2011.</p> <p>(3) Dịch vụ cho thuê băng tần vệ tinh Vinasat cung cấp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài để khai thác dịch vụ ngoài Việt Nam hoặc cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chế xuất: Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng thuế suất 0% tại công văn số 14084/BTC-CST ngày 21/11/2008.</p> <p>(4) Dịch vụ cho thuê kênh truyền số liệu cung ứng cho doanh nghiệp ở nước ngoài, được thực hiện và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam: Cục thuế TP Hà Nội hướng dẫn áp dụng thuế suất 0% tại công văn số 69993/CT-TTHT ngày 28/7/2020.</p> <p>2. Ngoài ra, VNPT còn 01 số dịch vụ đủ điều kiện áp dụng thuế suất 0% (Dịch vụ xuất khẩu):</p> <p>(1) Dịch vụ kênh truyền số liệu (kênh truyền dẫn quốc tế) cung cấp kết nối quốc tế trực tiếp từ trạm cáp biển quốc tế tại Việt Nam tới một quốc gia khác: Dịch vụ kênh truyền dẫn quốc tế cung cấp kết nối quốc tế trực tiếp từ trạm cáp biển quốc tế tại Việt Nam (là điểm cáp bờ của các hệ thống cáp biển quốc tế. Đây là điểm giao tiếp và kết nối giữa các tuyến truyền trong nước với đường dẫn quốc tế bằng cáp biển. Hạ tầng để cung cấp dịch vụ do VNPT tự đầu tư hoặc mua lại từ các tổ chức trong và ngoài nước có hạ tầng cáp biển) tới một quốc gia khác hoặc từ điểm đi và điểm đến tại các quốc gia ngoài Việt Nam.</p> <p>Ví dụ: kênh truyền dẫn từ trạm cáp biển quốc tế Đà Nẵng đi Hồng</p>	<p>Để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong quá trình sản xuất kinh doanh, chấp hành đúng các quy định của pháp luật về thuế GTGT, đề nghị cơ quan soạn thảo:</p> <p>1) Luật hóa quy định các đối tượng áp dụng thuế suất 0% đối với các dịch vụ đã thực hiện ổn định theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Cục thuế Hà Nội:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ kênh truyền dẫn qua giăng và dịch vụ Internet Transit;</li> <li>- Dịch vụ trạm cáp cho hệ thống cáp quang biển quốc tế;</li> <li>- Dịch vụ cho thuê băng tần vệ tinh Vinasat cung cấp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài để khai thác dịch vụ ngoài Việt Nam hoặc cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp chế xuất.</li> <li>- Dịch vụ cho thuê kênh truyền số liệu cung ứng cho doanh nghiệp ở nước ngoài, được thực hiện và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam</li> </ul> <p>2) Bổ sung quy định đối với các dịch vụ đủ điều kiện áp dụng thuế suất 0% (Dịch vụ xuất khẩu):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch vụ kênh truyền số liệu (kênh truyền dẫn quốc tế) cung cấp kết</li> </ul>

STT	Nội dung theo dự thảo	Kho khăn, vướng mắc trong thực hiện	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
		<p>Kông hoặc từ Hồng Kông đi Mỹ trên tuyến cáp quang biển quốc tế AAG.</p> <p>Theo thông lệ quốc tế, hầu hết các nước đều đang áp dụng thuế suất 0% đối với dịch vụ cho thuê đường truyền dẫn phân đoạn ngoài lãnh thổ của nước họ (qua cáp đất hoặc qua cáp biển) như: Singapore (đơn vị có đối tác TM, PCCW), Campuchia (Tekotech)... đây là các đối tác mà VNPT có thuê đường truyền dẫn của họ. Nếu áp thuế GTGT với doanh nghiệp nước ngoài khi sử dụng các dịch vụ nêu trên sẽ làm cho giá dịch vụ không cạnh tranh hoặc ảnh hưởng đến giá thành cuối cùng đều làm giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp viễn thông Việt Nam trên thị trường quốc tế.</p> <p>(2) Dịch vụ mua bán kênh truyền số liệu (kênh truyền dẫn quốc tế) giữa các doanh nghiệp viễn thông trong nước: Giữa các doanh nghiệp viễn thông trong nước thực hiện mua bán kênh quốc tế với nhau. Ví dụ Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông mua kênh quốc tế từ Hồng Kông đi Mỹ của Tổng Công ty Hạ tầng mạng. Dịch vụ mua bán kênh truyền dẫn quốc tế thỏa mãn điều kiện "Hàng hóa bán mà điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam, bao gồm trường hợp hợp đồng cung cấp hàng hóa được ký kết giữa hai người nộp thuế tại Việt Nam nhưng hàng hóa được giao ở ngoài Việt Nam."</p> <p>(3) Dịch vụ truyền hình ảnh cung cấp trực tiếp cho khách hàng ở nước ngoài: Dịch vụ truyền hình ảnh là dịch vụ thu phát hình lưu động qua trạm Flyaway nhằm đáp ứng các khách hàng có nhu cầu thu phát hình quốc tế sử dụng trạm thông tin vệ tinh mặt đất lưu động VSAT Flyaway. Ví dụ: Thu phát hình quốc tế tại Campuchia qua trạm Flyaway cho hội nghị cấp cao Asean Cambodia 2022.</p> <p>Dịch vụ truyền hình ảnh được cung cấp trực tiếp cho các khách hàng ở nước ngoài và đảm bảo các điều kiện dịch vụ xuất khẩu.</p> <p>(4) Dịch vụ tuần tra bảo vệ cáp quang thuộc tuyến cáp quang biển quốc tế: Hàng năm Tiểu ban Khai thác &amp; Bảo dưỡng tuyến cáp sẽ họp và phê duyệt kinh phí và phân đoạn cáp quang biển quốc tế yêu cầu để VNPT phối hợp với Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển cung ứng dịch vụ thực</p>	<p>nội quốc tế trực tiếp từ trạm cáp biển quốc tế tại Việt Nam tới một quốc gia khác;</p> <p>-- Dịch vụ mua bán kênh truyền số liệu (kênh truyền dẫn quốc tế) giữa các doanh nghiệp viễn thông trong nước;</p> <p>-- Dịch vụ truyền hình ảnh cung cấp trực tiếp cho khách hàng ở nước ngoài;</p> <p>-- Dịch vụ tuần tra bảo vệ cáp quang thuộc tuyến cáp quang biển quốc tế;</p>

STT	Nội dung theo dự thảo	Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
		<p>hiện hoạt động tuần tra bảo vệ tuyến cáp ngầm giám thiêu các sự cố đứt lõi cáp quang biển quốc tế. Khoản thu từ việc cung ứng dịch vụ này VNPT ghi nhận như một khoản doanh thu.</p> <p>Trong tự các dịch vụ của ngành hàng hải (dịch vụ lai dắt tàu biển; hoa tiêu hàng hải; cứu hộ hàng hải; cầu cảng, bến phao; bốc xếp; buộc còi dây; đóng mở nắp hầm hàng; vệ sinh hầm tàu; kiểm đếm, giao nhận; đăng kiểm), dịch vụ tuần tra bảo vệ cáp quang thuộc tuyến cáp quang biển quốc tế cung cấp trực tiếp cho tổ chức nước ngoài thỏa mãn các điều kiện của dịch vụ xuất khẩu.</p>	
8.	<p>Dự thảo Luật thuế GTGT chưa đề cập đến nội dung "Các trường hợp không kê khai, tính nộp thuế GTGT."</p>	<p>- Khoản 3 Điều 2 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ; Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính có quy định "Các trường hợp không kê khai, tính nộp thuế GTGT."</p> <p>- Ngoài các trường hợp không kê khai, tính nộp thuế GTGT theo hướng dẫn tại Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ; Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính, VNPT có dịch vụ "Thuế kênh truyền số liệu (kênh truyền dẫn quốc tế) để cung cấp kết nối quốc tế trực tiếp từ trạm cáp biển quốc tế tại Việt Nam tới một quốc gia khác của tổ chức nước ngoài"</p> <p>Tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt hoặc có thu nhập tại Việt Nam quy định các đối tượng không áp dụng:</p> <p>"2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện cung cấp hàng hóa cho tổ chức, cá nhân Việt Nam không kèm theo các dịch vụ được thực hiện tại Việt Nam dưới các hình thức:</p> <p>- Giao hàng tại cửa khẩu nước ngoài: người bán chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến việc xuất khẩu hàng và giao hàng tại cửa khẩu nước ngoài; người mua chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến việc nhận hàng, chuyển chở hàng từ cửa khẩu nước ngoài về đến Việt Nam (kể cả trường hợp giao hàng tại cửa khẩu nước</p>	<p>Đề nghị cơ quan soạn thảo:</p> <p>- Luật hóa quy định "Các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT" theo hướng dẫn tại Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ; Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Bổ sung dịch vụ "Thuế kênh truyền số liệu (kênh truyền dẫn quốc tế) để cung cấp kết nối quốc tế trực tiếp từ trạm cáp biển quốc tế tại Việt Nam tới một quốc gia khác của tổ chức nước ngoài." thuộc đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.</p>



STT	Nội dung (theo dự thảo)	Kho khăn, vướng mắc, trong thực hiện	Kiến nghị sửa đổi bổ sung
		<p>ngoài có kèm điều khoản bảo hành là trách nhiệm và nghĩa vụ của người bán).</p> <p>- Giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam: người bán chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến hàng hóa cho đến điểm giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam; người mua chịu mọi trách nhiệm, chi phí, rủi ro liên quan đến việc nhận hàng, chuyển chở hàng từ cửa khẩu Việt Nam (kể cả trường hợp giao hàng tại cửa khẩu Việt Nam có kèm điều khoản bảo hành là trách nhiệm và nghĩa vụ của người bán)."</p> <p>Theo thông lệ quốc tế hiện nay các hãng viễn thông nước ngoài không tính thuế đối với các tuyến truyền dẫn kết nối trạm cáp biển của các nước đi quốc tế. Qua đàm phán, đối tác nước ngoài không đồng ý áp thuế nhà thầu và đưa ra quan điểm là thu nhập phát sinh trên tuyến truyền dẫn quốc tế và ngoài lãnh thổ Việt Nam.</p>	
9.	<p>Điểm đ, khoản 1 Điều 13 Dự thảo Luật quy định: "đ) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phát nộp của tháng đó."</p>	<p>Theo quy định hiện hành, thời điểm lập hóa đơn điện tử đối với hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông, dịch vụ truyền hình, dịch vụ công nghệ thông tin được bán theo kỳ nhất định thực hiện chậm nhất không quá bảy (7) ngày kế tiếp kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước đối với việc cung cấp dịch vụ viễn thông, truyền hình, dịch vụ công nghệ thông tin. Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị cung cấp dịch vụ viễn thông, truyền hình, dịch vụ công nghệ thông tin với người mua.</p> <p>Kỳ quy ước đối với việc cung cấp dịch vụ viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin của VNPT là từ 00 giờ 00 phút 00 giây ngày đầu tiên của tháng đến 23 giờ 59 phút 59 giây của ngày cuối cùng thuộc tháng. Đối với cước dịch vụ viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin phát sinh hàng tháng, VNPT thực hiện lập hóa đơn GTGT cho người mua trước ngày mùng 7 của tháng sau liền kể tháng phát sinh cước. Người mua của VNPT bao gồm: Khách hàng bên ngoài VNPT, các đơn vị thành viên của VNPT (giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc và đơn vị hạch toán độc lập) sử dụng dịch vụ viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin.</p> <p>Quy định như dự thảo dẫn đến vướng mắc trong thực tế triển khai:</p>	<p>Để đảm bảo việc kê khai thuế GTGT đầu ra, đầu vào kịp thời, đúng qui định của pháp luật về thuế; phản ánh đúng doanh thu, chi phí; đảm bảo nguyên tắc phù hợp trong kế toán, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định cụ thể hơn thời điểm kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với các trường hợp tháng lập hóa đơn sau tháng phát sinh dịch vụ. Cụ thể:</p> <p>1. Trường hợp thời điểm lập hóa đơn trong thời hạn kê khai thuế tháng phát sinh dịch vụ (trước ngày 20 tháng liền kể sau tháng phát sinh dịch vụ) thì kê khai thuế GTGT đầu ra, đầu vào vào tháng phát sinh dịch vụ.</p>

STT	Nội dung theo dự thảo	Kho khăn vướng mắc trong thực hiện	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
		Thuế GTGT đầu vào tháng T xuất hóa đơn vào ngày 07 tháng T+1 thì doanh nghiệp kê khai, khấu trừ vào tháng T (tháng phát sinh dịch vụ) hay tháng T+1 (tháng lập hóa đơn GTGT)	<p>Vi dụ: Hóa đơn cước viễn thông tháng 01/2024, doanh nghiệp viễn thông lập vào ngày 07/02/2024, doanh nghiệp viễn thông được kê khai thuế GTGT đầu ra, đơn vị sử dụng dịch vụ viễn thông được kê khai thuế GTGT đầu vào vào kỳ khai thuế tháng 01/2024.</p> <p>2. Trường hợp thời điểm lập hóa đơn ngoài thời hạn kê khai thuế tháng phát sinh dịch vụ (sau ngày 20 tháng liền kề sau tháng phát sinh dịch vụ) thì kê khai thuế GTGT đầu ra, đầu vào vào tháng lập hóa đơn GTGT.</p> <p>Vi dụ: Hóa đơn cước kết nối viễn thông tháng 01/2024, doanh nghiệp viễn thông lập vào ngày 28/02/2024, doanh nghiệp viễn thông được kê khai thuế GTGT đầu ra, đơn vị sử dụng dịch vụ viễn thông được kê khai thuế GTGT đầu vào vào kỳ khai thuế tháng 02/2024.</p>
10.	Điểm g khoản 1 Điều 13 Dự thảo Luật quy định: g) <i>Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ hình thành tài sản cố định phục vụ cho người lao động trong khu vực sản xuất, kinh doanh và nhà ở, trạm y tế cho người lao động làm việc</i>	<p>Hàng hóa, dịch vụ không hình thành tài sản cố định phục vụ cho người lao động trong khu vực sản xuất kinh doanh có cùng bản chất với hàng hóa, dịch vụ hình thành tài sản cố định (đều là khoản chi của doanh nghiệp), chỉ khác nhau về giá trị và thời gian sử dụng.</p> <p>Dự thảo Luật mới quy định khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ hình thành tài sản cố định phục vụ cho người lao động trong khu vực sản xuất, kinh doanh là chưa hợp lý.</p>	Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung quy định khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ không hình thành tài sản cố định phục vụ cho người lao động làm việc tại doanh nghiệp (doanh nghiệp được khấu trừ thuế GTGT đầu vào không phân biệt

STT	Nội dung theo dự thảo	Kho khăn, vướng mắc trong thực hiện	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung
	<i>trong các khu công nghiệp, khu kinh tế; ô tô chờ người từ 9 chỗ ngồi trở xuống;</i>		hàng hóa dịch vụ có đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định hay không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định).
11.	Mục b Khoản 2 Điều 13 Dự thảo Luật quy định: "Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trả hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới năm triệu đồng. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định các trường hợp được coi là thanh toán không dùng tiền mặt"	<p>Trong thực tế, đơn vị phát sinh hoạt động mua hàng hóa dịch vụ trực tiếp với giá trị trên 5 triệu (chi phí tiếp khách, chi phí hành chính vật tư, ...). Sau khi mua hàng hóa, dịch vụ cần thanh toán ngay cho nhà cung cấp. Nếu dùng hình thức chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt từ bên mua chuyển cho bên bán sẽ chậm trễ trong việc thanh toán, khó khăn trong việc thực hiện giao dịch mua bán.</p> <p>Khởi h vọng lệnh chuyển tiền thanh toán qua ngân hàng của đơn vị phát sinh nhiều.</p>	Đề nghị cơ quan soạn thảo mở rộng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt (như: lệnh chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng, ủy nhiệm thu, thẻ tín dụng, ví điện tử,...) và đối tượng thực hiện thanh toán (như: đơn vị hoặc cán bộ nhân viên đang công tác tại đơn vị phát sinh hoạt động mua hàng hóa dịch vụ).
12.	Tại Dự thảo Luật nhiều lần sử dụng khái niệm "Doanh thu" trong các tình huống khác nhau (Điều 5: Đối tượng không chịu thuế; Điều 12: Phương pháp tính trực tiếp; Điều 13: Phân bổ thuế GTGT đầu vào để khấu trừ; Điều 14: Các trường hợp hoàn thuế; Điều 11: Phương pháp khấu trừ thuế).	<p>Việc không có hướng dẫn cụ thể trong văn bản luật sẽ phát sinh vướng mắc do khác biệt về cách hiểu, xác định "doanh thu" khi áp dụng các quy định có sử dụng số liệu "doanh thu".</p> <p>Ví dụ: Tại Điều 12 có quy định cụ thể về cách xác định "Doanh thu", và cách xác định này không hoàn toàn thống nhất với cách xác định "Doanh thu" theo Chuẩn mực kế toán/Chế độ kế toán (VD: Trường hợp cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản và thu tiền trước cho nhiều kỳ, Hóa đơn được lập tại thời điểm thu tiền theo tổng số tiền đã thu; tuy nhiên, doanh thu ghi sổ kế toán chỉ ghi nhận giá trị dịch vụ của kỳ báo cáo, số còn lại ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện).</p>	Đề nghị cơ quan soạn thảo có hướng dẫn cụ thể về cách xác định doanh thu trong các trường hợp sử dụng khái niệm "doanh thu" để đảm bảo thống nhất trong cách hiểu và thực hiện.
13.	Điểm d Khoản 1 Điều 13 - Khấu trừ thuế GTGT đầu vào: Về kê khai, khấu trừ đối với hóa đơn bị sót.	Hiện dự thảo chỉ có hướng dẫn xử lý đối với trường hợp kê khai, khấu trừ sót (trong đó có quy định cụ thể v/v kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện sót); <i>chưa có hướng dẫn xử lý đối với trường hợp kê khai, khấu trừ sai.</i>	Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bổ sung hướng dẫn về xử lý kê khai, khấu trừ đối với trường hợp kê khai, khấu trừ sai (trong đó có quy định cụ thể kỳ kê khai, khấu trừ để thuận lợi cho việc thống nhất thực hiện).





Hội Tư vấn Thuế Việt Nam

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05 /TVT - VP

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

v/v: Góp ý Dự thảo Hồ sơ dự án Luật  
thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

BỘ TÀI CHÍNH	
ĐẾN SỐ: 13450	
Ngày: 06-02-2024	
Chuyên: Cựu. BT	
Số và ký hiệu HS: .....	

Kính gửi: Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Hội Tư vấn thuế Việt Nam (VTCA) nhận được văn bản số 0059/LĐTM-PC ngày 10/01/2024 của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) v/v lấy ý kiến tham gia Dự thảo Hồ sơ Dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi).

Về việc này, Hội Tư vấn thuế Việt Nam (VTCA) xin có ý kiến như sau:

1. VTCA cơ bản thống nhất dự thảo hồ sơ dự án Luật thuế GTGT (sửa đổi); Sự cần thiết ban hành, mục đích, quan điểm xây dựng và bố cục, nội dung cơ bản của dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi).

2. Một số ý kiến cụ thể:

- Về đối tượng không chịu thuế GTGT:

+ Tại Khoản 23, Điều 5, dự thảo Luật quy định: “Doanh nghiệp, hợp tác xã mua sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.”. Nội dung này đề nghị nghiên cứu cân nhắc thêm có nên đề nội dung quy định này không vì không theo nguyên lý của thuế GTGT (có thuế GTGT đầu ra thì được khấu trừ thuế GTGT đầu vào).

+ Về ngưỡng doanh thu không chịu thuế GTGT: Tại Khoản 25 Điều 5 Dự thảo Luật thuế GTGT quy định “Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm năm mươi triệu đồng trở xuống” thuộc đối tượng Không chịu thuế giá trị gia tăng. Nội dung này đề nghị nghiên cứu, cân nhắc kỹ hơn để phù hợp hơn với tình hình thực tế và có tính ổn định của luật. Lý do:

+ Theo quy định pháp luật thuế TNCN, mức giảm trừ gia cảnh hiện nay là (11 triệu đ x 12 tháng) = 132 triệu đ/năm, nếu có người phụ thuộc thì là (4,4 x 12) = 52,8 triệu, như vậy trong trường hợp này tổng giảm trừ gia cảnh đã là 184,8 triệu đ;

P2  
12/01/24

A. Quy

+ Mặt khác, theo Nghị định 07/2021/NĐ-CP thì mức chuẩn nghèo của Việt Nam giai đoạn 2022-2025 ở nông thôn là 1.500.000 đồng/người/tháng (18 triệu/năm) và 2.000.000 đồng/người/tháng (24 triệu/năm) ở đô thị.

Trong khi đó theo Mục 1 Phụ lục 1 Thông tư số 40/2021/TT-BTC thì tỷ lệ tính thuế thấp nhất là hoạt động thương mại với tỷ lệ thuế GTGT là 1%, TNCN là 0.5%; Như vậy, nếu lấy doanh thu theo ngưỡng 150 triệu như Dự thảo thì tỷ lệ giá trị gia tăng của doanh thu không chịu thuế như dự thảo là: 15.000.000 đồng (150 triệu x 1% = 15.000.000 đồng) thấp hơn 18.000.000 đồng mức chuẩn nghèo.

Do đó, để có tính tương đồng với pháp luật thuế TNCN, đảm bảo hài hòa lợi ích, phù hợp với mục đích hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo cũng như các chính sách phát triển giảm nghèo bền vững thì Luật thuế GTGT nên chăng điều chỉnh mức doanh thu không phải chịu thuế GTGT tối thiểu là 180.000.000 đồng/năm để đảm bảo mức tỷ lệ giá trị gia tăng là 18.000.000 đồng (180.000.000 đồng x 0.1%). Mặt khác, cần xét tới tình hình trượt giá, tỷ lệ lạm phát, tỷ giá, ... điều kiện kinh tế xã hội cũng như mức chuẩn nghèo thay đổi vì vậy nếu quy định mức ngưỡng doanh thu 150 triệu đồng không chịu thuế giá trị gia tăng như dự thảo vẫn là thấp. Thay vào đó nên để ở mức 200 triệu đồng.

#### - Về giá tính thuế giá trị gia tăng:

+ Đối với hàng cho, biếu, tặng hiện hành đang quy định tính theo giá như hàng hóa bán ra. Tuy nhiên, thực tế nhiều trường hợp CSKD chỉ có mua về để cho, biếu, tặng mà không có bán ra. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu sửa đổi bổ sung quy định cụ thể thêm về giá tính thuế giá trị gia tăng đối với hàng cho, biếu, tặng theo hướng: đối với hàng hóa, dịch vụ mà doanh nghiệp mua vào để cho, biếu, tặng thì giá tính thuế GTGT khi cho, biếu, tặng là giá trên hóa đơn mua vào.

+ Tại dự thảo Luật quy định thay thế từ “**tiêu dùng nội bộ**” thành “**trả thay lương**” (điểm b, Khoản 1, Điều 7), tuy nhiên còn khoản thưởng bằng hiện vật cho người lao động cũng cần quy định cụ thể.

- Về điều kiện chứng từ thanh toán qua ngân hàng để khấu trừ, hoàn thuế GTGT: Dự thảo Luật sửa đổi đang quy định đối với số tiền từ 5 triệu đồng trở lên là khá nhỏ trong giao dịch kinh tế. Trong thực tế, việc sử dụng chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt cần có các thiết bị, công nghệ, đối với các vùng sâu, vùng xa và mua sắm nhỏ lẻ còn nhiều và cũng tránh dẫn tới tình trạng mua bán hóa đơn chỉ khánh tiết, do đó nên nghiên cứu cân nhắc có thể để ở mức 10 triệu đồng.

#### - Về thuế suất thuế giá trị gia tăng:

Tại điểm e, Khoản 2, Điều 9 của dự thảo Luật về thuế suất 5% đối với: “**Sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, rơm, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản**

phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; xơ, bông đã qua chải thô, chải kỹ; giấy in báo.”. Nội dung này vừa quy định về thuế suất theo sản phẩm hàng hóa, vừa căn cứ theo nguyên liệu đầu vào sản xuất ra sản phẩm. Trong khi tại Đề cương dự thảo Nghị định cũng chỉ nêu chung do Chính phủ quy định tại nghị định. Thực tế, việc phân biệt sản phẩm để áp dụng thuế suất căn cứ theo nguyên liệu sản xuất là rất khó khăn, không thể hướng dẫn chi tiết hết. Mặt khác sản phẩm rất đa dạng, có thể qua nhiều khâu, mỗi khâu đều có sản phẩm bán ra và tiếp tục quá trình sản xuất, nguyên liệu đầu vào có thể hỗn hợp từ nhiều loại nguyên vật liệu (nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp kết hợp các nguyên vật liệu khác như nhựa, kim loại,...) mới hình thành sản phẩm. Ví dụ: dũa tre, tấm tre thuế suất 5%, nhưng dũa gỗ, dũa nhựa, tấm nhựa, thìa, nĩa gỗ sẽ là 10%. Nội dung quy định tại điểm này là để ưu đãi về thuế suất nhưng không cụ thể, rất khó trong xác định, áp dụng đúng thuế suất dẫn tới khó khăn, rủi ro cho người nộp thuế và cơ quan quản lý trong việc tuân thủ pháp luật. Vì vậy, nên nghiên cứu bỏ điểm này ở Điều 9 dự thảo Luật và chuyển sang áp dụng thuế suất phổ thông 10%.

**- Về hoàn thuế giá trị gia tăng:**

Nghiên cứu bổ sung các trường hợp được hoàn thuế GTGT tại Điều 14 Dự thảo Luật thuế giá trị gia tăng:

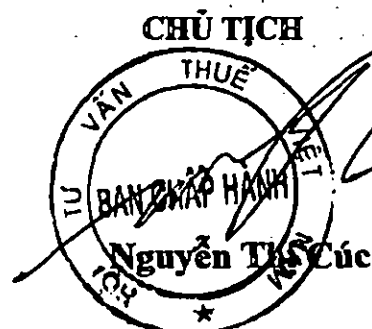
Trường hợp vẫn để nội dung không kê khai tính thuế đối với: “Doanh nghiệp, hợp tác xã mua sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã khác thì không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng nhưng được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.” tại khoản 23, Điều 5 của Dự thảo Luật, trong khi tại khoản 1 Điều 14 đã quy định cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% thì được hoàn thuế giá trị gia tăng; Do đó, đối với CSKD chỉ cung cấp hàng hóa thuộc diện không phải kê khai nộp thuế giá trị gia tăng cũng cần nghiên cứu việc xử lý hoàn thuế tương tự.

Trên đây là ý kiến tham gia ban đầu của Hội Tư vấn thuế Việt Nam, kính chuyển quý Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổng hợp. Hội Tư vấn thuế Việt Nam sẽ tiếp tục có ý kiến tham gia trong quá trình hoàn thiện.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Bộ Tài chính
- Lưu VT



1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions and activities. It emphasizes that this is essential for ensuring transparency and accountability in the organization's operations.

2. The second part of the document outlines the various methods and tools used to collect and analyze data. It highlights the need for consistent and reliable data collection processes to ensure the validity of the findings.

3. The third part of the document focuses on the analysis and interpretation of the collected data. It discusses the various statistical techniques and models used to identify trends and patterns in the data.

4. The fourth part of the document discusses the implications of the findings and the recommendations for future research. It emphasizes the need for ongoing monitoring and evaluation to ensure the effectiveness of the implemented measures.



CÔNG TY TNHH KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**THUẾ TRỌNG TÍN****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24.01/2024/CV-TT

TP. HCM, ngày 24 tháng 01 năm 2024

(V/v: Góp ý một số nội dung sửa đổi, bổ sung và thay thế Luật thuế GTGT)

**Đồng kính gửi:****BỘ TÀI CHÍNH****TỔNG CỤC THUẾ****LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM****HỘI TƯ VẤN THUẾ VIỆT NAM**

<b>BỘ TÀI CHÍNH</b>	
<b>ĐẾN</b> số: <i>9828</i>	.....
Ngày: <b>26-01-2024</b>	
Chuyên: <i>Lưu CST, TP</i>	
Số và ký hiệu HS: .....	

Lời đầu tiên cho phép Chúng tôi gửi tới Quý đơn vị lời chúc sức khỏe và lời chào trân trọng!

Kính thưa Quý đơn vị, Công ty TNHH Kế toán và tư vấn thuế Trọng Tín (Trọng Tín) cơ bản đồng ý với Dự thảo sửa đổi Luật thuế GTGT, tuy nhiên Trọng Tín góp ý bổ sung một số nội dung sửa đổi Luật thuế GTGT như sau:

**Thứ nhất: Bổ sung Điều 5a về Hàng hóa, dịch không phải kê khai tính thuế GTGT**

Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 quy định đối với "Các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT" đã phát huy được tác dụng hiệu quả trong công tác quản lý chống thất thu, gian lận về hoàn thuế GTGT cũng như điều chỉnh đúng bản chất của các giao dịch không phải kê khai tính thuế GTGT.

Tuy nhiên, Luật thuế GTGT chưa có quy định về "Các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT" trong khi nội dung này được quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính là chưa phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Vì vậy, để đảm bảo tính đồng bộ và phù hợp với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật cần thiết bổ sung điều luật về "Các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT" như quy định tại Điều 5 Thông tư 219/TT-BTC.

Ngoài ra, cần điều chỉnh thuật ngữ "Các trường hợp" thành "Đối tượng" cho đảm bảo đồng bộ với Đối tượng điều chỉnh của Luật thuế GTGT. Bên cạnh đó, thuật ngữ "kê khai thuế" đã bao hàm công việc "tính thuế" nên cần sửa lại thuật ngữ tại Điều 5 cho phù hợp như sau: "Các trường hợp Đối tượng không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT"

Khi đó, Điều 5a Luật thuế GTGT được bổ sung như sau:

**Điều 5a. Đối tượng không phải kê khai, nộp thuế GTGT**

[Nội dung tương tự tại Điều 5 Thông tư số 219].

**Thứ hai: Chuyển đối tượng không chịu thuế của “Chuyển nhượng vốn” thành “không phải kê khai, nộp thuế”**

Theo Điểm d Khoản 9 Điều 5 Dự thảo Luật thuế GTGT có quy định về dịch vụ không chịu thuế là “Chuyển nhượng vốn”, tuy nhiên theo Pháp luật doanh nghiệp và Pháp luật đầu tư thì “vốn” của doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư hoặc của Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) không phải là hàng hóa, dịch vụ và đây không phải là hoạt động chính của doanh nghiệp cũng như giao dịch chuyển nhượng vốn không ảnh hưởng đến quá trình kinh doanh tạo ra hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

Vì vậy nếu quy định “chuyển nhượng vốn” là hàng hóa dịch vụ “không chịu thuế” như Dự thảo sẽ dẫn đến doanh nghiệp phải thực hiện “phân bổ thuế GTGT đầu vào” theo quy định. Như vậy, hoạt động chuyển nhượng vốn sẽ làm méo mó hoạt động kinh doanh đồng thời làm gánh nặng thuế gây thiệt hại cho doanh nghiệp. Đặc biệt khi phải phân bổ thuế, có thể ảnh hưởng đến quá trình chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp làm cho thị trường vốn và hoạt động đầu tư bị ảnh hưởng.

Vì vậy, nên chuyển hoạt động “Chuyển nhượng vốn” thành “**Đối tượng không phải kê khai, nộp thuế GTGT**” như quy định tại Điều 5a phần thứ nhất nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích đồng thời phù hợp với thực tiễn cũng như hỗ trợ và đảm bảo quá trình đầu tư, chuyển nhượng vốn được hoạt động hiệu quả.

Khi đó, Điều 5a, được bổ sung thêm đối tượng không phải kê khai, nộp thuế GTGT như sau:

**Điều 5a. Đối tượng không phải kê khai, nộp thuế GTGT**

[...]

**7. Các trường hợp khác:**

*Cơ sở kinh doanh không phải kê khai, nộp thuế trong các trường hợp sau:*

a) *Góp vốn bằng tài sản để thành lập doanh nghiệp. Tài sản góp vốn vào doanh nghiệp phải có: biên bản góp vốn sản xuất kinh doanh, hợp đồng liên doanh, liên kết; biên bản định giá tài sản của Hội đồng giao nhận vốn góp của các bên góp vốn (hoặc văn bản định giá của tổ chức có chức năng định giá theo quy định của pháp luật), kèm theo bộ hồ sơ về nguồn gốc tài sản.*

*Chuyển nhượng vốn bao gồm chuyển nhượng vốn một phần hoặc toàn bộ ... [Nội dung tương tự Điểm d Khoản 9 Điều 5 Dự thảo Luật thuế GTGT sửa đổi]*

**Thứ ba: Nâng ngưỡng doanh thu được miễn thuế tại Khoản 25 Điều 9 Dự thảo Luật thuế GTGT**

Tại Khoản 25 Điều 5 Dự thảo Luật thuế GTGT quy định “Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm năm mươi triệu đồng trở

*xuống*” thuộc đối tượng **Không chịu thuế GTGT là chưa phù hợp** về ngưỡng doanh thu cũng như phương pháp điều chỉnh pháp luật cụ thể:

Theo Nghị định 07/2021/NĐ-CP thì mức chuẩn nghèo của Việt Nam giai đoạn 2022-2025 ở nông thôn là 1.500.000 đồng/người/tháng (18 triệu/năm) và 2.000.000 đồng/người/tháng (24 triệu/năm) ở đô thị.

Trong khi đó theo Mục 1 Phụ lục 1 Thông tư số 40/2021/TT-BTC thì tỷ lệ tính thuế thấp nhất là hoạt động thương mại với tỷ lệ thuế GTGT là 1%, TNCN là 0.5%; Như vậy, nếu lấy doanh thu theo ngưỡng 150 triệu như Dự thảo thì tỷ lệ giá trị gia tăng của doanh thu không chịu thuế như dự thảo là: 15.000.000 đồng (150 triệu x 1% = 15.000.000 đồng) thấp hơn 18.000.000 đồng mức chuẩn nghèo.

Do đó, để đảm bảo hài hòa lợi ích, phù hợp với mục đích hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo cũng như các chính sách phát triển giảm nghèo bền vững thì Luật thuế GTGT nên chăng điều chỉnh mức doanh thu không phải chịu thuế GTGT tối thiểu là 180.000.000 đồng/năm để đảm bảo mức tỷ lệ giá trị gia tăng là 18.000.000 đồng (180.000.000 đồng x 0.1%) thay vì 150.000.000 đồng như Dự thảo.

Mặt khác, điều kiện kinh tế xã hội cũng như mức chuẩn nghèo thay đổi vì vậy nếu quy định mức cứng “cố định” doanh thu là 150.000.000 đồng như Dự thảo Luật thuế GTGT để sẽ **không đảm tính linh hoạt và không bám sát thực tế** của đời sống xã hội dẫn đến chính sách nhanh bị lỗi thời và bất cập.

Vì vậy nội dung này nên quy định mở và giao cho **Chính phủ quy định** phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội từng giai đoạn.

Ngoài ra, có thể chuyển đối tượng *Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm năm mươi triệu đồng trở xuống* tại Khoản 25 Điều 5 Dự thảo Luật thuế GTGT sang “Điều 5a. Đối tượng không phải kê khai, nộp thuế GTGT” như đã nêu trên sẽ phù hợp về mặt logic và khoa học hơn.

Khi đó, Điều 5 và Điều 5a. Luật thuế GTGT được quy định như sau:

#### **Điều 5. Đối tượng không chịu thuế**

25. *Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu không phải nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của Chính phủ; tài sản của tổ chức, cá nhân không kinh doanh...*

Hoặc,

#### **Điều 5a. Đối tượng không phải kê khai, nộp thuế GTGT**

[...] *Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu không phải nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định của Chính phủ.*

**Thứ tư: Sửa đổi Điểm e Khoản 1 Điều 13 về Khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo Dự thảo Luật thuế GTGT**

Tại Điểm e Khoản 1 Điều 13 Dự thảo Luật thuế GTGT có quy định thuế GTGT đầu vào **không được khấu trừ**, cơ sở kinh doanh được **hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp** hoặc ...

Trong thực tế không phải tất cả các khoản thuế GTGT không được khấu trừ đều đủ điều kiện được tính vào chi phí khi tính thuế TNDN. Vì vậy, cần bổ sung quy định khoản thuế GTGT đó được tính vào chi phí thuế TNDN khi đáp ứng các điều kiện của pháp luật thuế TNDN.

Bên cạnh đó, Luật cần làm rõ khái niệm “không được khấu trừ” bao gồm (i) Không đủ điều kiện khấu trừ theo quy định của Pháp luật thuế GTGT và (ii) Dù điều kiện khấu trừ nhưng người nộp thuế không kê khai khấu trừ theo quy định để đảm bảo thống nhất cách hiểu cũng như tránh những hướng dẫn chưa phù hợp. Trong thời gian vừa qua cơ quan thuế đã có những văn bản hướng không cho tính vào chi phí tính thuế TNDN của số thuế GTGT đầu vào đủ điều kiện khấu trừ nhưng Doanh nghiệp không kê khai khấu trừ là chưa phù hợp với pháp luật thuế TNDN.

Khi đó, Điểm e Khoản 1 Điều 13 Dự thảo Luật thuế GTGT được sửa như sau:

e) Đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp **theo pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp** hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định, trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị từ năm triệu đồng trở lên không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

#### **Thứ năm: Bổ sung các trường hợp được hoàn thuế GTGT tại Điều 14 Dự thảo Luật thuế GTGT**

Tại khoản 1 Điều 14 đã quy định cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% thì được hoàn thuế là khá phù hợp với thực tế. Tuy nhiên, trong thực tế chính sách thuế GTGT cho phép khấu trừ đầu vào đối với trường hợp hàng hóa, dịch vụ **không phải kê khai nộp thuế GTGT** đầu ra.

Tuy nhiên, Doanh nghiệp không có các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế đầu ra hoặc tỷ lệ hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT đầu ra thấp hơn rất nhiều tỷ lệ hàng hóa dịch vụ “Không phải kê khai, nộp thuế GTGT” dẫn đến doanh nghiệp có số thuế GTGT được khấu trừ là **rất lớn nhưng không được hoàn** không được xử lý gây khó khăn, bất lợi cũng như thiệt hại cho doanh nghiệp.

Vi vậy, để đảm bảo tính thực tiễn cũng như tính **công bằng** giữa các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ “không phải kê khai nộp thuế GTGT” thì Luật thuế GTGT cần **cho phép hoàn thuế GTGT khi doanh nghiệp chỉ kinh doanh hàng hóa dịch vụ Không phải kê khai, nộp thuế GTGT.**

Khi đó, Khoản 1 Điều 14 Các trường hợp hoàn thuế được sửa như sau:

**Điều 13 14. Các trường hợp hoàn thuế 1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có sổ thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo. Cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% hoặc thuộc đối tượng không phải kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng nếu có sổ thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ ba trăm triệu đồng trở lên sau 12 tháng hoặc 04 quý thì được hoàn thuế giá trị gia tăng.**

Trên đây là một số nội dung Công ty TNHH Kế toán và tư vấn Thuế Trọng Tín góp ý về sửa đổi, bổ sung và thay thế Luật thuế GTGT kinh chuyên Bộ tài chính, Tổng cục thuế, Liên đoàn thương mại & công nghiệp Việt Nam và Hội Tư vấn thuế Việt Nam, xem xét, nghiên cứu.

Nếu có nội dung nào cần trao đổi hãy liên hệ với người đại diện của Chúng tôi - Ông **Nguyễn Văn Đước**, điện thoại 0909.472.742 hoặc Email: [duoc.nguyen@taxtrongtin.com.vn](mailto:duoc.nguyen@taxtrongtin.com.vn)

*Trân trọng cảm ơn!*

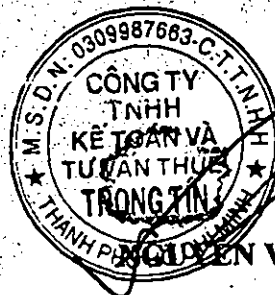
Nơi nhận:

Như trên

Lưu VP

**Tổng Giám Đốc**

(Ký họ tên, đóng dấu)



**NGUYỄN VĂN ĐƯỚC**





Công văn số: VBF29012024  
Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2024

Kính gửi: **Bộ Tài chính**  
28 Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Đồng kính gửi: **Tổng Cục Thuế**  
Số 123 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BỘ TÀI CHÍNH	
EÊN SỐ: 10.462	
Ngày: 29-01-2024	
Chuyên: Cục Thuế	
SS và ký hiệu HS:	

**V/v: Đóng góp ý kiến Dự thảo Nghị định về thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)**

Nhóm Công tác Thuế & Hải quan - Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam (NCT Thuế & Hải quan VBF) xin gửi lời chào trân trọng và lời cảm ơn chân thành tới Bộ Tài chính và Tổng cục Thuế Việt Nam vì sự hợp tác tích cực và hỗ trợ quý báu đối với các hoạt động đối thoại chính sách của VBF trong thời gian.

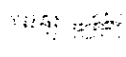
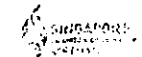
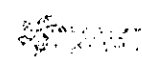
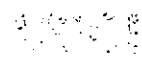
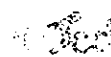
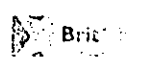
Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Quý Cơ quan đã tạo cơ hội cho cộng đồng doanh nghiệp góp ý cho dự thảo Nghị định sửa đổi về thuế giá trị gia tăng. Theo đó, NCT Thuế & Hải quan VBF xin được đính kèm thư này là tổng hợp ý kiến của các thành viên VBF về dự thảo sửa đổi nói trên để Quý Cơ quan xem xét. Chúng tôi hy vọng những góp ý này sẽ cung cấp những thông tin hữu ích cho Ban soạn thảo trong quá trình hoàn thiện các văn bản hướng dẫn quan trọng này.

Một lần nữa, NCT Thuế & Hải quan VBF trân trọng cảm ơn Bộ Tài chính, Tổng Cục Thuế và mong tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của Quý Cơ quan trong thời gian tới.

Kính thư,

**Hương Vũ**  
**Đông Trưởng NCT Thuế & Hải quan**  
**Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam**

Đầu mỗi liên lạc: Nếu Quý Cơ quan có bất kỳ thắc mắc nào, xin vui lòng liên hệ Ban Thư ký VBF (Ms. Ngọc Anh),  
ĐT: 0904 859186/ 024 3715 2226, Email: info@vbf.org.vn



1. The first part of the document discusses the importance of maintaining accurate records of all transactions and activities. It emphasizes the need for transparency and accountability in financial reporting.

2. The second part of the document outlines the various methods and techniques used to collect and analyze data. It includes a detailed description of the experimental procedures and the tools used for data collection.

3. The third part of the document presents the results of the study. It includes a series of tables and graphs that illustrate the findings and provide a clear visual representation of the data.

4. The fourth part of the document discusses the implications of the findings and provides recommendations for future research. It highlights the need for further investigation into the areas identified in the study.

5. The fifth part of the document provides a summary of the key findings and conclusions. It reiterates the main points of the study and offers a final perspective on the research.

6. The sixth part of the document includes a list of references and a bibliography. It provides a comprehensive list of the sources used in the study and offers a way for readers to explore the topic further.

7. The seventh part of the document contains a list of appendices and supplementary materials. These materials provide additional information and data that support the findings of the study.

8. The eighth part of the document includes a list of figures and tables. These visual aids are essential for understanding the data and the results of the study.

9. The ninth part of the document provides a list of keywords and a list of subject headings. These terms are used to categorize the document and make it easier to find.

10. The tenth part of the document includes a list of authors and a list of contributors. It acknowledges the individuals who played a role in the research and the publication of the document.

11. The eleventh part of the document contains a list of acknowledgments and a list of funding sources. It expresses gratitude to the individuals and organizations that supported the research.

12. The twelfth part of the document includes a list of contact information and a list of distribution channels. It provides a way for readers to reach the authors and learn more about the document.



GÓP Ý VỀ SỬA ĐỔI CÁC LUẬT SỬA ĐỔI LUẬT THUẾ GTGT

Stt	Điều khoản của các Luật	Ý kiến	Khuyến nghị
1	<p>Điều 5 Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi) hiện quy định như sau:</p> <p><b>"Điều 5. Đối tượng không chịu thuế</b></p> <p>20. Hàng hóa chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài; hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau. <b>Khu phi thuế quan thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Hàng hóa nhập khẩu của công ty cho thuê tài chính để cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê tài chính."</b></p>	<p>- Gần đây, TCHQ đã ban hành các công văn số 4344/TCHQ/TXNK ngày 17/10/2022 và số 4458/TCHQ-TXNK ngày 24/10/2022, trong đó hướng dẫn về việc, nếu các nhà thầu, bao gồm cả nhà thầu phụ và nhà thầu chính, nếu đáp ứng các điều kiện về hồ sơ chứng từ như hướng dẫn tại Thông tư 38/2015/TT-BTC và Thông tư 39/2018/TT-BTC sẽ được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa sử dụng để xây dựng nhà xưởng, văn phòng làm việc, lắp đặt thiết bị cho doanh nghiệp chế xuất (DNCX)</p> <p>Mặc dù vậy, các hướng dẫn này chưa đề cập cụ thể đến việc miễn thuế GTGT tại khâu nhập khẩu đối với các hàng hóa này, dẫn đến thực tế là các cơ quan hải quan địa phương vẫn đang yêu cầu các nhà thầu phải nộp thuế GTGT khi nhập khẩu hàng hóa sử dụng để xây dựng nhà xưởng, văn phòng làm việc, lắp đặt thiết bị cho DNCX.</p> <p>Thực tế, các giao dịch trên được diễn ra giữa nước ngoài và DNCX nằm trong khu phi thuế quan. Hàng hóa được đưa thẳng vào DNCX mà không thực hiện thủ tục hải quan nhập khẩu vào nội địa, theo thỏa thuận thương mại giữa các bên. Việc thỏa thuận như vậy thuộc quyền kinh doanh thương mại của doanh nghiệp, tiết kiệm chi phí logistics, đồng</p>	<p>Để tạo lập sự nhất quán trong việc áp dụng chính sách, quy định của pháp luật cũng như tạo sự công bằng, bình đẳng giữa các nhà đầu tư, chúng tôi kiến nghị Ban soạn thảo cần nhắc sửa đổi bổ sung Điều 5 Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi) như sau:</p> <p><b>Điều 5: Đối tượng không chịu thuế</b></p> <p>20. Hàng hóa chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài; hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau, bao gồm cả trường hợp nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài vào khu phi thuế quan thông qua doanh nghiệp nội địa hay nhà thầu (không phân biệt nhà thầu chính hay nhà thầu phụ). Khu phi thuế quan thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Hàng hóa nhập khẩu của công ty cho thuê tài chính để cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê tài chính</p>

Stt	Điều khoản của các Luật	Ý kiến	Khuyến nghị
		<p>thời giảm thủ tục hành chính cho cả cơ quan thuế và doanh nghiệp.</p> <p>Với bản chất đó của giao dịch và phù hợp với tinh thần quy định tại Luật thuế GTGT hiện hành, giao dịch trên nên phải thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.</p> <p>Bộ Tài chính tại các Công văn số 2870/BTC-TCHQ ngày 05/3/2013, số 12366/BTC-TCHQ ngày 17/9/2013, số 1697/BTC-TCHQ ngày 08/02/2014; trong đó tham chiếu đến quy định tại khoản 20 Điều 5 của Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12, đã hướng dẫn rõ ràng rằng các nhà thầu được nêu tại các công văn đó được hưởng chính sách miễn thuế nhập khẩu và thuế GTGT tại khâu nhập khẩu.</p>	
2	<p>Khoản 21, Điều 5 Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi) hiện quy định như sau:</p> <p><b>Điều 5. Đối tượng không chịu thuế</b></p> <p>21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ; sản phẩm phần</p>	<p>Thực tế cho thấy phần lớn các giao dịch liên quan đến đối tượng sở hữu trí tuệ là chuyển nhượng quyền sử dụng (license) đối tượng sở hữu trí tuệ, bên cấp license vẫn là bên sở hữu đối với đối tượng đó.</p> <p>Do vậy, để phù hợp với thực tiễn kinh doanh, việc chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ cũng cần phải được xử lý thuế tương tự như với chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ. Do vậy, chúng tôi đề nghị bổ sung thêm chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ vào</p>	<p>Đề xuất bổ sung thêm vào Khoản 21, Điều 5 Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi) như sau:</p> <p>21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ, <b>chuyển giao quyền sử dụng đối tượng sở hữu trí tuệ</b> theo quy định của Luật sở hữu trí tuệ; sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật.”</p>

Stt	Điều khoản của các Luật	Ý kiến	Khuyến nghị
	mềm máy tính và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật.	Đối tượng không chịu thuế GTGT.	
3	Các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT hiện chưa được quy định trong Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi)	<p>Hiện Luật thuế GTGT không có quy định về các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT. Do vậy, chúng tôi đề nghị Luật nên luật hóa vấn đề này để làm cơ sở cho các quy định liên quan tại Nghị định và Thông tư hướng dẫn. Ngoài các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo quy định hiện hành, chúng tôi đề xuất bổ sung thêm một số trường hợp vì các lý do sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thực tế có trường hợp doanh nghiệp sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (Doanh nghiệp A) bán thanh lý tài sản hoặc chuyển nhượng dự án cho một doanh nghiệp khác cũng là một doanh nghiệp sản xuất hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT (Doanh nghiệp B). Doanh nghiệp A vẫn phải kê khai và nộp thuế GTGT đầu ra cho tài sản thanh lý, dự án chuyển nhượng còn Doanh nghiệp B không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào tương ứng. Trong khi đó doanh nghiệp A trước đây khi mua sắm, nhập khẩu tài sản, xây dựng dự án đã phải ghi nhận chi phí đối với toàn bộ khoản thuế GTGT đầu vào phát sinh mà không được khấu trừ.</li> </ul> <p>Bản chất thuế GTGT là loại thuế được đánh trên giá trị tăng thêm ở từng khâu trong quá trình lưu thông của hàng hóa. Với giao dịch này, nhà nước đã thu đủ thuế GTGT ngay từ khâu đầu. Thêm vào đó, Doanh nghiệp A và B đều là đối tượng sản xuất kinh doanh hàng</p>	<p>Tương ứng với từng trường hợp nên bên, ngoài các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo quy định hiện hành, chúng tôi đề xuất bổ sung thêm vào Dự thảo quy định về các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT gồm cả các trường hợp như sau:</p> <p><b>"Tài sản bán thanh lý, chuyển nhượng dự án giữa hai doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT."</b></p>

Stt	Điều khoản của các Luật	Ý kiến	Khuyến nghị
		<p>hóa dịch vụ không chịu thuế GTGT nên có thể hiểu các giao dịch phát sinh giữa hai doanh nghiệp là nhằm tiếp tục phục vụ cho hoạt động kinh doanh không chịu thuế GTGT, do đó không nên bị tính thuế GTGT.</p> <p>Chính vì vậy, chúng tôi đề nghị bổ sung "Tài sản bán thanh lý, chuyển nhượng dự án, giữa hai doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT" vào trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT.</p> <p>Về phí gia công đối với dịch vụ gia công hàng hóa của Doanh nghiệp chế xuất cung cấp cho doanh nghiệp nội địa, theo quy định về thuế GTGT, giá gia công chịu thuế GTGT là giá theo hợp đồng gia công chưa có thuế GTGT, bao gồm cả tiền công, chi phí về nhiên liệu, động lực, vật liệu phụ và chi phí khác phục vụ cho việc gia công hàng hóa. Trong khi đó, thực tế khi doanh nghiệp chế xuất giao hàng hóa lại cho doanh nghiệp nội địa khi hoàn thành hoạt động gia công, doanh nghiệp nội địa đã phải nộp thuế GTGT cho hàng hóa nhập khẩu trên toàn bộ giá trị của hàng gia công, bao gồm cả giá trị của phí gia công, tức bao gồm toàn bộ các khoản tiền công, chi phí về nhiên liệu, động lực, vật liệu phụ như đã nêu trên. Vì vậy, nếu đánh thuế GTGT 10% trên cả phí gia công thì giá trị phí gia công bị đánh thuế GTGT hai lần là không hợp lý.</p> <p>Cần bổ sung thêm trường hợp cho ví dụ nêu dưới đây để giảm thủ tục hành chính. Ví dụ: doanh nghiệp A nhập khẩu hàng hóa để bán hàng cho doanh nghiệp nội địa B. Tuy nhiên, bên A đã chuyển giao quyền sở hữu hàng</p>	<p>"Dịch vụ gia công hàng hóa thực hiện trong khu phi thuế quan mà Doanh nghiệp chế xuất cung cấp cho doanh nghiệp nội địa."</p> <p><u>"Giao dịch mua bán hàng hóa giữa hai đối tượng là người nộp thuế tại Việt Nam mà việc giao, nhận hàng hóa được thực hiện trước khi làm thủ tục nhập khẩu vào Việt Nam và thủ tục hải quan nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam do người mua thực hiện."</u></p>

Stt	Điều khoản của các Luật	Ý kiến	Khuyến nghị
		<p>hóa cho bên B tại cửa khẩu và Bên B là bên sẽ làm thủ tục nhập khẩu và kê khai, nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu với cơ quan hải quan.</p> <p>Theo hướng dẫn tại một số công văn thi doanh nghiệp Việt Nam A khi xuất hóa đơn bán hàng hóa cho doanh nghiệp Việt Nam B, do không đủ căn cứ được coi là hoạt động xuất khẩu, áp dụng thuế suất 0% nên phải xuất thuế GTGT với thuế suất 10% cho bên B. Đồng thời bên B khi tiến hành nhập khẩu hàng hóa lại tiếp tục chịu thuế GTGT lần thứ hai. Mặc dù thuế GTGT theo hóa đơn bên A xuất và thuế GTGT khâu nhập khẩu, bên B có thể kê khai khấu trừ nhưng việc 1 lô hàng hóa phát sinh 2 lần thuế GTGT, đồng thời Bên B kê khai khấu trừ 2 lần làm gia tăng thủ tục hành chính cho doanh nghiệp một cách không cần thiết, làm ảnh hưởng đến dòng tiền của doanh nghiệp. Đề xuất chỉ tính thuế GTGT tại khâu doanh nghiệp B thực hiện thủ tục nhập khẩu, do vậy bổ sung trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT như trên.</p>	
4	<p>Khoản 1, Điều 9 Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi) quy định:</p> <p><b>Điều 9: Thuế suất</b></p> <p>1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; vận tải quốc tế và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 của Luật này khi xuất khẩu, trừ các trường hợp sau đây: a)</p>	<p>Dự thảo đã bỏ quy định về dịch vụ xuất khẩu được hưởng thuế suất 0% là dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt nam; trong khu phi thuế quan mà quy định mới, thu hẹp khái niệm dịch vụ xuất khẩu "là dịch vụ cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, gồm: Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải được sử dụng ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; Dịch vụ vận tải quốc tế; Dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế."</p> <p>Chúng tôi thấy rằng việc sửa đổi quy định như</p>	<p>Trên cơ sở các ý kiến trên, chúng tôi đề xuất sửa đổi, bổ sung Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi) như sau:</p> <p><b>Điều 9: Thuế suất</b></p> <p>1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu và hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 của Luật này khi xuất khẩu, trừ các trường hợp sau đây: Chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước</p>

STT	Điều khoản của các Luật	Y kiến	Khuyến nghị
	<p>Chuyên: giao công nghệ; chuyên: nhượng quyền sở hữu trí tuệ; ra nước ngoài; b) Dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài; e) Dịch vụ cấp tín dụng; d) Chuyển nhượng vốn; đ)</p> <p>Dịch vụ tài chính: phái sinh; e) Dịch vụ bưu chính, viễn thông; g) Sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật này; Thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu; Sản phẩm; dịch vụ cung cấp trên nền tảng số theo quy định của Chính phủ; Xăng, dầu mua tại nội địa bán cho xe ô tô của cơ sở kinh doanh trong khu phi thuế quan; Xe ô tô bán cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho cá nhân không đăng ký kinh doanh trong khu phi thuế quan.</p> <p>a) Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu gồm: hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh; hàng hóa đã bán tại cửa hàng miễn thuế; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài khác theo quy định của Chính phủ.</p> <p>b) Dịch vụ xuất khẩu là dịch vụ cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, gồm: Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải được sử dụng ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; Dịch vụ vận tải quốc tế; Dịch vụ</p>	<p>trên là không hợp lý, làm tăng chi phí thuế của doanh nghiệp, không phù hợp với bản chất giao dịch; đạo lý thu thuế GTGT. Theo quy định của Điều 3 Luật thuế GTGT hiện hành, đối tượng chịu thuế GTGT là "hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam". Do vậy, dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam hoặc được tiêu dùng trong khu phi thuế quan cần phải được hưởng thuế suất 0% như hiện đang được quy định tại Luật thuế GTGT hiện hành. Việc sửa đổi tăng thuế GTGT với nhóm dịch vụ này theo quy định tại Dự thảo đi ngược với chính sách khuyến khích xuất khẩu, gây khó khăn, thiệt thòi cho doanh nghiệp.</p> <p>Do vậy, chúng tôi đề nghị vẫn áp dụng thuế suất 0% đối với dịch vụ xuất khẩu. Đồng thời, đề xuất làm rõ định nghĩa dịch vụ xuất khẩu cũng bao gồm dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài (bao gồm trường hợp dịch vụ đó được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam hoặc tiêu dùng trong khu phi thuế quan; ví dụ bên Việt Nam cung ứng dịch vụ cho tổ chức nước ngoài nhưng thực hiện tại DNCX theo yêu cầu của tổ chức nước ngoài) hoặc phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp trong khu phi thuế quan.</p> <p>Thực tế, tiêu chí tiêu dùng trong khu phi thuế quan gây tranh cãi và đã có nhiều Cục thuế có các công văn trả lời không nhất quán. Do vậy, đề xuất sửa theo hướng dịch vụ cung cấp cho DN trong khu phi thuế quan và phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong khu phi thuế quan, ví dụ dịch vụ tuyển dụng lao động, dịch vụ sửa chữa máy móc của DNCX đặt tại cơ sở gia công của DNCX, dịch vụ tư vấn, là những dịch vụ phục vụ cho hoạt động sản xuất</p>	<p>ngoài; Dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài; Dịch vụ cấp tín dụng; Chuyển nhượng vốn; Dịch vụ tài chính phái sinh; Dịch vụ bưu chính, viễn thông; Sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật này; Thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu; Sản phẩm, dịch vụ cung cấp trên nền tảng số theo quy định của Chính phủ; Xăng, dầu mua tại nội địa bán cho xe ô tô của cơ sở kinh doanh trong khu phi thuế quan; Xe ô tô bán cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho cá nhân không đăng ký kinh doanh trong khu phi thuế quan.</p> <p>a) Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu gồm: hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; trong khu phi thuế quan hoặc được cung ứng cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan và phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong khu phi thuế quan; hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh; hàng hóa đã bán tại cửa hàng miễn thuế; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài khác theo quy định của Chính phủ.</p> <p>b) Dịch vụ xuất khẩu là dịch vụ cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, gồm: Dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải được sử dụng ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; Dịch vụ vận tải quốc tế; Dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế</p>

Stt	Điều khoản của các Luật	Ý kiến	Khuyến nghị
	<p><b>vụ của ngành hàng không, hàng hải cung ứng trực tiếp cho vận tải quốc tế.</b></p>	<p>kinh doanh của DNCX, cấu thành nên giá thành của sản phẩm do DNCX sản xuất và bán ra, trừ một số trường hợp cụ thể cung cấp dịch vụ cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan không áp dụng 0% mà đã được liệt kê tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP.</p>	
5	<p>Khoản 1 đ Điều 13 của Dự thảo quy định:</p> <p><b>Điều 13. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào</b></p> <p>1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau:</p> <p>...</p> <p>đ) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện sót bổ sung trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.</p>	<p>Đề xuất Bộ Tài chính xem xét và làm rõ trường hợp được khấu trừ đầu vào đối với hóa đơn bỏ sót của kỳ đã được thanh, kiểm tra thuế bởi cơ quan có thẩm quyền, cơ quan thuế trên cơ sở luật hiện hành không còn đưa ra việc không chế thời hạn kê khai hóa đơn và thực tế nhiều trường hợp vì các lý do khác nhau, nhiều khi hóa đơn GTGT đầu vào có thể bị bỏ sót chưa kịp kê khai cho kỳ đã được cơ quan thuế công bố thanh kiểm tra, điều này cũng không phải là hành vi khai sai làm ảnh hưởng số thu Ngân sách, mà trái lại Doanh nghiệp đã đang phải chịu thiệt do khai khấu trừ muộn.</p> <p>Hơn nữa, quy định tại Luật thuế GTGT hiện hành hiện đang quy định với các hóa đơn bị bỏ sót, doanh nghiệp được khai bổ sung. Do vậy mới phát sinh vấn đề là khi cơ quan thuế đã công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế thì doanh nghiệp không được kê khai bổ sung nữa, theo đúng quy định tại Luật quản lý thuế. Nhưng với quy định mới tại Dự thảo sửa đổi theo đó doanh nghiệp cần kê khai vào kỳ phát hiện hóa đơn bị bỏ sót. Như vậy việc kê khai hóa đơn bị bỏ sót không nên bị ràng buộc bởi thời điểm cơ quan thuế đã công bố</p>	<p>Trên cơ sở các ý kiến trên, chúng tôi đề xuất sửa đổi, bổ sung Khoản 1 đ Điều 13 của Dự thảo như sau:</p> <p>"1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau:</p> <p>...</p> <p>đ) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sót thì được kê khai, khấu trừ vào kỳ phát hiện sót trước khi cơ quan thuế công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.</p> <p>"</p>

Stt	Điều khoản của các Luật	Ý kiến	Khuyến nghị
		<p>quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế nữa. Việc quy định hạn chế thời hạn kê khai hóa đơn bỏ sót là không phù hợp với tinh thần của pháp luật hiện hành và Dự thảo sửa đổi nữa như đã nêu trên.</p>	
6	<p>Khoản 2, Điều 13 của Dự thảo quy định:</p> <p><b>Điều 13. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào</b></p> <p>2. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được quy định như sau:</p> <p>a. Có hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng thay cho phía nước ngoài đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và các cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.</p>	<p>Căn cứ quy định tại Điều 8, Thông tư 40/2021/TT-BTC:</p> <p>"1. Tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tổ chức thuế tài sản của cá nhân mà trong hợp đồng thuê tài sản có thỏa thuận bên đi thuê là người nộp thuế;</p> <p>b) Tổ chức hợp tác kinh doanh với cá nhân;</p> <p>c) Tổ chức chi trả các khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền, ...;</p> <p>d) Tổ chức tại Việt Nam là đối tác của nhà cung cấp nền tảng số ở nước ngoài (không có cơ sở thường trú tại Việt Nam) thực hiện chi trả thu nhập từ sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số cho cá nhân...."</p> <p>Theo đó, tùy từng trường hợp, tổ chức phải kê khai và nộp thuế thay cho cá nhân bao gồm cả phần thuế TNCN và thuế GTGT. Mặc dù vậy, quy định hiện chưa có cơ chế để tổ chức được khấu trừ phần thuế GTGT đầu vào kê khai thay</p>	<p>Đề xuất bổ sung thêm vào Khoản 2, Điều 13 của Dự thảo như sau:</p> <p><b>Điều 13. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào</b></p> <p>2. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được quy định như sau:</p> <p>a. Có hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho cá nhân và hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán và thay cho phía nước ngoài. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng thay cho phía nước ngoài đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và các cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.</p>



Stt	Điều khoản của các Luật	Y kiến	Khuyến nghị
		<p>và nộp thay cá nhân trong trường hợp này.</p> <p>Xét về bản chất, thuế GTGT là thuế gián thu, chỉ đánh trên hàng hóa dịch vụ và người tiêu dùng cuối cùng nên cần có cơ chế để tổ chức được kê khai thuế GTGT đầu vào tương tự trường hợp được khấu trừ thuế GTGT mà đã kê khai và nộp thay cho nhà thầu nước ngoài kê khai theo phương pháp trực tiếp.</p>	
7	<p>Khoản 2, Điều 13 của Dự thảo quy định:</p> <p><b>Điều 13. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu</b></p> <p>2. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được quy định như sau:</p> <p>...</p> <p>b) Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới năm mươi triệu đồng. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định các trường hợp được coi là thanh toán không dùng tiền mặt.</p>	<p>- Do thuế GTGT đầu vào của hàng nhập khẩu được khấu trừ đầu vào nên đề nghị bổ sung thêm "nhập khẩu" cho rõ ràng;</p> <p>- Việc nhập "<u>hàng mẫu, quà biếu, quà tặng</u>" của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài; hoặc của tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan là giao dịch rất phổ biến của nhiều doanh nghiệp, nhưng đều là hàng không phải thanh toán. Khi doanh nghiệp nhập khẩu các hàng này, doanh nghiệp vẫn phải nộp thuế GTGT theo quy định. Thuế GTGT đầu vào này cũng nên được khấu trừ.</p> <p>Thực tế tại Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ tài chính đã có quy định về điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào như sau:</p> <p>"2. Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ hai mươi triệu đồng trở lên, trừ các trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng, hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần theo</p>	<p>Từ các phân tích trên, chúng tôi đề xuất bổ sung thêm vào Khoản 2, Điều 13 của Dự thảo như sau:</p> <p><b>Điều 13: Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu</b></p> <p>2. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được quy định như sau:</p> <p>...</p> <p>"b. Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, nhập khẩu, trừ trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới năm mươi triệu đồng và; trường hợp cơ sở kinh doanh nhập khẩu hàng hóa là hàng mẫu, quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài, hoặc của tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hoặc trường hợp cơ sở kinh doanh nhận hàng hóa, thiết bị được cho vay, cho mượn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định các trường hợp được coi là thanh toán không dùng tiền mặt.</p>

Chị Hoa nộp thuế  
GIẾP

Stt	Điều khoản của các Luật	Y kiến	Khuyến nghị
		<p>hóa đơn dưới hai mươi triệu đồng theo giá đã có thuế GTGT và trường hợp cơ sở kinh doanh nhập khẩu hàng hóa là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.”</p> <p>Do vậy, nên luật hóa các quy định đã có trên, cụ thể Luật nên bổ sung thêm cả trường hợp nhập khẩu “hàng mẫu, quà biếu, quà tặng” của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài, hoặc của tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan cho rõ ràng để phục vụ áp dụng thực tế, thống nhất cách hiểu tại các địa phương.</p> <p>- Ngoài ra, hiện nay theo quy định tại Điều 4, Nghị định 123/2020/NĐ-CP về hóa đơn thì trường hợp xuất hàng hóa để cho vay, cho mượn thì phải xuất hóa đơn và tính thuế GTGT. Tuy nhiên, quy định hiện hành cũng chưa có cơ chế để cho phép bên đi vay, đi mượn được khấu trừ phần thuế GTGT này.</p> <p>Xét về bản chất, thuế GTGT là thuế gián thu, chỉ đánh trên hàng hóa dịch vụ và người tiêu dùng cuối cùng nên cần có cơ chế để tổ chức được kê khai thuế GTGT đầu vào.</p>	
8	<p>Khoản 2, Điều 13 của Dự thảo quy định;</p> <p><b>Điều 13. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào</b></p> <p>...</p>	<p>Theo Điều 16, Thông tư 38/2015/TT-BTC đã được sửa đổi bổ sung bởi khoản 5, Điều 1, Thông tư 39/2018/TT-BTC thì hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu gồm: “Tờ khai hải quan, giấy phép xuất khẩu, hóa đơn thương mại..., tức không có yêu cầu về hợp đồng cũng như chứng từ thanh toán.</p>	<p>Chúng tôi kiến nghị Bộ tài chính xem xét sửa đổi Khoản 2, Điều 13 của Dự thảo như sau:</p> <p><b>“Điều 13. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào</b></p> <p>...</p> <p>2. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được</p>

Stt	Điều khoản của các Luật	Ý kiến	Khuyến nghị
	<p>2. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được quy định như sau:</p> <p>...</p> <p>c) Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải có: <b>hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ, hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu; phiếu đóng gói, vận đơn; chứng từ bảo hiểm hàng hóa.</b></p>	<p>Trên thực tế về thương mại quốc tế hiện nay, nhiều trường hợp doanh nghiệp không sử dụng hợp đồng mà chỉ sử dụng <u>đơn đặt hàng (PO)</u>, việc xác nhận của khách hàng cũng chỉ thực hiện qua email hoặc bản xác nhận đơn đặt hàng với chữ ký điện tử. Việc cơ quan thuế căn cứ vào quy định và cứng nhắc yêu cầu hợp đồng xuất khẩu đã gây không ít phiền hà về mặt thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Ngoài ra, việc không nhất quán về hồ sơ cho cùng một giao dịch giữa thuế và hải quan gây lúng túng cho cơ quan hải quan khi xác định hàng xuất khẩu có được áp dụng thuế suất 0% hay không.</p> <p>Thực tế nhiều trường hợp doanh nghiệp cần gửi hàng mẫu, hàng khuyến mại không thu tiền cho khách hàng nước ngoài. Do tính chất của mặt hàng này, sẽ không có dòng tiền thanh toán nhưng doanh nghiệp vẫn cần phải được khấu trừ thuế GTGT đầu vào phát sinh cho các mặt hàng này nếu việc gửi hàng mẫu, hàng khuyến mại không thu tiền cho khách hàng nước ngoài là nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.</p>	<p>quy định như sau:</p> <p>...</p> <p>c) Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải có: <b>hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ hoặc các tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương; hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt (trừ trường hợp hàng xuất khẩu là hàng mẫu, quà biếu, quà tặng không thu tiền); tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu; phiếu đóng gói, vận đơn; chứng từ bảo hiểm hàng hóa.</b></p> <p>Ngoài ra, Bộ Tài chính cũng xem xét để thống nhất hồ sơ về mặt thuế và hải quan để doanh nghiệp thực hiện một cách nhất quán.</p>
9	<p>Khoản 4, Điều 14 của Dự thảo quy định:</p> <p><b>Điều 14. Các trường hợp hoàn thuế</b></p>	<p>Dự thảo đã thu hẹp các trường hợp được hoàn thuế GTGT theo đó chỉ còn giữ lại hai trường hợp giải thể, phá sản.</p> <p>Theo chúng tôi việc thu hẹp đối tượng hoàn thuế như trên là không hợp lý. Để đảm bảo tính bình đẳng, quyền và lợi ích của các doanh nghiệp,</p>	<p>Đề xuất sửa đổi, bổ sung Khoản 4, Điều 14 của Dự thảo như sau:</p> <p><b>Điều 14. Các trường hợp hoàn thuế</b></p>

Stt	Điều khoản của các Luật	Ý kiến	Khuyến nghị
	<p>...</p> <p>3. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết.</p>	<p>các doanh nghiệp khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp ((bao gồm cả trường hợp chuyển đổi thành doanh nghiệp chế xuất), sáp nhập, hợp nhất, chia tách, chấm dứt hoạt động cũng cần phải được hoàn thuế GTGT nếu có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết.</p>	<p>...</p> <p>3. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng khi <b>chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp (bao gồm cả trường hợp chuyển đổi thành doanh nghiệp chế xuất), sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động</b> có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết."</p>

Số: 12 /CV-HHPBVN

V/v góp ý Luật thuế GTGT (sửa đổi)

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2024

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

ĐỀ N Sô: <u>11337</u>	
Ngày: <u>31-01-2024</u>	
Chuyên: <u>...</u>	
Số và ký hiệu HS: <u>...</u>	

Hiệp hội Phân bón Việt Nam (Hiệp hội) nhận được ý kiến của một số doanh nghiệp thành viên về một số nội dung liên quan đến Dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi). Hiệp hội xin gửi đến Quý Bộ và Quý Liên đoàn một số ý kiến góp ý, cụ thể như sau:

1) **Ý kiến chung:** Nhất trí cơ bản với nội dung và bố cục của Tờ trình cũng như Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi)

2) **Một số ý kiến cụ thể**

*Về Tờ trình Dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)*

+ Sự cần thiết ban hành Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi)

Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 được thông qua ngày 03/6/2008 thay thế cho Luật thuế GTGT năm 1997, đã qua 3 lần sửa đổi, bổ sung, bao gồm Luật 31, Luật số 71/2014, Luật số 106/2016 đã có nhiều kết quả như phân tích tại Tờ trình. Tại điểm 2 phân tích cho rằng “Luật đã chú trọng phát triển nông nghiệp, giảm chi phí đầu vào cho hoạt động sản xuất nông nghiệp”, Luật quy định hàng hóa, dịch vụ trong ngành nông nghiệp chủ yếu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng áp dụng mức thuế suất 5% góp phần giảm chi phí cho người tiêu dùng. Điểm phân tích này mâu thuẫn với việc đánh giá về tồn tại, hạn chế, theo đó “số lượng nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế còn nhiều (26 nhóm) và không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào làm tăng chi phí sản xuất của doanh nghiệp và làm tăng giá bán ra, ảnh hưởng đến doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng”. Có lẽ nên có đánh giá hài hòa hai đánh giá nêu trên.

Trong phần sự cần thiết ban hành Luật thuế GTGT (sửa đổi), phần liên quan đến phân bón nên bổ sung thêm “theo kiến nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, Hiệp hội Phân bón Việt Nam từ năm 2015 đến nay về việc chuyển mặt hàng phân bón từ không chịu thuế GTGT sang mặt hàng chịu thuế GTGT 0% hoặc 5%”.

+ Mục đích, quan điểm xây dựng Luật thuế GTGT (sửa đổi).

Trong Tờ trình tại phần mục đích và quan điểm có nêu “sửa đổi, bổ sung những quy định nhằm phù hợp với xu hướng cải cách thuế của quốc tế”, tuy nhiên trong Tờ trình thiếu mục giới thiệu về xu hướng cải cách thuế của quốc tế, cụ thể là xu hướng như thế nào và tại các quốc gia cụ thể nào? Nếu có thể bổ sung những thông tin này để có tính thuyết phục hơn.

Hy

+ Nhất trí hoàn toàn với mục 2.2 “Sửa đổi quy định mặt hàng phân bón,....một số loại máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp...từ đối tượng không chịu thuế GTGT thành đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 5% (nội dung quy định tại điểm b, điểm g khoản 2 Điều 9, dự thảo Luật”.

+ Có một số ý kiến đề xuất của thành viên Hiệp hội Phân bón Việt Nam về thuế GTGT đối với phân bón nhập khẩu: Theo Dự thảo Luật thuế GTGT (sửa đổi), tất cả các loại phân bón nhập khẩu chịu thuế GTGT mức 5%, nên chăng có sự phân biệt giữa loại phân bón trong nước đã sản xuất được và trong nước chưa sản xuất được. Đề nghị cân nhắc xem xét áp thuế GTGT 0% đối với một số chủng loại phân bón trong nước chưa sản xuất được như chlorua kali (KCl), sulphat amon  $(\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$ , chlorua amon  $(\text{NH}_4\text{Cl})$ .

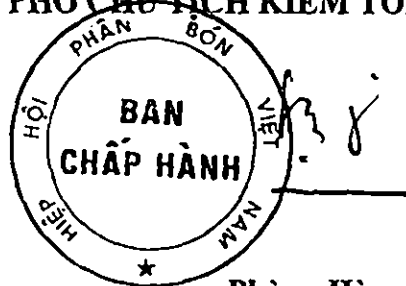
Trên đây là ý của Hiệp hội Phân bón Việt Nam, kính đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, xem xét, tập hợp trong quá trình xây dựng Luật thuế GTGT (sửa đổi).

Xin trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Các Phó Chủ tịch (để biết và phối hợp);
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH KIỂM TÓNG THƯ KÝ**



**Phùng Hà**

BỘ TÀI CHÍNH  
CÔNG TY TNHH MUA BÁN NỢ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 61 /MBN-TCKT

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2024

A Quyết định

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ công văn số 127/BTC-CST ngày 04/01/2024 của Bộ Tài chính về việc lấy ý kiến về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi), Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) có ý kiến tham gia như sau:

DATC là tổ chức Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua bán xử lý nợ được Chính phủ thành lập theo Quyết định số 109/2003/QĐ - TTg ngày 05/06/2003. Chức năng hoạt động của DATC được quy định cụ thể tại Nghị định 129/2020/NĐ-CP ngày 27/10/2020 (\*), theo đó, DATC được phép mua bán, xử lý thu hồi nợ thông qua khai thác, xử lý tài sản bảo đảm (bao gồm cả tài sản nhận gán nợ).

(\*) Khoản 2 Điều 16 Nghị định 129/2020/NĐ-CP ngày 27/10/2020 quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của DATC, trong đó bao gồm "Quản lý, đầu tư, khai thác, xử lý tài sản bảo đảm (bao gồm cả tài sản nhận gán nợ) để thu hồi nợ".

Tại dự thảo sửa đổi Luật thuế GTGT lần này, DATC có ý kiến tập trung về quy định "Đối tượng không chịu thuế" (quy định tại Điều 5), cụ thể như sau:

1. Điểm d Khoản 9 Dự thảo sửa đổi Luật thuế GTGT đang sửa quy định "Bán nợ" thành "Bán nợ bao gồm bán khoản nợ phải trả và khoản phải thu của các cơ sở kinh doanh"

Dự thảo đang hướng đến "các hoạt động mua bán khoản nợ phải trả/khoản phải thu diễn ra càng phổ biến do nhu cầu tái cấu trúc doanh nghiệp. Đặc biệt trong trường hợp mua bán doanh nghiệp bao gồm cả các khoản nợ phải trả các khoản phải thu".

DATC hiểu là với quy định này các vấn đề thực tế được xem xét quy định rõ ràng, cụ thể hơn nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện, tuy nhiên do quy định cụ thể nên bỏ sót một số đối tượng trên thực tế có phát sinh giao dịch mua bán nợ của các cơ sở không kinh doanh bao gồm Tổ chức, hộ, cá nhân không kinh doanh, Luật thuế GTGT hiện hành quy định thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

**Đánh giá tác động:**

Bán nợ của các cơ sở không kinh doanh phải chịu thuế GTGT (8% hoặc 10%) thay vì không chịu thuế GTGT. Do đó:

(i) Chưa đảm bảo phù hợp với tiêu chí cốt lõi mà Luật thuế GTGT đang hướng đến là thuế GTGT đánh vào phần giá trị mà các cơ sở kinh doanh gia tăng giá trị của hàng hóa và dịch vụ cung cấp, trong khi đó hoạt động mua bán xử lý nợ không làm gia tăng được giá trị khoản nợ được mua bán, mục tiêu của hoạt động này là thu hồi nợ tối đa trong phạm vi giá trị khoản nợ ban đầu.

(ii) Thực tế, nhu cầu phát sinh các khoản nợ phải thu của các cơ sở không kinh doanh là rất lớn, nhu cầu phát sinh cá nhân cho các Cơ sở kinh doanh vay để hoạt động, khi tiếp cận mua bán xử lý tái cơ cấu nợ/ tái cấu trúc cơ sở kinh doanh là Bên đi vay (Bên nợ), các tổ chức mua bán, xử lý nợ thường tiếp cận cả các khoản nợ này (DATC đã tiếp cận mua 10 khoản nợ cá nhân, với tổng giá trị giao dịch hơn 30 tỷ đồng).

(iii) Do tính chất đặc thù của các khoản nợ, nên sau khi mua và kế thừa quyền chủ nợ, các tổ chức có ngành nghề mua bán, xử lý nợ không làm gia tăng giá trị khoản nợ mà chỉ được quyền thu hồi nợ tối đa trong phạm vi quyền chủ nợ ban đầu và đương nhiên không được phép thu của Bên nợ phần thuế GTGT (nếu có) phát sinh khi mua hoặc khi bán (nếu có) dẫn đến không bảo toàn được vốn và đối mặt với tình huống khoản nợ khi mua vào phải chịu thuế nhưng khi bán ra lại không chịu thuế hoặc không thu được thuế GTGT của Bên đi vay (Bên nợ).

Từ các tác động trên, DATC đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Bán nợ bao gồm bán khoản nợ phải trả và khoản phải thu của các cơ sở kinh doanh và cơ sở không kinh doanh khác”**

2. Tại Điểm h Khoản 9 của Dự thảo Luật quy định **“Bán tài sản bảo đảm của khoản nợ của tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng Việt Nam”**.

Hiện nay, có 02 tổ chức Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập có chức năng mua bán, xử lý nợ là VAMC và DATC. Do có cùng chức năng mua bán, xử lý nợ nên DATC và VAMC đều thuộc đối tượng điều chỉnh bởi Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội thông qua tháng 01 năm 2024, cụ thể quy định tại Khoản 4 Điều 2: **“Tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ (sau đây gọi là tổ chức mua bán, xử lý nợ)”**.

Để quy định rõ hơn về 02 đối tượng này, đảm bảo phù hợp với quy định Tại Khoản 4 Điều 2 Luật các Tổ chức tín dụng, DATC đề nghị xem xét sửa đổi như sau:

**“Bán tài sản bảo đảm của khoản nợ của tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ”**.



Trên đây là ý kiến tham gia của DATC về hồ sơ dự án Luật thuế giá trị gia tăng (sửa đổi). Kính gửi Bộ Tài chính nghiên cứu, xem xét, bổ sung.

DATC trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cục QLGS chính sách thuế, phí và lệ phí;
- HĐTV, TGD (thay báo cáo);
- Kiểm soát viên (b/c);
- Lưu: VT, TCKT, PC.c?)

